TRẦN VĂN SÁU - TRẦN TƯỚC NGUYÊN

NHỮNG BÀI VĂN MẪU 8





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRẦN VĂN SÁU - TRẦN TƯỚC NGUYÊN
(Sưu tầm và tuyển chọn)

Những bài VĂN MẪU 8



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Đơn vị liên kết:
Công ty Sách hoa hồng

Lời nói đầu

Quyển **NHỮNG BÀI VĂN MẪU 8** *này được biên soạn nhằm giúp các em học tốt môn Tập làm văn.*

Mỗi thể loại chúng tôi có bổ sung phần gợi ý, nhắc lại các kiến thức cơ bản.

Mỗi đề bài đều có Dàn bài gợi ý nhằm giúp các em tìm và sắp xếp ý tưởng. Bài tham khảo nhằm giúp các em học tập cách sắp xếp các câu thành đoạn văn, các đoạn thành bài văn và từ đó học tập được cách làm một bài văn đúng theo yêu cầu của thể loại. Bài tham khảo không phải là bài làm mẫu để các em sao chép lại mà chỉ là bài gợi ý để các em vận dụng thực hành theo cách riêng của mình.

Mong nhận được ý kiến xây dựng từ phía quý bạn đọc.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Phần I.

VĂN TỰ SỰ (VĂN KỂ CHUYỆN)

I. THỂ LOẠI

Văn kể chuyện là loại văn ghi lại những diễn biến của một sự việc xảy ra trong đời sống thông qua hoạt động của các nhân vật làm nên câu chuyện.

Văn kể chuyện phải có nội dung, chủ đề chính, nhân vật (sự việc) tức là những tình tiết.

Ở lớp 7, có hai loại văn kể chuyện:

– Kể chuyện người thật, việc thật, chuyện của chính bản thân.

– Kể chuyện theo trí tưởng tượng dựa vào một tác phẩm đã đọc, hay một sự vật, sự việc đã biết.

Không có câu chuyện nào là không có nhân vật. Nhân vật là một sự vật cụ thể trong một hoàn cảnh, nơi chốn cụ thể.

Dáng vẻ bên ngoài, những suy nghĩ lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật phải phù hợp với chủ đề của câu chuyện.

II. DÀN Ý CHUNG MỘT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

– Giới thiệu: nhân vật, sự việc mang chủ đề chính.

– Diễn biến câu chuyện: ghi lại những chi tiết về hoạt động của các nhân vật từ suy nghĩ, lời nói, cử chỉ, hành động xoay quanh chủ đề chính.

– Kết thúc câu chuyện: nhằm giải quyết thật ổn thỏa chủ đề chính đã được đặt ra.

Một câu chuyện hay phải toát ra một vấn đề bổ ích trong đời sống, giúp người đọc rút ra một bài học sâu sắc về cách sống, về tư tưởng tình cảm,...

Đề 1: Kể lại một kỉ niệm mà em nhớ nhất về thầy giáo hoặc cô giáo cũ của mình.

Bài làm

Tôi cầm trên tay tấm hình chụp toàn lớp cũ của mình hồi còn học lớp dưới. Tất cả bọn tôi lúc đó, đứa nào đứa nấy trông thật ngộ nghĩnh, thật buồn cười. Trong ảnh, cô giáo chủ nhiệm để tay lên vai tôi. Cô cười hiền hậu. Cô như người mẹ hiền của tất cả chúng tôi. Tự nhiên, những kỉ niệm cũ về cô giáo lại trỗi dậy trong tôi bồi hồi, xúc động.

Cô giáo tôi có thói quen là cứ đến cuối học kì, hoặc cuối năm học lại đề nghị chúng tôi viết vào một tờ giấy nhỏ những ý nghĩ và nhận xét của mình về cô giáo. Việc làm ấy – chúng tôi làm khá đều đặn vì cô làm chủ nhiệm lớp tôi đã ba năm. Thường lũ học trò chúng tôi không hiểu hết ý định của cô giáo, mặt khác lại sợ cô nên chúng tôi đứa nào cũng viết toàn những lời đẹp đẽ về cô giáo mình.

Lần ấy, chúng tôi lại được cô giáo cho viết những lời nhận xét như thường lệ. Tôi tranh thủ viết ngay trong giờ Địa. Tôi nghĩ mãi, cuối cùng đã mạnh dạn viết:

"Em không buồn vì điểm 1 cô cho, mà em buồn vì em không học bài nên để cô giận. Mẹ em ốm nặng quá, em phải thức suốt đêm chăm sóc mẹ. Em đã tự hứa sáng mai sẽ dậy sớm để học, nhưng mệt quá lại ngủ quên. Cô ơi, nếu cô biết mẹ em ốm nặng thế nào thì chắc cô không cho em điểm 1 đâu...".

Viết rồi, tôi ngồi thẫn thờ xem có nên gửi hay không. Bỗng một giọng nói làm tôi giật mình:

– Em viết gì thế? Đưa đây thầy xem nào.

Thầy giáo dạy Địa cầm tờ giấy lên và đọc. Mặt thầy đỏ bừng. Thầy nói:

– Lát nữa em lên văn phòng gặp cô chủ nhiệm.

Đến giờ ra chơi tôi theo thầy lên văn phòng. Gặp cô chủ nhiệm, thầy nói:

– Chị xem học sinh của chị nói xấu chị đây này. Học trò như vậy thì thật là khó dạy.

Thầy đưa tờ giấy của tôi cho cô xem. Nước mắt tôi cứ trào ra. Cô giáo chủ nhiệm cầm tờ giấy đọc chăm chú. Sau đó cô bước lại bên tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi òa lên khóc nức nở. Cô nói:

– Có gì đâu em, đừng khóc, các bạn cười cho đấy.

Chiều đó, cô đến thăm mẹ tôi. Cô và tôi làm bếp nấu cháo cho mẹ. Cô như có điều gì vui lắm. Thỉnh thoảng cô lại vuốt tóc tôi. Khi cô về, tôi tiễn cô ra cổng. Cô nắm tay tôi rồi nói:

– Cô cảm ơn, mai em học bài đi, cô sẽ kiểm tra lại, em nhé!

Tôi nhìn theo hút cái bóng mảnh mai, hiền hậu của cô đang khuất dần sau bụi tre, lòng đầy xúc động.

Kỉ niệm mà tôi nhớ nhất về cô giáo của mình là như thế đấy.

(Vũ Nho, Trần Mạnh Hưởng)

Đề 2: **Em hãy kể lại một câu chuyện cảm động nói về tình bạn mà em được chứng kiến trong thời gian học ở cấp I.**

Bài làm

Hà nhìn theo mãi màu áo của Mai và nói thầm trong bụng: "Mai ơi! Thế là từ đây chúng ta mãi mãi xa nhau rồi". Hà bước trên con đường làng quen thuộc. Hai bên đường hàng phi lao đang rì rào ca hát. Trời hôm nay thật là đẹp. Trời xanh ngắt không gợn mây. Ánh nắng vàng rải nhẹ xuống con đường quanh co như một dải lụa khiến Hà nhớ đến Mai biết bao.

Người bạn đó không phải học cùng trường, cũng không phải học cùng lớp mà Hà quen trong một trường hợp đặc biệt.

Cứ vào mỗi buổi chiều đi học, Thu Hà thường trông thấy một cô bé áo quần rách rưới đi bán bỏng ngô. Và như vậy chiều nào Hà cũng gặp. Một hôm trời mưa to gió lớn, sấm chớp ầm ầm nhưng cô bé kia vẫn đi bán bỏng. Thấy cô bé bán bỏng áo quần ướt sũng, Hà liền đi sát lại kéo áo mưa của mình che cho bạn và cũng từ giờ phút đó hai người quen nhau. Hôm ấy vừa đi, Hà vừa hỏi:

– Bạn tên gì? Sao hôm nào bạn cũng đi bán bỏng ngô như vậy?

Bạn kia rưng rưng nước mắt trả lời:

– Mình tên là Mai. Vì nhà quá nghèo và đông anh em, mình phải đi bán bỏng để kiếm tiền mua sắm quần áo và đồ dùng học tập.

Thực tình nhà Hà cũng chẳng hơn gì nhà Mai. Hà chợt nhớ đến mình có một chiếc áo ông nội mới tặng. Không nghĩ gì nữa, tối hôm ấy, Hà đưa ý kiến nói với bố. Bố Hà đồng ý ngay. Hôm sau, Hà ngỏ lời muốn tặng áo cho Mai nhưng Mai đã từ chối.

– Cảm ơn bạn nhưng mình muốn tự tay làm việc để mua sắm áo mới và đồ dùng học tập.

Cũng từ hôm ấy không hiểu sao Hà không còn thấy Mai đi bán bỏng ở con đường này nữa. Hà cứ mong sao gặp được lại Mai một lần nhưng... quả là khó. Mãi thời gian sau này, Hà mới bất ngờ được gặp lại Mai trong kì đi thi học sinh giỏi thành phố. Hà thấy Mai ăn mặc tinh tươm đang chạy tung tăng trên sân trường. Hà vui sướng chạy lại ôm chầm lấy Mai. Đôi bên ôm riết lấy nhau tưởng chừng như không thể rời nhau ra được. Họ chạy ù vào phòng để chuẩn bị cuộc thi. Hà ngồi sau Mai hai hàng ghế. Phần đầu của bài thi Hà làm được rồi, nhưng đến một bài toán khó Hà suy nghĩ mãi không được. Trán Hà lấm tấm mồ hôi. Hà nhìn lên thấy Mai viết lia lịa. Hà cố đọc lại bài toán và tập trung suy nghĩ nhưng vẫn chưa tìm ra lời giải. Bỗng từ đâu một cục giấy vo tròn được ném thẳng xuống trước mặt bàn Hà. Cuộn giấy từ từ trôi xuống lòng Hà và Hà thấy Mai nháy mắt như ra hiệu cho Hà một cái. Hà hiểu ý định nhặt lên xem nhưng chợt nhớ đến chuyện ngày trước trong dịp

mới quen nhau, Hà còn nhớ Mai đã từng nói: "Cảm ơn bạn... Nhưng mình muốn tự tay làm việc để mua sắm áo mới và đồ dùng học tập". Hà không nhặt nữa mà để cho cục giấy từ từ lăn xuống đất. Hà cố đọc lại thật kĩ đề toán và cuối cùng cũng tìm ra được lời giải. Hà viết một mạch. Vừa lúc Hà làm xong xuôi các bài thi thì cũng là lúc tiếng trống vang lên hồi dài báo hiệu hết giờ thi. Ra về cố đi gần lại với Hà, Mai nhẹ nhàng nói với bạn:

– Ban nãy thấy bạn lúng túng mình muốn giúp bạn. Nhưng bây giờ nghĩ lại, mình thật sự hối hận. Tốt hơn hết là chúng ta hãy tự đi bằng đôi bàn chân và trí óc của mình.

Hai bạn sánh bước bên nhau. Trời như xanh và trong hơn.

Trích *Những bài văn được giải.*

Đề 3: **(Thi chọn học sinh giỏi Quốc gia – 1992)**

Một học sinh đi ngang qua bãi đất ven đường, trên đó nhiều em nhỏ đang chơi đùa, chạy nhảy. Chợt có tiếng kêu "Ối", một em ngã sóng soài trên đất, đầu chảy máu,...

Chuyện gì xảy ra sau đó, em hãy kể lại.

Bài làm

Vào một buổi sáng thứ hai đẹp trời, không khí mát mẻ, dễ chịu, ánh nắng ban mai vàng tươi, rực rỡ, chan hòa trải khắp mọi nơi. Tại một con đường đất đỏ như phù sa hiện rõ bãi cát trắng, to, mịn màng, trên đó có nhóm trẻ tinh nghịch khá nổi tiếng trong xóm đang nô đùa, chạy nhảy. Trong khi đó, ở lề đường, cậu học sinh Hòa gương mặt thông minh, sáng sủa đang lững thững cắp sách đến trường.

Bọn trẻ vừa chơi vừa hò hét, la ó om sòm. Chúng xô nhau chạy lên bãi cát rồi lại chạy xuống, tay cầm những thân cây mía mà chúng vừa bẻ trộm được quơ loạn xạ, có đứa còn dùng làm vũ khí để đánh nhau. Hai hàng cây ven đường nhìn chúng nghiêm khắc. Ông mặt trời giận dữ há to miệng nhả những tia nắng gay gắt trên đầu chúng. Cô gió làm dịu nắng trưa hè càng thổi mạnh hơn. Nhưng bọn trẻ không hề biết cảnh vật không bằng lòng với những trò chơi của chúng. Cậu bé Hòa đi ngang qua, đứng im cau mày nhìn bọn trẻ. Cũng vừa lúc ấy, có cô bé nhà nghèo bán vé số dạo từ xóm khác đi lên. Bàn tay gầy gò, khẳng khiu của cô cầm tập vé số dày cộm. Cô mặc một bộ quần áo có nhiều chỗ vá, đầu tóc bù xù, gò má hốc hác, đôi mắt sâu hoắm, nhưng tiếng rao lanh lảnh mời mọc nghe rất có cảm tình. Khi đi ngang qua bãi cát ấy, cô bé đang dõi mắt nhìn quanh bỗng nhiên kêu "ối" lên một tiếng thảm thiết và ngã quỵ xuống, nằm sõng soài trên đất. Thì ra có một thằng bé trong bọn kia đã vô tình đập một thân cây mía to tướng vào đầu cô bé.

Khi ngã xuống, đầu cô bé đã đập xuống mặt đường. Những giọt máu đỏ từ từ chảy ra. Thằng bé và bọn kia hốt hoảng bỏ chạy thục mạng về nhà. Cậu bé Hòa vội vã chạy ngang qua đường, đặt cặp xuống và đỡ cô bé lên, lay gọi. Nhưng cô bé đã nằm bất động. Hòa lo lắng, sợ sệt vô cùng trước tình cảnh của cô bé. Hòa đưa mắt nhìn ra đường kêu cứu mọi người đến cứu giúp cô bé. Nhưng mọi người ở xa quá không nghe thấy tiếng kêu của Hòa. Hòa quýnh quáng, cuống cuồng lên, chẳng còn biết phải xử trí thế nào. May thay, lúc đó có một người đi qua bèn chỉ nhà cô bé cho Hòa. Hòa vừa mừng vừa lo, không chần chừ gì nữa bèn bế xốc cô bé lên và chạy như bay về hướng tay chỉ của người ấy. Cô bé cũng trạc tuổi chín mười nhưng có vẻ rất nhẹ so với Hòa, một cậu học sinh mười một tuổi. Đang chạy, bỗng một cơn mưa lớn ập xuống. Cơn mưa mỗi lúc một to chặn bước đi của Hòa. Không còn cách nào khác, Hòa đành ôm cô bé vào một mái hiên nhà nọ để trú mưa. Máu ở đầu cô bé càng chảy nhiều hơn. Hòa vội lấy chiếc khăn tay của mình ra đắp vào chỗ vết thương của cô bé. Hòa lo không biết sách vở trên lưng mình có bị ướt không. Kim đồng hồ hối hả quay nhanh mà Hòa không hề biết. Bỗng ba tiếng trống "tùng.. tùng... tùng!" vang lên giòn giã, thúc giục. Hòa giật nảy mình nhìn đồng hồ thì đã thấy đến giờ vào lớp. Hòa định đặt cô bé xuống và chạy đến trường nhưng bài học đạo đức cô giáo giảng về cứu người hoạn nạn lại văng vẳng bên tai Hòa. "Cứu người là phải cứu đến cùng, nếu mình đến lớp muộn, chắc cô sẽ thông cảm thôi!".

Một lúc sau, cơn trời như thương tình, mưa ngớt dần rồi tạnh hẳn. Hòa ôm cô bé tiếp tục chạy. Chẳng mấy chốc, Hòa đã đến xóm nhà của cô bé. Xóm này quả là một xóm nghèo. Đó đây chỉ có những mái nhà tranh lụp sụp nghèo nàn, những hàng quán nhỏ bé vắng khách. Nhà cô bé ở sâu trong một con hẻm nhỏ quanh co vòng vèo. Phải khó khăn lắm Hòa mới tìm được nhà cô bé. Đó là một ngôi nhà nhỏ xíu, xiêu vẹo, mục nát, trong đó, mẹ cô đang bị bệnh nằm liệt giường, mắt nhắm nghiền, hơi thở khò khè nặng nhọc. Ba cô bé này đi đạp xích lô vắng nhà. Hòa thương cảm vô cùng trước tình cảnh nhà cô bé. Tay chân Hòa mỏi rã rời. Hòa đặt cô bé nằm xuống chiếc chiếu rách và nhớn nhác chạy đi tìm thuốc rửa vết thương cho cô bé. Nhưng lục lọi khắp nhà vẫn không tìm được một miếng bông nào. Hòa liền ba chân bốn cẳng chạy về nhà lấy bông và thuốc cho cô bé. Mẹ Hòa sửng sốt, ngạc nhiên vô cùng khi thấy đã muộn giờ mà con mình vẫn chưa đến lớp. Bà vặn hỏi mãi, Hòa mới thẹn thùng kể hết câu chuyện cho mẹ nghe. Khi đã hiểu ra tất cả, mẹ Hòa mỉm cười âu yếm và đi lấy bông, thuốc giúp con. Sau đó Hòa chạy như bay đến nhà cô bé mang theo bông và thuốc. Đến nơi thì mẹ cô bé đã tỉnh dậy. Bà bảo Hòa hãy mau đến lớp kẻo cô giáo phạt, để cô bé bà lo. Hòa chào mẹ cô bé rồi quáng quàng chạy đến trường. Phải năn nỉ hết lời, Hòa mới được bác gác cổng mở cổng cho vào. Vừa đặt chân vào lớp, Hòa đã bắt gặp ngay ánh mắt nghiêm khắc của cô giáo, các bạn thì tỏ vẻ lạnh lùng. Hòa

rụt rè kể cho cô và các bạn nghe câu chuyện. Nghe xong, cô giáo và các bạn liền thay đổi sắc mặt, nhìn Hòa với ánh mắt trìu mến, chứa chan tình cảm. Cô giáo tuyên dương, khen ngợi Hòa trước cả lớp. Đến chiều, Hòa và các bạn lại gom góp tiền đến tặng hai mẹ con cô bé. Hai mẹ con cô bé ấy cảm động không nói lên lời, chỉ biết cám ơn cậu học sinh Hòa tốt bụng.

Cậu bé Hòa thật đáng yêu đáng quý biết chừng nào. Cậu đã không quản gian lao, khó nhọc mà cứu giúp cô bé nhỏ. Hành động của Hòa là một tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Hòa thật xứng đáng được ghi tên trong vườn hoa đạo đức.

Nguyễn Ngọc Quế Trân

Đề 4: **(Thi chọn học sinh giỏi Quốc gia – 1994)**

Trong bài thơ *Đất*, nhà thơ Trần Đăng Khoa có viết:

Đất muốn nói điều chi thế

Mà không nói được với người.

Em hãy tưởng tượng và viết lại câu chuyện tâm tình mà đất muốn nói với người về niềm vui được góp phần làm đẹp cho cuộc sống hoặc nỗi buồn vì không được bảo vệ và chăm sóc.

Bài làm

Hôm nay, vừa làm xong bài toán khó, em ra ghế đá công viên ngồi chơi. Những làn gió mát dịu nhẹ thoảng qua như hôn lên má em và vuốt tóc em như một người mẹ hiền. Em thấy lòng mình thanh thản hơn. Bỗng em thấy đất dưới chân em như động đậy. Em nghe như tiếng của đất muốn tâm tình với em thì phải. Em chăm chú lắng tai nghe.

Cô bé ạ! Bây giờ tôi đang buồn lắm. Tôi chẳng còn biết tâm sự với ai ngoài cô cả. Tôi sợ mọi người không hiểu được lòng tôi. Cô bé ơi, nỗi buồn đó cứ giày xé tâm hồn tôi như một hòn đá nặng khiến tôi day dứt mãi. Cô có nhìn thấy quả đồi lớn trước mặt không? Chắc rằng cô cũng tưởng nó ở gần đây phải không? Không phải thế đâu! Nó ở cách xa hàng cây số cơ, người dân ở đó ăn mặc khác cô nhiều. Họ ưa mặc váy dài đến chân. Cả tiếng nói nữa, họ cũng rất khác.

Cô lên đấy có lẽ không hiểu họ nói gì đâu. Họ sống rất thanh bình. Ngày ngày, họ làm việc quần quật một nắng hai sương. Họ lên rẫy làm nương. Từ một quả đồi trọc, họ đã biến tôi thành những nương lúa tốt. Từ một vùng đất hoang sơ, họ đã biến tôi thành miền đất chứa đầy hạnh phúc. Chắc hẳn cô sẽ nghĩ rằng số họ hạnh phúc từ đây. Nhưng không, có một sự kiện xảy ra khiến tôi day dứt mãi. Khi đó, Nhà nước phát động trồng rừng "Pam". Nhân dân ở đó cũng hồ hởi khi nhận được dự định này, cả đến các em học sinh

nữa. Họ chia nhau đi tìm cây về trồng. Tôi nhìn họ làm việc mà cũng thấy trong lòng vui biết nhường nào.

Chẳng mấy chốc, một nửa phần quả đồi đã như đầy màu xanh. Màu xanh của những cây non, màu xanh của hòa bình tự do. Những người dân vừa làm vừa hát vui vẻ. Họ hát những bài hát về màu xanh, màu vàng. Tôi muốn cười thật to cho thỏa mãn nỗi lòng. Nhưng tôi sợ mọi người ngạc nhiên sẽ cản trở công việc, cho nên tôi chỉ cười thầm mà thôi. Cô có biết lúc đó tôi vui như thế nào không? Chắc hẳn cô sẽ không thể hiểu được đâu vì chính tôi, tôi cũng không biết sẽ nói thế nào nữa, một niềm vui thật là khó tả, chứ không như bây giờ đâu cô bé ạ! Hai năm sau, rừng cây đó đã tốt tươi. Ngày ngày, chim chóc ríu rít chơi với nhau trên cành cây, hót véo von nghe như một bản nhạc rừng vui tai. Bỗng từ phía đầu rừng, có một người dân đến, trên tay cầm một bao diêm và một lọ gì đó. Cô bé ơi, cô có biết không? Nỗi buồn day dứt của tôi cũng có lẽ từ đây. Nghĩ lại tôi càng thấy căm thù gã đó. Gã đến gần rừng, tôi thấy một điều gì đó không lành rồi. Gã thu gom lá cây khô lại thành một đống to, rồi gã dùng cái lọ có đựng nước ban nãy đổ lên các cành cây, đổ xuống đống lá khô và đổ té tát xuống tôi. Thứ nước đó ngấm vào lòng tôi. Trời ơi! Đắng quá. Đó không phải là thứ nước trong lành mà người dân làng cho tôi và những cây non mà nó là một thứ nước đáng sợ. Chúng tôi muốn gọi người đến cứu giúp. Nhưng mà, trời ơi! Người dân ở đây sao không đến. Có lẽ họ không hiểu được tiếng nói của chúng tôi đâu. Lúc đó, tôi cầu mong ông trời sẽ cho tôi tiếng nói của con người để tôi gọi người dân ở đây đến. Nhưng đã muộn rồi, một ngọn lửa đã hiện ra trước đống lá khô rồi bùng lên cao. Cả đám lá khô cháy rực lên. Lửa lan dần, lan dần và tỏa ra khắp khu rừng. Lưỡi lửa liếm dần từng gốc cây đến ngọn cây. Cả khu rừng kêu thất thanh. Tiếng kêu cứu lúc đầu còn to, càng về sau càng nhỏ dần nhỏ dần. Chim chóc bay nháo nhác. Chỉ mấy phút sau, ngọn lửa giận dữ lan tỏa đi khắp khu rừng, cả khu rừng đã chìm trong biển lửa đỏ. Tôi đau đớn vô cùng. Hỡi ôi, sao họ lại tàn nhẫn thế! Đất đây, cây đây, chúng tôi có tội tình gì mà con người nỡ hành hạ. Chẳng lẽ họ không hề biết rằng kết quả sẽ ra sao ư? Những trận mưa to sẽ đổ xuống, nước sẽ ào ào chảy, sẽ cuốn phăng những ngôi nhà của họ vì không có rừng cây bảo vệ. Đó, cô có nhìn thấy không, thân cây đang gục ngã đó. Còn đâu vùng đất xanh tươi đẹp giàu có nữa! Tôi cầu xin cô hãy chặn bàn tay phá hoại cây rừng, đừng để chúng tôi phải đau khổ.

Thế rồi mặt đất bỗng im lắng. Một giọt nước rơi xuống tay em, rồi hai giọt rồi nhiều dần. Mưa lã chã rơi. Hình như ông trời cũng thấu hiểu nỗi buồn của đất.

Em lủi thủi đi về nhà dưới trời mưa. Chợt nhớ tới lời nói của đất, em mong sao có ai đó khuyên nhủ với những người đốt rừng kia để họ có thể hiểu ra sai lầm của mình và sửa chữa nhanh chóng.

Lê Thu Trà – Giải Nhì (Trường PTCS Lí Tự Trọng, Hòa Bình)

Đề 5: **(Thi chọn học sinh giỏi Quốc gia – 1986)**

Một bạn trai xin được chú chim non mang về nuôi. Bạn chăm sóc chim rất chu đáo, nhưng chú chim nhỏ không chịu ăn uống, hết ủ rũ lại nhảy cuống cuồng trong chiếc lồng xinh xắn,...

Em hãy hình dung cảnh đó để kể lại tỉ mỉ và viết tiếp phần kết thúc câu chuyện giữa người bạn trai và chú chim nhỏ.

Bài làm

Phố phường đã rực đỏ hoa phượng, ve kêu râm ran suốt ngày. Hè đã đến rồi đây! Kết thúc năm học tốt đẹp, cu Dũng được bố mẹ đưa về quê chơi. Thích quá! Thích thật!

Quê Dũng ở vùng đồi chè, rừng cọ. Về đây mới được vài hôm mà Dũng đã quen với tất cả. Ngôi nhà Dũng đến ở dưới chân núi, đối diện với đồi chè. Dũng thường theo chú và anh vào rừng hoặc lên núi kiếm củi. Vốn yêu thiên nhiên, Dũng cứ say mê ngắm rừng cọ lá xanh mướt, lóng lánh dưới ánh mặt trời. Một điều làm Dũng thú vị nhất là chim: chim ở đây không phải là một bầy, một loài mà là cả rừng, vô số chim, đủ loại, nhiều không đếm được. Loài chim nào cũng đẹp, hót cũng hay. Dũng rất muốn có một chú chim non. Về nhà, Dũng lúi húi đan lồng. Chú Quang rất hiểu Dũng, chú kiếm bằng được cho Dũng một chú chim non. Dũng vui quá, cám ơn chú rối rít rồi thận trọng áp chú chim nhỏ vào ngực mình, từ từ đi về nhà.

Chú chim này có lẽ mới được vài tuần tuổi. Bộ lông của chú mịn như tơ. Lông trên cổ màu xanh biếc, điểm những đường viền vàng tươi, cái mỏ nhỏ xíu đo đỏ, hồng hồng; hai cánh yếu ớt màu tím sẫm, lóng lánh vài nhánh hồng hoặc đỏ. Nó đang nằm gọn trong tay Dũng, mắt lim dim, ngực phập phồng sợ hãi.

Dũng đưa chim vào lồng và treo ở cây bưởi trước nhà. Chiếc lồng thật đẹp. Những gióng tre ngà được Dũng trau chuốt tỉ mỉ bóng và sáng. Cửa lồng to, có hai râu tôm nhỏ làm đẹp. Trong lồng, ngoài hai chén nhỏ đựng nước và thức ăn còn có những cành cây bắc ngang thành bậc cho chim nhảy múa.

Từ hôm có chim, cu Dũng quên tất cả để chăm sóc chim. Dũng xin bà những hạt đỗ xanh đem ngâm nước tróc vỏ cho chim ăn. Cu cậu còn bắt cào cào châu chấu, bọ ngựa hoặc đi kiếm quả ổi, chuối chín để tẩm bổ cho chim. Được như vậy còn sướng hơn ở rừng. Vậy mà chim vẫn buồn. Đến những con châu chấu béo mẫm được vặt càng, chim cũng chẳng buồn ngó tới. Nó nằm ủ rũ trong lồng nhìn ra khoảng không gian trong xanh quen thuộc. Nó nhớ rừng, nhớ bố mẹ, nhớ bạn bè. Những khi nghe tiếng chim hót vang lên như gợi nhớ, chim lại bật dậy nhảy khắp lồng, mong tìm được một lối ra. Nhưng những thanh tre độc ác đã ngăn chim đến với tự do.

Rồi một hôm, có đôi chim từ đâu bay tới kéo theo một đàn chim cùng lứa với chú chim trong lồng. Đôi chim sà xuống cành bưởi thấp nhất, vừa kêu vừa đập cánh dữ dội. Chú chim trong lồng vùng dậy, bất lực đập cánh một cách yếu ớt. Dũng bất chợt gặp cảnh ấy và em hiểu rằng: đôi chim ấy là bố mẹ của chú chim trong lồng. Nhìn đàn chim ríu rít tập bay chuyền, Dũng đã khóc và suy nghĩ mãi. Thấy thế, mẹ bảo Dũng:

– Thôi, thả nó ra con ạ!

Hôm sau, đôi chim ấy lại đến. Nó đến gần Dũng kêu lên những tiếng như van lơn. Thế là Dũng quyết định. Em đến gần lồng chim, kiễng chân mở cửa lồng, đem chú chim đặt trên lòng bàn tay. Đôi chim bố mẹ chao liệng trên đầu Dũng, hót vang sung sướng. Chú chim non bỡ ngỡ đứng dậy bằng đôi chân bé xíu... và bỗng nhiên bay vọt lên cao. Chim bố, chim mẹ cùng đàn con đậu trên cành bưởi quay về phía Dũng cúi đầu như cảm ơn rồi theo nhau bay vào rừng.

Hôm sau và nhiều hôm sau nữa, đàn chim ấy kéo đến cây bưởi nhà Dũng ngày càng đông. Con chim non ấy đậu lên vai Dũng, mổ vào cánh tay như muốn rủ Dũng theo. Đàn chim đang tập bay chuyền, chúng nó đùa chuyền từ cành này sang cành khác, hót líu lo. Dũng đi theo bầy chim vào rừng lúc nào không biết.

Trời! Một khu rừng hiện ra trước mắt. Dũng đang đứng giữa màu sắc lạ kì của các loài chim và tiếng hót mê li của chúng. Dũng say mê ngắm nhìn. Thế giới lộng lẫy của các loài chim làm Dũng vừa ngạc nhiên, vừa sung sướng. Chúng đang hót như chào mừng cậu bé. Dũng nghĩ: "Đây là món quà chú chim nhỏ ấy tặng mình đây".

Dũng ngước nhìn lên, đàn chim xanh đang bay về phía trước. Một cái cổ xanh biếc quay lại phía Dũng. Bất chợt, Dũng giơ tay vẫy vẫy. Em nhìn theo đến khi đàn chim chỉ còn là những chấm nhỏ.

Trương Huyền Chi – Giải Nhất (Trường PTCS Trưng Vương, Hoàn Kiếm, Hà Nội)

Đề 6: **(Thi chọn học sinh giỏi Quốc gia – 1988)**

Một hôm nào đấy, em thôi không mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy.

Bài làm

Thế là hôm nay em đành phải từ biệt chiếc áo sơ mi thân thuộc. Vì lẽ nào em cũng không nhớ. Nhưng chỉ biết là hôm nay tổng kết năm học, em mặc bộ quần áo mới nhất để tới trường dự buổi lễ quan trọng ấy. Tuy vậy, những kỉ niệm về tấm áo cũ vẫn in đậm trong tâm hồn em.

Tấm áo ấy không phải ai mua, ai tặng, và không phải do một thợ lành nghề nào may, mà chính đôi bàn tay khéo léo của mẹ đã may cho em. Mẹ cắt chiếc áo bộ đội của bố thành tấm áo nhỏ rồi thức thâu đêm khâu áo cho em. Một ngày kia, áo được may xong, em sung sướng mặc vào. Chà! Đẹp quá! Mẹ khéo tay thật. Tấm áo màu xanh lá cây có hai chiếc túi xinh xắn và cặp cầu vai vồng vồng. Em khoe với tất cả bạn bè. Ngày ngày tới lớp, em khoác trên người tấm áo thân yêu. Nhưng một điều nữa làm em quý nó gấp bội: đó là hơi ấm của bố vẫn còn ở trong áo em. Hơi ấm của người chiến sĩ. Vui sao mỗi sáng tới trường, em cùng áo và bạn Phương, Hằng đi trên con đường làng ẩm ướt hơi sương. Những cơn gió nhè nhẹ làm tà áo bay lượn, múa hát như nhắc nhở chúng em mau mau đến lớp. Nhìn áo, lòng em vui phơi phới và luôn nghĩ tới người cha kính yêu đang cầm súng đánh giặc, bảo vệ từng tấc đất biên cương của Tổ quốc.

Một hôm, trời mưa rả rích, sân trường trơn, nước đọng lại từng vũng to như cái chảo. Khi mưa vừa ngớt hạt, cái Hằng đã rủ em ra chơi đuổi bắt mối (vì thường thường khi mưa tạnh mối bay ra mà). Mải nhìn và chạy theo mối, em quên bẵng những vũng nước đáng ghét kia. Bỗng "oạch", em ngã sóng soài, quần áo lấm lem bùn đất. Các bạn phải chạy ra đỡ em dậy. Hôm ấy em cứ tức cái Hằng mãi. Còn cái áo tuyệt đẹp kia thì em phải giặt mỏi tay mà không sạch. Mẹ em phải giặt cả bao xà phòng nó mới sạch được mọi vết bẩn. Em ân hận quá. Từ đấy, em quý áo hơn, lúc nào em cũng gần gũi với áo như một đôi bạn thân thiết. Đêm nằm ngủ, em cởi áo ra và gấp lại. Sáng em mặc áo đi học. Nhưng em có tính bộp chộp và hay quên nên đã để xảy ra một điều đáng tiếc.

Một hôm nào đó đi học về em không nhớ rõ nữa. Chả là hôm ấy được chín điểm văn. Em sung sướng, hồ hởi, vừa đi vừa tung cặp lên cao. Quá tay, chiếc cặp rơi bịch sang bờ bên kia. Em hơi lo. Bỗng em nghĩ được một ý, liền lấy que chọc một lỗ hổng chui sang lấy cặp. Lúc trở ra, mặt mũi em bị xước, áo rách toạc một mảng. Lần này về em bị mẹ phê bình và suýt nữa bị mấy roi vào mông nữa đấy. May sao em tìm được mảnh vải giống màu, mẹ em cặm cụi vá lại. Chiếc áo bị vá làm em rất buồn. Tấm áo ấy em vẫn mặc để nhớ ngày bố em ra chiến trường đánh giặc. Nhưng tiếc thay, vì nghịch ngợm quá nên áo em rách thêm, ngày càng phai màu, cũ vải. Em vẫn quý nó, vẫn mặc nó, vẫn gắn liền những kỉ niệm thời thơ ấu và vẫn gửi gắm tình thương của mình vào chiếc áo. Một ngày kia, áo rách nhiều quá. Mẹ không vá hết được. Và hôm nay tổng kết năm học, em đành phải từ biệt áo. Áo ơi, mình vẫn quý bạn đó. Mình vẫn nhớ mãi sáng mùa đông rét buốt như... kim châm, không nhờ bạn, có lẽ mình không thể đến lớp học được đâu. Mình cảm ơn bạn nhé! Chính nhờ bạn, mình đi học đều đặn trong mỗi buổi sáng mùa đông nên bây giờ mình mới đạt được kết quả tốt trong buổi tổng kết hôm nay.

Tấm áo của em đã "nghỉ hưu" như vậy đấy. Chỉ vì em nên áo chóng hỏng. Tấm áo mẹ may cho em đấy là chiếc thứ bao nhiêu? Rút kinh nghiệm lần

trước, em sẽ giữ gìn cẩn thận cho áo bền, đẹp lâu hơn. Em sẽ mặc áo ấm để tới lớp thật đều, học thật giỏi để đền đáp công ơn cha mẹ. Chính cha em cũng như bao nhiêu người chiến sĩ khác đã đổ xương máu để giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho em được học hành yên ổn dưới mái trường thân yêu. Còn mẹ em thì tận dụng từng mảnh vải để may thành những chiếc áo em mặc ấm qua mùa đông giá lạnh. Và những tấm áo xinh xắn ấy đã giúp em nhớ lại những kỉ niệm về đời mình.

Đào Văn Nhân - Giải Nhất (Trường PTCS Nga Thủy, Nga Sơn, Thanh Hóa)

Đề 7: Hãy kể một câu chuyện đáng nhớ nhất đối với em đã xảy ra trong tuần qua.

Bài làm

Từng đợt gió thổi như quất vào người tôi. Kéo lại chiếc cổ áo, tôi co người lại. Đang bước vào nhà bỗng có tiếng "choang" từ nhà bên vọng sang. Tiếng đổ vỡ đó làm tôi thấy lạnh thêm. Nó gợi lại trong tôi một kỉ niệm đáng nhớ trong tuần qua.

Hôm đó là một ngày rét nhất trong tuần. Buổi sáng, bố mẹ đi làm chỉ còn mình tôi với con Cún ở nhà. Mẹ có dặn tôi phải rửa ấm chén cho sạch rồi dọn nhà cửa. Từ trên giường lăn xuống đất tôi rét run lên cầm cập. Cún từ trong buồng ngoe nguẩy đuôi chạy ra nhảy lên lòng tôi. Tôi âu yếm vuốt ve nó. Đó là một con chó rất đáng yêu. Mùa hè mỗi khi tôi đi học về muộn lại thấy chú đứng ở cổng vẻ rất "sốt ruột". Ở nhà bao giờ cũng chỉ có mình tôi và nó nhưng mà vui đáo để. Nó thường nô đùa với tôi. Hiếm có một con chó nào thông minh như nó. Cún quấn lấy chân tôi, chạy theo tôi ra cửa. Chờ tôi đánh răng rửa mặt xong, nó lại theo tôi vào. Nó quấn quít với tôi suốt cả ngày. Hôm đó, tôi lại lôi đồ hàng ra, nó ngoan ngoãn nằm xuống bên cạnh. Tôi bắt đầu lôi vải ra may cho nó một cái nơ. Loay hoay suốt cả buổi sáng tôi mới làm xong. Tôi cẩn thận buộc vào cổ cho nó, trông nó lúc này thật ngộ nghĩnh. Nó vui mừng ra mặt. Tôi với nó nô đùa mãi cho tới khi mệt lử. Liếc nhìn đồng hồ tôi giật mình: đã 10 giờ rồi. Mẹ sắp về. Tôi vội vàng thu dọn nhà cửa. Lúc đó Cún nằm ngoan ngoãn cho tôi dọn. "Á! Còn rửa cốc chén", tôi chợt nhớ. Vội vàng, tôi chạy xuống múc nước lên. Con Cún tưởng tôi đùa, nó cũng chạy theo đùa giỡn. Tôi bực lắm, cố đuổi nó ra, nhưng tưởng tôi đùa nó lại tiếp tục nhảy lên. Đang rửa, tôi quay ra định vụt nó nhưng tay lại lôi chiếc khăn trải bàn. Thế là "choang" – một chiếc đĩa rơi xuống. Tôi sợ quá, cúi nhìn. Chiếc đĩa bằng pha lê rất quý do ông nội tôi để lại. Sợ quá tôi đã khóc. Con Cún trông thật tội nghiệp. Nó cúp tai xuống nằm im. Lúc đó tôi nhìn nó mà chỉ muốn đánh nó thật nhiều.

– Hoa ơi! Mở cửa cho mẹ với!

Tôi lo lắm, đầu rối bời lên. Tôi từ từ ra mở cửa cho mẹ. Trông thấy tôi giàn giụa nước mắt, mẹ hỏi:

– Con làm sao vậy?

– Dạ... dạ... cái đĩa pha lê bị...v...ỡ.

– Sao? Ai làm vỡ?

Giọng mẹ tôi nghiêm lại. Không kịp suy nghĩ, tôi trả lời:

– Con... Cún.

Dắt xe vào nhà, mẹ tôi lấy cán chổi đánh con Cún. Tôi thấy thương nó quá mà không làm gì được. Tại tôi cơ mà? Ánh mắt nó ngơ ngác như muốn hỏi tôi: "Tại sao mẹ lại đánh em?".

– Tối nhốt nó ngoài sân.

– Ơ mẹ... ơi... đừng...

– Đừng cái gì? Cho vào trong nhà để nó phá à!

Tôi biết mẹ rất giận bởi vì cả bộ đĩa có năm cái. Trước khi mất, ông để lại cho mỗi gia đình một chiếc và dặn bố:

– Cố gắng giữ đủ nghe con!

Thế mà tôi đã làm vỡ. Cả ngày hôm đó tôi cứ thấy trong lòng day dứt, bồn chồn. Con Cún không nô đùa như mọi ngày nữa, nó nằm im, mắt buồn buồn. Nó nhìn tôi với ánh mắt rất lạ. Đêm hôm đó, trời rét như cắt da cắt thịt. Gió từng trận ào ào quật vào lá chuối. Tôi đã xin nhưng mẹ bảo:

– Con không biết mẹ buồn thế nào đâu?

Tôi lẳng lặng lên giường nằm. Tôi không thể nào nhắm mắt nổi. Tiếng con Cún sủa ầm ĩ, nó cào cửa đòi vào. Chắc nó rét lắm! Nhớ lại ánh mắt nó, tôi thấy mình có lỗi vô cùng. Tôi ôm lấy mẹ khóc:

– Mẹ ơi! Hãy tha lỗi cho con!

– Có chuyện gì vậy? – Mẹ từ tốn hỏi.

– Mẹ ơi, nếu con có lỗi mẹ có tha thứ cho con không?

– Sao lại không hả con?

Giọng mẹ vẫn dịu dàng làm tôi bối rối. Tôi kể hết cho mẹ nghe.

– Mẹ ơi, mẹ cứ đánh con đi nhưng mẹ đừng để Cún ở ngoài.

– Con ạ, chuyện gì đã xảy ra thì cứ để cho nó trôi qua. Mẹ không giận con đâu, con biết lỗi vậy là tốt, con ạ!

Mẹ đứng dậy ra mở cửa. Còn tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm hẳn. Bật đèn, tôi bước xuống giường. Con Cún đi vào, người nó run, lạnh cóng. Tôi ôm nó vào lòng ủ ấm.

– Cún ơi, hãy tha lỗi cho tao nhé!

Rồi tôi cùng mẹ đốt lò sưởi ấm cho nó. Trong ánh lửa tôi thấy ánh mắt no sáng lên, cái đuôi ngoe nguẩy, đầu nó dụi dụi vào lòng tôi. Đưa tay tôi vuốt ve bộ lông mượt của nó. Đôi mắt nó lim dim mơ màng.

(Trần Thị Tuyết Minh – Trường THCS Trần Đăng Ninh, Nam Định)

Đề 8: **Em hãy tưởng tượng để kể một câu chuyện (về tình cảm bạn bè hoặc tình cảm yêu ghét đối với loài vật) theo nhan đề "*Một kỉ niệm khó quên*".**

Bài làm 1

Bố tôi mới xin con chó về nuôi. Con chó trông thật đẹp. Nhưng từ hôm đó, nhà tôi bắt đầu sinh ra lắm chuyện.

Con chó khá xinh, lông vàng, cổ có khoang trắng. Nhưng tôi chẳng bận tâm chút nào. Tôi còn mải mê nhiều chuyện khác: bắt châu chấu nuôi sáo, đào giun câu cá, lại còn đá bóng. Hoài hơi mà nghĩ đến con chó.

Cái Liên em tôi thì khác. Đi học về thấy con chó chạy ra ngoắt đuôi là nó vất ngay cặp xuống:

- Ôi! Thằng cu Vàng của chị! Ở nhà có ai đánh em không?

Nó vừa nựng nịu, vừa bế thốc con Vàng lên vuốt ve. Rồi lục nồi, lục chạn, kiếm cơm cho chó ăn. Suốt ngày nó quấn quít bên con Vàng nên bao nhiêu việc nhà, tôi phải làm tất. Nhiều khi tôi cũng quên. Ấy thế là mẹ mắng. Nghĩ mà ức. Chờ lúc bố đi vắng, tôi gây sự với cái Liên. Chỉ muốn cho nó vài bạt tai nhưng tôi không dám, sợ nó mách bố. Tôi dồ cái giận lên đầu con Vàng.

Một hôm tôi đi học về thì thấy con Vàng đang rượt đuổi con sáo. Con sáo mỏ vàng cực đẹp mà tôi phải mạo hiểm trèo lên cây đa cao tít mới bắt được. Tôi đang mơ ước một con sáo biết nói. Tôi chăm nó rất kĩ. Trước khi đi học, tôi cho nó ăn, có lẽ tôi cài cái cửa lồng không kĩ nên nó sổng ra.

Thấy con sáo bị đuổi dồn, tôi điên tiết xông tới cho con Vàng một cú đá. Con Vàng bay ra sân. Nó rơi huỵch xuống đất kêu ăng ẳng điếc cả tai rồi cuối cùng nằm rên ư ử.

Cái Liên đi học về, thấy con Vàng đi cà nhắc, bèn làm toáng lên. Nhưng tôi chối bay chối biến. Nó đành chịu, cuống quít nấu cháo. Con Vàng chỉ liếm lưng thìa thôi. Nó nằm dài, mắt lờ đờ, thỉnh thoảng co giật, nước mắt tràn ra. Bố tôi lấy thuốc cho nó uống. Vô ích.

Chiều ngày thứ ba, khi tôi đi học về thì thấy cái Liên ngồi bệt ở cửa khóc thút thít. Sau lưng nó, con chó Vàng duỗi dài bất động trên một tờ báo.

Tự nhiên, tôi thấy buồn vô hạn. Tôi lấm lét nhìn cái Liên rồi xách cặp vào buồng trong. Khác với mọi bận, tôi chẳng thèm ngó ngàng gì đến con sáo nữa.

Tôi tựa cửa nhìn theo. Bố tôi lúi húi đào đất ở gốc cây khế cuối vườn. Em tôi ngồi xổm lặng lẽ.

Con Vàng chết, nhà tôi vắng hẳn đi.

(Theo *Con Vàng* – Trần Kim)

Bài làm 2

Nhân kỉ niệm ngày sinh năm nay của tôi, bạn bè đến chơi vui vẻ quá. Suốt cả buổi sáng, nhà tôi tấp nập kẻ ra người vào, tiếng cười nói ríu ra ríu rít không ngớt. Hai chiếc bình cắm đầy hoa thế mà các bạn còn mang đến mấy bó nữa. Hoa hồng bạch, hoa hồng nhung, hoa cẩm chướng, hoa mặt trời, lại có cả những bông hoa cỏ nhỏ xíu màu tím nhạt mà tôi rất thích nữa. Các bạn tôi ngồi chật nhà, bao nhiêu ghế phải mượn thêm của cô Ba nhà bên cũng vẫn không đủ. Tôi nhận được nhiều thứ quà. Nào cặp tóc, nào sổ, nào khăn mùi xoa... bày la liệt trên bàn.

Vui thì vui thật, nhưng tôi vẫn cứ bồn chồn không yên. Không hiểu sao, cái Trinh, đứa bạn thân nhất của tôi giờ này mà vẫn không đến. Chẳng lẽ nó lại quên ngày vui của tôi? Không, con bé vốn chu đáo lắm kia mà! Bạn bè đã bắt đầu ra về lác đác, tôi càng bồn chồn. Tôi không trách Trinh nữa mà bắt đầu lo. Hay là... Trinh đã gặp tai nạn gì giữa đường.

Tôi đang đăm chiêu nghĩ ngợi, chợt cái Thanh reo lên:

– Kia rồi! Cái Trinh kia rồi!

Tôi quay phắt ra phía cửa, nhìn thấy Trinh đang tươi cười đi vào sân. Tôi ào chạy ra, xô đổ cả ghế. Thấy Trinh bình thường, tự nhiên tôi lại tủi thân và giận Trinh.

– Sao bây giờ mới đến? Tưởng quên người ta rồi? Ghét!

Trinh vẫn cười bẽn lẽn, đầu hơi nghiêng nghiêng trông thật hiền lành. Nhìn nét cười ấy, không thể nào mà giận cho được. Tôi phát vào lưng Trinh một cái rõ đau rồi hỏi:

– Xe đâu không dắt vào, lại để ngoài cổng à?

Trinh vẫn cười không ra tiếng, lắc lắc đầu hất lọn tóc ra đằng sau, nói nhỏ như người có lỗi:

– Xe sáng nay anh Toàn đi từ sớm.

– Thế đi bộ xuống đây à?

Trinh không trả lời, chỉ mỉm cười gật đầu.

Tôi giận mình quá. Thế mà cứ trách Trinh mãi. Đi bộ thảo nào bây giờ mới đến. Nhà Trinh mãi trên Quảng Bá, xuống đây cũng phải năm sáu cây số, chứ có gần gặn gì!

Tôi kéo Trinh vào ngồi giữa bạn bè. Trinh mở chiếc lẵng mây nhỏ, thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng. Tất cả đều sửng sốt reo lên. Cái Thanh vội cầm lấy chiếc cốc chạy đi múc nước. Mấy bạn khác cũng xúm lại trầm trồ

nhìn ngắm. Trinh lại khẽ nâng lên một cành ổi, còn nguyên cả lá và lúc lỉu đến năm, sáu quả tròn to, láng bóng. Lại những tiếng xuýt xoa, bàn tán. Trinh cười, quay sang tôi:

– Trang có nhớ chùm ổi này không? Không à? Quả của cây ổi găng góc ao ấy thôi!

Tôi "à" lên một tiếng, mi mắt bỗng nong nóng và sống mũi cay xộc.

Tôi nhớ ra rồi. Lâu lắm, từ mấy tháng trước, lúc ổi đang ra hoa, tôi có lên nhà Trinh chơi. Trinh dẫn tôi vào vườn, đến góc ao. Trinh nói nhỏ, vẻ rất bí mật:

– Trang! Trang! Lại đây tớ cho xem cái này hay lắm!

Trinh lom khom, luồn qua những cành ổi la đà gần sát mặt đất, rẽ lối cho tôi luồn theo. Đến góc ao, Trinh vít một cành ở xa nhất, thích thú chỉ cho tôi xem một chùm hoa trắng muốt. Trinh thì thào:

– Cậu xem, thích không? Cả một chùm mọc sát nhau nhé! Cây ổi này là giống ổi găng, ngon nhất vườn đấy. Quả to, cùi dày, ăn giòn và thơm chẳng kém gì lê. Tớ phát hiện ra chùm hoa này, tuyệt không? Một, hai, ba... sáu, bảy, tám... phải hơn chục hoa là ít. Mà lại nở chụm vào một đầu cành mới thích chứ!

Thấy tôi chăm chú nhìn chùm hoa ổi, Trinh nói tiếp:

– Tớ đang có một "âm mưu" này, Trang ạ. Rất thú vị nhé!

Tôi gặng hỏi mãi, Trinh cũng không chịu nói. Trinh bảo chưa muốn nói bây giờ vì muốn dành cho tôi một sự bất ngờ.

Và bây giờ thì chùm ổi đã chín vàng trên hai bàn tay tôi. Nâng chùm ổi trên tay, giọng tôi run run:

– Cái "âm mưu" Trinh nói dạo ấy là chuyện này đây phải không?

Trinh vẫn lặng lẽ cười, chỉ gật gật đầu, không nói.

Cảm ơn Trinh quá. Món quà sinh nhật Trinh mang đến cho mình mới quý giá làm sao! Nó không phải là món quà mua vội vàng trên vỉa hè, trong cửa hiệu, chỉ cốt bỏ tiền ra là mua được, mà nó là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh. Trinh đã săn sóc nâng niu chùm ổi ấy, để mắt đến nó, từ khi nó mới chỉ là những chiếc nụ nhỏ xíu, rồi nở hoa, rồi kết quả. Trinh đã mong ngày mong đêm, tìm mọi cách giữ cho chùm quả ấy còn nguyên vẹn để hôm nay có được chùm quả vàng tươi thơm mát này.

(Theo *Món quà sinh nhật* – Trần Hoài Dương)

Đề 9: Hãy tưởng tượng để kể một câu chuyện "*Một lần không vâng lời*".

Bài làm

Sáng nay cu Việt kêu mệt. Mẹ sờ trán con. Ừ, quả đầu Việt hâm hấp nóng. Mẹ nói với bố đi qua trường xin phép cho cu Việt nghỉ học hôm nay. Đắp chăn cẩn thận và dặn dò con xong, bố mẹ sửa soạn đi làm.

Bố khóa cửa lại.

– Bố ạ. Bố cứ để cửa cho con, thỉnh thoảng con còn xuống đi tiểu.

– Bố sợ con bỏ cửa trống.

– Con không đi chơi đâu, bố ạ. Con nằm đây cho đến lúc bố mẹ về.

Bố ngần ngừ một tí rồi dặn thêm:

– Ừ, bố để chìa khóa ở nhà đó. Con nhớ đừng đi chơi đâu nhé.

Bố khép cửa lại rồi đi làm.

Cu Việt nằm một mình. Buồn thật. Mấy tập họa báo xem đi xem lại đến chán ngấy. Chà, dưới sân tụi nó chơi trò gì mà vui thế nhỉ. Giọng to nhất đúng là thằng Hùng rồi, cái giọng vịt đực đó thì không thể nhầm được. Kìa, có chuyện gì mà cái Tí nó cười to thế nhỉ? Lại có cái Na nữa, có nó thì bao giờ cái tập thể dưới kia cũng dậy hẳn lên. Hãy nhìn xuống xem sao. Cu Việt nhỏm dậy nhòm qua cửa sổ. Đúng mà, mình đoán không sai. Có đủ mặt hầu hết những đứa ở khu tập thể này. Chả là chúng nó học buổi chiều mà! Giá lúc này được xuống nhập bọn với chúng nó nhỉ. Cái trò bịt mắt bắt dê đó thì Việt ta mê lắm. Hay cứ xuống chơi một tí. Không được, bố đã dặn rồi... Bỗng cu Hùng ngước lên. Nó hét to: Ơ Việt, làm gì trên đó, xuống đây nhanh lên!

Kệ, hay cứ xuống đó chơi một tí thôi mà. Còn lâu bố mẹ mới về.

Cu Việt mở cửa, chạy vội xuống sân. Bọn trẻ mừng lắm. Chả là trong cuộc chơi nào, cu Việt cũng góp phần nổi bật.

Cu Việt mải chơi quên sốt, quên đói và điều này mới nguy: quên cả thì giờ. Cho đến lúc ngoài đường, trong ngõ tấp nập người, xe, cu Việt mới sực nhớ là đã đến giờ tan tầm.

Sao chóng thế nhỉ? Phải chạy nhanh lên thôi! Thoáng cái cu Việt đã nằm ngay lên giường, trùm kín chăn lại. À, lấy tờ họa báo để bên cạnh, mẹ về sẽ nghĩ: Con nó xem họa báo rồi ngủ thiếp đây mà. Rồi mẹ sờ tay vào trán cu Việt, nói nhỏ với bố:

– Con nó còn hâm hấp nóng. Chiều nay xin cho nó nghỉ thêm buổi nữa – Nghĩ đến đó, cu Việt cảm thấy yên tâm. Dầu sao cũng còn may. Chậm một tí thế nào bố mẹ cũng bắt gặp đang chơi ngoài sân... Chắc lúc này bố mẹ đang rẽ xuống con đường vào khu tập thể. Đó, bố đang dắt chiếc xe đạp vào ngõ. Bố đang đến cây bàng đầu sân. Nguy rồi! Cu Việt cuống lên. Còn đôi guốc sáng nay cu Việt xuống sân chơi vứt bên gốc bàng nằm ngay lối đi... đôi guốc sơn màu đỏ. Có họa là bé bằng cái kim bố mẹ mới không trông thấy. Làm thế nào bây giờ nhỉ. Chạy xuống lấy lên ư? Không kịp nữa rồi.

Kìa, hình như nghe văng vẳng có tiếng của mẹ.

– Ủa sao lại có đôi guốc của cu Việt dưới này nhỉ...

Cu Việt nhắm mắt. Nhưng không thể nào yên được, lo quá! Sẽ nói với bố mẹ thế nào đây. Tại sao đôi guốc lại ở dưới sân? Chẳng lẽ lại nói liều là con

không biết à. Hay đồ tại con mèo nó mang ra đó? Thế mà hóa hay cơ đấy. Chả có lần mẹ vẫn kể chuyện cổ tích, có con mèo biết đi hia cơ mà.

Mèo đi hia được thì đi guốc cũng được chứ gì. Nhưng cả khu nhà tập thể này lâu nay chẳng thấy một chú mèo... Hay mình cứ bảo là...

Chưa kịp nghĩ hết câu thì cửa phòng bỗng mở. Qua lỗ chăn thủng Việt liếc nhìn ra. Mẹ đã về, tay mẹ cầm đôi guốc. Mẹ vẫn đứng nguyên chờ bố trước cửa. Bố vào, chẳng kịp đợi bố bỏ chiếc cặp xuống, mẹ đã đưa đôi guốc ra:

- Bố nó xem, tôi đã bảo, đi phải khóa cửa lại.

Bố nhìn đôi guốc, thong thả nói:

- Mẹ nó cứ để đôi guốc nguyên chỗ cũ. Con dậy, nó khắc biết. Tôi tin con nó biết ăn năn. Sáng nay nó đã có lỗi rồi. Bây giờ đừng để con nó phạm tội nói dối nữa.

Mẹ nghe theo lời bố, đặt đôi guốc xuống cạnh giường, rồi đi làm cơm.

Cu Việt nằm trong chăn nghe thấy mọi chuyện. Tự nhiên nước mắt cứ chảy ra lúc nào không biết.

Khi mẹ dọn cơm lên bàn, bố mới bước lại giường, nhè nhẹ lật chăn ra. Bố sờ vào trán cu Việt rồi bảo:

- Dậy ăn cơm với bố mẹ đi con.

Cả nhà ngồi ăn vui vẻ. Hôm nay bố kể nhiều chuyện vui. Bố lại dành cho cu Việt những phần ngon.

Đến chiều, cu Việt dậy sớm, bỏ sách vở vào cặp rồi chào bố mẹ đi học.

Tiếng guốc gõ nhè nhẹ trên cầu thang, vang lên một khúc nhạc vui...

Đề 10: Cuộc đời của Bác Hồ là cả một pho truyện tuyệt vời. Hãy kể lại một câu chuyện mà em biết về Bác.

Dàn bài

I. Mở bài

Câu chuyện về cuộc sống cao đẹp của Bác Hồ mà em sắp kể là câu chuyện gì? Xảy ra ở đâu? Khi nào?

II. Thân bài

Các tình tiết, diễn biến của câu chuyện:

- Bác cùng mấy chiến sĩ vượt đèo luồn rừng thì gặp suối.
- Bác xắn quần lội trước qua suối nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.
- Các chiến sĩ qua suối theo Bác. Anh chiến sĩ sau cùng gần sang bờ kia thì bị trượt ngã.

– Bác hỏi và bảo anh chiến sĩ lăn hòn đá bị cập kênh đi để dọn đường cho người sau đi.

III. Kết bài

Bác luôn quan tâm đến mọi người.

Bài làm

Trong cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ nhất của nước ta, Bác Hồ đã chống gậy qua muôn nẻo đường rừng Việt Bắc cùng cán bộ và chiến sĩ. Con đường Bác đi không chỉ góp phần làm nên chiến công chấn động địa cầu mà còn để lại những bài học quý giá về cuộc sống. Một trong muôn ngàn câu chuyện đẹp đẽ về đời Bác là "Hòn đá dưới suối".

Hôm đó Bác cùng mấy chiến sĩ đi công tác. Mấy Bác cháu vượt đèo, luồn rừng. Bác vừa đi vừa kể chuyện. Vừa nhập vào lối mòn một đoạn thì gặp con suối. Đoạn suối không có cầu sang ngang.

Bác nhìn dòng suối rồi xắn quần lội trước. Bác chống gậy trúc dò đường. Mỗi bước Bác qua dòng suối trong vắt cuộn chảy dưới chân người...

Bác qua suối nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.

Các chiến sĩ hối hả theo Bác.

Người chiến sĩ đi sau cùng vội vàng bước theo những người đi trước. Gần sang bờ bên kia anh bị trượt ngã ùm xuống suối. Anh vội vàng đứng lên, lội ào lên bờ vắt áo quần sũng nước.

Bác Hồ quay lại hỏi người chiến sĩ tại sao bị ngã. Người chiến sĩ vội thưa tại có hòn đá bị cập kênh.

– Bác bảo anh chiến sĩ lội xuống tìm hòn đá đó lăn nó đi.

Anh chiến sĩ nhanh nhẹn làm theo. Khi anh lên bờ Bác ôn tồn nói:

– Mình bị trượt chân rồi, dọn nó đi cho người sau khỏi bị ngã.

Người chiến sĩ nhìn dòng suối cuộn chảy, anh định thưa với Bác:

– Sẽ chẳng còn ai phải bị trượt chân ở đây như anh do sự quan tâm của Bác...

Nhưng anh quay lại đã thấy Bác chống gậy vượt lên dẫn đầu đoàn người.

Đề 11: Cây lúa ở cánh đồng quê em kể lại cuộc đời của mình.

Bài làm

Chiều xuống dần, bóng em ngả dài trên con đê chắc nịch. Gió chợt thoảng qua. Trước mắt em những đợt sóng vàng tươi nhấp nhô lan mãi tận chân trời. Tiếng lúa xào xạc em nghe như tiếng thì thầm trò chuyện với em.

... Bạn có biết không, chúng tôi lớn lên từ những hạt giống bé nhỏ. Mọi người rất yêu quý chúng tôi. Họ không bao giờ động đến chúng tôi cả những khi trong nhà thiếu gạo ăn. Một buổi sáng vừa thức dậy, tôi bỗng nghe tiếng rào rào, thì ra các hạt giống chúng tôi đang thi nhau lao xuống một hồ nước mênh mông. Chu cha! Lâu lắm anh em chúng tôi mới được tắm mát thỏa thuê, thích ơi là thích! Chờ mãi không thấy người ta vớt lên, bọn tôi đâm ra lo lắng. Ngộp quá, tôi "ách xì" nảy một cái mầm nhỏ xíu xinh xinh như một que tăm. Giờ phút huy hoàng bỗng đến với chúng tôi: tất cả được rải xuống đồng ruộng bờ ngang bờ dọc đều tăm tắp như ô bàn cờ. Sáng chiều, các anh chị "kĩ thuật viên" chăm sóc bọn tôi chu đáo như mẹ như cha. Họ đo độ ẩm, độ phèn bằng các chai lọ lỉnh kỉnh, thật buồn cười. Một cậu bé loắt choắt chạy đi chạy lại xua bọn chim quái ác chỉ rình mổ xuống chúng tôi. Cậu bé mải chơi nên thỉnh thoảng chim lại có dịp sà xuống bắt và tha đi một người trong bọn chúng tôi. Cũng may, ngày qua ngày chúng tôi không còn là mầm non nữa mà trở thành những chàng thiếu niên áo xanh tràn trề nhựa sống. Xung quanh chúng tôi, ai cũng nhướng cao lên để ngắm nhìn, tận hưởng cảnh đất trời bao la. Các bác nông dân càng thăm chúng tôi thường xuyên hơn. Nhìn màu xanh mơn mởn tỏa khắp cánh đồng, mỗi người đều nở một nụ cười sung sướng, sống trong tình thương nồng thắm ấy chúng tôi khá chững chạc. Một ngày kia đang vui đùa "rất nhộn" thì một đoàn người kéo đến, mang theo quang gánh. "Phựt! Phựt!" chúng tôi bị nhổ lên. Bản thân tôi cũng bị một bàn tay tóm lấy nhấc khỏi mặt đất. Tôi đau đớn thét lên... Tỉnh dậy tôi thấy mình đang nằm sóng đều với một số bạn và một vòng dây thít ngang mình đến nghẹt thở. Sờ lên đầu tôi giật thót cả người. Trời ơi! Còn đâu mái tóc xanh mượt mà tôi thường lấy làm hãnh diện. Trước mặt tôi, bác nông dân cũng đang xén bớt tóc của anh em tôi. Bác nói an ủi: "Các cháu đừng buồn, làm thế này là để đỡ mất nước". Lão trâu khổng lồ đứng bên bác ngốn lấy ngốn để lọn tóc đã cắt rời của chúng tôi một cách ngon lành. Sau đó, người ta đưa chúng tôi đến một nơi xa, tách chúng tôi thành nhóm nhỏ, cắm xuống một mảnh ruộng đầy nước. Có bạn tuyên bố: "Chúng ta sẽ sống vĩnh viễn ở nơi này". Thật vậy, thức ăn sẵn sàng, tất cả chúng tôi chỉ việc "đánh chén" cho no rồi lại ngủ. Thấm thoát chúng tôi lớn lên nhanh như thổi. Ai đi ngang qua cánh đồng cũng phải trầm trồ: "Lúa ở đây tốt quá nhỉ". Một bữa kia, giặc Rầy Nâu ồ ạt tấn công chúng tôi, chúng tôi phải ra sức chống đỡ. Người ta đổ lên đầu lên cổ chúng tôi nào phân, nào thuốc trừ sâu để hỗ trợ chúng tôi. Khi thấy bọn Rầy Nâu ngao ngán rút lui, chúng tôi vô cùng hả hê, thích thú. Ngày qua tháng lại, chẳng mấy chốc chúng tôi ngứa miệng khạc ra ngoài một sợi tơ trắng tinh, mịn màng. Các bạn tôi chung quanh cũng vậy. Chúng tôi lo chăm chút cho chùm bông ấy. Đêm đêm tôi nhắc bông hé miệng ra đón sương. Tôi cũng không quên cấp cho nó dòng sữa trắng, thổi phình hạt lúa ra. Đến độ nào đó tôi ngừng cho sữa. Ánh nắng chói chang ấm áp của Mặt

Trời nghiêm khắc hong khô đặc quánh dòng sữa tôi đã cho. Nghiễm nhiên, tôi trở thành người mẹ của mấy mươi đứa con lít nhít. Hôm qua các bác nông dân đến thăm bọn tôi. Họ bàn tán sẽ chọn trong chúng tôi những ai khỏe mạnh nhất, có lực nảy tốt nhất thì họ giữ lại làm hạt giống. Số còn lại sẽ được nhập kho làm nguồn lương thực nuôi sống toàn dân. Chúng tôi chỉ mong nhân dân luôn luôn được ăn no để có sức khỏe giúp ích cho đời.

Giọng cây lúa nhỏ dần... Em thong thả bước dọc bờ đê, vừa đi vừa ngẫm nghĩ: Cây lúa tuy nhỏ bé nhưng rất có ích. Em tự hứa với mình là phải cố gắng học hành rèn luyện thế nào để lớn lên làm được như cây lúa: "Thà sống ít mà có ích nhiều!". Em mỉm cười rảo bước trở về con đường quen thuộc.

Lê Quang Huấn - TP. HCM (Tuyển chọn các bài TLV - Cấp 1, NXB Giáo dục, 1987)

Đề 12: Em có lần từ chối không cho tiền một người nghèo khổ. Hãy thuật lại chuyện ấy và nói lên sự ân hận của em.

Bài làm

Trưa hôm qua, tôi đang ngồi học bài bỗng nghe tiếng của ai giọng khàn khàn ở ngoài cửa ngõ: "Cô bác ơi! Làm ơn bố thí cho tôi chén gạo, bát cơm".

Tôi nhìn ra, thì đó là một ông lão độ sáu mươi tuổi, mình mặc một bộ đồ bà ba đen đúa rách nát, đầu đội nón lá cũ, vai mang bị, tay chống gậy lần bước từ nhà này lê sang nhà khác để xin tiền.

Tôi ngồi trong nhà nhìn ra, giọng lạnh lùng:

– Nhà tôi hết gạo rồi ông ơi, ông đi chỗ khác đi.

Ông lão vẫn đứng yên miệng lẩm bẩm:

– Cô làm ơn cho tôi chén gạo thôi cô à.

Tôi hết sức bực mình và liền dùng những từ nặng nề đuổi ông lão ấy đi:

– Cái ông này kì quá, ông có đi nơi khác cho tôi học bài không; ai biểu đi xin chi cho khổ thân vậy, tối ngày cứ gặp ăn xin mãi.

Tội nghiệp cho ông cụ, tay run run chống gậy bước sang nhà khác, bước đi có vẻ nặng nhọc lắm. Ông đi rồi tôi còn cười lên như chế giễu ông. Tôi lại bàn lấy quyển sách Giáo dục công dân ra học. Tôi đọc được một đoạn rồi lật qua trang khác, nơi trang này tác giả có in hình một đứa bé đang bưng gạo ra cho một ông lão ăn mày. Tôi sực nhớ đến lúc nãy, tôi đã tỏ ra khinh bỉ ông cụ, không cho lấy một chén gạo mà còn nặng lời xua đuổi ông rất thậm tệ.

Nghĩ lại tôi rất hối hận, tôi không xứng đáng là một người có học chút nào cả. Hàng ngày tôi vẫn nghe thầy tôi thường khuyên chúng tôi không nên hắt hủi những người nghèo khổ mà giờ này tôi làm một việc trái với lời thầy tôi thường dặn. Tôi không can đảm đọc hết trang ấy, vội vàng đen quyển

sách cất đi và tôi càng đọc lương tâm tôi càng ray rứt. Rồi ông cụ khi nãy sẽ ra sao? Nếu chẳng may ông gặp người nào cũng như tôi thì tội nghiệp cho tôi biết chừng nào! Đời sống của ông chỉ nhờ vào lòng từ thiện của người đời. Thế mà tôi lại bạc đãi ông thì làm sao ông sống cho qua ngày tháng được? Rồi đây cơm đâu ông ăn? Chỗ đâu ông ngủ? Quần áo đâu ông mặc? Bao nhiêu câu hỏi cứ ám ảnh tôi mãi, không lúc nào để cho tôi yên.

Càng suy nghĩ tôi càng thương ông lão quá. Tôi vội vàng chạy ra cửa hi vọng ông còn lảng vảng đâu đây để tôi đem tiền ra giúp ông chút nào đỡ chút ấy. Nhưng ra ngoài cửa thì ông lão đã đi mất. Sự hối hận của tôi đã muộn lắm rồi. Tôi thất thểu vào nhà với gương mặt buồn bã, và tôi tự cho tôi là một người xấu xa nhất đời, tôi không xứng đáng sống chung với mọi người chút nào.

Để chuộc lại những sự lỗi lầm của tôi, từ nay về sau tôi quyết bỏ hẳn cái tính kiêu căng khinh người của tôi và gặp bất cứ người nghèo khổ nào tôi cũng hết lòng giúp đỡ, mặc dù sự giúp đỡ của tôi không đem cho họ ra khỏi được cảnh nghèo túng, nhưng cả một tấm lòng thành thật của tôi cũng an ủi họ được bớt đau khổ một phần nào vậy.

Minh Văn - Xuân Tước (Luận văn mới, Nhà xuất bản Sống Mới, 1970)

Đề 13: Em hãy tưởng tượng em là nhà văn Nam Cao. Một hôm, em gặp một bà già đang quằn quại chết. Em đi gặp người trong làng hỏi han và biết rõ chuyện bà cụ. Em hãy viết và kể lại việc đi gặp người làng, hỏi chuyện họ, nghe chuyện họ và nói cảm xúc của em.

Bài làm 1

Một hôm tôi có dịp về làng cũ để thăm hỏi tình hình sức khỏe bà con cô bác sau bao năm xa cách và tôi sẽ viết một bài về tình hình đời sống của làng mình.

Tôi đang đi trên con đường mòn cũ đến đầu làng bỗng nghe thấy một tiếng hờ con: "Con ơi, mày bỏ tao mày đi để tao sống khổ sở thế này đây con ơi là con ơi... tao đến phải theo bố con mày mất thôi con ơi là con ơi". Tôi dừng lại ghé nhìn qua chiếc cửa tre hở hốc thì thấy một bà cụ đang quằn quại chờ chết, mắt trợn, sùi bọt mép. Tôi chạy thật nhanh về nhà cô tôi gọi cô sang xem tình hình của bà cụ đó. Đến nơi thì bà cụ đã chết. Cô tôi chạy đi gọi người làng đến đông đủ và làm lễ mai táng. Bà cụ già khổ sở chỉ có độc một đứa cháu gái, lại ở xa không về kịp. Làm lễ mai táng bà xong, tối hôm đó, tôi hỏi cô tôi đầu đuôi câu chuyện về bà cụ già đáng thương đó. Cô tôi bắt đầu kể về bà cụ:

- Cháu biết không, bà cụ đó khổ lắm, cô không thể nào tả nổi nỗi khổ của bà đó cho cháu nghe được cháu ạ. Như cháu đã biết đấy, bà ấy chỉ còn có một

đứa cháu gái lại phải đi ở xa, chồng bà chết đã lâu để lại đứa con trai bé tí. Bà nuôi nó lớn lấy vợ chưa được bao lâu thì nó lại bỏ bà nó đi theo bố nó để lại đứa con mới lên hai. Còn con vợ nó, chồng mới chết xong tang thì đã vội vàng đi lấy chồng khác để lại đứa con thơ cho bà cụ già đã ngót nghét bảy mươi trông nom. Bà cụ nuôi nó đến khi có thể bế em, chăn trâu, cắt cỏ được thì lại phải bán đi lấy tiền cải mả cho bố nó được mát mẻ. Bà phải đi buôn rồi lại đi trông trẻ con trong làng như một đứa con nít, nhưng rồi không ai thuê bà nữa. Bà phải "về hưu".

Một buổi chiều cô đang ngồi hóng mát thì thấy bà cụ đi về dưới dáng điệu khó nhọc. Bà nói với cô: "Bà Phó Thụ hôm nay cho tôi một bữa thật là no, vác cái bụng về nhà cũng đủ mệt". Suốt hôm đó cô không ngủ được vì bà cứ lăn lóc trên chiếc giường tre kẽo kẹt kẽo kẹt. Thỉnh thoảng bà lại hờ con nghe rợn cả người: "Con ơi, tao đến phải theo bố con mày mất thôi con ơi là con ơi". Cứ như vậy hơn nửa tháng trời, hôm nào bà cụ cũng hờ con và lăn lóc trên chiếc giường tre cũ kĩ. Hôm qua bà đi theo chồng con bà thật...

Nói đến đây nước mắt của hai cô cháu tôi đều nhòe đi vì thương cảm. Tôi thầm nghĩ phải làm gì đây để đừng bao giờ xảy ra cảnh đau đớn như vậy nữa.

(Bài của *Nguyễn Đình Dũng,* lớp 6A năm học 1983-1984)

Bài làm 2

"Ối ối! Ối giời ơi, làng nước ơi! ..."

Sau những tiếng kêu thảm thiết như của người sắp chết ấy là một loạt tiếng chân chạy rầm rập, thình thịch đổ dồn về phía một ngôi nhà tồi tàn rách nát ở cuối xóm. Tôi cũng chạy theo đoàn người ấy. Tôi vào trong nhà. Trước mắt tôi là một nhóm người đứng vây quanh một bà cụ gầy còm sắp thở hơi thở cuối cùng. Tay bà run run, miệng bà nói ú ớ không ai hiểu gì cả. Nhưng trông mặt ai cũng có vẻ thương bà lão không con cái này. Chợt tôi nhìn thấy bác hàng xóm của tôi và cũng là bạn tôi đang đứng gần giường bà lão. Tôi vẫy tay ra hiệu cho bác ta ra ngoài cửa nói chuyện. Chúng tôi cùng tách ra.

– Này bác ơi, bác có biết vì sao bà lão đáng thương ấy chết không? Trông vẻ bà ta như chết đói thì phải. – Tôi nói.

– Đúng đấy bác ạ! Bà ấy chết đói đấy. Còn tôi biết thì thế này bác ạ. Chả là thế này, bà ấy có con. Nhưng anh ta chết rồi để lại cho bà lão đứa con. Năm ngoái bà lão bán cái đĩ tức là cháu của bà ta ấy. Được mấy đồng thì cải mả cho con trai gần hết, còn đâu thì đi buôn. Gần đây, khoảng nửa năm lại đây, bà ta ốm, ốm thập tử nhất sinh. Sau đó thì có vẻ yên yên. Nửa tháng trước, bà đi ăn cơm ở nhà bà Phó Thụ. Sau đấy, khi về thì bà ta ốm. Bây giờ thì bà ấy chết.

– Thế bà Phó biết chưa? – Tôi vội hỏi luôn.

Bà ấy biết rồi. Lúc nãy, bà ta đến bảo: "Ôi giời ơi! Cái con mẹ ăn xin ấy đến nhà tôi, làm một bữa no căng như con cóc chết. Bây giờ thì chết rồi, khéo lại chết no không biết!" Khổ thân bà lão quá, đến chết còn bị người ta nói nữa.

Bà Phó nói thế mà được nhỉ. Bà lão đáng thương chớ có đáng buồn cười đâu mà lại nói như thế. Không biết bà ta là hạng người nào. Thật là quá đáng.

Tôi vừa nói vừa thương bà lão mà lại bực bà Phó, bác hàng xóm nói:

- Chắc cháu bà chưa biết. Ta đến báo đi.

Tôi đồng ý luôn. Thế là chúng tôi đi... Nhà bà lão ở cuối xóm. Nhà bà Phó lại ở đầu xóm nên con đường đi khá xa, nhưng chúng tôi đi khá nhanh.

Mới đến gần nhà bà Phó mà tiếng bà đã eo éo:

- Bọn mày xem đấy. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết, nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn cho tợn vào.

Tôi bực mình bảo bác hàng xóm:

- Thôi bác ạ, ta về đi. Thế này là đứa cháu bà ta biết rồi. Thôi tôi không muốn ở đây thêm chút nào nữa đâu. Ta về đi...

- Ở đời là thế đấy bác ạ. Những người nghèo bị bóc lột, đến khi chết vẫn bị bọn ăn trắng mặc trơn xỉ vả, mỉa mai. Làm như bọn chúng không hề gây ra một tội ác nào cả. Bác hàng xóm trả lời.

Thật là một bà già đáng thương, rất đáng thương. Cặm cụi làm còm cọm cả cuộc đời mình cho con cháu mà bị bọn nhà giàu làm cho chết thê thảm thế này đây. Đến khi chết còn bị bọn chúng vu khống là chết no. Làm như là bọn chúng toàn đói hết, chưa no một bữa nào cả. Sao mà đời bất công như vậy?

(Bài của *Hoàng Minh Đức*)

Đề 14: Em hãy kể lại chuyện "*Một bữa no*" theo lời kể và con mắt nhìn của cháu gái bà cụ.

Bài làm

Bà tôi bán tôi đã ba tháng nay. Lên ở trên này, tôi phải sống những ngày khổ cực. Không biết bà tôi sống dưới đó là ra sao. Già rồi, chẳng còn làm gì được nữa bây giờ thì lấy gì mà ăn?

Hôm ấy, tôi đang bế em ở trong sân thì bà chủ tôi và một bà già rách rưới đi vào trong nhà. Thoạt đầu, tôi tưởng đó là một bà ăn mày đến xin ăn, nhưng nhìn kĩ tôi sững sờ và lạ lùng biết bao, người đó chính là bà tôi. Sung sướng quá, bao ngày không được gặp bà, tôi chạy lại ôm chầm lấy bà tôi và nước mắt tôi cứ trào ra. Tôi khóc rồi lại cười, mừng mừng, tủi tủi, hai bà cháu chỉ biết nhìn nhau mà không nói nên lời.

Trong cái tình cảm vui buồn lẫn lộn của tôi! Tôi bỗng nhận được một cái nhìn từ đôi mắt lạnh lùng của bà chủ tôi (bà Phó Thụ). Cái nhìn mà tôi cảm thấy như sự độc ác cứ xoáy vào lòng tôi làm tôi sợ hãi và không dám xoắn xuýt lấy bà nữa. Tôi kéo bà ra đầu chạị để không bị ai nhìn vì hình như ai cũng có một cái nhìn như ai, cũng một cái nhìn khinh bỉ cái đĩ gái này.

Tôi hỏi bà:

– Bà lên đây làm gì?

– Lên xin ăn cháu ạ.

Nghe nói thế tôi vừa thương vừa không tin lời bà nói. Tôi hỏi tiếp:

– Lớp này bà ở cho ai?

– Chả ở cho ai cả.

– Thế bà lấy gì mà ăn?

– Chỉ nhịn thôi.

Hai bà cháu chỉ mới nói được thế thì bà Phó đã gọi:

– Bế em về đây rồi dọn cơm.

Nghe cái giọng the thé và chua chát mà tôi đã lạnh cả người. Tôi cứ tự hỏi rằng tại sao người ta lại có thể như vậy được. Tôi nghĩ thương cho bà: "Bà lên chơi thì chỉ bị người ta khinh thôi. Mình đã nhục lắm rồi". Tôi vừa muốn bà ở lại vừa muốn bà về. Mỗi cái nhìn của bà Phó lại làm tôi sởn gai ốc. Tôi muốn gần gũi với bà mà họ lại không cho tôi được thế. Sao họ ác vậy? Tôi vội lấy ra mấy xu đưa cho bà:

– Con biếu bà đấy, bà về đi.

Tôi đưa tiền cho bà và bảo bà về vì tôi không muốn bà bị khinh. Tôi dẫn bà tôi vào nhà để ăn cơm. Mọi người đã ngồi vào mâm và bắt đầu ăn cơm... Ai cũng đứng dậy hết, chỉ còn bà tôi ngồi lại. Trong nồi còn mấy hột cơm, bà tôi trộn mắm rồi ăn nốt. Chắc là mấy bữa nay bà mới được bữa no. Bà tôi đã no, no thật sự. Bà phải nới thắt lưng ra để thở. Đến xế chiều bà tôi mới về. Bẵng đi một tháng trời, tôi không được tin gì về bà tôi. Thế rồi một hôm có người đến báo tin cho tôi rằng bà tôi đã chết. Bà Phó bảo bà tôi "chết no" và lấy đó để răn dạy kẻ ăn người ở trong nhà...

(Bài của *Nguyễn Huỳnh Anh*)

Bài làm 2

Tôi xuất thân từ một gia đình nghèo khó. Khi tôi mới có năm tuổi thì bố tôi đã chết. Hai bà cháu tôi sống khổ cực. Có hôm cả hai bà cháu nhịn đói cả ngày. Cho đến năm tôi mười hai tuổi thì bà tôi đành phải bán tôi cho bà Phó Thụ để lấy tiền bốc mả bố tôi.

Đã bao nhiêu năm rồi tôi mới gặp bà tôi. Hôm nay, khi nghe tin bà đến. Tôi mừng rối rít, vội chạy ra ngoài để đón bà. Tôi nhìn bà với cặp mắt trìu mến và nghĩ bụng: "Không biết bà đến đây làm gì nhỉ? Bà đến đón tôi

chăng? Không, không thể như thế được. Ôi, sao da bà xấu thế kia. Người lại gầy nữa chứ. Chắc là bà đói lắm đây! Chẳng biết bây giờ bà sinh sống bằng gì?..." Những câu hỏi liên miên này cứ bắt tôi suy nghĩ. Tôi dồn dập hỏi bà:

- Bà đi đâu đấy?

- Bà lên xin bát cơm.

- Lớp này bà ở cho nhà ai?

- Có ai thuê đâu mà ở!

- Lại đi buôn à?

- Chẳng có vốn mà đi buôn.

Hai bà cháu tôi chỉ nói với nhau được vài câu thì bà Phó đã gọi:

- Lại bế em đi đâu rồi!

Tôi nhờ bà bế em hộ để tôi lấy trong túi ra mấy đồng trinh đưa cho bà và nói:

- Con biếu bà để bà ăn quà, bà về đi!

Tôi bảo bà về không phải để đuổi bà mà tôi muốn bà không bị người ta khinh. Nhưng bà không về vì bà Phó mời bà ăn cơm. Bà ngồi xuống so đũa và ăn cơm cho đến khi cả nhà đứng dậy chỉ còn một mình bà còn ăn thì bà kéo cái nồi vào lòng và cào sồn sột. Bà bảo tôi ăn nhưng tôi không ăn nên bà ăn nốt. Tôi nhìn bà vừa giận vừa thương. Mồ hôi bà toát ra nhơm nhớp. Bụng bà có vẻ tức anh ách. Bà phải nới thắt lưng ra để cho dễ thở. Ôi chao!

Mãi tận chiều hôm ấy bà tôi mới ra về không hiểu vì sao đến tối bà đau bụng và cứ thế nửa tháng trời rồi bà chết. Bà Phó Thụ nghe tin ấy bà bảo: "Chúng mày cứ liệu mà ăn đấy! Ăn lắm rồi có ngày chết no...".

Bài của *Bùi Thanh Hoa*

Bài làm 3

"Ối con ơi là con ơi, con bỏ mẹ một mình như thế này hả con...". Đấy, lại đến lúc bà tôi hờ bố tôi rồi đấy. Cứ đến buổi đêm bà tôi lại rên rỉ, nghe mà não cả ruột.

Từ hồi bố tôi chết đi và mẹ tôi giao tôi cho bà nội, bà tôi cứ ngồi mà than thở, hết kêu bố lại kêu đến mẹ tôi và cuối cùng lại quay sang than phiền về tôi. Mà nào tôi có biết bố mẹ tôi như thế nào đâu. Tôi nghe bà tôi kể là bố mẹ tôi để tôi lại cho bà hồi tôi có năm tuổi. Đến một hôm, buổi tối, bà tưởng tôi đã ngủ say liền nói với bà hàng xóm là bà sẽ bán tôi đi để lấy tiền cải mả cho bố tôi và còn thừa thì lấy vốn để đi buôn. Tôi sợ quá liền nhỏm dậy xin bà đừng bán tôi đi nhưng bà tôi bảo sẽ luôn luôn đến thăm nên tôi cũng đỡ sợ phần nào và lại nằm xuống ngủ.

Mấy tháng đầu sau khi bán tôi, bà tôi cũng thường xuyên đến thăm tôi, mấy tháng sau thưa dần, rồi thưa hẳn. Bỗng một hôm tôi đang bế con bà Phó thì thấy bà đi sau bà Phó. Tôi vui quá, tôi mừng quá, tôi níu lấy bà tôi, nhưng

bà Phó nhìn tôi đâm ra tôi sợ, tôi không dám xoắn xuýt với bà tôi nữa. Tôi dắt bà tôi ra đầu nhà, bây giờ tôi mới được nhìn kĩ bà tôi, da bà xanh xao, nhăn nheo, người gầy, mắt mờ. Tôi hỏi bà tại sao, bà bảo vì đói. Vì thỉnh thoảng bà Phó cho tôi ít tiền nên tôi có một số tiền nhưng chẳng được bao nhiêu. Tôi lấy vài xu đưa cho bà tôi ăn quà và để bà tôi về vì tôi không muốn bà bị người ta dè bỉu. Nhưng bà lại không nghe tôi, cứ ở lại. Lúc này bà Phó gọi tôi lên dọn bát đĩa để ăn cơm là bà cũng lên và vào nhà, bà ngồi xuống một chỗ để đợi ăn cơm. Đó là một bữa ăn buồn tẻ, bất đắc dĩ, bà Phó nhìn bà tôi bằng con mắt nẩy lửa, cứ nhìn vào mắt bà Phó cũng biết bà ta bực đến mức nào nhưng bà tôi mải ăn nên có biết đâu. Mà tại sao bà tôi lại làm như thế nhỉ? Bà có biết người ta khinh bà như thế nào không? Vì thế nên hễ bà cứ nói câu gì là lại bị bà Phó mắng át đi.

Đến chiều bà tôi mới về. Rồi bẵng đi hơn một tháng chẳng nhận được tin gì của bà tôi. Bỗng một hôm tôi thấy bà Phó nói rằng bà tôi đã chết, từ khi mà bà tôi ăn ở đây rồi về bà bị đau bụng rồi bà chết no. Không biết có phải như thế không, nhưng tôi chỉ biết là từ nay tôi không còn họ hàng thân thuộc nữa, không còn một ai cả...

Bài của *Nguyễn Phương Anh*

Đề 15: **Em hãy tả dòng sông và nói những cảm nghĩ của em về con sông quê hương.**

Bài làm 1

Con sông Hồng chảy qua quê hương em. Sông chảy giữa những bãi mía, màu xanh ngắt. Mặt sông thường đỏ như màu gạch non nên mới mang tên là sông Hồng. Dòng sông đẹp như một dải lụa đào vắt ngang lên tấm áo màu xanh của đồng bằng Bắc Bộ. Con sông này đã gắn liền với thời thơ ấu của chúng em và con sông đã trở nên thân thiết.

Những buổi sáng đẹp trời, con sông Hồng mới nhộn nhịp làm sao. Từng đoàn thuyền đánh cá giong buồm thả lưới trắng xóa cả mặt sông. Những tiếng hò, tiếng hát vang lên. Sông tấp nập những tàu thuyền đi lại như mắc cửi. Hai bên bờ những hạt sương đọng lại trên lá non như những hạt ngọc bé xíu long lanh. Cỏ còn ướt đẫm sương đêm mà các bà, các chị xã viên đã ra tỉa bắp, hái dâu. Bình minh chan hòa trên mặt sông. Buổi trưa, trẻ con rủ nhau ra vùng vẫy, tắm rửa. Các em bé té nước cho nhau cười như nắc nẻ. Chúng lặn hụp, bơi lội khéo léo như những con cá heo. Sông ôm chúng vào lòng, ôm lấy những đứa trẻ hồn nhiên, vui tươi và nghịch ngợm. Sông dịu dàng, dễ dãi như một người mẹ đối với đàn con. Sông vui cười đùa nghịch với chúng em. Những cụ già râu tóc bạc phơ dắt đàn cháu ra sông tắm rửa. Những người mẹ tất bật mang quần áo, chiếu màn ra giặt giũ. Những chiều hè hoặc những

buổi tối sáng trăng, em và các bạn thả thuyền lênh đênh trên mặt sông cất vó, câu cá hoặc nằm trên sạp thuyền hát, ngâm thơ cho nhau nghe. Buổi tối dưới trăng, em và các bạn bơi thuyền ra giữa sông buông chèo mặc cho nó trôi lững lờ rồi nằm dài ra sạp thuyền ngắm trăng, hóng gió. Sóng vỗ ì oạp vào mạn thuyền như hát cho chúng em nghe, ru cho chúng em ngủ. Gió nồm, trăng sáng, trời nước lênh đênh, sóng nước vỗ vào mạn thuyền oàm oạp, chúng em ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Thuyền lênh đênh trên sông nước, trôi dạt vào bờ dâu, bãi cỏ. Sáng dậy mọi người đều ngơ ngác không hiểu mình lạc vào đâu và bắt đầu chèo thuyền ngược lại về nhà. Dòng sông Hồng êm ả chảy xuôi. Mọi người đều say sưa ngắm nhìn sông Hồng một cách thích thú. Hai bên sông là những thảm cỏ xanh rờn. Chỗ kia là một chiếc tàu địch bị bắn cháy hồi Pháp thuộc, di tích còn đến ngày nay. Chỗ này là bác Ba xóm ngoài đã cầm mã tấu chém đứt đầu xẻ mặt hai thằng quan ba Pháp. Mọi người vừa đi vừa ngắm, chẳng mấy chốc đã về bến.

Dòng sông Hồng này đã để lại cho em những kỉ niệm êm đềm nhất. Nhớ ngày nào em mới lên ba. Mẹ dắt em ra sông tắm, em sợ và hét ầm lên, mếu máo khóc. Hồi em học lớp Một, em đã để lại cho con sông này một kỉ niệm khó quên. Hồi đó em chưa biết bơi. Các bạn rủ em ra sông tắm. Chúng em đùa nghịch ở ngay cạnh bờ chứ không dám ra giữa sông. Chiếc nón "tốt đỏ" mà mẹ mua cho em chưa có quai, em đội lủng liểng trên đầu bị gió thổi trôi ra giữa sông. Em hốt hoảng vội nhào ra nắm lấy. Nhưng không kịp nữa rồi. Nón trôi ra xa lắm không thể nào lấy được nữa. Em không biết bơi nên suýt chìm nghỉm xuống lòng sông. Lũ bạn em đều không biết bơi cả, rối rít định nắm tay nhau nối thành hàng dài để em nắm vào và ngoi lên. Vừa lúc ấy, thầy giáo em đi qua thấy chỏm tóc em bập bềnh trên mặt sông, bèn để cả quần áo nhảy xuống vớt em lên. Thầy nắm lấy chỏm tóc em kéo lên và ôm em bằng tay trái, rẽ nước bơi vào bờ. Lên bờ, mặt em nhợt nhạt, trắng bệch, bụng no nước. Thầy dội ngược em lên cho nước chảy ra rồi làm hô hấp nhân tạo. Một lúc sau em tỉnh dậy, thầy bế em về nhà. Các bạn em ai cũng vui mừng cho em và thương em. Về đến nhà, bố mẹ cho em đến trạm xá. Hai ngày sau em về và lại ra sông tắm. Dòng sông mát lạnh vỗ về em như là xin lỗi em. Sông ơi sông, sông không có lỗi gì đâu. Chính ta mới là người có lỗi đấy sông ạ.

Quên làm sao được những buổi đi cào hến, dặm trai ở ven bờ sông. Những ngày ấy còn ghi đậm trong trí nhớ của em.

Ôi! Dòng sông! Dòng sông của quê hương, của đất nước. Dòng sông đẹp dịu dàng khi những ngày nắng đẹp, sông trắng xóa trong những đợt mưa rào ngày hạ; sông thường đỏ ngầu, ầm ầm chảy xiết khi nước lũ tràn về, sông còn đắm mình trong ánh bình minh.

Em yêu con sông quê hương như yêu người mẹ dịu hiền của em. Ôi! Con sông Hồng. Sông đã bao phen giận dữ nổi sóng nhấn chìm tàu giặc xuống lòng sông. Sông đã ôm những kỉ niệm, ước mơ của những tâm hồn bé nhỏ.

Nguyễn Thúy Hằng – Giải Nhất I (Trường PTCS Bách Thuận I, Thái Bình)

Bài làm 2

"Quê hương" – hai tiếng nghe sao thân thương chi lạ! Quê hương là nơi đã có nhiều kỉ niệm đẹp với chúng ta. Với mỗi người, quê hương có thể là cánh đồng lúa trĩu bông, là con diều no gió bay cao trên bầu trời xanh thẳm... Còn quê hương của em là ngôi làng nhỏ với dòng sông hiền hòa uốn khúc quanh làng, đã gắn bó với em nhiều kỉ niệm đẹp thời thơ ấu.

Từ lúc còn bé, em đã thích sông (nhà em ở cạnh dòng sông). Em thường ngồi ở bờ sông ôn bài, vẽ, có khi còn làm thơ nữa hoặc là ngắm sông. Quả thật dòng sông quê em đẹp lắm. Sáng sớm, em đi học ngang qua chiếc cầu bắc trên sông. Lúc ấy, dòng sông vẫn còn phủ một màn sương mỏng, im lìm trong giấc ngủ say. Khi em đi học về, sông gờn gợn, lăn tăn như chào em. Em mỉm cười: "Ừ, chào sông nhé!". Vào lúc trưa hè nắng gắt, cả xóm im lặng, chìm vào giấc ngủ trưa, để xua đi cái nóng oi ả của mùa hè, em nhảy ùm xuống sông, lặn ngụp trong làn nước mát, trong veo. Dòng sông nhấp nhô, vuốt ve, chơi đùa cùng em. Bây giờ, em đã bơi giỏi thế mà nhớ lại lúc trước, buồn cười quá. Lần ấy, em chưa biết bơi, muốn tắm mà chẳng dám xuống nước, chỉ quanh quẩn trên bờ. Nào ngờ trượt chân, té nhào xuống nước. Thế là uống một bụng nước no nê. Còn giờ đây, đã có lúc bạn bè ví em như con rái cá. Mà có bơi giỏi thế mới có thể chơi đùa cùng sông chứ, phải không sông? Em chơi đùa thỏa thích, vớt lục bình cài lên mái tóc sũng nước. Bông hoa tim tím còn vương những giọt nước long lanh thật đẹp. Quà của sông dành cho em đấy!

Lúc hoàng hôn, khi vầng thái dương sắp khuất sau ngọn núi, dòng sông của em mang một màu đỏ sẫm, rất đẹp. Những đàn cá cũng vội vã trở về nhà bơi thật nhanh làm xao động cả mặt nước. Còn buổi tối cũng thật là đẹp, nhất là vào các đêm trăng sáng. Trăng sáng ngời, tròn vành vạnh như một chiếc đĩa vàng, soi bóng xuống dòng sông. Dòng sông nhận được ánh sáng dìu dịu của trăng trở nên bàng bạc, lấp lánh. Gió thổi lồng lộng, mát mẻ vô cùng. Em ngồi đó, say mê nhìn sông, nhìn dòng sông yêu dấu của em.

Thế đấy! Dòng sông quê em đẹp như thế đấy. Các bạn có thích không? Riêng em, tuy giờ đây đã xa dòng sông thân yêu, sống ở chốn thành thị xa hoa nhưng không bao giờ em quên được dòng sông. Đối với em, sông là một người bạn dễ thương, dịu dàng chứ không lộng lẫy kiêu sa. Sông luôn đem đến sự vui thích cho em. Tối đến, hình ảnh "dòng sông bạc" lấp lánh dưới ánh trăng vỗ về, đưa em vào giấc ngủ êm đềm.

Lâm Thị Quốc Khánh (Lớp 6 – Trường BDGD – Biên Hòa)

Đề 16: **Em hãy tả lại một buổi bình minh mà em có dịp quan sát, thưởng thức.**

Bài làm

Nhân dịp nghỉ hè về thăm ngoại, em đã được thưởng thức một buổi bình minh rực rỡ và đầy sức sống trên quê hương Đồng Tháp thân yêu.

Trời còn sớm nhưng em đã thức dậy ra sân. Khí trời se lạnh. Gió thoảng khẽ lay động cành lá để lộ những giọt sương mai trắng trong. Cả làng xóm dường như bồng bềnh trong biển sương sớm. Về phía đông, mặt trời tròn xoe, ửng hồng còn e ấp nấp sau hàng bạch đàn, tỏa ánh sáng lấp lánh như hình rẻ quạt nhiều màu rực rỡ. Trên không, từng đám mây trắng, xanh với các hình thù kì lạ đang nhè nhẹ trôi. Ánh đèn từ trong ngôi nhà thức sớm đã vội tắt. Khói bếp bay lên quyện vào sương mai tạo nên những dải lụa mềm uốn lượn trên bầu trời rộng rồi lan tỏa nhanh cả cánh đồng. Ở đây, lúa đang mơn mởn thì con gái, ngả đầu vào nhau thì thầm trò chuyện. Nhìn xa, đồng lúa trông giống như một thảm cỏ xanh rờn nhấp nhô theo làn sương sớm, trong ánh sáng dịu dàng đầu buổi bình minh. Sương tan, ánh nắng chan hòa, cánh đồng quê em như một bức tranh tuyệt đẹp. Em say sưa ngắm nhìn và hít thở không khí trong lành mà bấy lâu nay em chưa được thưởng thức ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi em ở.

Đến khi vừng hồng thực sự hiện ra rực rỡ giữa bầu mây trắng thì cả làng xóm như bừng lên dưới ánh nắng bình minh. Cánh đồng lúa tràn ngập ánh nắng và rộn ràng mọi âm thanh, tiếng động. Đằng xa, em đã thấy thấp thoáng bóng những chiếc áo màu tươi tắn của tổ làm cỏ lúa trên đê. Tiếng kẽo kẹt của chiếc xe bò chở phân và dụng cụ ra đồng bón lúa hòa cùng tiếng lội nước bì bõm của các cô chú xã viên tranh thủ đi làm sớm càng làm cho cánh đồng nhộn nhịp hẳn lên.

Em khoan khoái bước nhẹ dọc bờ kênh nhỏ. Ánh sáng chiếu xuống dòng nước bạc lấp lánh như bạn nào đó tinh nghịch chơi trò chiếu gương. Thỉnh thoảng một vài chú cá lòng tong, cá trắm cỏ nhảy lên khỏi mặt nước đớp mồi, rồi vội lặn xuống nước mất tăm để lại những vòng tròn lan xa. Trong không khí yên ắng ấy bỗng đột ngột vang lên tiếng rao hàng trên sông hòa cùng tiếng khua mái chèo của ai đó. Đàn chó ùa ra bờ sông cất tiếng sủa ăng ẳng với theo. Em bước vội vào khu vườn nhà tràn ngập ánh nắng vàng ấm áp. Bên luống rau xanh, mái đầu bạc thân yêu của bà em đang lúi húi nhổ cỏ, bắt sâu.

Một ngày mới đang bắt đầu trên quê em. Được thưởng thức buổi bình minh đẹp vào ngày hè, trên quê ngoại thân yêu, em thêm vui khỏe, lạc quan và thêm yêu cuộc sống. Em hứa sẽ cố gắng học giỏi, rèn luyện tốt để mai sau góp phần làm cho quê hương ngày càng tươi đẹp, ấm no hơn nữa.

Phạm Thị Ngọc Thơ (Giải Nhất – TP. Hồ Chí Minh)

Đề 17: (Thi chọn học sinh giỏi Quốc gia - 1983)

Thời thơ ấu của mỗi em thường gắn liền với những kỉ niệm về một ngôi nhà, một góc phố, một mảnh vườn, một con sông, con suối, một cánh đồng, một khu rừng,...

Em hãy viết bài văn miêu tả một trong những cảnh vật đó.

Bài làm

Thời thơ ấu!

Mỗi khi nhắc đến ba tiếng ấy, trái tim tôi lại thổn thức. Bao nhiêu kỉ niệm êm đẹp về thời thơ ấu, nhưng chỉ có "rừng thông xanh" là tôi yêu quý nhất. Đã bao lần tôi xao xuyến về cái tên ấy. Ôi! "Rừng thông xanh của tôi!".

Những buổi chiều tà, tôi và các bạn vào rừng thông câu cá. Ngồi ở phiến đá bên dòng suối thả mồi, chúng tôi trò chuyện rôm rả, hết trên trời lại dưới biển. Khi phao động, chúng tôi giật cần. Những chú cá rô phi viền đỏ lóng lánh giãy đành đạch trên đám cỏ xanh. Hoàng hôn xuống, chúng tôi ra về với những chú rô phi béo mập.

Ôi, đẹp làm sao những buổi chiều đi nhặt củi về, ngồi nghỉ dưới gốc thông, tôi lắng nghe tiếng dòng suối thủ thỉ tâm tình. Tiếng thông reo vi vu như một điệu đàn rất tuyệt. Một lần bị mẹ mắng, tôi chạy vào rừng thông. Ngồi dưới gốc cây nghe tiếng đàn du dương ấy, bao nhiêu nỗi giận vừa trào dâng, bao nhiêu cái mệt mỏi đều tan biến đâu hết. Tiếng đàn thông, tiếng tâm sự của dòng suối ru tôi vào giấc ngủ êm đềm. Khi tỉnh dậy, mặt trời sắp lặn tôi cuống cuồng ba chân bốn cẳng chạy thẳng về nhà.

Những buổi sáng tôi thường đi học sớm. Len lỏi trong rừng thông, tôi lắng nghe tiếng chim hót thánh thót.

"Ríu ran kẽ lá
Là lời của chim..."

Tôi ngắt một bông hoa ở bên bờ suối. Chao, bông hoa mới đẹp làm sao. Những giọt sương đọng ở cánh hoa long lanh như những hạt ngọc. Rừng thông xanh reo vi vu trong gió. Ôm lấy cây thông, áp tai mình vào, tôi như nghe thấy tiếng thổn thức của mầm xanh... Đến giờ học, tôi chạy vụt đi, bông hoa còn vương trên một cành thông, những hạt phấn vàng li ti bay bay...

Có những buổi đi học về sớm, tôi lang thang trong rừng thông. Chọn lấy một cây cao nhất, tôi ôm lấy "đo" xem mình có bằng "nó" không, tưởng mình phải bằng nửa cây thông, không ngờ chỉ bằng một phần tư của "nó".

– Thôi! Tôi vỗ về cái thân to như cột nhà của cây thông – mai về nhà tao ăn mười bát cơm, hai mươi bát cơm để lớn bằng mày thông nhé! Đợi tao với đấy, lớn nhanh vừa vừa chứ, kẻo người ta chặt đi là đi đời.

Nằm gối đầu trên gốc cây thông, xoài người xuống thảm cỏ xanh rờn, tôi lấy truyện ra đọc. Tiếng thông reo vi vu, gió thổi mát rượi làm cho câu chuyện cổ tích đang đọc như hiện ra trước mắt. Những buổi tối, bọn con gái rủ nhau ra chơi rừng thông để hứng gió, bọn con trai chúng tôi vừa nhác thấy chúng nó ở đầu rừng đã xộc ra huơ tay múa chân, miệng thét inh ỏi làm cho bọn con gái sợ hãi bỏ chạy tán loạn.

Chủ nhật được nghỉ, có bạn định đeo súng cao su vào rừng bắn chim. Vì muốn những chú chim xinh xắn quen thuộc ấy không phải chết, tôi đã rủ bạn chơi đánh trận giả. Bởi là người quen thuộc rừng thông nhất, nên những cây thông nào có vài vết sứt nhỡ nhỡ là tôi trèo tót lên ngay. Các bạn ở dưới chẳng làm gì được, hai phe tiếp tục đấm đá nhau. Lợi dụng "phe nó" sơ hở, tôi nhặt luôn một cành thông rơi dưới đất xông vào đánh. Kết quả phe kia thua. Được chúng nó "công kênh", tôi sung sướng "phất cờ" bằng hoa, nghe bọn "phe mình" hét to, vừa hét vừa vỗ tay: "Hoan hô", "Nguyên soái Bình vạn tuế!", "Hoan hô! Hoan hô!".

Cây thông cũng reo vi vu như chào mừng tôi. Dòng suối cũng chảy róc rách như kể chiến công của tôi, còn tôi thì kiêu hãnh nhìn bốn phía...

Mùa nước lũ, thông giận dữ lung lay cành lá làm cho nước sợ hãi sủi bọt...

Khi mùa xuân đến, thông bỗng cười xòa, vi vu suốt ngày đêm. Mùa xuân đã dệt cho thông một chiếc áo xanh rờn. Được thấy ánh nắng mặt trời, được đón làn gió mát, được ngắm hoa đẹp, được nghe suối chảy và tiếng nói cười của chúng tôi, thông lại suốt ngày vi vu ca hát cùng đàn chim xinh... Đấy! "Rừng thông xanh của tôi" là như thế đấy! Nó như một "người mẹ hiền" của tôi, lúc vui cũng như lúc buồn, "Rừng thông xanh" đều cùng tôi chia sẻ.

Đã bao mùa xuân qua, "Rừng thông xanh của tôi" đều giữ được "tính tình" cũng như giữ được vẻ đẹp màu xanh. Nó mãi mãi vẫn là "Rừng thông xanh của tôi"

Nguyễn Thị Phương Liên (Giải Nhì – Nam Định)

BÀI ĐỌC THÊM VỀ MIÊU TẢ VÀ KỂ CHUYỆN

I. VỀ "MIÊU TẢ"

Miêu tả giỏi là khi đọc những gì chúng ta viết, người đọc như thấy những cái đó hiện ra trước mắt mình: một con người, một con vật, một dòng sông... Người đọc còn có thể nghe được cả tiếng nói, tiếng kêu, tiếng nước chảy. Thậm chí còn ngửi thấy được mùi mồ hôi, mùi sữa, mùi hương hoa hay mùi rêu, mùi ẩm mốc v.v... Nhưng đó mới chỉ là miêu tả bên ngoài. Còn có sự miêu tả bên trong nữa, nghĩa là miêu tả về tâm trạng vui, buồn, yêu, ghét của con người, con vật, và cả cỏ cây.

Trong miêu tả người ta thường hay so sánh. So sánh thì vô cùng: *"cậu ta mới chừng ấy tuổi mà trông như một cụ già"*; *"tính nết của lão ta giống y như Chí Phèo của Nam Cao"*; *"bà ta cứ như mụ Tú Bà sống lại"*... Đấy là so sánh người với người. Có khi so sánh người với các con vật: *"trông anh ta như một con gấu"*; *"chị xinh xắn như một chị gà mái tơ sắp đẻ..."*. Có khi so sánh người với cây, với hoa: *"cô gái vẻ mảnh mai, yểu điệu như một cây liễu"*; *"bàn tay bà cụ như những rễ cây sù sì..."*.

Có trường hợp người viết lấy nhỏ để so sánh với to: *"con lợn béo như một quả sim chín"*; *"trái đất đi như một giọt nước mắt giữa không trung"*... hoặc ngược lại, dùng to để so sánh với nhỏ: *"con rệp to kềnh như một chiếc xe tăng"*; *"đàn muỗi bay như một đoàn máy bay tìm mãi chưa thấy nơi hạ cánh..."*.

Trong miêu tả người ta hay nhân hóa. Điều đó ai cũng biết. Nhưng cần chú ý là người có thể nhân hóa theo nhiều cách. Nhân hóa để tả bên ngoài: *"con gà trống bước đi như một ông tướng"*; *"nắm lá đầu cành xòe như một bàn tay"*; *"những quả đồi tròn như những bầu vú..."*. Nhân hóa để tả tâm trạng: *"dòng sông chảy lặng tờ như đang mải nhớ về một con đò năm xưa..."*; *"bông hoa hồng chúm chím, e lệ như một cô gái khi nghe một chàng trai vừa khen mình đẹp"*; *"những giọt sương rơi như những giọt lệ rơi ai đó đang tiễn người đi xa"* v.v...

Nếu miêu tả một em bé hoặc một chú mèo, một cái cây, một dòng sông mà ai cũng miêu tả giống như nhau cả thì không ai thích đọc. Có một thời tả cánh đồng nhiều người thường so sánh với *"một bức thảm xanh mênh mông trải rộng đến chân trời"* hoặc *"có gió thổi cánh đồng lúa như có sóng gợn..."*. Khi tả một cô gái đẹp nhiều người thường so sánh: *"Nàng đẹp như một bông hoa hồng vừa mới nở"*. Công bằng mà nói, ai là người đầu tiên so sánh cánh đồng như tấm thảm xanh mênh mông, khi có gió như sóng gợn hoặc ví cô gái như một bông hoa hồng vừa mới nở... người ấy rất đáng cho ta khâm phục. Nhưng đến người thứ hai, thứ ba, thứ nghìn lẻ một, lẻ hai thì không còn hay nữa.

Cũng như khi ta nhớ lại những cách miêu tả của cha ông ta về nắng: *nắng to, nắng dữ, nắng già, nắng non*... Về cây lúa: *lúa con gái, lúa uốn câu, lúa ngậm sữa, lúa đỏ đuôi,* thì thật tuyệt vời là giỏi. Nhưng nếu bây giờ người dừng lại những cách nhìn ấy, người đọc sẽ thấy rất bình thường, chẳng có gì mới mẻ và hấp dẫn cả.

Vì vậy nên ngay trong quan sát để miêu tả, người viết cũng phải *tìm ra cái mới, cái riêng*. Ở Câu lạc bộ Văn học Cung Văn hóa Thiếu nhi Hà Nội có mấy lần tôi đưa ra đề bài để các em tả cây hoa sữa mọc gần cổng ra vào. Nhiều em đã tả hoa sữa với các màu khác nhau: em thì cho là *trắng đục*, em thì dùng từ *trắng xanh*, em thì nhận xét là *trắng mờ*, em thì lại cho đó là *trắng hơi phơn phớt tím*... Tôi nghĩ rằng ta nên chấp nhận và tôn trọng tất cả những cách tả ấy, những màu sắc có hơi khác nhau ấy, tuy cùng có một cái

gốc *là màu trắng*. Bởi vì ngay bốn giọt nước treo dưới một dây phơi cũng còn khác nhau nữa là. Về mặt này, các nhà văn, nhà thơ lớn đã giúp chúng ta thêm nhiều dẫn chứng cụ thể: Nhìn một bầu trời đầy sao, Vích-to Huy-gô thấy nó giống như một *cánh đồng lúa chín*, ở đó người đi gặt đã *bỏ quên lại một cái liềm con* (vành trăng non). Mai-a-cốp-xki thì lại nhìn thấy khác: những ngôi sao kia giống như *những giọt nước mắt của những người da đen đang khóc Lê-nin* khi biết là Lê-nin vừa qua đời. Còn đối với I. Ga-ga-rin thì lại thấy những vì sao như *những hạt giống mới* mà loài người vừa gieo vào vũ trụ. Cả ba hình ảnh: *cánh đồng lúa chín, những giọt nước mắt của những người da đen, những hạt giống mới,* rất khác nhau nhưng đều đúng và hay. Và rất riêng, rất mới. Miêu tả cây cối, có nhà văn thấy chúng giống *như những con người đang đứng im tư lự* (vì trời lặng gió); có nhà văn lại *thấy chúng như những con ngựa đang phi nhanh, bờm tung ngược* (vì đang có gió thổi mạnh); có nhà văn lại thấy chúng *như những cái lồng chim của thiên nhiên, trong mỗi cái lồng có những con chim đang nhảy, đang chuyền*... Người ta thường bảo *không có cái mới, cái riêng* thì không có văn học. Tôi xin được nói thêm: Phải *có cái mới, cái riêng* bắt đầu từ trong những quan sát khi miêu tả. Rồi sau đó mới tiến đến cái mới, cái riêng trong tình cảm, trong tư tưởng...

Những *cái mới, cái riêng* ấy phải gắn chặt với *cái chân thật*. Không thể bịa một cách vô tội vạ để tả một bông hoa sữa, một con mèo, một em bé. Nghĩa là mình phải thấy đúng thực màu hoa sữa ấy là như vậy thì mới tả như vậy. Thực là mình yêu em bé ấy, con mèo ấy thì mình mới viết ra. *Giả là không được vì giả thì không thể truyền cảm được cho người đọc*. Về cái giả và cái thật, nhà thơ Xuân Diệu nói rất hay: Giả và thật nó cũng giống hai cái dây điện có mắc bóng điện đâu vào đấy. Nhưng bấm một cái thì bóng điện này sáng, còn bóng điện kia vẫn cứ tối vì một bên có điện (thật) còn một bên thì không (giả). Tôi đọc văn, thơ của những tác giả nổi tiếng thấy có hiện tượng này thật đặc biệt: Khi người ta chân thật thì dù cái điều người ta viết là vô lí, người đọc vẫn chấp nhận và vẫn thấy hay. Có gì vô lí hơn khi cha ông ta nói là *nắng non, nắng già*. Nhưng cha ông mình trong lòng, trong tâm hồn, cảm thấy điều ấy thật thì khi nói ra là được người nghe tiếp nhận một cách thích thú. Tôi thấy các nhà văn lớn thường chân thật ngay từ những quan sát để từ đó tiến đến sự chân thật trong những cái lớn hơn: về chủ đề tư tưởng (cái ý lớn, ý chính mình muốn nói với người đọc qua những điều mình viết), về tính nhân văn trong văn học.

Như vậy rõ ràng là *muốn miêu tả hay, phải tập quan sát, phải có công quan sát*. Công việc này, mỗi người có thể làm một cách khác nhau. Có người chỉ lặng im quan sát rồi ghi nhớ ở trong đầu. Có người ghi chép rất tỉ mỉ, công phu. Nhiều nhà văn nổi tiếng đã làm theo cách này. Trong sổ tay ghi chép, tôi biết có nhà văn, nhà thơ đã dành từng phần một để ghi chép về con người, về loài vật, về thiên nhiên. Có người thì ghi dáng vẻ bên ngoài rồi qua

biểu hiện bên ngoài mà ghi tâm trạng bên trong. Từ những chuyện đơn giản nhất, như khi cuốc vườn, xách nước thì quan sát thấy có gì hay; người cuốc thạo, gánh thạo khác người mới cuốc, mới gánh như thế nào? Đôi tay, cái vai, lưỡi cuốc khi bập vào đất; cái vai và đôi thùng mỗi khi chân bước đi, v.v... cho đến những gì phức tạp: một cô gái đẹp khi e thẹn, khi giận dữ cũng một khuôn mặt ấy nhưng thay đổi thế nào; một em bé khi thèm một quả bóng thì nét mặt thế nào, khi mua được quả bóng rồi thì ăn nói ra sao, làm những động tác gì... Đôi khi mới nhìn thấy lần đầu một người nào đó, chúng ta đã có thể có những ghi nhận hay, nhưng thường là phải quan sát đi, quan sát lại mới thấy ra những điều gì *mới* và của *riêng* mình... Nhà văn Tô Hoài trong lần nói chuyện với các cháu ở trại Kim Đồng (trại các cháu thiếu nhi mồ côi, lưu lạc), có hỏi các cháu: *Khi con chó nó dọa các cháu thì nó làm gì nào? Rồi khi các cháu tìm được một hòn gạch ném nó, nó biết sợ rồi thì nó ra sao nào? Tiếng sủa có khác không? Cái đuôi trước đó thì sao? Bây giờ thì sao?* Rồi nhà văn cười và nói: *Người ta thường bảo chó sợ thường cụp đuôi, nghĩa là nó giấu cái đuôi của mình vào giữa hai chân sau của nó...* Tôi có nuôi một con mèo. Tôi thấy không phải mèo chỉ kêu meo meo! đâu (mà meo! meo! thì cũng có bao nhiêu cách khác nhau) mà mèo còn ứ! ứ!, còn gừ! gừ! ... Khi thì để giữ mồi, khi thì để dọa nhau, khi thì để chuẩn bị đánh nhau với con khác. Mèo ngủ cũng đủ cách ngủ: khi thì cắm đầu xuống giấu trong chân, khi thì ngửa mặt, râu vểnh lên, nhìn rất buồn cười, tùy theo mùa rét, nóng, tùy theo trạng thái ốm, khỏe, v.v... Các em có bao giờ nhìn kĩ một dòng sông chưa? Dòng sông thường vào lúc nào vui nhất? Vào lúc nào buồn nhất? Các em có biết có mùa nào thì hoa gạo nở, hoa xoan nở? Mùa nào thì đom đóm bay ra, mùa nào thì sáo bay về? Và đom đóm thường về với loài hoa nào? Sáo thì về với loài hoa nào? Như thế là ngoài sự quan sát ra, phải có thêm sự hiểu biết. Quan sát giúp cho ta nhiều hiểu biết cụ thể, sâu sắc. Nhưng có thể đọc thêm sách, báo để giúp cho sự hiểu biết của mình được nhiều hơn, nhanh hơn... Các em đọc *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi sẽ thấy tác giả ngoài sự quan sát rất tinh tế còn có sự hiểu biết rộng và sâu, ví dụ như về cá sấu, về rắn... với sự hiểu biết mà nhà văn Đoàn Giỏi mang đến cho các em, các em lại từ đó mà quan sát thêm, hiểu biết bằng công sức của chính mình. Nghĩa là, quan sát giúp cho ta hiểu biết rộng hơn, sâu hơn và tinh hơn. Nhiều người đã nhất trí cho rằng: Mười nghe không bằng một thấy; mười thấy không bằng một sờ (đó là sự cần thiết phải tự quan sát) và *hiểu mười, nói một* thì mới có thể hay (đó là sự cần thiết về mặt hiểu biết). Một quan sát tốt thường lúc nào cũng vừa tả cái bên ngoài vừa nói cái bên trong và kèm theo đó là những cảm nghĩ của người viết. Cái mà người ta thường nói là *tâm hồn*. Và đọc lên, nó sẽ gợi rất nhiều điều ở người đọc. Một em ở Câu lạc bộ Văn học Cung thiếu nhi, quan sát về lá vàng của mùa thu đã viết: *gió mùa thu rủ lá vàng, bay vào trong nắng, đi lang thang...* tôi đưa ra hỏi các em trình độ lớp 7: Tại sao lúc

đầu lá vàng *bay* rồi sau đó lại *đi* nhỉ? Em thứ nhất trả lời: "Vì lúc đầu gió thổi mạnh nên lá nó *bay*, sau đó thổi yếu nên nó *đi*!". Em thứ hai trả lời: "Đó là theo luật gần xa – như máy bay ấy – gần thì *bay* nhưng ở xa thì – như là *đi*". Em thứ ba có câu trả lời tâm hồn hơn: "Thưa chú! *bay* thì là lá, còn *đi* thì như là con người!".

⁂

Cuối cùng là vấn đề cách thể hiện, cách viết.

Tiêu chuẩn nghệ thuật đời cũng giống nhau – nói ít mà gợi được nhiều là tiêu chuẩn cao nhất.

Trong văn miêu tả cũng vậy thôi. Đừng tả dài dòng mà tìm hiểu và quan sát thật kĩ, nắm bắt cho được *cái thần, cái hồn,* cái vắng vẻ đặc biệt của con người, con vật, hoa trái... mà ta tả, rồi bằng ngôn ngữ vẽ nó hiện lên trước mặt người đọc, gợi cho người đọc cùng cảm nhận, cùng suy nghĩ với mình... Nguyễn Du tả mụ Tú Bà chỉ có 14 từ: *Thoắt trông nhờn nhợt nhàu da, Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao?*

M. Goóc-ki khen Ma-ka-ren-kô là chỉ vài ba dòng đã dựng lên trước mắt người đọc cả hình dạng và tính nết của một em bé ở trong trại mồ côi mà ông phụ trách (*Bài ca sư phạm*). Nói thế không có nghĩa là làm một bài văn miêu tả ở lớp, các em chỉ viết một vài câu rồi chấm hết. Ý chính tôi muốn nói là không nên dây cà ra dây muống, đụng cái gì cũng tả, mà phải biết gạn lọc. Có phải khi tả một con người là nhất thiết ta phải ta hết cả mặt, mũi, tay, chân, quần áo, giày dép đâu! Rồi tả cái mặt thì phải tả hết nào tai, nào mũi, nào cằm, lông mi, lông mày, môi trên, môi dưới đâu! Mà chủ yếu là phải tả được cái gì tạo nên con người ấy; cái gì là đặc biệt để nhận ra con người ấy; cái gì là *cái thần, cái hồn* của con người ấy. Với con vật, với cây cỏ cũng vậy thôi!

Nhân đây, tôi xin nói đến một chuyện ngược lại, một tâm trạng mà các em thường có khi làm bài văn miêu tả ở lớp... Có đúng là các em thường thấy không biết viết sao cho nó được dài, được nhiều và chỉ sợ mình viết bài ngắn quá, không có gì để viết không? Vậy thì tôi xin lưu ý các em điều này: Một con người, một con vật, một cây cỏ... nào đó, đều *sống trong rất nhiều mối quan hệ*. Con người thì quan hệ ở nhà với ông bà, cha mẹ, anh chị và cả với con chó, con mèo, con gà, con vịt, với cái nhà mình ở..., quan hệ ở trường thì với thầy, cô giáo, bác bảo vệ, trường lớp, cái trống, cái sân, cây cối trong trường..., quan hệ ở ngoài đường phố thì có người đi đường, xe cộ, hàng hóa..., quan hệ với thiên nhiên thì có mưa, nắng, rét, nóng, ngày, đêm, mặt trăng, mặt trời, gió chiều, gió sáng, v.v... Nhưng có điều này cái em thường ít chú ý, đó là những mối quan hệ *giữa con người với những cái mà ta không trông thấy: tình cảm, lí tưởng sống, lương tâm con người, quá khứ, tương lai, cái hồn của một điệu hát, một câu thơ...* Nếu nhân vật ta miêu tả sống nhiều trong những mối quan hệ nào thì ta hãy cảm thông và nhập thân vào nhân

vật ấy để miêu tả. Chính điều đó, tạo nên cái chất, cái hồn của nhân vật ta tả. Tôi có người bạn rất yêu mấy đứa cháu nội của mình. Anh ấy bảo: "Sao bây giờ mình thấy yêu cháu còn hơn cả yêu con". Đi đâu anh cũng phải dẫn cháu đi cùng, thậm chí cả khi đi họp. Có em bé vì bố mất nên tất cả tình thương yêu đều dồn hết cho mẹ. Có người chỉ thích được yên tĩnh nằm đọc sách hoặc nghe nhạc chứ không thích đi đâu hết. Có người rất mê trăng, đêm trăng là phải ngủ ngoài trời, ngủ dưới trăng. Có người lúc nào cũng thấy có điếu thuốc trên miệng và hình như ông ta nuốt cả khói thuốc vào bụng, không thấy thở ra, phả ra bao giờ. Có người mê ăn khoai, sắn hơn cả mì vằn thắn, phở... Đặc biệt trong nhiều mối quan hệ, tôi thấy có mối quan hệ này khá đặc biệt: *mối quan hệ với chính mình*. Và đó là nguồn gốc của sự suy tư về số phận, về lẽ sống: con người, bản thân ta sinh ra để làm gì nhỉ. Ta có nên sống hay không nên sống? Hoặc đơn giản, có cô ca sĩ, khi hát chỉ nghĩ tới mình (không biết mình có xinh đẹp, duyên dáng không?) nhiều hơn là nghĩ đến bài hát, cái hồn của từng lời hát (lẽ dĩ nhiên đó là một ca sĩ hạng xoàng, khó có thể trở thành nghệ sĩ).

Nhà văn có tài, viết văn hay, thường là người viết ra được *những điều mà người bình thường không trông thấy*. Vì vậy, khi miêu tả các em hãy cố tìm ra cho được những điều không trông thấy đó. Các em sẽ có *cái mới, cái riêng, cái độc đáo* trong những dòng, những bài, những truyện mình viết.

Bây giờ đến chữ nghĩa, câu cú. Điều này ở trường các cô, các thầy đã trao đổi nhiều với các em. Tôi chỉ xin nói thêm một vài điều để các em chú ý. Mỗi chữ đều có giá trị riêng của nó. Nó chỉ thật có giá trị khi được dùng đúng chỗ. Ở mỗi chỗ, mỗi chữ có thể có một ý nghĩa khác nhau. Chữ *tao* chữ *mày* trong câu dọa nạt này của một gã lưu manh: *Tao sẽ không tha chết cho mày đâu* thì ý nghĩa khác hẳn với hai chữ *tao, mày* trong câu nói đầy tình cảm giữa hai người bạn: *Tao chưa đi đã thấy nhớ mày rồi*; hoặc như trong câu thơ của Trần Đăng Khoa viết về con chó Vàng: "*Sao không về Vàng ơi, Tao nhớ mày lắm đó...*". Khi Bác Hồ viết: "*Chúng ta có vinh dự là một dân tộc nhỏ mà đánh thắng hai đế quốc to*", Bác dùng chữ *to* chứ không dùng chữ *lớn*. Bởi vì chữ *to* thường dùng để miêu tả dáng vẻ bên ngoài (*như con trâu này to quá*); còn chữ *lớn* thường dùng để miêu tả cái nội dung bên trong: *một nỗi đau lớn*. Chữ *lớn* thường sang trọng và cao quý hơn chữ *to*. Và khi viết *đế quốc to*, ta hiểu là Bác Hồ có ý muốn nói: *đế quốc chỉ có cái dáng vẻ bên ngoài để "hù" người khác chứ nội dung bên trong thì chẳng tốt đẹp gì.*

Trong câu ca dao: "*Chiều chiều ra đứng ngõ sau, Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều*" thì hai chữ *chiều chiều* có thể thay bằng hai chữ *ngày ngày* nhưng rõ ràng là không thể nào hay bằng. Vì *chiều chiều* thì nó vừa cụ thể, vừa gợi cảm (*chiều* lúc nào cũng buồn hơn là *sáng*, là *trưa*), nó hợp với hoàn cảnh người con gái đi làm dâu ngày xưa, suốt ngày phải làm việc, hầu hạ nhà chồng chỉ có chiều đến, may ra mới dám chạy ra ngõ, nhìn về quê mẹ cho đỡ

nhớ (hoặc là để nhớ thêm nhưng lại dịu bớt nỗi đau). Có một lần sinh hoạt tại Câu lạc bộ Văn học Cung thiếu nhi Hà Nội, khi đọc hai câu thơ trong bài *Mũi Cà Mau* của Xuân Diệu, một em bé đã bất chợt hỏi tôi: "Sao bác Xuân Diệu ở trên thì dùng chữ *Ngàn* mà ở dưới thì dùng chữ *nghìn*. Tôi hỏi tác giả thì nhà thơ trả lời ngay: "Mình dùng chữ *ngàn* ở trên vì ở đây mình đang nói đến cái rộng của con sông – *rộng bạt ngàn*. Còn ở dưới mình dùng chữ *nghìn* vì ở đây mình muốn nói là rễ cây đước đông đúc lắm: *đông nghìn nghịt...*". Đủ biết là khi dùng, tác giả rất có ý thức chọn lọc và có thể nói, đem từng chữ đặt lên cân tiểu li (cân dùng để cân vàng).

Về câu, tôi nghĩ rằng mỗi câu ta viết có thể xem như một cơ thể, một sinh vật. Nó có đầu, có chân, có dáng vẻ, thậm chí hơi thở của nó. Vì vậy tránh đừng viết những câu người ta thường gọi là bị cụt hoặc bị què. Nghĩa là có đầu mà không có chân; hoặc đầu Ngô, mình Sở, đầu câu ý này, cuối câu lại sang ý khác... Và cần chú ý tới nhạc điệu của câu viết, dù là văn xuôi... Khi miêu tả người hiền lành ta nên dùng nhạc điệu khác với khi miêu tả kẻ thô bạo, hung ác. Khi tả một tâm trạng buồn ta nên tìm một nhạc điệu thích hợp, không giống như khi miêu tả một tâm trạng giận dữ, điên cuồng...

II. VỀ "KỂ CHUYỆN"

"*Ngày xưa có hai anh em nhà kia, khi cha mẹ mất, mới đem của cải ra chia cho nhau...*". Nếu truyện *Cây khế* mà chỉ viết đến đó thì không thể gọi là truyện được, vì nó *chưa có chuyện và chưa có ý nghĩa gì cả*. Mà chuyện kể thường hay có hai yếu tố đó. Nếu kể tiếp: "*Người anh tranh giành hết nhà cửa, của cải và chỉ chia cho em mình một túp lều con cùng một cây khế*" thì cũng đã *bắt đầu vào chuyện nhưng vẫn chưa có chuyện*. Phải có chuyện con chim tới ăn khế, phải có chuyện người em, rồi người anh theo chim lấy vàng, người anh tham lam quá bị chết... thì mới gọi là có *chuyện, có ý nghĩa*... Nói thế không loại trừ khả năng có thể viết truyện không có cốt truyện mà vẫn hay. Nhà văn Nguyễn Công Hoan có viết truyện: *Thanh! Dạ! Trong đó có thể nói là không có cốt truyện gì cả. Thanh, một đứa ở, hết bị người này gọi, sai bảo làm việc gì đó, lại bị bao nhiêu người khác gọi, sai làm việc khác*. Không có chuyện, nhưng *vẫn có ý nghĩa*: số phận một đứa ở thật đáng thương, một mình phải phục dịch cho bao nhiêu ông chủ, bà chủ, cô chủ, cậu chủ... Vì vậy, dù có chuyện hay không có chuyện, *những gì ta kể đều phải có ý nghĩa*. Nên hiểu ba chữ *có ý nghĩa* một cách thật rộng rãi. Có khi đó là một triết lí về cuộc sống một người đi xin việc làm, chỉ nhờ nhặt một cái đinh, mà được nhận vào làm việc. Chuyện ấy muốn nói *nhiều khi những việc nhỏ lại thể hiện được bản chất con người*... Có khi đó là một vấn đề xã hội mà tác giả muốn nêu lên trong truyện. Trong *Chị bếp đi lấy chồng* của A. Sê-khốp, tác giả muốn nêu lên một câu hỏi: *Tại sao đi lấy chồng khổ như vậy mà người ta vẫn đi lấy chồng và sao số phận người phụ nữ lại cứ khổ như vậy?* Có khi đó

là một tình cảm rất đẹp, rất cao quý mà người kể chuyện muốn gợi lên một người đi du lịch nhiều nơi khi trở về quê hương mới thấy quê hương mình là nơi đẹp nhất. Ở Câu lạc bộ Văn học Cung thiếu nhi, có một em bé kể chuyện "một đêm mất điện" ở nhà em. Nhưng chính nhờ có chuyện mất điện đêm ấy nên em đã ra vườn, đã thấy hết vẻ đẹp của mặt trăng, và quan trọng hơn là tự phát hiện ra mình: có một người bạn trai đang chú ý đến em mà em cũng cảm thấy lòng mình có một sự rung động nào đó, rất mới, rất lạ...

***

Trong truyện dân gian Nga có *Nồi súp rìu* [1] là một chuyện hay. Một bà keo kiệt kia không muốn cho ai một tí gì. Một anh lính đi trận về, đói quá, nhưng biết tính bà này, anh chỉ mượn bà cái rìu để nấu xúp. Mượn cái rìu để nấu xúp thì có mất gì nhỉ? Bà đồng ý. Anh lính rửa sạch cái rìu, bỏ vào nồi rồi đổ nước đun sôi thật lâu. Anh nếm thử khen là ngon, nhưng lại bảo: "Bà cho ít bột để bỏ thêm vào thì còn ngon hơn. Tôi sẽ mời bà món xúp rất đặc biệt này". Bà kia cho một ít bột. Anh lính lại nếm và lại nói: "Giá có ít bơ và muối cho vào thì càng tuyệt". Bà kia lại cho. Cuối cùng anh lính mời bà cùng ăn món xúp rìu. Bà kia vừa ăn vừa lạ lùng: không hiểu cái anh chàng này nấu xúp như thế nào mà ngon quá. Còn anh lính thì vừa ăn vừa cười thầm trong bụng.

Tôi kể qua câu chuyện này chủ yếu là muốn nói với các em một điều quan trọng trong việc kể chuyện. Đó là *sự hợp lí* hay nói như người ta thường nói, đó là *tính lô-gích* trong câu chuyện. Nếu anh lính kia mà không dùng mưu, mượn cái rìu trước cái đã, rồi nấu, rồi nếm thử và khen ngon thì chưa chắc có thể xin tiếp bà keo kiệt kia nào bột, nào mỡ, muối và cuối cùng là bánh mì. Nếu không xin từng thứ một mà xin tất cả cùng một lúc thì chắc chắn là bà ấy sẽ không chịu bỏ ra chừng ấy thứ cho anh lính kia. Lại cũng phải có cái động tác nếm thử và khen ngon (!) thì mới dễ xin tiếp thứ này, thứ khác. Rốt cuộc là bà keo kiệt đã cho tất cả những thứ gì cần thiết để nấu xúp mà bà vẫn thấy vui vẻ, và anh lính rất thông minh kia đã ăn một bữa xúp thật ngon lành.

Kể chuyện là phải như thế. Nghĩa là phải làm cho người nghe mình thấy là đúng, là phải, tin là nó có thật như vậy (hoặc có thể thật như vậy). Chứ viết về một bà keo kiệt mà lại như viết về một người rộng rãi tốt bụng thì người đọc, người nghe sẽ lắc đầu và bảo: bà ta đã keo kiệt thì không thể cho đủ cả mọi thứ một cách dễ dàng thoải mái như vậy.

Phải *hợp lí* trong cả câu chuyện cũng như trong từng tình tiết. Nếu anh lính kia xin mỡ ngay thì chưa chắc bà keo kiệt đã chịu bỏ ra, mà chỉ xin một

---

[1] Ở Việt Nam có dịch truyện này với nhan đề *Nồi cháo rìu*. Chắc là dịch giả muốn Việt Nam hóa câu chuyện. Nhưng nếu là nồi cháo thì sẽ không dùng được cái chi tiết moi được cả bánh mì của bà keo kiệt kia.

tí thôi, rồi sau đó mới xin tí mỡ... Và nếu anh lính không có lời mời trước bà ta cùng ăn, thì chưa dễ bà ấy đã lần lượt bỏ ra đến chừng ấy thứ.

Cũng về tính hợp lí, có người kể chuyện về một em bé lên 6 tuổi mà nghe như là một em tuổi 15, 16 vậy. Như thế là không ổn. Đặc biệt tôi xin nói thêm, khi kể chuyện, nhất là về các con vật, các loài cây cỏ, thường thì người ta vẫn phải tôn trọng những đặc điểm, đặc tính và tâm lí của nhân dân đối với từng con vật, từng loài cây cỏ ấy. Không thể kể về một con cáo mà tính nết lại thật thà, hay một con hổ mà lại hiền lành hoặc chỉ ăn rau để sống (!), một cây ổi mà cành chạm đến là gãy, cây xoài cành trèo lên đến mấy người mà vẫn không sao (*xoài giòn, mít dẻo, ổi dai* kia mà!).

Nghĩa là thường tình muốn lấy được lòng tin của người đọc, người nghe, từ toàn bộ câu chuyện cho đến các tình huống chi tiết đều phải hợp lí, đúng thật.

Nhưng mọi sự trên đời đều có ngoại lệ: cũng có khi người kể chuyện muốn viết chuyện ngược đời (như trong đồng dao có bài viết *cỏ ăn trâu, cá đơm đó,* v.v...) hoặc có dụng ý cho con vật ấy, cái cây ấy, vì một lí do nào đó, lại có những đặc điểm, đặc tính trái ngược lại. Trong những trường hợp đó, người kể chuyện phải nói rõ ý định của mình, hoặc phải giải thích vì sao lại có chuyện ngược đời kia (hoặc nói thẳng ra hoặc nói một cách gián tiếp, ẩn ý).

*
**

Truyện kể thường có nhiều loại:

– Truyện tự ta nghĩ ra (sáng tác, hư cấu).

– Truyện kể lại (đọc sách, nghe kể rồi ta kể lại).

– Truyện viết tiếp theo những truyện đã có.

– Truyện viết ngược lại những truyện cũ, v.v...

Loại *truyện ta tự ghi ra* để viết có rất nhiều dạng như tôi đã nói trên (chuyện về người, về loài vật, cây cỏ,...) với nhiều thể loại phong phú: truyện cổ tích mới, truyện đồng thoại, truyện lịch sử, truyện chiến đấu, truyện khoa học (trong đó có khoa học viễn tưởng), truyện trinh thám, truyện dị thường (như truyện viết về *ma* kiểu *Liêu trai chí dị*), v.v...

Có lẽ loại truyện tự nghĩ ra là loại được viết nhiều nhất, nhưng loại *Truyện kể lại* xem ra cũng không ít. Truyện *An Tiêm,* bao nhiêu người đã viết: ***Quả dưa đỏ*** của Nguyễn Trọng Thuật. *Đảo hoang* của Tô Hoài và nhiều truyện thơ của các nhà thơ. *Tấm Cám* thì chắc ai cũng biết là rất nhiều nhà văn đã viết lại, thậm chí có người đã viết thành kịch bản và đưa lên sân khấu.

Truyện kể lại cũng có nhiều cung cách. Cùng một cốt truyện ấy, có người cứ kể nguyên như cũ, chỉ chú trọng đến câu văn và không khí mà tác giả muốn tạo nên (*An Dương Vương xây thành Ốc* của Nguyễn Huy Tưởng), có người lại nhấn mạnh về mặt này, mặt khác, hoặc khắc họa nhân vật theo quan niệm của mình một cách cụ thể hơn (*Truyện cây khế* của Vũ Thị

Thường). Lại có người chỉ khai thác một khía cạnh nào đó, khi kể các câu chuyện cũ, để từ đó nói với người đọc những điều mình suy nghĩ về cuộc đời (*Cái bóng trên vách* của Nguyễn Đình Thi, viết dựa theo câu chuyện xưa: *Người đàn bà Nam Xương* tức là truyện *Vợ chàng Trương*)... Có một lần tại Câu lạc bộ Văn học Cung văn hóa thiếu nhi Hà Nội, tôi đã đưa cho các em đọc truyện *Người đàn bà Nam Xương* và sau đó đọc *Cái bóng trên vách*. Rồi tôi đề nghị các em hãy kể lại câu chuyện *Vợ chàng Trương* theo cách các em thích (có thể đứng ở vị trí người chồng, đứa con, hoặc người hàng xóm, hoặc chính ngọn đèn v.v... để kể lại...). Trong số những bài các em làm, có một em đã đứng ở vị trí một cây lau để kể lại câu chuyện trên. Em ấy đã tưởng tượng ra cái cảnh vợ chàng Trương, trước khi nhảy xuống sông tự tử đã ngồi than khóc một mình để bày tỏ hết nỗi oan trái của mình với trời, với đất, với dòng sông... Thế là cây lau kia đã nghe được hết. Và bây giờ cây lau kể lại. Cũng sáng tạo, cũng khá độc đáo đấy chứ các em nhỉ!

Truyện viết tiếp có điều này rất khó: Truyện đã có trước thường lúc nào cũng là truyện hay hoặc rất hay. Vậy thì cái phần ta nghĩ ra để kể tiếp cũng phải làm sao xứng với truyện đã có trước. Nếu không thì sẽ thất bại đau đớn. Một lần tôi đã thử làm việc đó và đã kể tiếp truyện *Trí khôn người ở đâu?* (chuyện con hổ ác, bị người nông dân buộc vào cây để nó khỏi ăn mất trâu của mình, trong khi mình về nhà lấy trí khôn đưa cho hổ, rồi sau đó lấy lửa đốt hổ và nói to: "Trí khôn tao đây! Mày đã thấy chưa?"). Tôi đã viết *Lửa vàng, lửa trắng* kể chuyện đứa con người nông dân trước kia, bây giờ lại trị tội con hổ con của con hổ già ngày trước, bằng cách đốt nó với một thứ lửa khác, không giống các thứ lửa màu vàng khi hổ già đã bị đốt mà bằng một thứ lửa màu trắng, ấy là vôi sống bỏ vào hố nước...

Truyện kể ngược lại với truyện cũ cũng có một số nhà văn đã viết. Trong câu chuyện cũ, thằng Cuội vốn mang tiếng là nói dối (nói dối như Cuội) nhưng trong *Hòn Cuội*, Nguyễn Đình Thi đã dựng lên một chú Cuội rất đáng yêu, đáng quý vì ở đó ta thấy Cuội thật sự là một con người, theo cái nghĩa đẹp của nó.

⁂

Trong chuyện ta kể, thường phải có nhân vật.

Chọn nhân vật, hình dáng ra sao, cao thấp thế nào, tính nết ra sao, dựa vào ai có thật ở ngoài đời để đưa vào chuyện mình kể (người mẫu) là cả một vấn đề. Vì chính qua nhân vật mà ta mới nói lên được cái điều ta muốn nói với người nghe ta, đọc ta.

Thường thường, các tác giả hay dựa vào một người chính, rồi bồi đắp, thêm thắt vào. Có thể lấy đôi mắt người này đặt vào khuôn mặt người kia, có thể cho thêm một bộ râu, một vết sẹo v.v... Quan trọng hơn có thể lấy tính nết, hoặc thói quen của một người nào đó, ghép thêm vào tính nết của người

mình đã chọn làm nhân vật, hoặc lấy nhân vật, hoặc lấy hành động người này ở nơi đây, đặt cho người nọ ở nơi kia, v.v...

Đặt tên cho nhân vật cũng là một điều đáng quan tâm và cũng khá quan trọng. Thông thường những nhân vật đẹp, cao thượng hay có cái tên đẹp và quý, và kẻ ác, xấu có cái tên không hay tí nào. Nhưng cũng có trường hợp tác giả dụng ý đặt cho nhân vật mình một cái tên xấu xí hoặc thô thiển để người đọc thấy thương và có cảm tình với nhân vật của mình hơn. Tên nhân vật có khi mang cả tâm huyết của tác giả. Trong *Tìm mẹ,* Nguyễn Huy Tưởng không phải bỗng dưng mà đã đặt tên cho hai em bé trong truyện là *Nhà* và *Gạo* đâu. Mà chính vì *cái ở (Nhà), cái ăn (Gạo)* là hai điều gốc gác nhất trong cuộc sống của con người, nhất là ở Việt Nam.

Còn trường hợp nhân vật là những con vật, những loài cây cỏ, hoặc mặt trời, mặt trăng, thì tôi đã có nói, đã trao đổi với các em ở phần trên rồi. Tôi xin miễn nói lại ở đây...

⁂

Muốn kể chuyện hay, người viết nên biết những cái hay trong nghệ thuật kể.

Chúng ta ai cũng biết mẩu chuyện *Sang cả mình con* – với nội dung ấy thật ra có nhiều cách kể. Có thể kể rất thật thà và câu kết đơn giản là: "Thưa ông, ông mát rồi, khỏe rồi, còn con thì mệt nhoài cả người đây!" hoặc khá hơn một chút: "Thưa ông, ông ráo hết mồ hôi thì con lại ướt đẫm mồ hôi". Nhưng hay nhất vẫn là cách cha ông ta đã kể: "*Mồ hôi ông đã chạy hết sang mình con*". Nó vừa có tính hình tượng, vừa có ý nghĩa mỉa mai phê phán... Trở lại truyện *Nồi súp rìu.* Thực ra cũng có nhiều cách để làm cho cái bà keo kiệt kia phải bỏ ra một ít bột, mỡ, bánh mì. Ví dụ có thể bịa ra một cốt truyện khác. Biết bà này keo kiệt, nhưng cũng biết bà ta có đứa con đi ra trận, nên anh lính kia mới kể: "Có một anh lính, vì gặp một bà keo kiệt nên đã chết đói trên đường về thăm mẹ..." – Bà keo kiệt nghe chuyện lo nghĩ đến con mình, xấu hổ vì cái tính keo kiệt của mình nên đã đem bột, mỡ và bánh mì ra cho anh lính nấu xúp ăn cho đỡ đói... Nhưng rõ ràng là giữa hai cốt truyện, cốt truyện *Nồi súp rìu* hay ơn nhiều vì nó thông minh hơn, mới hơn, hấp dẫn hơn. Còn cốt truyện sau thì phần nào hơi công thức... Qua hai câu chuyện *Sang cả mình con* và *Nồi súp rìu,* chúng ta có thể nói: phải *chọn cốt truyện hay nhất, cách kể hay nhất* để mà kể chứ không phải cốt truyện nào cũng kể cách kể nào cũng được. Có nhà văn đã nghĩ ra bốn, năm cốt truyện rồi mới chọn cái nào ưng ý nhất để viết.

⁂

Có nhân vật rồi, có cốt truyện hay rồi (và nên nhớ cái hay của cốt truyện chủ yếu vẫn là ý nghĩa của nó) nhưng nếu không tạo được tình huống hay, chi tiết hay thì cũng rất dễ bị nhạt nhẽo.

Người chồng trong *Người đàn bà Nam Xương* có thể đi trận về và ghen vợ trong nhiều tình huống khác nhau. Ví dụ: Vì có kẻ xấu gièm pha (kẻ này trước kia yêu vợ chàng Trương, chàng Trương đi vắng, vẫn tiếp tục quyến rũ mà không được). Cũng có thể ghen với một chàng trai trước kia thân thiết với vợ mình, lúc về lại bắt gặp hai người đang chuyện trò thân mật (mặc dù sự thật là hai người đang lo bàn chuyện sửa lại cái nhà cho đỡ dột) v.v... Nhưng dù *cái bóng trên vách* để tạo nên sự nghi ngờ và ghen tuông của người chồng thì thật là tuyệt. Nhất là với những câu nói của đứa con nhỏ: "*Ở nhà con cũng có cha... mẹ ngồi cha cũng ngồi, mẹ đi đâu cha đi theo đó...* Thêm nữa, còn có cái thâm thúy là thực ra cái bóng bản thân nó có đâu. Phải có một ngọn đèn, một con người thì cái bóng kia mới có được. Vậy là *nó – cái vốn không có đó – lại có* thể gây nên tai họa, tang tóc cho cả một gia đình nếu người trong cuộc không bình tĩnh, sáng suốt và không có lòng tin ở người thân của mình.

Cái tình tiết sau khi người vợ nhảy xuống sông tự tử, đứa con mới chỉ vào cái bóng của cha mình và nói: *Cha trước của con lại về kia kìa*! Và người cha bàng hoàng nhận ra nỗi oan của vợ, hối hận đến tột cùng, cũng là một tình tiết hết sức đắt giá.

Tình huống, chi tiết thường gắn với *chất liệu:* trong truyện *Vợ chàng Trương,* cái bóng là một chất liệu: Trong *Cây khế,* bản thân cây khế là một chất liệu. Chọn chất liệu vì vậy là một việc làm rất quan trọng. Vì sao chọn chất liệu cây khế là hay? Theo tôi nghĩ vì cây khế đúng là cây của nhà nghèo. Vị chua của khế là vị chua rẻ tiền hơn các vị chua khác, như chanh chẳng hạn: *Chợ chiều nhiều khế ế chanh, Nhiều cô gái góa nên anh chàng ràng* (Ca dao). Như thế rõ ràng khế chỉ là những cô gái góa, còn chanh mới là những em gái chưa chồng. Mặt khác màu vàng của quả khế chín sáng lấp lánh rất gần với vàng (vàng để làm đồ trang sức) hơn là màu vàng của bưởi, của xoài... Cũng như trong truyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen mà chúng ta ai cũng biết, *ánh sáng của những que diêm* (chứ không phải của những ngọn nến, hay những ngọn đèn dầu) thật là thích hợp với câu chuyện ông kể. Lửa diêm sáng lóe lên, sáng đến xanh biếc nhưng chỉ trong giây lát đã tắt ngay, giống hệt như những mơ ước của cô bé bán diêm nghèo đói: em đánh diêm lên và trong ánh sáng kì ảo ấy, em thấy hiện ra một gian phòng ấm, một bàn dọn các món ăn ngon, và sau cùng em gặp được bà em... Nhưng tất cả đã biến liền ngay sau đó...

⁂

Kể chuyện có rất nhiều cách kể. Và mỗi ngày người ta lại tìm ra những cách mới.

Người ta có thể kể theo trình tự thời gian, chuyện xảy ra trước kể trước, chuyện xảy ra sau kể sau. Thường thường các truyện cổ tích hay kể theo kiểu này (*Tấm Cám, Cây khế, Ông Gióng,...*).

Nhưng người ta cũng có thể kể ngược lại. Chuyện xảy ra sau kể trước, chuyện xảy ra trước kể sau. Cách này, người ta cũng rất hay dùng. Ví dụ: Một người mẹ đang buồn (chuyện hiện nay) vì đứa con trai không vâng lời mình (chuyện xảy ra trước đó, bây giờ nhắc lại) và bà quyết định sẽ đến nhà người con gái để ở, không ở với người con trai nữa (chuyện sắp xảy ra).

Còn có cách kể chuyện đan xen vào nhau nhiều hơn: *trước – sau, sau – trước; trước – sau.* Ví dụ: Một anh thương binh đang làm chủ nhiệm một hợp tác xã, ngày đó bỗng gặp lại người bạn chiến đấu cũ của mình. Người bạn đang gặp khó khăn muốn nhờ anh giúp đỡ. Anh bộ đội chủ nhiệm nhớ lại chuyện ngày trước ở chiến trường anh bạn kia đã cứu mình thoát chết. Anh gắng giúp bạn nhưng một người trong ban chủ nhiệm không ủng hộ. Anh thử tìm hiểu nguyên nhân và sực nhớ đến một chuyện không hay đã xảy ra giữa hai người trước đó không lâu. Vì bạn, anh lại suy nghĩ tìm cách thuyết phục cho kì được đồng chí trong ban chủ nhiệm kia. Cuối cùng anh đã đạt được ý muốn.

Cách kể chuyện *hai việc cùng xảy ra trong một lúc* ở hai nơi khác nhau, cũng là một cách thường gặp ở một số chuyện kể: Ở nhà, bà mẹ kia đang hi vọng con mình sẽ học giỏi, thành đạt thì cũng đúng vào lúc đó ở tại thành phố nọ đứa con của bà đang chơi bời, nhậu nhẹt, không nghĩ gì đến mẹ ở nhà.

Tôi chỉ xin thử kể ra một số cách kể chuyện trên đây. Còn, như tôi đã nói, có vô vàn cách kể chuyện. Có cách kể ở ngôi thứ ba: *Nằm mãi không ngủ được. Chị nghĩ đến mẹ mình đang bị ốm nặng.*

Có cách kể ở ngôi thứ nhất thường là truyện tự thuật, hồi ức: *Tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng ven biển... Tôi không còn nhớ mặt bố tôi ra sao nữa vì bố tôi mất sớm...*

Có cách kể ở ngôi thứ ba, là chủ yếu: *Xuân đi dạy học đã ba năm nay, anh được các bạn đồng nghiệp và các em học sinh quý mến...* nhưng xen vào đó là những đoạn kể ở ngôi thứ nhất (tự thuật nội tâm). *Xuân đang trên đường về nhà.*

Sao hôm nay mình lại không tự kiềm chế được mình và đã mắng các em hơi quá lời như vậy.

Lại còn có cách kể... Cả một câu chuyện dài mà chỉ *toàn qua những lá thư gửi đi, gửi lại* giữa hai người là nhân vật trong chuyện. Gần đây tôi còn được đọc một vài tác giả, kể một câu chuyện mà chỉ *toàn bằng đối thoại giữa hai người* (người này là chồng, người kia là vợ).

Vì vậy các em cứ tha hồ tìm cách kể câu chuyện mình muốn kể, theo cách mà mình thấy thích hợp nhất.

⁂

Người ta thường nói kể chuyện *khó nhất là lúc vào đầu.* Điều đó có thể đúng. Nhưng nếu vậy thì *kết thúc* không khó hay sao?

Nói chung *mở đầu* và *kết thúc* đều quan trọng. Một bên như là để mời người đọc vào sống với câu chuyện mình kể. Một bên là để tiễn người đọc ra

về. Nếu người đọc ra về mà không nhớ một chút gì, không suy nghĩ vui, buồn một chút nào về câu chuyện mình kể thì hãy coi chừng. Người viết đã thất bại rồi đấy.

Câu chuyện cổ tích thường bắt đầu bằng: *Ngày xưa có một cậu bé, ... Ngày xưa có một cặp vợ chồng,* v.v... Gần đây, viết những chuyện cổ tích mới có người có thay đổi đi đôi chút. *Ngày xưa, xưa, xưa...* hoặc *Ngày xưa xưa lắm* (*Chuyện hoa, chuyện quả* của Phạm Hổ) và sau đó là người kể đi thẳng luôn vào câu chuyện mình muốn kể.

Cũng như cách kể chuyện na ná như vậy, người ta có thể mở đầu bằng tên một người đã nổi tiếng: *Khổng Tử* ra chơi ngoài đồng, thấy một người đàn bà đứng khóc nỉ non..." hoặc "*Ông Tăng Sâm ở* đất Phi. *Ở* đây có kẻ trùng tên với ông..." (*Cổ học tinh hoa* của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tử An Trần Lê Nhân).

Có những chuyện kể khác thì người ta có thể bắt đầu bằng đủ cách:

– Bằng một câu tả cảnh: "*Trăng sáng quá, cô giáo An đang ngồi ở đầu sân bỗng nhớ đến chồng vở đang chờ cô vào chấm ngay trong đêm nay...*".

– Bằng một ý nghĩ về cuộc đời: "*Từ nay, mình sẽ sống ra sao?*"

– Bằng một câu cảm giác mới lạ: "*Lần đầu tiên Lan cảm thấy gió buổi chiều như đang thầm thì với mình*".

– Bằng một tiếng kêu: "*Trời hỡi là trời*".

– Bằng một tiếng gọi thân mật: "*Hòa ơi!*".

– Bằng một câu hỏi: "*Sao anh lại lặng im mãi thế?*".

– Bằng một âm thanh: "*Tùng... tùng... tùng*" (tiếng trống) hoặc "*ù... ù... ù...*" (còi tầm) v.v...

Có *vô vàn cách vào chuyện* thì cũng có *vô vàn cách kết thúc*. Cách kết thúc câu chuyện thường hay gắn với chủ đề câu chuyện.

Lần đó có một em ở Câu lạc bộ Văn học Cung Văn hóa thiếu nhi Hà Nội kể chuyện về một cái bóng đèn điện. Chú bóng đèn này thích phô trương, không chịu đứng yên cứ nhờ gió thổi mạnh để cho mình được đung đưa, tung tẩy, nhưng rung mạnh, chú bóng đèn bị cháy tóc. Em bé đem cái bóng đèn ấy ra ném vào một cái sọt rác. Hai em bé khác đi ngang qua lấy đá ném cho cái bóng vỡ tan ra... Đem đọc chung có mấy ý kiến cho là cách kết thúc ấy hơi gay gắt. Tác giả câu chuyện liền viết lại và cho hai em bé mang cái bóng đèn về, cắt bỏ đoạn trên, lấy phần dưới làm một cái lọ con, đặt trên ba hòn cuội để nuôi cá vàng. Cái bóng đèn lại được tiếp tục cuộc sống mới của nó. Tác giả tâm sự: "Em cũng có cân nhắc giữa việc dùng cái bóng điện để nuôi sống cây vạn niên thanh xanh tốt hoặc để nuôi cá vàng. Cuối cùng em chọn nuôi cá vàng vì em thấy như thế vui hơn...".

Xem thế đủ thấy một câu chuyện kể có thể kết thúc bằng nhiều cách, tùy theo ý nghĩa mà người kể muốn gửi vào trong câu chuyện.

Rô-đa-ri, nhà văn nổi tiếng viết cho thiếu nhi của Ý, có viết rất nhiều truyện và ở mỗi truyện đều có ba cách kết thúc khác nhau. Ông để tùy độc giả chọn cái kết thúc mà mình thích nhất. Nhưng đồng thời tác giả cũng nói rõ mình thích nhất cái kết thúc nào[1].

Nói cụ thể hơn, về những cách kết thúc thì các câu chuyện cổ tích thường hay khép lại bằng hai chữ: *"Từ đấy"* (*"Từ đấy hoàng tử và công chúa luôn sống bên nhau..."* hoặc *"Từ đấy vợ chồng cụ già không còn bị ma quỷ quấy rầy như trước..."*).

Còn trong những câu chuyện khác thì người ta thường kết thúc bằng những cách na ná như khi vào chuyện: *tả cảnh, tả tình, một cảm giác mới lạ, một tiếng kêu, một tiếng gọi, một câu hỏi, một âm thanh...*

Và bằng những cách đó, người kể chuyện thường muốn gợi cho độc giả:

- Một sự đột ngột thú vị.

- Một dư âm ngân nga mãi trong lòng người đọc.

- Một sự nhấn mạnh về ý nghĩa câu chuyện mình kể (Nên sống như thế nào? Nên xử thế ra sao? Nên yêu cái gì? Ghét cái gì?).

***

Khi kể chuyện cần chú ý đến *giọng kể.* Giọng kể thường phụ thuộc vào câu chuyện. Thường thường chuyện vui thì người ta hay kể bằng *giọng vui,* còn chuyện buồn thì hay kể bằng *giọng buồn.* Nhiều chuyện có lúc vui, có lúc buồn thì giọng kể cũng có thể tùy theo đó mà thay đổi. Nhưng cũng có trường hợp, người kể lại dùng một giọng không vui mà cũng không buồn. Nghĩa là họ kể một cách *bàng quan,* có khi lạnh lùng nữa.

Nói chung người kể bằng giọng nào thì tùy thích, miễn là đạt được hiệu quả cao.

Nhân nói đến giọng kể và những chuyện vui, buồn, tôi muốn nói đến một vấn đề quan trọng hơn. Tôi đọc chuyện cổ tích, truyện kể của nước ta và của một số nước trên thế giới, tôi thấy hình như mỗi dân tộc có một tính cách riêng qua những câu chuyện ấy. Có khi rất gần nhau mà tính cách dân tộc này thì thế này mà tính cách dân tộc kia thì lại thế kia, chứ không cứ phải xa mới khác nhau đâu. Chúng ta có lẽ ai cũng đã đọc truyện *Nghìn lẻ một đêm,* trong đó có những truyện thật dữ dội. Riêng tôi lần đầu tiên đọc thấy trong đó có chuyện người anh hóa thành con chó để người em dắt đi theo, tôi cứ bàng hoàng cả người. Hình như ở ta cũng có chuyện hóa thành hổ, thành chim, thành cóc... nhưng hóa thành chó rồi đứa em ngày ngày dắt đi theo,

---

[1] Những năm trước đây, báo Văn nghệ có đăng một số truyện kể kiểu này của Rô-đa-ri. Tuy nhiên, trong thực tế sáng tác các nhà văn còn sử dụng nhiều cách kết thúc khác nhau...

thì hình như không có. Nói thế tôi không có ý cho là dân tộc mình hơn dân tộc khác đâu. Trong chuyện người anh hóa thành chó, cũng có cái khía cạnh hay của nó. Trước hết là nó rất đời... ở đây tôi chỉ muốn nói đến tính cách khác nhau thôi... Tôi lại cũng nhận thấy rằng dân tộc mình, cha ông mình thường hay dạy con cháu lòng nhân ái: *"Lấy nhân ái thắng hung tàn"*, lòng thương người: *"Thương người như thể thương thân"*. Tôi cũng thường hay chú ý đến cách đặt tên rất độc đáo của nhân dân mình cho những thứ độc địa, thậm chí giết người: *mìn lá, bom dứa, con ngỗng* (máy bay của Pháp), *sừng trâu* (tức là máy bay B.52 của Mĩ). *Lá, dứa, ngỗng, sừng trâu* đều là những cái tên hiền lành, đáng yêu và thân thiết nữa là khác. Vậy mà nhân dân ta đã dùng chúng để đặt tên cho những thứ vũ khí man rợ và bất nhân kia...

Nói gọn hơn, tôi mong rằng khi sáng tác ra những câu chuyện để kể (hoặc kể lại một câu chuyện đã có theo cách cảm nghĩ mới của mình, hoặc viết tiếp theo những câu chuyện ấy), khi tạo tình huống, khi tìm chi tiết, chất liệu, khi chọn giọng kể, ngôn ngữ để kể, có lẽ chúng ta nên chú ý đến cái *tính cách Việt Nam,* cái chất *tâm hồn Việt Nam,* cái *hương vị Việt Nam.* Không có cái gọi là *riêng của Việt Nam* đó thì tôi e rằng giá trị, hiệu quả chuyện mình kể sẽ bị ảnh hưởng, sẽ bị giảm sút rất nhiều.

Các em có thể sẽ đặt ra một câu hỏi: Vậy làm thế nào để có được cái chất Việt Nam kia?

Tôi xin trả lời một cách thật giản dị: Cứ xem cho nhiều những vở chèo, vở tuồng, nghe cho nhiều những câu dân ca, những câu hò... cứ chịu khó đọc thật kĩ vốn văn học dân gian, vốn văn học cổ điển dân tộc..., cứ sống hết mình với những người thân trong nhà, ở trường, ngoài xã hội... dần dần các em sẽ có một cái vốn về dân tộc, tâm hồn các em sẽ thấm đượm một hương vị Việt Nam lúc nào không hay... Và khi nghĩ, khi viết, cái hương vị ấy tự nó sẽ tỏa ra từ những dòng chữ...

⁂

Điều cuối cùng tôi muốn được trao đổi với các em là các em *chỉ nên kể về những chuyện gì mà các em thuộc, về những nhân vật mà các em yêu thật sự (hoặc ghét thật sự),* chứ đừng nên kể những gì mà các em chỉ mới biết, mới nghe qua, chưa thấy xúc động, chưa thấy muốn kể cho người khác cùng nghe.

Có một tập truyện nổi tiếng khắp thế giới (đáng tiếc là ở nước ta chưa dịch) của Mô-rít-xơ Xen-đắc (Ba Lan): *Nấu bếp đêm.* Một trung tâm nghiên cứu lớn ở Mĩ đã nhờ hàng trăm người tham gia vào việc tìm hiểu vì sao mà tác giả lại có thể viết hay đến như vậy. Họ điều tra ở các bạn đọc nhỏ tuổi (điều tra rất kín đáo, không hề cho các em biết là mình bị điều tra, bằng cách bí mật đặt máy ghi âm, rồi thu nhặt những ý kiến của các em một cách rất tự nhiên, thoải mái). Họ khéo léo điều tra cả tác giả thông qua các nhà báo, nhà văn đến phỏng vấn, trò chuyện. Họ đặt ra rất nhiều câu hỏi một

cách cũng thật thân mật và nhẹ nhàng, trong đó có những câu rất vui: *"Tại sao tác giả lại chọn ba người hoặc bốn người, năm người?"*. Tác giả Mô-rít-xơ Xen-đắc đã vui vẻ trả lời đại khái như sau: "Có lẽ vì ngày xưa bố tôi là thợ may; ông ngồi ở giữa và có hai người ngồi phụ việc ở hai bên, vì vậy mà con số *ba người,* trong ý nghĩ tôi từ bé đến lớn là con số tốt nhất, đẹp nhất, hay nhất. Cho nên, khi tôi viết *Nấu bếp đêm,* không cần nghĩ ngợi, tôi đã chọn con số *ba người*". Với câu hỏi: "Tại sao tác giả lại chọn cái *lọ đựng sữa* mà không dùng cái *bình đựng sữa?*", Mô-rít-xơ Xen-đắc cũng trả lời na ná như vậy: "Có lẽ vì lúc bé, mẹ tôi hay dùng *cái lọ,* chứ không dùng *cái bình* để cho tôi ăn sữa...".

Và cả cái công trình nghiên cứu tốn rất nhiều công phu, nhưng cũng rất khoa học kia, khi kết luận đã viết một câu đại khái như câu tôi đã nói ở trên: tác giả viết hay vì tác giả đã viết những gì *mình thuộc nhất, những gì đã thành máu thịt của chính mình.*

Mà các em, nếu biết sống tốt, sống hết mình với mọi người, trong gia đình, ngoài xã hội, biết chịu khó quan sát, cảm nhận và suy nghĩ (có ghi chép hoặc không cần ghi chép, tùy theo cách làm việc của các em) nhất định các em cũng sẽ có những câu chuyện, những con người, những chi tiết, những chất liệu, mà các em hiểu, các em thuộc (và chừng mực nào đã trở thành máu thịt của các em), để các em viết lại, kể lại cho các bạn mình cùng nghe.

PHẠM HỔ (Trích từ cuốn *Về văn miêu tả và kể chuyện,* NXB Giáo dục, 1991)

BÀI ĐỌC THÊM:

MỘT NGƯỜI ĂN MÀY KÌ DỊ

Ngày xưa có một tên ăn mày cổ quái làm nghề hành khất, cái nghề là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa, thế mà hắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới vào xin ăn. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho giáp được mặt chủ nhân rồi mới xin. Có một lần, hắn vào đến nhà giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhân cùng vài quý khách đang ngồi uống trà buổi sớm. Mọi người thấy hắn mon men lên thềm, và người thu hình lại ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả để coi tên này định giở trò gì. Hắn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người khoan khoái uống trà. Hắn đánh hơi mũi và càng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tan bay trong phòng. Thấy mặt tên ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉu quá, chủ nhân bèn hỏi hắn muốn xin cơm thừa hay canh cặn hay là hơn nữa: Hắn muốn xin xôi gấc. Hắn gãi tai, tiến lại gần tủm tỉm cười và lễ phép xin chủ nhân cho hắn uống nước trà với! Mọi người tưởng hắn điên nhưng không nỡ đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được nguyên ấm trà mới kia. Hắn nói xong, giở cái bị ăn mày của hắn, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. Thấy cũng vui vui và là lạ, mọi người lại đưa

cho hắn mượn cả khay trà và phát than tàn cho hắn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa với bọn họ đến bực nào mới thôi. Hắn xin phép đâu dấy rồi là bắt chân chữ ngũ tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tống sang chén quân trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hắn là ăn mày, dầu quần áo của hắn rách như tổ đỉa.

Uống chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hắn nheo mắt lại chép môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhân: "Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi, được các Ngài cao quý rủ lòng thương thực kẻ ti tiện này không có điều gì dám kêu ca nữa, chỉ hiềm rằng bình trà của Ngài có lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa lấy gì khoái hoạt lắm".

Hắn lạy tạ, tráng ấm chén lau khay hoàn lại nhà chủ, lau xong cái ấm độc ẩm của hắn, hắn thổi vài hơi vào ấm đất và cất kĩ lưỡng ấm ấy vào bị; thế rồi xách nón, xách gậy, vái lạy chủ nhân và quan khách xong, hắn tấp tểnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy cả nhà đều lấy làm sợ tên ăn mày vì ở lọ trà đánh đổ vung cả trên mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến nửa chục mảnh trấu.

NGUYỄN TUÂN

BÀ LÁI ĐÒ

Chúng tôi tới một bờ sông và phải qua con sông khá rộng ấy. Chà, chúng tôi thở phào một hơi khoan khoái: Chúng tôi sẽ được nghỉ chân trên thềm. Một người đàn bà ngoài bốn mươi ngồi cạnh một thằng bé chừng tám, chín tuổi, hướng mặt ra sông, đang vót tre bằng con dao nhọn.

Thấy tiếng động người ấy quay nhìn chúng tôi và có ý hớt hải, thu xếp các thứ rồi một tay cầm dao, một tay dắt con, nhảy xuống thuyền. Bà ta lay nhổ vội vàng cái sào cắm chặt vào bùn rồi đẩy mạnh chiếc thuyền nan. Con thuyền chổng mũi lên trời, vỗ sóng đành đạch, nhảy chồm ra xa. Nhưng không hiểu sao tự nhiên nó quay lại ghé vào bờ.

Đồng chí Việt Nam muốn chừng hiểu ý, nói:

– Bà cho chúng tôi sang sông với chứ. Sáu người chả nặng lắm đâu.

– Vâng, cháu ghé vào chỗ khô để các ông khỏi lấm giày.

Chúng tôi xuống thuyền, ngồi thăng bằng thì thuyền quay mũi. Chúng tôi duỗi chân cho đỡ mỏi, rồi lấy thuốc lá ra hút. Chúng tôi nói chuyện với nhau về các khúc sông bên Châu Âu. Gió hiu hiu lướt trên da làm chúng tôi mát rượi. Sóng phản ánh vàng, mặt nước chói như gương.

Qua nửa bên này yên lặng, thuyền tới chỗ chảy xiết chúng tôi phải vịn vào nhau để ngồi cho vững. Bỗng tự nhiên con thuyền tròng trành đảo lộn đi, hất thằng bé xuống nước. Đồng thời chúng tôi nghe thấy tiếng bùng bục: người đàn bà cầm dao nhọn đang xỉa đâm nát cả phía lái.

Nước ùa vào trong khoảnh khắc, cả chúng tôi băng ra giữa dòng. Trước thế nguy, chúng tôi giữ bình tĩnh.

– Anh em! Phải cứu lấy đàn bà và trẻ em.

Lệnh đưa ra, chúng tôi hết sức chống nhau với sóng với xoáy để đuổi kịp những cái đầu lúc nhô lên lúc thụt xuống theo đà nước đỏ ngầu.

Anh Bảo – tên Việt Nam của một đồng chí Đức đã nhanh tay ôm được thằng bé và cõng nó vào bờ, còn chúng tôi đuổi theo người mẹ. Nhưng hễ nắm được cánh tay thì đàn bà quái gở ấy lại giãy giụa, hình như muốn chạy trốn.

Nhưng không thể, chúng tôi phải cứu. Và sau hết, bà ta cũng được dìu vào bờ. Chúng tôi đặt hai mẹ con nằm trên cỏ, xúm lại chữa. Cả hai người nôn ra nhiều nước và đã thở được đều.

Chừng nửa giờ sau, bà lái đò mới mở đôi mắt mệt nhọc, nhìn chúng tôi thở dài, nhắm mắt lại. Biết rằng bà ta đã tỉnh, đồng chí Việt Nam hỏi:

– Tại sao bà nỡ xử chúng tôi như thế?

– Họ là người Pháp, chúng tôi không chở cho giặc. Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam mỉm cười:

– Các đồng chí này không phải là người Pháp mà là người châu Âu giúp chính phủ ta đánh Pháp đấy, bà ạ.

Bà lái đò uể oải nhìn chúng tôi một lượt, rồi không hiểu bà có tin hay không lại thấy bà ta nhắm mắt như trước.

– Thế các đồng chí này là người Pháp, sao bà còn để xuống thuyền?

– Tôi cũng tính chạy, nhưng sau sực nghĩ ra là các ông có súng không để các ông xuống cũng chết. Đằng nào cũng chết, thà tôi chết mà giết được tất cả có hơn không?

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau.

Đồng chí Việt Nam lắc đầu rồi hỏi:

– Nhà bác ở đâu?

– Tôi không có nhà. Chỉ có chiếc thuyền ấy.

– Thế gia đình bà có những ai? Chúng tôi muốn vào thăm.

– Tôi góa, chỉ có một thằng bé.

Bà mở mắt ra nhìn con, rồi quờ tay sờ trán và sờ ngực nó.

NGUYỄN CÔNG HOAN (*Kể theo lời một đồng chí Tiệp Khắc*)

CON TÔI ĐI HỌC

Cháu Hoài, con thứ hai của chúng tôi, đi học vỡ lòng. Hôm đầu, trong khi cô giáo gõ thước lên bảng cho học trò đồng thanh vần "eo mèo", thì cháu bịt mũi kêu "meo" rất to làm cả lớp cười lăn ra. Suốt ngày chân tay, quần áo cháu đầy mực tím. Vở viết đến tờ thứ hai thì tờ thứ nhất xé ra gấp tàu bay. Có hôm, bạn gọi ngoài ngõ, cháu vội cắp nhầm cả sổ công tác của mẹ ra cho cô giáo chấm. Một hôm, tôi dạy cháu vần "nờ a na" rồi bửa luôn quả na chín cho cháu ăn. Cháu thuộc rất nhanh và bảo: "Ngày mai bố dạy con vần "mít"

nhớ...". Hôm học chữ "cờ on con", đến bữa cháu nhất định chỉ nói: cho con bát "cờ". Anh Phương cháu bèn chơi khăm "Cờ ư cũng là cờ, biết cho Hoài ăn cái gì!".

NGUYỄN PHAN HÁCH

LÃO HẠC BÁN CHÓ

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi, vừa thấy tôi lão bảo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!

– Cụ bán rồi?

– Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và mắt lão ầng ậc nước...

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại nhau, ép cho nước mắt chảy ra, cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết! Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ nằm im như nó trách tôi, nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

NAM CAO (Trích *Truyện ngắn chọn lọc*)

ANH PHẢI SỐNG

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chồng cho mũi thuyền quay về phía thượng du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô khi chìm, khi ẩn khi hiện trên làn nước phù sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mắt chết đuối trong nghiên son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng, chồng giữ ghì lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trời đổ mưa... Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

– Giời ôi!

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh lùng trôi đi, ôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ:

– Mình liệu bơi được đến bờ không?

Vợ quả quyết:

– Được!

– Theo dòng nước mà bơi... Gối lên sóng!

– Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi.

– Thế nào?

– Được! Mặc em!

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lỉm: Cố hết sức bình sinh, nàng lại mới ngoi lên mặt nước. Chồng vội vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu yếm nhìn chồng: Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu:

– Mỏi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi:

– Có bơi được nữa không?

– Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

– Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

– Không! Cùng chết cả.

Một lát – một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày – chồng lại hỏi:

– Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

– Không!... Sao?

– Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run lên khẽ nói:

– Thằng Bò! Cái Nhớn! Cái Bé!... Không... Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẳn đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng lặng buông tay để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

Đèn liện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sông đã lặn. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái đứng bên cạnh. Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng linh hồn kẻ đã hi sinh vì lòng thương con. Trong cảnh bao la, nước sông vẫn lãnh đạm chảy xuôi dòng.

KHÁI HƯNG (Trích *Anh phải sống*)

TIẾNG NÓI SÔNG CỬU LONG

Trăng tròn vành vạnh nhô lên khỏi ngọn sào. Gió xào xạc trong khóm trúc. Chúng tôi lặng yên ngắm cảnh, không muốn nghĩ ngợi gì cả, để tâm hồn chơi vơi nơi dòng nước. Sóng nhịp nhàng vỗ vào bờ. Văng vẳng bên tai tôi như có tiếng hỏi:

– "Các anh nhận được tôi không? Tôi là sông Cửu Long đây mà. Tôi với tổ tiên các anh vốn có duyên tiền kiếp, cùng ở phương Bắc, kẻ Tây, người Đông.

Từ một miền kì bí, trên cái nóc địa cầu, nơi có tuyết phủ, có Phật sống, tôi, băng chảy ra những rặng núi trùng điệp ở Trung Hoa, những khu rừng âm u ở Miến Điện, tôi uốn khúc ôm những chùa tháp ở Luang-prabang, hòa tiếng róc rách của tôi với tiếng khèn, hoặc âm thầm từ trên cao mấy chục thước đổ xuống tại thác Khône, vờn những mỏm đá ở Krau-chmar, phản chiếu cung điện của Miên Hoàng rồi lặng lờ tới đây, len lỏi trong những vườn xoài, vườn mận.

Không phải tôi mới tới đây đâu. Tôi đã tới từ mấy vạn năm trước, hồi mà miền này còn là biển khơi, có cá kình, cá ngạc. Tôi tới và chờ đợi tổ tiên các anh vì biết trước tôi với dân tộc Việt tất có ngày hội ngộ trên đất này. Trong khi chờ đợi, ngày đêm không nghỉ, tôi xói mòn đất đá của năm xứ, từ Tây Tạng đến Cao Miên, cho hóa ra phù sa bồi lấp Đông Hải thành cánh đồng phì nhiêu này để tặng dân tộc các anh đấy.

Công việc bồi đắp gần hoàn thành và hai trăm năm trước, tổ tiên các anh đã tới. Cái ngày gặp nhau đó vui làm sao! Trăng cũng vằng vặc như đêm nay. Tôi dưng lên vỗ vào chân họ, róc rách để ru họ. Họ cúi xuống để múc tôi,, vừa uống vừa rửa mặt. Có những ông già tóc bạc phơ ngâm thơ chào tôi; có những chàng thanh niên múa gươm hứa với tôi sẽ đổ máu để giữ gìn công phu của tôi là cánh đồng này. Những trang anh hùng ấy đã giữ lời hứa.

Song của càng quí thì càng có nhiều kẻ tranh. Tổ tiên các anh đã phải hi sinh nhiều, các anh còn phải hi sinh nhiều nữa mới khỏi phụ công phu trong mấy ngàn năm của tôi. Khéo mà giữ lấy nhé! Ráng mà giữ lấy nhé! Hoàn cảnh có khó khăn bực nào, hễ biết đoàn kết là sống. Đừng bao giờ để người ta chia rẽ. Đừng bao giờ quên rằng tuy ở miền Nam mà gốc vẫn là ở miền Bắc.

NGUYỄN HIẾN LÊ (*Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*)

NHỮNG CON BỒ NÔNG

Trời về chiều. Sương chiều từ màu trắng nhạt chuyển sang màu lam rồi thẫm dần. Mùa đông, mặt trời sớm lặn trong mây. Gió se se lạnh rồi trời tối ập xuống.

Trời tối rồi nhưng có một người mẹ vẫn chưa về với đàn con. Đàn con đang đói khát. Trong cái tổ kín đáo, giữa đám lau sậy, những con bồ nông nhỏ, lông chưa mọc đủ, đang tựa những cái cổ ngẩng cao vào nhau mà ngủ. Ngủ thay ăn.

Trong khi ấy bồ nông mẹ vẫn bay hết bờ này sang bụi kia để tìm mồi mang về cho các con. Bay mỏi, bồ nông sà xuống nằm nổi trên mặt nước. Ta thường gọi bồ nông là con lềnh đềnh hoặc con trôi bè. Chỉ nhìn bồ nông dập dềnh trên

mặt nước, nào ai biết bồ nông đang nóng lòng nóng ruột kiếm chút gì về cho đàn con. Nhưng trời mùa đông tai ác. Cá lặn sâu, tôm tép lặn sâu, ếch nhái đi ngủ kín trong hang. Bồ nông mẹ chẳng kiếm được chút gì về cho đàn con nhỏ.

Trời tối rồi. Bồ nông mẹ về tổ. Đàn con mắt nhắm mắt mở thấy hơi mẹ nhào ra. Bồ nông mẹ theo thói quen há mỏ ra cho các con đớp những miếng mồi mẹ thường giữ trong cổ. Đàn bồ nông con theo thói quen cũng thò mỏ vào họng mẹ nhặt mồi. Nhưng mồi chẳng có chỉ có cổ họng của bồ nông mẹ bị nắm, bị đứt ra theo những cái vặt, cái dứt của đàn con thơ ngây. Hết cổ họng rồi đến đám ruột của bồ nông mẹ đã chui vào bụng các con, cho tới lúc bồ nông mẹ kiệt sức tụt chân khỏi tổ và rơi xuống đầm nước.

Đàn bồ nông con được một bữa no. Nhưng đó là bữa ăn cuối cùng bồ nông mẹ nuôi bồ nông con.

(Trích *Văn 5 – Trung tâm Công nghệ Giáo dục*)

HOA ĐÀO NĂM TRƯỚC

Hồi đó tôi học năm thứ ba hay năm thứ tư trường Bưởi (sau đổi tên là Chu Văn An), ăn Tết ở Phương Khê xong, trở về Hà Nội.

Chiếc xe đò Mĩ Lâm từ Trung Hà xuống, đậu ở bến gần chợ Sơn Tây, một hồi lâu rồi mới khởi hành chạy một vòng chậm chậm trong thành phố để đón thêm khách. Trời lạnh, dân chúng còn ăn Tết, các cửa ngõ còn nửa khép nửa mở vỉa hè vắng bóng người và rải rác xác pháo.

Xe quẹo vào một con đường nhỏ nhưng sạch sẽ, trong một khu công chức và sau một bức tường thấp, tôi thấy ló lên một tán đào lớn, thịnh khai đỏ thắm. Xe vừa chạy tới một cánh cửa gỗ ở nách bức tường đó từ từ hé mở, một thiếu nữ trạc tuổi mười bảy bước ra: Vành khăn nhung bao làn tóc đen nhánh làm nổi lên nước da trắng mịn, hồng hào; áo the điều quần lãnh bưởi. Tôi có cảm giác trời xuân bỗng nhiên bừng sáng. Xe vẫn chạy chầm chậm, và tôi quay lại nhìn cho đến khi khuất bóng, lòng hồi hộp mà bâng khuâng.

Bâng khuâng không phải chỉ riêng vì người mà vì toàn cảnh. Ánh xuân trong dịu, đường phố thanh tĩnh, màu câu đối dán bên cửa với màu áo trên mình thiếu nữ, nét mực tàu với vành khăn nhung, nhất là màu hoa đào kia với nước da nọ, tất cả, cùng hiện lên một lúc, hòa hợp nhau một cách ngẫu nhiên mà tuyệt diệu. Chưa bao giờ tôi thấy một cảnh xuân như vậy.

Chiếc xe đã ra khỏi thành phố, bon bon trên con đường Sơn Tây – Hà Nội, tôi ngâm thầm bài *Đề tích sở kiến xứ* của Thôi Hộ:

"Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng"

Và tôi có cảm tưởng ngông cuồng rằng thi sĩ như đã tặng riêng tôi bài đó, vì hiểu thơ thì ai cũng có thể hiểu được, mà muốn cảm xúc mãnh liệt thì phải cái cảnh tả trong thơ. Cả một trời xuân bàng bạc trong bốn câu thơ của Thôi Hộ.

Từ đó, mặc dù biết rằng cũng sẽ thất vọng như Thôi Hộ thôi:

"Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong"

mà Tết nào đi ngang tỉnh lị Sơn Tây, tôi cũng để ý tìm lại cảnh hoa đào năm trước.

NGUYỄN HIẾN LÊ

HỒI ỨC TUỔI THƠ

Mỗi lần hướng mắt quay lui nhìn về quá khứ là tôi thấy bóng dáng của Bác tôi hiện lên, bao trùm cả một quãng đời thơ ấu của tôi như cây đa cổ thụ vẫn đứng bao trùm cả một vùng đất đá hoang vu, tỏa bóng mát hiền lành xuống một tòa cổ miếu, một mái chùa rêu phong hay những căn lều chợ xơ xác, quê mùa. Khi tôi bắt đầu có trí khôn, trí óc ghi nhận được sự hiện hữu của một vũ trụ nhỏ bé quen thuộc quanh mình thì khuôn mặt tôi ghi nhận đầu tiên là khuôn mặt Bác.

Bác không con, vì thế, khi tôi vừa đầy tuổi, thì Bác gái bắt tôi về nuôi. Kỉ niệm lùi xa nhất mà tôi còn giữ lại là những buổi chiều tôi theo Bác ra vườn tắm. Có lẽ lúc đó tôi lên năm. Bác mặc quần đùi còn tôi trần truồng. Bác thả gàu xuống giếng múc nước, lại đứng trên một tảng đá rộng đặt cạnh bụi đinh lăng. Tôi đứng ngang đùi Bác và khi Bác xối gàu nước xuống, nước chảy ào tuôn từ đầu đến chân tôi tha hồ mà ngộp, mà lật đật lấy hai tay vuốt mặt và đôi chân cứ nhảy cỡn lên.

Những buổi trưa Bác gọi tôi bỏ chơi để lên võng ngủ. Tôi nằm một đầu võng và Bác nằm ở đầu kia. Bác cầm một cuốn thơ Lục Vân Tiên viết bằng chữ Nôm bìa đã rách, những tờ đầu đen mướt mồ hôi. Bác ngâm nga tiếng rang rảng như không phải chỉ cốt để tôi nghe. Có lẽ cả bốn năm nhà lân cận cũng đang lắng tai nghe câu chuyện đang tới thời kì hồi hộp:

"Trịnh Hâm về tới Hàn Giang
Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay
Trịnh Hâm bị cá nuốt rày..."

Tôi hình dung thấy Trịnh Hâm đi thuyền ở ngay trên khúc sông trước mặt nhà tôi, khúc sông rộng tre mọc rậm hai bên bờ. Bóng hàng tre ngả xuống mặt nước và bờ sông lồi ra lõm vào làm cho lòng sông trông như hẹp bớt lại. Sóng nổi cao hơn những buổi trưa có gió. Tôi mơ màng nhìn thấy con sóng phủ ào vượt lên và theo con sóng lớn, một con cá chép thật to nhảy vọt lên thuyền ngậm trọn Trịnh Hâm vào miệng. Sau đó con thuyền mờ đi, sóng nước lao xao ánh nắng và tâm hồn tôi rung rinh trong một giấc ngủ chập chờn. Bên tai tôi, văng vẳng tiếng ngâm thơ mỗi lúc một nhỏ, một nhỏ lần:

... Thiệt trời báo ứng lẽ này rất ưng
Thấy vầy nên dửng dừng dưng
Làm người ai nấy thì đừng bất nhân...

VÕ HỒNG (*Người về đầu non*)

Phần II.

GIỚI THIỆU – THUYẾT MINH

Kiểu bài Giới thiệu – Thuyết minh nhằm làm cho người đọc biết và hình dung rõ một đối tượng nào đó bằng cách trình bày, miêu tả, phân tích đánh giá các khía cạnh và biểu hiện cụ thể của chúng.

Để viết bài văn giới thiệu – thuyết minh cần.

- Định hướng làm bài
- Sưu tầm ghi chép và chọn lọc tư liệu

DÀN BÀI ĐẠI CƯƠNG

a. **Mở bài:** Giới thiệu chung, khái quát đối tượng.

b. **Thân bài:** Giới thiệu chi tiết những nét, những đặc trưng của đối tượng.

c. **Kết bài:** Có thể nhấn mạnh đặc sắc của đối tượng nêu một lời mời, một kiến nghị hoặc một ấn tượng mạnh mẽ nhất của đối tượng đó.

Đề 1: Giới thiệu một danh lam thắng cảnh.

BÀI THAM KHẢO:

HÀM RỒNG

(Giới thiệu một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử)

Du khách đi bằng đường bộ từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam không thể không đi qua Hàm Rồng. Hàm Rồng nằm ở cửa ngõ phía bắc tỉnh lị Thanh Hóa, là yết hầu của con đường huyết mạch một thời đánh Mĩ, niềm tự hào của cả dân tộc trong một giai đoạn lịch sử oanh liệt.

Hàm Rồng trở thành bất tử với những chiến công oanh liệt và cảnh trí nên thơ. Nhưng hai chữ Hàm Rồng (tên chữ là Long Hạm hay Long Đại) vốn là tên riêng của một ngọn núi hình đầu rồng với cái thân uốn lượn như một con rồng từ làng Ràng (Dương Xá) theo dọc sông Mã bên phía bờ nam. Trên núi Rồng, còn có động Long Quang, hang ăn thông sang bên kia như hai mắt rồng, được gọi là hang Mắt Rồng (cho nên còn có tên gọi là núi Mắt Rồng). Truyền thuyết kể lại, con rồng đang vờn hạt ngọc ở phía bên kia sông bỗng bị trúng mũi tên độc vào mắt phải, nên phải gục ở bên sông. Mắt phải có lỗ ăn thông lên trên, mùa mưa nước chảy xuống màu đỏ, ấy là nước mắt rồng. Ở dưới động Long Quang, có mỏm đá nhô ra, hàm trên rộng, hàm dưới ngập

trong nước như đang hút nước, nên có tên chữ là Long Hạm, gọi nôm na là Hàm Rồng.

Bên kia sông, có hòn núi Ngọc, tên chữ là Hỏa Châu Phong hay còn gọi là núi Nít, ngọn núi này tròn trặn, các lớp đá chen dày tua tủa như ngọn lửa từ trong lòng đất bốc lên, bởi vậy mà gọi là Hỏa Châu Phong.

Chín mươi chín ngọn bên đông

Còn hòn núi Nít bên sông chưa về.

Chung quanh núi Rồng có nhiều ngọn núi trông rất ngoạn mục như: Ngũ Hoa Phong có hình năm đóa hoa sen chung một gốc, mọc lên từ đầm lầy, có hang Tiên với các nhũ đá mang nhiều vẻ kì thú: hình rồng hút nước, hình các vị tiên..., có ngọn Phù Thi Sơn trông xa như một người đàn bà thắt trên mình một dải lụa xanh nằm gối đầu vào thân rồng. Rồi núi mẹ, núi con như hình hai quả trứng, có núi Tả Ao, vũng Sao Sa có nước trong vắt quanh năm. Rồi núi Con Mèo, núi Cánh Tiên đều có hình thù như tên gọi.

Với cảnh trí nên thơ như vậy, Hàm Rồng là nơi dừng chân của bao tao nhân mặc khách: Lí Thường Kiệt, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Thượng Hiền, Tản Đà, ...; ở động Long Quang vẫn còn một số bài thơ khắc trên vách đá.

Hàm Rồng không những có cảnh đẹp thiên nhiên mà còn có bề dày lịch sử hàng trăm thế kỉ, đó là khu di chỉ núi Đọ (cách Hàm Rồng 4km về phía bắc) tiêu biểu cho thời đại đá cũ. Và từ núi Đọ đi xuống phía đông nam, cách Hàm Rồng 1km là khu di chỉ Đông Sơn, tiêu biểu cho nền văn hóa dân tộc thời kì đồng thau.

Hàm Rồng còn là nơi ghi dấu nhiều chiến tích lịch sử. Tại đây thế kỉ XIII, Chu Nguyên Lương, một nhà nho đã hưởng ứng khí thế Diên Hồng, chiêu tập dân làng và học trò của mình thành đội quân, lập nên chiến công oanh liệt ở Vạn Kiếp.

Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, quân và dân Hàm Rồng đã viết nên trang sử hào hùng.

Với quyết tâm cắt đứt mạch máu giao thông quan trọng này của ta, Bộ Quốc phòng Mĩ đã trực tiếp chỉ đạo phương án đánh phá Hàm Rồng. Chúng đã huy động 121 lần tốp với 2924 lần chiếc máy bay đánh phá 1096 trận, ném 71600 tấn bom phá với 11526 quả, 99 bom nổ chậm, bắn 600 tên lửa, 2840 quả rốc két, 2178 quả đạn pháo kích, hàng trăm tấn bom bi và thủy lôi. Tính bình quân mỗi người dân ở đây phải chịu đựng 5 tấn bom đạn của địch. Chỉ riêng trong trận đánh đầu tiên ngày 3, 4 tháng 4-1965 đã diễn ra vô cùng ác liệt. Địch đã xuất kích 174 lần tốp, 453 lần chiếc máy bay, ném 350 quả bom từ 500 đến 1000 kg, bắn hàng trăm quả tên lửa. Nhưng cũng trong hai ngày này, quân và dân Hàm Rồng đã chiến đấu ngoan cường, bắn rơi 47

máy bay, bắt sống nhiều giặc lái. Và trong hai lần chống chiến tranh phá hoại, Hàm Rồng đã hạ 116 máy bay, bắt sống nhiều giặc lái, trong đó có 2 pháo dài B52, giữ vững cầu, lập nên một kỉ lục bảo vệ cầu chưa từng có trong lịch sử thế giới, đem lại niềm tự hào cho dân tộc, bạn bè khắp thế giới khâm phục, ngợi ca. Cũng trên mảnh đất rực lửa anh hùng này, đã sản sinh nhiều tập thể anh hùng và những chiến sĩ anh hùng: Đại đội 4 pháo cao xạ, Đồn công an nhân dân Hàm Rồng, Phân đội 3 công an nhân dân vũ trang, Đại đội dân quân tiểu khu Nam Ngạn, Nhà máy điện 4-4, Đội cầu phà 19-5, các anh hùng Ngô Thị Tuyển, Đỗ Chanh, Lê Kim Hồng, ...

Hàm Rồng, nơi tụ hội những vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên, mảnh đất có bề dày lịch sử tiêu biểu cho nền văn hóa dân tộc, và truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước ngoan cường, mãi mãi là niềm kiêu hãnh, tự hào của nhân dân cả nước và là điểm du lịch hấp dẫn các du khách gần xa.

(*Lâm Bằng* – Báo *Nhân dân* – 1993)

ĐỘNG PHONG NHA

Động Phong Nha là "đệ nhất kì quan" nằm trong một quần thể hang động khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây Quảng Bình.

Để đến với động Phong Nha, người ta có thể đi bằng hai con đường. Đường thủy ngược dòng sông Gianh đến đoạn gặp sông Som rồi cứ theo sông Som mà vào. Đường bộ theo tỉnh lộ 2 đến bến sông Som (đường dài chừng 20 cây số). Từ bến sông này đi thuyền máy độ ba mươi phút là tới cửa động Phong Nha.

Ngồi trên thuyền chạy ngược sông ta thấy những khối đá vôi trùng trùng, điệp điệp, những xóm làng, nương ngô nằm rải rác. Nước sông Som xanh thẫm và rất trong.

Động Phong Nha gồm hai bộ phận: Động khô và Động nước. Động khô ở độ cao 200m. Động nước có một con sông dài chảy suốt ngày đêm. Sông sâu và rất trong, đây cũng là nơi thu hút khách du lịch.

Đi thuyền vào thăm động, chúng ta sẽ vô cùng ngạc nhiên và thích thú trước vẻ đẹp lộng lẫy và kì ảo của nó. Ở đó các bạn sẽ bắt gặp những hình khối đủ màu sắc do thạch nhũ kết tụ lại: có khối hình con gà, còn có khối như mâm xôi, cái khánh hoặc hình các ông tiên đang ngồi đánh cờ, tất cả rất huyền ảo, lung linh. Trong hang còn có một số bãi đá du khách có thể mặc sức leo trèo, luồn lách qua các bậc đá để chụp hình hoặc thắp hương lên các bàn thờ do người Chăm, người Việt Nam dựng lên tự thủa nào. Đi suốt chiều dài hơn ngàn mét ở phần ngoài của động, các bạn có cảm giác như lạc vào một thế giới khác lạ, thế giới của bồng lai tiên cảnh. Nơi đây vừa có vẻ hoang sơ, bí hiểm lại vừa thanh thoát và giàu chất thơ. Một giọt nước long

tong, một tiếng nói trong hang động đều có âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt.

Theo báo cáo của các nhà khoa học Hội Địa lí Hoàng gia Anh, động Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới. Động Phong Nha có bảy cái nhất: hang động dài nhất; cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.

Đến với động Phong Nha các bạn sẽ lấy làm thích thú bởi nơi đây đã và đang đầu tư cho cơ sở hạ tầng để sớm trở thành một địa điểm du lịch và thám hiểm hấp dẫn nhất trong nước cũng như thế giới.

(*Những bài văn hay* – NXB Đại học Sư phạm, 2003)

HỒ HOÀN KIẾM VÀ ĐỀN NGỌC SƠN

Nếu hồ Hoàn Kiếm là một đoạn dòng cũ của sông Hồng để lại sau khi sông chuyển dòng thì tới nay hồ đã có đến vài nghìn tuổi. Nhưng cái tên Hoàn Kiếm thì mới có từ năm thế kỉ nay. Trước đó, hồ có tên là *Lục Thủy* vì nước hồ bốn mùa xanh ngắt. Tới thế kỉ XV có tên *Hoàn Kiếm* do sự tích Lê Lợi trả gươm. Truyện kể rằng Lê Lợi khi còn ở Lam Sơn có bắt được một thanh gươm. Gươm ấy luôn ở bên ông trong suốt 10 năm chinh chiến. Khi dẹp xong giặc Minh, vua Lê về Thăng Long, một hôm ngự thuyền dạo trên hồ Lục Thủy, bỗng có con rùa nổi lên, ông rút gươm ra trỏ thì rùa liền đớp ngay thanh gươm mà lặn xuống. Như vậy là vua trả gươm cho trời. Vì vậy, hồ có tên là *Hoàn Kiếm*, gọi nôm na là *hồ Gươm*. Sau thủy quân dùng hồ làm nơi luyện tập nên có thêm tên là *Thủy Quân hồ*.

Theo truyền thuyết thì đời Lê Thánh Tông (nửa sau thế kỉ XV) chỗ này là gò Tháp Rùa từng là *Điếu đài* tức là nơi vua đến ngồi câu cá. Nhưng chỉ từ sau khi trung hưng thì chúa Trịnh mới bắt đầu trang điểm cho hồ. Đời Vĩnh Hựu, chúa Trịnh Giang lập cung Khánh Thụy ở đảo Ngọc làm nơi hóng gió ngày hè. Sau đó Trịnh Doanh cho đắp ở bờ hồ gò Ngọc Bội để ghi chiến công đánh dẹp Quận Hẻo ở núi Ngọc Bội (vùng Tam Đảo ngày nay). Đầu thế kỉ XIX, một ngôi chùa được dựng lên trên nền cung Khánh Thụy cũ và có tên là chùa *Ngọc Sơn*. Ít lâu sau, không thờ Phật nữa mà thờ thánh Văn Xương, chủ về văn chương khoa cử – và Đức thánh Trần tức anh hùng Trần Quốc Tuấn, do vậy được đổi gọi là *đền Ngọc Sơn*. Năm 1864, Nguyễn Văn Siêu, nhà văn hóa lớn của Hà Nội thời đó, đã đứng ra sửa sang lại toàn cảnh. Trên núi Ngọc Bội, ông xây một ngọn tháp hình bút lông, thân tháp có tạc ba chữ *Tả thanh thiên* (viết lên trời xanh). Đó là Tháp Bút. Đi qua Tháp Bút tới một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên vì trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá. Quanh nghiên có khắc một bài *minh* nói về công dụng của cái nghiên xét về mặt triết học. Qua Đài Nghiên đến cầu Thê Húc (có nghĩa: nơi ánh Mặt trời đậu lại). Cầu dẫn đến Đắc Nguyệt lầu tức cũng là cổng đền Ngọc Sơn. Đền có

ba nếp, nếp ngoài là bái đường, nếp giữa là nơi thờ Văn Xương và nếp sau thờ Trần Hưng Đạo. Trước mặt nhà bái đường là Trấn Ba Đình (đình chắn sóng). Nhìn thẳng về hướng Nam là gò Tháp Rùa. Tháp chỉ mới có từ cuối thế kỉ XIX, kiến trúc không có gì đặc sắc, nhưng đã trở thành biểu tượng quen thuộc của Hồ Gươm, Hà Nội.

Ngày nay, khu vực quanh hồ, đã thành tên là Bờ Hồ, là nơi nhân dân Thủ đô dạo chơi ngày hè, nơi đón giao thừa, lại còn là nơi tổ chức hội hoa đăng – đèn hoa, pháo hoa – trong những dịp Quốc khánh hằng năm.

(Theo *Văn hóa Việt Nam tổng hợp* Hà Nội, 1989).

CHÙA TAM HUYỀN

(Giới thiệu một di tích lịch sử)

Chùa Tam Huyền thuộc quần thể di tích Chùa Láng (thờ Thiền sư Từ Đạo Hạnh), một quần thể ghi đậm dấu ấn Phật giáo triều Lí (1010–1225) dưới thời đại Vạn Hạnh – thời kì hưng thịnh của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Chùa Tam Huyền có tên chữ là SÙNG PHÚC TỰ, nằm bên bờ phải dòng sông Tô Lịch ở địa phận thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục cựu (tục gọi là Mọc cựu trong cụm 8 làng Mọc của vùng Mọc lừng danh xa xưa), tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thôn Minh Khai, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, giáp với khu công nghiệp Thượng Đình (quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Chùa Tam Huyền có lăng Thánh Phụ Từ Vinh, thân phụ của Thiền sư Từ Đạo Hạnh là vị Thiền sư nổi tiếng thời Lí Nhân Tông (1072–1127), thuộc thế hệ thứ 12 dòng Thiền Tì Ni Đa Lưu chi tại Việt Nam. Thánh phụ Từ Vinh giữ chức Tăng quan đô sát có điều xích mích với Diên Thành Hầu, bị Diên Thành Hầu nhờ sư Đại Điên (hiện nay thờ tại chùa Duệ Tú – Ao dài, xóm Duệ, thôn Tiền, xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội) dùng pháp thuật đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Tương truyền xác gồm 3 khúc: khúc đầu trôi dạt vào địa phận xã Nhân Mục cựu (Mọc cựu), được vớt lên chôn cạnh Sùng Phúc Tự, gọi là Lăng Thánh Phụ. Hai chân trôi dạt vào thôn Kim Giang (tục gọi là Lư Cầu) thuộc xã Kim Lũ (Kẻ Lũ) là xã bên dưới cùng tổng, cùng huyện với Mọc cựu. Còn thân mình thì trôi dạt mãi tới địa phận thôn Pháp Vân (tục gọi là kẻ Vân nổi tiếng về cua ốc), xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, nên trong dân gian hiện vẫn lưu truyền câu ca dao: "Mọc cựu thờ đầu; Lư Cầu thờ chân, Pháp Vân thờ khúc giữa", ý nói về ba làng dọc bờ sông Tô Lịch thờ Đức thánh Phụ Từ Vinh.

Năm Bính Ngọ (1726), niên hiệu Bảo Thái thứ 7 đời Lê Dụ Tông (1705 - 1729), Lân Giác thượng sĩ Trịnh Hợp ([1]) (1690–1733), em ruột của An Đô

---

[1] Còn gọi là Trịnh Hạp hoặc Trịnh Thập.

Vương Trịnh Cương (1696–1729), Sơ Tổ dòng Thiền Lâm Tế Đàng Ngoài (Tế Trúc song hành), dựng chùa Liên Tông trên khu đất dinh thự của mình mà lập Tổ đình của dòng Thiền. Ngài là bổn sư của hai vị đệ tử Trí Cự và Trạm Công. Sư Trí Cự được truyền kế đăng tại chùa Liên Tông với pháp hiệu Tích Dược tổ sư. Còn sư Trạm Công về trụ trì tại chùa Sùng Phúc với pháp hiệu Tính Tuyền. Hai vị đều thuộc thế hệ thứ hai của dòng Thiền Tâm Tế Đàng Ngoài.

Sư Trạm Công Tính Tuyền đã xây dựng tam quan chùa Sùng Phúc nhìn xuống dòng sông Tô Lịch lững lờ trôi trước cửa chùa, cổng giữa mang dòng chữ Tam Huyền môn và từ đó ngôi chùa Sùng Phúc được gọi là chùa Tam Huyền.

Năm Bính Thìn (1736), niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 đời Lê Ý Tông (1735–1740), sư Trạm Công Tính Tuyền vâng sắc chỉ nhà vua sang Trung Quốc thỉnh kinh. Nhà sư đã đến núi Đỉnh Hồ, bái yết Hòa thượng Kim Quang, thỉnh được nhiều pho Kinh Phật. Trước khi lên đường về nước, sư Trạm Công Tính Tuyền rất mực thông tuệ và có tài ứng đối, vua Càn Long đã sắc phong sư Trạm Công Tính Tuyền là Lưỡng quốc Hòa thượng. Nhìn lại lịch sử Phật giáo Việt Nam, có thể nói rằng đây là nhà sư đầu tiên của nước ta mang danh hiệu cao quý này.

Trải qua biết bao biến cố thăng trầm, chùa Tam Huyền đã chịu sự tàn phá của thiên nhiên và nhất là của con người. Tam quan chùa mang dòng chữ Tam Huyền môn chỉ còn lại một mảng. Ngôi chùa – kể cả lăng Thánh Phụ – đã bị chiếm dụng xây cất nhà ở, làm mất vẻ trang nghiêm cổ kính của một cổ tự, một di tích có bề dày lịch sử và văn hóa. Mãi đến năm 1990, chùa Tam Huyền mới dần dần được phục hồi tu tạo, những ngôi nhà lấn chiếm không còn nữa, cảnh quan ngày một khởi sắc, nhờ sự quan tâm và lòng nhiệt tình của nhân dân và chính quyền địa phương, nhưng sức dân có hạn, cảnh chùa chưa được như xưa. Tuy nhiên, dân bản địa và khách thập phương vẫn trân trọng tên gọi chùa Tam Huyền xa xưa và hằng tâm niệm sớm muộn sẽ dựng lại tam quan chùa với dòng chữ Tam Huyền môn của sư Tổ Trạm Công Tính Tuyền, Lưỡng quốc Hòa thượng.

NGUYỄN ĐĂNG KHÔI *(Nghiên cứu Phật học - số 8–1993)*

QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH

Hà Nội là trái tim của cả nước thì Quảng trường Ba Đình là trái tim của Hà Nội. Vì tại đây đã diễn ra những sự kiện trọng đại của Thủ đô và cũng là của cả nước ta.

Nguyên nơi này vốn là khu vực Cửa Tây của thành Hà Nội cổ. Đầu thời Pháp thuộc, chúng phá thành làm một vườn hoa nhỏ. Nơi đây gọi là Điểm tròn Puginier. Năm 1945 mới có tên là vườn hoa Ba Đình. (Chữ Ba Đình là để gợi nhớ dải đất Ba Đình ở tỉnh Thanh Hóa, nơi đã nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp kéo dài từ tháng 9-1886 đến tháng 1-1887 của Đinh Công Tráng). Ngày 2-9-1945, nửa triệu đồng bào Hà Nội và phụ cận đã cuồn cuộn

đổ về Quảng trường, bốn mặt hình thang phủ vải đỏ, ở giữa có hình nổi ngôi sao vàng năm cánh. Trên thành lễ đài phủ vải vàng.

Đúng 14 giờ, các vị trong Chính phủ lâm thời đã có mặt trên lễ đài. Sau lễ chào cờ, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập*. Nửa triệu đồng bào hân hoan, xúc động, im lặng đón nghe tiếng nói của lãnh tụ. Bác đọc xong, Chính phủ lâm thời tuyên thệ. Sau đó, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp trình bày tình hình trong nước và chính sách của Chính phủ. Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền Trần Huy Liệu báo cáo công việc tước ấn, kiếm tại Huế, trình với đồng bào quả ấn và cây kiếm tượng trưng cho uy quyền của triều Nguyễn mà Bảo Đại đã nộp cho Cách mạng. Đại diện Tổng bộ Việt Minh Nguyễn Lương Bằng nói về cuộc đấu tranh của nhân dân và kêu gọi đoàn kết, đẩy mạnh quá trình Cách mạng. Sau cùng, mít tinh biến thành biểu tình tuần hành trên các đường phố. Ngày 9-9-1969, sáu ngày sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, cũng tại Quảng trường này, lễ truy điệu Người đã được cử hành trọng thể. Mười vạn đồng bào Thủ đô và các địa phương cùng 34 đoàn đại biểu quốc tế đã tới đây dự lễ vĩnh biệt Người.

Nay mặt chính của Quảng trường – Mặt Tây – là Lăng Bác. Trước Lăng là Quảng trường với 320 mét chiều dài, 100 mét chiều rộng, đủ chỗ cho 20 vạn người dự mít tinh. Quảng trường gồm 168 ô cỏ, bốn mùa xanh tươi, ở giữa là cột cờ cao 30 mét. Lá quốc kì với năm cánh sao vàng như năm cánh hoa xòe ra trùm lên năm cửa ô Hà Nội. Quảng trường Ba Đình đã trở thành không gian thiêng liêng của Thủ đô Hà Nội.

(Theo *Văn hóa Việt Nam tổng hợp* – Hà Nội, 1989)

KHOAI LANG

(Giới thiệu về phong tục tập quán)

Chè khoai lang ăn cũng mát lắm, nhưng cái mát có ý hơn, ăn lại bứ. Tuy vậy, mùa hè ăn một bát chè khoai, nấu vừa, đừng ngọt quá, cũng là một cái thú thanh tao, mà lại giải được nhiệt trong người.

Khoai lang luộc lên, ăn cũng ngon nhưng không ăn được nhiều vì bứ, nhất là cái thứ khoai bột, bóc vỏ trông thật đẹp. Khoai trong có ý đỡ bứ hơn, nhưng thường thường thì lại không đậm đà như thứ khoai nghệ vàng thẫm màu hổ phách, dễ ăn hơn nhiều.

Tôi thích được trông thấy những mẻ khoai luộc vừa mới đổ ra rá, để chờ cho ráo nước; những củ khoai bụ bẫm, nằm chồng lên nhau. Tỏa ra một thứ khói xanh xanh làm bật cái màu vỏ khoai đỏ tím – một màu ao ước của những họa sĩ ưa dùng những màu sắc cầu kì.

Cầm lấy một củ, nhìn nó "lên mặt nhựa" sanh sánh cả ngón tay, ta mới có thể cảm giác được rằng ăn ngay lúc đó một củ, với tất cả những nhựa sống tràn trề, kể cũng là một cái thú không nhỏ vậy.

Êm đềm hơn một chút là khoai sọ luộc, bóc vỏ rồi ăn, chấm với đường ta hay muối vừng. Những củ cái ăn bùi lắm; củ con mềm; nhưng muốn thưởng thức cho được hoàn toàn cái ngon, cái bùi của nó, ta phải đợi hôm nào dùng món canh cua đồng nấu với rau rút và khoai sọ, ôi chao, ngọt cứ như thể đường phèn vậy.

Có người sành ăn cho rằng khoai sọ, chỗ nào hư đừng nên cắt bỏ đi, vì trái lại, ăn bùi. Tôi đã có dịp thử rồi thì thấy lời nói đó cũng có nhiều phần đúng; nhưng đến cái thứ khoai lang hà, khoai lang rim thì thật quả không thể nào chịu được.

Khoai lang, chỉ có đem lùi vào than tro hồng mà ăn thì thú tuyệt trần. Chúng ta, có ai lúc nhỏ lại không từng khổ lên khổ xuống vì nướng khoai? Có khi cháy cả tay, có khi nẻ cả mặt, có khi bị mắng ra mắng vào, nhưng cứ động nhà có khoai thì thế nào cũng lấy cho kì được một hai củ dấm vào than tro nóng.

Ấy là vì ăn cái thứ khoai lùi này sướng lắm; chỉ mới kều ở trong lò ra, đã nức mùi thơm lên và làm cho ta thèm rồi. Phủi những tàn tro đi, nó tan ra như bánh đậu xanh – nhưng vị ngọt của nó không nhân tạo như đường, mùi thơm thì đậm đà hơn sắn lùi, hiền hậu hơn cháy cốm, còn cái bùi của nó thì dịu lành, không rực rỡ như "phá sá" hay trầm trầm như nhân trám.

Ấm áp quá chừng là ấm áp! Nhưng thưởng thức khoai lùi, phải tìm chỗ nào cháy mà ăn thì mới biết chân giá trị của nó ra sao. Cháy cứ vàng ửng ra như má một người đàn bà đẹp chịu khó tắm nắng luôn trên bãi biển!

Màu vàng đó, cứ trông cũng đã thấy ngon rồi. Huống chi ăn vào nó lại bùi trội hẳn lên, mà cái bùi đó lại quyện ngay với mùi thơm thành một "đại thể" tiết tấu, còn chê trách vào đâu được!

Nếu tôi có một quyền hành gì trong tay, tôi phải xin vả một roi vào cái miệng anh hay rượu nào đó chẳng biết, không biết nghĩ ngợi thế quái nào mà lại dùng khoai lùi để... đưa cay!

Khoai là thứ không thể nào dung được rượu. Nó mươn mướt như da người con gái mà lại gả ép cho rượu là một thứ men nồng – dù là rượu sen, rượu cúc hay rượu mẫu đơn đi nữa – các bạn đã thấy sự gượng gạo, sự lệch lạc, xiêu vẹo thế nào chưa?

Tôi thấy rằng khoai lùi – mà cả khoai sọ lùi cũng thế – chỉ có thể ăn rất mộc mạc, lúc bụng hơi hơi đói và ăn nhấm nháp, rẽ rọt, có ý để cho hơi hơi thiếu, cho thèm...

Mùi thơm và vị bùi khoai sẽ còn phảng phất lâu lắm trong vị giác và khứu giác ta làm cho ta yêu hơn những ruộng khoai ở nhà quê mỗi khi ta có dịp cùng một người thương qua đó.

VŨ BẰNG (*Miếng ngon Hà Nội*)

NẾP RỒNG QUÊ TÔI

(Giới thiệu một đặc sản)

Vùng quê tôi, vụ chiêm chỉ toàn lúa tẻ. Vụ mùa có nhiều loại nếp, nhưng nổi tiếng nhất là nếp rồng. Trong Nam ngoài Bắc, không ở đâu có loại nếp này, mà chỉ có ở Nghệ Tĩnh[1]. Ngay ở Nghệ Tĩnh, chỉ bà con nông dân quanh vùng núi Hai Vai mới có tập quán lâu đời và cấy nhiều loại nếp rồng. Năng suất nếp rồng thấp so với các loại nếp khác, càng rất thấp so với lúa tẻ. Nhà nghèo, ít đất ruộng, không dám cấy. Chỉ những nhà có chừng dăm sào trở lên mới dám dành môt ít để cấy.

Lúa nếp rồng nở nhiều dảnh, to khóm, lá xanh đậm. Khi hạt đã bắt đầu ngậm sữa là mùi hương thoang thoảng bay lên. Khi hạt chín, đi qua thửa ruộng nếp rồng là biết ngay, hương thơm lan man cả một khoảng đồng. Trên đường làng, gánh nếp rồng theo người đến đâu là hương thơm đến đấy. Hương vương dọc bờ tre làng. Hương ướp lên mái tóc các cô gái. Hương thấm đậm vào từng giọt mồ hôi.

Một nhà đồ xôi nếp rồng là tất cả các nhà láng giềng đều biết. Hơi bốc lên tỏa ngát qua bờ giậu, đánh thức khứu giác của mọi người một cách nhạy bén. Ngày giỗ, ngày tết nếu cúng xôi bằng các loại nếp khác, người ta đơm cả một cỗ đầy, lót lá chuối tươi, đặt ở giữa một con gà trống luộc. Nhưng nếu cúng bằng xôi nếp rồng, người ta chỉ đơm vào đĩa. Tại sao xôi nếp rồng chỉ đơm vào đĩa? Lẽ thứ nhất, vì nếp rồng hiếm. Lẽ thứ hai, là khi xôi nếp rồng nguội thì không được dẻo như các loại xôi nếp khác, cho nên người ta chỉ đơm đĩa để cúng tượng trưng, phần còn lại vẫn ủ nóng. Sau khi lễ bái tổ tiên, hạ mâm xuống, rá xôi được mở ra, mọi người ngồi xếp bằng xung quanh, xôi phả lên mùi hương đặc biệt khắp gian nhà càng làm ấm áp thêm tình nghĩa gia tộc.

Sự tích về hạt nếp rồng khá hấp dẫn.

Sau khi ông Đùng đã dẹp yên thú rừng, giặc giã và đã phân định đất đai cho các trang ấp, Trời sai Chim Thần bay về nhả hạt. Nhưng loại nếp rồng là đặc sản chỉ để dành cho những buổi tế lễ ở thiên đình, tuyệt nhiên không được ai dùng vào bất kì một công việc nào khác. Chim Thần vô ý ngậm nhầm mấy hạt và đã thả nhầm xuống vùng đất ông Đùng ở núi Di Sơn, núi Hai Vai. Khi dân chúng nấu ăn, thấy bốc lên mùi thơm khác lạ. Ai cũng nghĩ rằng Ngọc Hoàng thương dân vùng này vất vả, nên đã cho một loại hạt giống đặc biệt như thế. Ngờ đâu, cuối năm, ông Táo lên chầu Trời, tâu cho Ngọc Hoàng biết rằng: dân vùng Di Sơn có nếp rồng. Ngọc Hoàng bắt Chim Thần hỏi tội và bỏ vào ngục, rồi sai một vị thần xuống trần gian đòi lại giống nếp rồng. Dân họp lại, cử một bô lão cao tuổi nhất đến khẩn khoản xin thần. Thần lắc đầu: "Ta chỉ làm theo lệnh Ngọc Hoàng. Các người muốn xin thì lên

---

1 Nghệ An, Hà Tĩnh.

tận thiên đình mà xin". Thế là vị bô lão đành phải mang cơm nắm với cà pháo muối, theo thần lên thiên đình.

Trước khi bô lão đi, bà con họp bàn với nhau phải mang theo lễ vật quý như vàng, bạc, đá ngọc. Bô lão gật đầu: "Thế là phải đạo với thượng giới". Tới nơi, bô lão lễ phép quỳ xuống phủ phục kêu xin: "Dân chúng đói khổ quanh năm, chỉ có loại nếp rồng này là ngon nhất, trong một năm mỗi người chỉ được ăn một lần. Xin Ngọc Hoàng đừng lấy lại giống. Ngọc Hoàng cần gì, chúng con xin phụng". Tiếp đó, bô lão mở khăn gói, dâng lên nào đá ngọc, nào vàng, nào bạc. Ngọc Hoàng lắc đầu: "Những thứ này ta có đầy kho, đầy lẫm, nhà ngươi hãy mang về và đem giống nếp trả lại cho ta ngay".

Bô lão buồn thiu, lủi thủi ngồi nghỉ ở cửa nhà Trời, giở cơm nắm ra ăn với cà pháo. Một tên thiên binh trông thấy, chạy vào thưa với Ngọc Hoàng: "Cái ông lão người trần kia đang ăn một thứ quả gì rất giòn và ngon lắm". Ngọc Hoàng liền sai thiên binh gọi lão vào: "Nhà ngươi đang ăn thứ quả gì?". Bô lão sợ hãi, giấu vội mấy quả cà vào túi: "Dạ... dạ... Đây là thứ quả chỉ để dùng cho người nghèo ăn với cơm". Ngọc Hoàng bảo: "Ngươi đưa ta xem thử". Bô lão tái xanh mặt, run run tay dâng lên mấy quả cà. Ngọc Hoàng cầm ngắm nghía ra vẻ lạ lùng, rồi ăn thử. Bỗng gương mặt Ngọc Hoàng tươi tỉnh, mừng rỡ. Bô lão sướng đến run người. Không ngờ Ngọc Hoàng lại thích món ăn dân dã này! Ngọc Hoàng hỏi: "Ở dưới trần có loại quả này à? Ngon lắm. Nhà ngươi về mang giống quả lên đây; ta sẽ không đòi lại giống nếp rồng".

Thế là từ đó dân vùng Di Sơn được vĩnh viễn gieo cấy nếp rồng.

Ngày xưa, nếp rồng là loại nếp tiến cho nhà vua. Hạt nếp phải to, tròn, không hề có chút xây xát. Nhặt xong, nếp được đổ vào bốn cái thống sứ to vẽ hình rồng. Mỗi thống bốn người khiêng. Cả đoàn gồm chừng năm chục người để thay nhau khiêng và một lí trưởng.

Dằng dặc ngàn dặm đường trường từ quê nhà tới kinh đô. Cơm nắm cơm đùm mang theo. Ê ẩm đôi vai. Rã rời đôi chân. Lắm lúc mệt mỏi, đói lả, hoa mắt, vẫn phải bước từng bước cẩn thận, nhỡ trượt chân, thống vỡ, nếp đổ, nhà vua biết được dễ bị chém đầu như chơi.

Người ta bảo "đi kinh một lần là già mất mười tuổi". Có nhiều tráng đinh, lúc ra đi, thân hình vạm vỡ, lúc trở về, mặt mũi, chân tay hốc hác. Cuộc đời một con người chỉ dám một lần gánh nếp lên kinh tiến vua.

Chuyện cổ về hạt nếp rồng tôi sưu tập được cách đây gần bốn mươi năm tại xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Của ngon thường hiếm. Năng suất nếp rồng và nhiều loại nếp khác thường thấp hơn nhiều so với gạo tẻ. Cho nên, nếp rồng và nhiều loại gạo ngon khác ở miền Bắc bị thu hẹp diện tích canh tác rất nhiều, có loại hầu như bị mất giống.

Chẳng lẽ nếp rồng chỉ thơm trong truyện cổ tích?

Một trí thức Pháp, từng ở Việt Nam trước năm 1945, gần đây có quay lại Việt Nam. Vào ở trong một khách sạn, ông nói: Tôi không cần thực phẩm nhiều, tôi chỉ cần một nắm xôi nếp rồng và một bát cơm gạo tám".

(Võ Văn Trực – Du lịch 92)

NGUYỄN CÔNG TRỨ

(Giới thiệu một danh nhân)

(19.12.1778 - 7.12.1859). Nhà thơ Việt Nam; tự Tồn Chất, hiệu Ngộ Trai, biệt hiệu là Hi Văn; sinh ngày 1 tháng 11 năm Mậu Tuất. Người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Nguyễn Công Tấn, trung thần thời Lê mạt, trước dạy học, sau thăng Tri huyện, rồi Tri phủ. Khi Tây Sơn nổi lên lật đổ triều đình Lê – Trịnh, Nguyễn Công Tấn mộ quân chống lại. Không thành, ông trở về quê mở trường dạy học. Nguyễn Công Trứ lúc nhỏ sống nghèo túng, nhưng vẫn hăm hở đi học, đi thi. Sau nhiều lần trượt lên trượt xuống, 41 tuổi ông mới đậu giải nguyên kì thi hương (1819) và được bổ làm quan. Đầu tiên ông làm Hành tẩu ở Quốc sử quán, sau đó làm Tri huyện Đường Hào, Hải Dương, làm Tư nghiệp quốc tử giám, rồi làm Phủ thừa phủ Thừa Thiên... 1828, được thăng Hữu tham tri Bộ hình, sung chức Dinh điền sứ, chuyên coi việc khai khẩn đất hoang. Ông đã hướng dẫn nông dân khai phá được một vùng đất đai rộng lớn ven bờ biển Thái Bình và Ninh Bình, lập nên hai huyện Tiền Hải, Kim Sơn. Ngoài ra, ông còn chỉ huy việc khai khẩn vùng đất hoang ven biển hai tỉnh Quảng Yên, Hải Dương. Nhân dân ở các vùng này rất biết ơn ông, có nơi lập sinh từ để thờ ông ngay lúc ông còn sống. Nói chung, Nguyễn Công Trứ làm việc gì cũng hết sức tận tụy, thế nhưng trong 28 năm làm quan, ông vẫn bị giáng chức và cách chức đến năm lần. Lần bị nặng nhất là năm 1843, bị cách tuột, bắt làm lính thú lên trấn ở biên thùy Quảng Ngãi. Nhưng vài năm sau lại được phục chức, làm Chủ sự Bộ hình, rồi làm quyền Án sát Quảng Ngãi, sau đó đổi ra làm Phủ thừa phủ Thừa Thiên, và 1847, được thăng Phủ doãn phủ ấy. 1848, Tự Đức nguyên niên, Nguyễn Công Trứ 70 tuổi, được về hưu, sống ở Nghi Xuân, ngót 10 năm trời. 1858, Pháp tấn công Đà Nẵng, tuy đã 80 tuổi, ông vẫn tha thiết xin được tòng quân đánh giặc. Nhưng tuổi già, sức yếu, ông không đi được, và ngày 14 tháng 11 năm Mậu Ngọ, ông từ trần.

Nguyễn Công Trứ sáng tác khá nhiều, tương truyền có đến trên dưới một nghìn bài thơ, hầu hết bằng chữ Nôm, nhưng phần lớn bị thất lạc. Hiện còn khoảng trên 150 bài. Thể tài nhiều nhất là hát nói và thơ Đường luật (...). Những sáng tác của ông trong giai đoạn đầu phản ánh tâm trạng của tầng lớp trí thức lớp dưới hăm hở đi học, đi thi để làm quan. Ông đặc biệt ca ngợi con người hành động, con người trung hiếu, đề cao chí nam nhi, đề cao vai trò của kẻ sĩ theo tinh thần Nho giáo, đả kích Phật giáo, Đạo giáo và tràn dầy tinh thần lạc quan, tin tưởng. Nhưng càng về sau, tinh thần lạc quan

càng giảm sút. Do quá trình tham gia hoạt động xã hội, Nguyễn Công Trứ nhận thức ra được triều đại mà ông tôn thờ không phải tốt đẹp như ông tưởng và những thiện chí của ông không phải dễ thực hiện. Nguyễn Công Trứ muốn phục vụ nhà Nguyễn thì chính nhà Nguyễn nghi ngờ ông. Nguyễn Công Trứ muốn làm quan thanh liêm thì có lần triều đình đã bắt tội, hạch sách ông. Nguyễn Công Trứ muốn cải cách xã hội thì phần lớn đề nghị của ông bị bác bỏ... Gia đình ông lại luôn luôn sống trong cảnh nghèo túng. Chính bối cảnh ấy đã làm cho Nguyễn Công Trứ dần dần chuyển hướng sáng tác: ông từ bỏ dần những đề tài có tính chất ca ngợi, khẳng định, để viết về những đề tài có màu sắc tố cáo, đả kích xã hội. Hàng loạt bài thơ về thế thái nhân tình của ông ra đời. Nhà thơ vạch trần thói đạo đức giả của bọn nhà giàu có (*Thế tình đối với người nghèo*); thông cảm với cảnh ngộ của những người nghèo khổ (*Vịnh cảnh nghèo, Than cảnh nghèo...*); tố cáo gay gắt tác dụng tai hại của đồng tiền *(Vịnh nhân tình thế thái, Vịnh đồng tiền)*. Câu thơ tố cáo, đả kích của Nguyễn Công Trứ không có những hình ảnh, những chi tiết cụ thể, sinh động, nhưng do chỗ thấm đượm cảm xúc sâu sắc, nên vẫn có sức lay động mạnh. Tuy nhiên, trước sau Nguyễn Công Trứ vẫn không thoát khỏi được ý thức hệ Nho giáo là ý thức hệ thống trị của xã hội, cho nên ông không có quan hệ chặt chẽ với nhân dân. Do đó mà về sau, khi thấy sự phê phán của mình không đem lại kết quả, hoạt động của mình thất bại, ông tỏ ra chán chường, và sáng tác những bài thơ có tính chất hưởng lạc, thoát li. Ông thường hay triết lí cuộc đời là vô nghĩa, tạm bợ, không ai sống trăm tuổi, nên phải ăn chơi để bù đắp lại:

Nhân sinh bất hành lạc,
Thiên tuế diệc vi thương.

(Ở đời không hành lạc thì sống nghìn năm cũng như đứa chết yểu) *(Đánh thức người đời)*. Điều đáng trách ở đây là thái độ thiếu tôn trọng của Nguyễn Công Trứ đối với phụ nữ.

Về nghệ thuật, Nguyễn Công Trứ là một cây bút thơ Nôm đặc sắc, nhưng ông thành công nhất là trong những bài thơ viết bằng thể hát nói. Hát nói vốn là thể bài hát, được lưu hành trong các hành viện, các nhà hát ả đào. Nguyễn Công Trứ là một trong những người đầu tiên nâng lên thành một thể thơ hoàn chỉnh, không phải chỉ để nói chuyện ăn chơi, mà nói về mọi sinh hoạt, mọi cảm nghĩ của nhà thơ trước cuộc sống. Thể hát nói trong các bài thơ của Nguyễn Công Trứ khi thì hào hùng, sôi nổi, khi thì du dương, êm ái. Với thể thơ hát nói, Nguyễn Công Trứ, cũng như Cao Bá Quát, đã chuẩn bị một bước đổi mới về sau cho thi ca tiếng Việt.

(Nguyễn Lộc – *Từ điển văn học*, tập II)

TẢN ĐÀ

(Giới thiệu về một nhà văn)

Tản Đà (1889–1939) tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê Thượng trước thuộc huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, bên bờ sông Đà và cách núi Tản Viên chừng 10km đường chim bay. Từ đó mà có bút danh Tản Đà và hai câu thơ hay của ông về quê hương.

Nước gợn sông Đà con cá nhảy,

Mây trùm non Tản cái diều bay.

Tản Đà thuộc loại nhà nho trong buổi giao thời *"Âu học chưa vin được ngọn ngành mà Hán học đã đứt cả cội rễ"* (Ngô Đức Kế). Ông có điệu sống từng được nhà thơ Lưu Trọng Lư mệnh danh là "một bài thơ tuyệt hảo". Trên văn đàn Việt Nam (công khai) thuộc nửa đầu thế kỉ này, Tản Đà có mặt như một vài ba ngôi sao thuộc loại sáng chói nhất, đặc biệt là trong những năm hai mươi thì không ai địch nổi thơ ông. Các tác phẩm chính của Tản Đà là: *Giấc mộng con* (tập I, II), *Khối tình con* (tập I, II, III), *Giấc mộng lớn, Tản Đà vận văn* (tập I, II)... nhưng được nhiều người biết đến là bài thơ *Thề non nước*. Bài thơ *Thề non nước* có nội dung vịnh cảnh trong tranh, có nội dung phong tình cố hữu của Tản Đà, và có tấm lòng thiết tha gắn bó của nhà thơ với Tổ quốc giang sơn trong cảnh ngộ mất chủ quyền.

Trong văn thơ, Tản Đà là người dám bộc lộ cái Tôi lãng mạn, phong phú, bay bổng và buồn nhiều mà vẫn gắn bó với đất nước, quê hương thấm thiết. Tản Đà được xem là "người của hai thế kỉ" (Hoài Thanh) và văn thơ của ông chính là gạch nối giữa hai nền văn học của dân tộc: cổ điển và hiện đại.

NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC

(Giới thiệu một loại hình nghệ thuật)

Múa rối nước Việt Nam, một sinh hoạt dân gian dân tộc, gắn bó với hội làng ngay từ khi mới xuất hiện. Theo các nhà nghiên cứu thì ngay từ thời Lí (thế kỉ XI), múa rối đã rất thịnh hành.

Mục đích của múa rối lúc bấy giờ là để thờ thần thánh, sau phục vụ vui chơi giải trí cho bà con trẩy hội, như các hội đền Mị Ê (ở Lí Nhân, Nam Hà), hội Gióng (ở Đông Anh, Hà Nội). Ở chùa Thầy (Quốc Oai, Hà Tây) còn cấp ruộng cho phường rối nước Phú Đa để thu hoa lợi, chi phí cho công việc phục vụ trong ngày hội chùa hằng năm...

Múa rối nước cổ truyền giống như một hội làng thu nhỏ. Sân khấu múa rối nước với nhà thủy đình mái ngói cong, là một hình ảnh của đình làng, chùa làng.

Sân khấu này là một công trình kiến trúc mang biểu tượng của vũ trụ âm dương hòa hợp.

Ở sân khấu múa rối nước, người diễn viên đứng trong buồng trò để điều khiển con rối. Họ thao tác từng cây sào hoặc giật con rối bằng hệ thống dây bố trí ở bên ngoài và đặt dưới nước.

Các tiết mục của rối nước cổ truyền tái hiện lại các sinh hoạt hội làng (trò tứ linh, múa sư tử, múa rồng, chọi trâu, đánh đu v.v...), các hoạt động cầu nguyện: cầu may, cầu phú, cầu lộc, cầu yên, những cảnh vui chơi, sinh hoạt ở làng quê (chăn trâu, thả diều, đấu vật, quay tơ, dệt cửi, giã gạo...).

Múa rối nước thể hiện tục thờ thần của người Việt. Trong các tiết mục rối nước, xuất hiện biết bao con vật linh thiêng được khắc chạm ở đình làng, chùa làng là nơi thờ cúng, lễ bái của muôn dân, như con rồng, con phượng, con lân, con rùa... cho đến các con vật bình thường được người dân nuôi dưỡng như con trâu, con cá, con chim v.v... Trò chọi trâu truyền thống cũng mang ý vị linh thiêng qua lời giáo trò:

Tôi xin dẫn tích con trâu ngày trước.
Vốn ở bên đông lưu lạc sang tây
Vua Thần Nông bắt lấy dạy cày
Làng có đám đem ngay ra mà chọi.

Đề tài lịch sử cũng được sân khấu rối nước thể hiện qua các trò diễn về Hai Bà Trưng cưỡi voi ra trận diệt quân Nam Hán, hay Lê Lợi cưỡi ngựa chém đầu Liễu Thăng, Trần Hưng Đạo chỉ huy chiến thuyền tấn công Thoát Hoan trên sông Bạch Đằng v.v...

Nói tới nghệ thuật múa rối nước, không thể không nhắc tới một nhân vật quen thuộc với khán giả là chú Tễu. Tễu là người thông minh, hóm hỉnh, mang hình bóng của người nông dân vùng châu thổ đồng bằng Bắc Bộ.

Các tích trò của múa rối nước khá phong phú, hấp dẫn, theo các nhà nghiên cứu sưu tầm thì có tới trên 200 tích của trên 30 phường rối nước cổ truyền ở Thái Bình, Nam Hà, Hải Phòng, Hà Nội, Vĩnh Phú, Hà Bắc v.v...

Múa rối nước cổ truyền là loại hình nghệ thuật sân khấu độc đáo, bởi sân khấu là mặt nước, nhưng vì thế mà nó có nhiều hạn chế như phải dựng sân khấu ở ao hồ, hoặc xây bể, diễn viên phải lội nước khá vất vả, tạo hình con rối tốn kém, công phu, diễn xuất chưa nâng cao, động tác con rối quá đơn giản, đa số tiết mục là các trò lẻ, nhưng vì là rối nước nên nó rất độc đáo, thể hiện tài nghệ khéo léo, kĩ thuật tinh xảo của diễn viên Việt Nam.

Ngày nay, múa rối nước Việt Nam đã được đi biểu diễn ở nhiều nước trên thế giới. Từ năm 1984 đến thập kỉ 90 này, múa rối nước đã được biểu diễn ở Hà Lan, Úc, Nhật... Nhiều báo chí ở nước ngoài đã có những đánh giá cao về nghệ thuật rối nước, xếp nó vào hàng những hình thức quan trọng nhất của sân khấu múa rối trên thế giới.

HOÀNG KIM DUNG *(Nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật - số 5–1993)*

TRÒ CHƠI ĐÁ GÀ

Gà nào ngon cho bằng gà Cao Lãnh

Gái nào bảnh cho bằng gái Nha Mân

Không phải tự nhiên mà dân chơi miệt vườn Nam Bộ đúc kết thành câu ấy. Chả là con gái xứ Nha Mân da trắng, thắt đáy lưng ong, đôi mày cong vút, nói năng khéo gieo tình cảm. Còn gà nòi Cao Lãnh được liệt vào hàng "nhất phẩm" của gà đá. Những người mê gà đá từ nơi xa tít như Cà Mau, Rạch Giá, Mĩ Tho, Bạc Liêu cũng tìm về Cao Lãnh sục sạo, tìm cho bằng được con gà giống vừa ý.

Gà đá người ta gọi là "linh kê" hay gà "chiến". Có điều loại gà chiến nhưng các cụ trưởng bối nghề nuôi gà đá liệt thành ba loại "siêu kê". "Hắc kê" lông đen, mỏ đen, mào đỏ, huyết dựng đứng, thứ này tính lì đòn, chịu chơi tới cùng. Các cụ còn truyền nhau có một loại "gà đen chân vảy rắn" là "vua" của giống gà đá. Loại thứ hai là "bạch kê" lông trắng, chân ngà, mỏ ngà, mắt xoe vàng. Bạch kê tính nóng, tốc chiến tốc thắng, ra đòn rất hiểm. Loại "ngũ sắc kê" thì không hiếm bằng hai loại kia, lông pha năm sắc: đen, vàng, nâu đỏ, và xanh đen. Loại này có lối đá linh hoạt, nếu dè chừng thua cuộc thì "thẳng thắn" chạy bỏ cuộc đấu. Thực ra phân loại như vậy chỉ mang tính khái quát, chứ gà đá hay hoặc dở còn tùy thuộc vào tay nghề của người huấn luyện.

Để có một con gà "chiến", người nuôi chuyên nghiệp phải công phu chăm sóc khi gà giống còn bằng nắm tay, từ thức ăn, nước uống, tắm gà, phun nước, tỉa lông, chuốt cựa, tập nhử đá... đến giữ cho nó đừng theo mái. Khi luyện được gà "chiến" không sợ người, quen chủ thì chỉ cần nghe chủ "túc, túc" là chú ta đã ngẩng cao đầu cho chủ ẵm. Ẵm gà đá cũng phải đúng cách thức chứ không được tùy tiện. Phải để bàn tay xuôi theo hướng từ ức gà xuống đuôi, khi gà nằm gọn trên bàn tay mới nhấc lên và vòng tay kia lên lưng để giữ gà. Nếu xóc ngang hông hoặc xóc ngược từ dưới lên sẽ mất cân bằng "làm té" gà khiến nó hoảng sợ hoặc sẽ bị "lộn ruột".

Khi đá gà, thường người ta khoanh một sân đá bằng "mê bồ" cao độ bốn tấc, đường kính ba thước. Mê bồ là một loại tấm chắn được đan bằng tre chẻ mỏng, rất dễ uốn theo khung dựng trước. Trong sân đá giữa có vạch ngang làm ranh giới hai bên. Nếu gà nào chạy ra khỏi bồ đến lần thứ hai mà nhử không vào là thua. Người xem đứng quanh bồ cổ vũ. Chủ gà được vào chăm sóc gà của mình khi cần thiết.

Trước khi vào trận đấu người ta phải cáp gà. Hai chủ gà thỏa thuận trước khi đá về những điều kiện đặt ra. Họ cùng cân nhắc sức vóc và cả "thành tích" của gà qua những cuộc "đụng độ" trước đó. Nếu một bên cựa dài thì có thể "chấp" bên cựa ngắn tháp thêm cựa giả vào cho tương xứng. Sau khi đồng ý cáp gà, hai bên ôm gà của mình vào bồ, cách nhau một lằn vạch. Khi có

hiệu lệnh, gà được thả đá. Hai con gà được thả phùng lông, gườm nhau, nhử miếng, đá thử sức rồi sau đó mới ra đòn hiểm độc. Đòn hiểm thường là đòn "song phi" đá vào mình địch thủ, "đá đập" nhằm hai cựa vào cổ địch thủ, đá "móc" cựa vào mắt. Có con còn có độc chiêu "mổ mắt" địch thủ.

Khi đá gà có hai cách để tính hiệp đấu. Có thể tính bằng thẻ hương. Người ta treo một sợi dây buộc đồng xu vào ngang giữa thẻ hương. Hương được đốt lên. Hương dần cháy đến sợi chỉ, làm đứt chỉ, đồng xu rớt xuống dĩa. Nghe "keng" một tiếng là hết hiệp. Cũng có thể tính hiệp đấu bằng lon nước. Lấy lon đục một lỗ ở đáy rồi đổ nước vào, treo trên cái thau. Khi nước trong lon chảy ra khô cạn là hết hiệp...

Vào những dịp xong vụ mùa hay lúc lễ hội cúng đình, cúng miếu, ngày Tết, người ta hay chơi trò chơi đá gà. Đá gà là một trò chơi được nhiều người ưa thích chẳng kể giàu nghèo, sang hèn. Âu đó cũng là trò chơi dân gian ông cha truyền lại, một "nghề chơi cũng lắm công phu" nhiều người mê không bỏ được.

(Theo *Đá gà, nghề chơi lắm công phu* - Nguyễn Thị Diệp Mai. *Văn nghệ trẻ,* Xuân Quý Mùi, 2003)

TÔN THẤT TÙNG

(Giới thiệu một nhà khoa học)

Tôn Thất Tùng sinh ngày 10-5-1912 tại Thanh Hóa. Mới 3 tháng tuổi đã mồ côi cha, từ đó, ông theo mẹ về Huế và trải qua tuổi học trò tại kinh đô này.

Năm 1931, ông ra Hà Nội để học trường Bưởi rồi sau đó thi vào trường Đại học Y Dược khoa Hà Nội. Năm 1938, ông là sinh viên Việt Nam đầu tiên thi đỗ nội trú và được nhận làm phụ mổ cho giáo sư Mayyetme. Vừa mổ tử thi, vừa mổ bệnh nhân, ông vừa quan sát với đầu óc phê phán những điều mà các ông thầy Pháp đã nhận xét không đúng vì không hiểu hết đặc điểm sinh học của cơ thể người Việt Nam và của các bệnh nhiệt đới. Chẳng hạn, ông đã sớm phát hiện thấy sỏi không chỉ nằm trong túi mật mà còn nằm nhiều trong gan, giun đũa không chỉ nằm trong ruột mà còn nằm trong gan, trong ống mật, trong phế quản, trong mạch máu.

Một buổi chiều mùa đông, trong khi mổ một tử thi, ông đã phát hiện thấy hàng chục con giun chui vào các đường mật ở gan. Thầy Huya rất ngạc nhiên vì trong gan sao có nhiều giun đến như vậy, nhưng bác sĩ Tôn Thất Tùng thì lại bàng hoàng vì nhân cơ hội này ông đã làm được một việc chưa ai từng làm: phân tích rõ ràng cơ cấu của các ống mật và mạch máu trong gan. Về nhà tra cứu lại sách vở, ông ngạc nhiên thấy rằng từ thời Hipôcrát đến lúc bấy giờ chưa có ai làm được như ông. Họ thường chỉ "cóp" của nhau hoặc mô tả theo trí tưởng tượng. Trong 5 năm liền (1935 - 1939) ông đã mổ hơn 200 cái gan, phẫu tích tỉ mỉ rồi vẽ lại thành sơ đồ để đối chiếu với nhau. Một phương pháp phẫu tích đặc biệt bằng nạo gan đã được Tôn Thất Tùng phát hiện từ năm mới có 23 tuổi.

Một hôm có một bệnh nhân nghi là bị ung thư dạ dày nhưng mổ bụng ra lại thấy ung thư ở thùy gan trái. Ông và người thầy là Huya đã kẹp tổ chức gan, kẹp các mạch máu và cắt bỏ thùy gan trái. Công trình nghiên cứu này được gửi về Viện Hàn lâm phẫu thuật Pari. Đáng tiếc thay người ta lại phản đối vì cho rằng bệnh nhân bị ung thư gan coi chẳng khác gì người bị kết án tử hình, không nên mổ xẻ nữa, ngoài ra, chỉ nên dùng dao điện để cắt gan. Mùa thu năm 1941, lần đầu tiên ông khám phá ra nguyên nhân của bệnh phù tụy là do giun chui vào ống mật và một bệnh nhân 20 tuổi tên là Cúc Châu đã được ông mạnh bạo rạch ống mật chủ để lấy ra một con giun dài tới 15 cm và cứu sống được anh. Từ đó về sau, hàng trăm rồi hàng nghìn bệnh nhân đã tiếp tục được cứu sống bằng phương pháp này. Từ thực tế phát hiện thấy giun đũa gây viêm phù tụy hay gây sỏi đường mật ở người Việt Nam thời đó là do ăn uống quá thiếu chất đạm, chất béo làm cho dạ dày tiết ra không đủ axit.

Năm 1948 ông được Chính phủ cử làm Thứ trưởng Bộ Y tế nhưng thật ra cho đến lúc nhắm mắt ông không lúc nào rời xa bàn mổ. Vừa mổ để cứu chữa cho thương binh, bệnh binh và đồng bào quanh vùng, ông vừa truyền nghề và đào tạo ra biết bao nhiêu nhà phẫu thuật trẻ.

Phát triển kĩ thuật cắt gan trái mà ông đã thành công từ năm 1939, sau khi hòa bình lập lại, ông quyết tâm tìm kiếm phương pháp cắt gan phải theo kĩ thuật độc đáo của mình. Ngày 20-9-1961 một bệnh nhân 39 tuổi tên là Hải đã được ông cứu sống nhờ cắt một nửa gan phải thành công trong một thời gian cực ngắn – đúng 6 phút!

Báo "The Lancet" của Anh và tạp chí "Zentrablattfur Chirurgie" của Đức công bố công trình *"Cắt gan có kế hoạch"* của ông và chỉ sau vài tuần đã có trên 100 nhà phẫu thuật gửi thư sang Hà Nội xin tài liệu. Tạp chí "The Journal of American Medical Association" xin phép ông được công bố công trình nghiên cứu nổi tiếng này. Tới năm 1965 ông trở thành một kỉ lục thế giới với 322 trường hợp cắt gan. Ông trở thành Ủy viên danh dự của Viện Hàn lâm Y học Liên Xô (cũ) (1965), Ủy viên nước ngoài của Viện Hàn lâm phẫu thuật Pari (1970), Ủy viên Hội phẫu thuật Lyông (1972).

Là một nhà phẫu thuật nhưng ông không lúc nào tách rời việc học hỏi các thành tựu mới mẻ nhất về sinh học. Ông đã học toán cao cấp để tìm hiểu về sinh học phân tử và chỉ trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về sinh học phân tử ông mới tổ chức được đội ngũ nghiên cứu về ảnh hưởng của chất độc điôxin do Mĩ sử dụng ở Việt Nam và mới hợp tác được với nhà sinh hóa học Nguyễn Đăng Tâm (Việt kiều ở Pháp) để sử dụng thuốc kích thích miễn dịch Lạc Hồng I kết hợp với cắt gan bộ phận để kéo dài thêm cuộc sống của nhiều bệnh nhân bị ung thư gan.

Ông mất ngày 7-5-1982 sau một cơn đau tim đột ngột, hưởng thọ vừa đúng 70 tuổi.

Bài tập làm văn 11, NXB Giáo dục

Phần III.
VĂN NGHỊ LUẬN

Kiểu bài: GIẢI THÍCH

ĐÔI ĐIỀU LƯU Ý

Giải thích một vấn đề là dùng lí lẽ để giảng giải giúp cho người đọc, người nghe hiểu rõ ràng xác thực vấn đề đó.

Trong chương trình tập làm văn cấp trung học cơ sở, vấn đề giải thích thường là những vấn đề xã hội, gần gũi và quen thuộc với các em học sinh.

Để làm một bài văn giải thích, trước hết, phải nắm vững vấn đề cần giải thích là vấn đề gì? Vấn đề đó nằm trong câu trích dẫn hay nằm trong phần gợi ý của đề bài, để khi làm văn đi đúng hướng.

DÀN BÀI ĐẠI CƯƠNG

I. Đặt vấn đề

– Đưa vào vấn đề.

– Giới thiệu vấn đề và giới hạn của nó.

II. Giải quyết vấn đề

– Cắt nghĩa vấn đề: (Giải đáp câu hỏi: Là gì?)

– Trình bày các lí lẽ: (Giải đáp câu hỏi: Như thế nào?)

...

III. Kết thúc vấn đề

– Khẳng định lại ý nghĩa hoặc tầm quan trọng của vấn đề.

– Rút ra bài học hoặc nêu suy nghĩ của mình.

Kiểu bài: CHỨNG MINH

ĐÔI ĐIỀU LƯU Ý

Chứng minh một vấn đề là làm sáng tỏ và xác nhận vấn đề đó đúng bằng những dẫn chứng xác thực.

Trong chương trình Tập làm văn cấp trung học cơ sở vấn đề cần chứng minh thường là những vấn đề xã hội, gần gũi và quen thuộc, đôi khi vấn đề cần chứng minh là vấn đề văn học.

Để làm một bài văn chứng minh, trước hết, cần phải nắm vững vấn đề chủ yếu cần phải chứng minh là vấn đề gì? Vấn đề đó nằm trong câu trích dẫn, hoặc trong phần gợi ý của đề bài, để làm bài đúng, đủ và không lạc đề.

DÀN BÀI ĐẠI CƯƠNG

I. Đặt vấn đề

Nêu vấn đề cần chứng minh, phạm vi, phương hướng cần chứng minh.

II. Giải quyết vấn đề

– Lần lượt nêu lên các khía cạnh cần chứng minh theo một trình tự hợp lí (nếu vấn đề có nhiều khía cạnh).

– Sử dụng các dẫn chứng và phần lí lẽ để làm sáng tỏ và cụ thể hóa các khía cạnh của vấn đề, xác nhận vấn đề đó đúng hoàn toàn.

(Các dẫn chứng cần được chính xác, tiêu biểu, toàn diện sát với vấn đề cần phải chứng minh, nhất quán, hệ thống, cân đối và đầy đủ. Ngoài ra, các dẫn chứng cũng phải sắp xếp theo một trình tự hợp lí và chặt chẽ).

III. Kết thúc vấn đề

– Khẳng định vấn đề cần chứng minh.

– Liên hệ với cuộc sống hiện tại hoặc bản thân để thấy ý nghĩa, tác tụng của vấn đề ấy.

Đề 1: Ca dao Việt Nam có câu:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Hãy chứng minh ý nghĩa câu ca dao trên.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu bài: Chứng minh một vấn đề

2. Nội dung: Sức mạnh của sự đoàn kết, hợp quần.

3. Tư liệu: Thực tế lịch sử dựng nước và giữ nước (có thể chứng minh bằng thực tế cuộc sống).

DÀN BÀI

1. Mở bài

– Từ thuở bình minh của lịch sử, nhân dân ta, dân tộc ta nhiều lúc đã phải đương đầu với những khó khăn và thử thách to lớn tưởng chừng như khó mà vượt qua được để tồn tại và phát triển.

– Những giây phút ấy, ông cha ta đã khích lệ động viên nhau bằng câu ca dao:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

– Thực tế lịch sử xưa nay là một minh chứng hùng hồn cho chân lí do câu ca dao trên nêu ra.

2. Thân bài

a. *Ý nghĩa của câu ca dao:*

– Nghĩa đen:

Một cây: chỉ số lượng ít, phân tán.

Ba cây: chỉ số lượng nhiều tập trung

– Nghĩa bóng:

Một cây: chỉ sự lẻ loi, đơn độc, không thể làm được việc gì quan trọng.

Ba cây: chỉ sự hợp quần đoàn kết đồng lòng hợp sức tạo nên sức mạnh làm được những việc lớn lao.

Câu ca dao là một hình ảnh cụ thể để nêu lên một bài học: đoàn kết, hợp quần chính là nguồn sức mạnh to lớn để làm nên chiến thắng, tạo nên thành quả.

b. *Dẫn chứng trong lịch sử dựng nước:*

– Từ buổi đầu, ông cha ta đã biết nương tựa vào nhau, đoàn kết với nhau, cùng nhau chinh phục thiên nhiên, chống lại lụt lội, thiên tai và thú dữ để xây dựng cuộc sống bình yên.

– Với công cụ thô sơ, tổ tiên ta đã bạt rừng lấn biển, đắp đê, đào kênh,... làm nên những cánh đồng màu mỡ, xanh tươi đặc biệt là công trình đê điều cực kì to lớn dọc hai bờ sông Hồng ở miền Bắc nước ta.

c. *Dẫn chứng trong lịch sử giữ nước:*

– Từ buổi đầu, thời vua Hùng, giặc Ân hung bạo mưu toan xâm lược và thống trị đất nước ta. Nhà vua kêu gọi toàn dân đồng lòng đánh giặc. Sức mạnh của *"ba cây chụm lại"* được thể hiện qua một hình tượng quật khởi dũng mãnh tuyệt vời là Thánh Gióng làng Phù Đổng đã nhổ tre đánh cho giặc thù tan tác.

– Đến đời Trần, giặc Nguyên Mông càng hung bạo hơn, triều thần có nhiều người khiếp sợ muốn "cầu hòa" nhưng hai vua Trần đã biết tập hợp và phát huy lòng yêu nước của toàn dân qua hội nghị Diên Hồng cùng nhau một lòng đánh giặc giữ nước. Cũng chính vì vậy mà ba lần quân Nguyên Mông ồ ạt xâm lăng là ba lần bọn chúng thất bại.

– Thời kháng chiến chống giặc Minh: Với sự phù trợ của Nguyễn Trãi và nhiều tướng tài khác, Lê Lợi đã dựng cờ tụ nghĩa, tập hợp mọi người yêu nước khắp các miền lại. Trải qua gần mười năm "nếm mật nằm gai", sức mạnh đoàn kết ấy đã quét sạch giặc thù ra khỏi bờ cõi, đất nước lại bình yên.

• *Thời kháng chiến chống giặc Pháp và giặc Mĩ:*

Từ năm 1946 đến năm 1975, nhân dân ta đã phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc giàu có và tiên tiến vào bậc nhất về khoa học kĩ thuật. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, sức mạnh đoàn kết đã được nhân lên gấp bội trong một cuộc chiến đấu toàn dân, toàn diện để giành được thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, tiến đến thống nhất nước nhà.

• *Từ ngày miền Nam giải phóng, đất nước hoàn toàn thống nhất đến nay:* Đảng lại tiếp tục lãnh đạo khối đoàn kết toàn dân xây dựng đất nước đặc biệt với hơn mười năm đổi mới đã tạo được nhiều thành tựu quan trọng về mọi mặt đưa đất nước ngày một tiến lên trên đường xây dựng một đất nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng văn minh và hạnh phúc.

Có thể dẫn chứng từ thực tế cuộc sống.

Dẫn chứng từ thực tế cuộc sống

– Trong nhà trường:

* Tất cả học sinh trong mỗi lớp đoàn kết với nhau làm cho tập thể lớp được vững mạnh, bè bạn cùng hỗ trợ nhau giúp nhau cùng đạt được nhiều thành tích tốt.

* Các lớp đoàn kết lại với nhau cùng xây dựng trường sở sạch đẹp khang trang.

– Ngoài xã hội:

* Đồng nghiệp đoàn kết với nhau trong lao động sản xuất, trong nghiên cứu phát triển khoa học, chinh phục và cải tạo tự nhiên.

* Mọi người đoàn kết với nhau dấy lên phong trào xã hội.

Bài học rút ra từ câu tục ngữ:

– Phải đoàn kết nhưng có đấu tranh và tránh nạn bè phái, đoàn kết xuôi chiều.

– Cùng giúp đỡ hỗ trợ nhau trong học tập, lao động và cả trong đời sống thường ngày.

3. Kết bài

Bài học thực tế lịch sử xưa nay càng làm nhận thức của chúng ta về sức mạnh của đoàn kết từ câu ca dao trên thêm sâu sắc và vững bền. Đoàn kết từ nghìn xưa vốn là một trong những nhân tố có tính quyết định cho mọi thắng lợi của dân tộc ta trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước giàu mạnh văn minh và hạnh phúc, bài học đoàn kết xưa vẫn còn mới nguyên, trọn vẹn.

Đề 2: **Nhân dịp kỉ niệm 520 năm ngày mất của đại danh hào Nguyễn Trãi, trong bài *"Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc"*, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có viết: "*Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc"*. Em hãy chứng minh lời nhận định trên.**

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu bài: Chứng minh

2. Nội dung: Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc.

3. Tư liệu: Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Trãi.

DÀN BÀI

I. Mở bài

– Giới thiệu Nguyễn Trãi nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao, đặc biệt là một đại thi hào của dân tộc.

– Dẫn đến nhận định của Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

II. Thân bài

1. Bài ca yêu nước là gì?

Lòng yêu nước cao đẹp như một bài ca.

2. Chứng minh:

a) *Sự nghiệp (cuộc đời):*

– Thù nhà nợ nước, căm thù giặc sâu sắc

– Bị giam lỏng ở Đông Quan: nghèo khổ, thiếu thốn nhưng giữ vững khí tiết.

– Theo giúp Bình Định Vương Lê Lợi, nếm mật nằm gai hi sinh chiến đấu mười năm gian khổ mới thắng lợi.

– Tuổi già vẫn gánh vác việc nước, một niềm ái quốc ưu dân canh cánh bên lòng vì ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

b) *Thơ văn:*

– Căm thù lũ giặc hung tàn:

Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống.

Vì bọn chúng: *Giết tróc để thị uy, coi mạng người như cỏ rác, bắt tù vợ con của dân ta, đào lăng tẩm của nước ta, cấm cá mắm để làm khổ dân ta... dân không đường sống, kẻ vô tội kêu trời, người trung nghĩa nghiến răng nguyện một chết để diệt thù...*

– Đau xót băn khoăn trước nhục vong quốc do đó sẵn sàng hi sinh chiến đấu một mất một còn:

Đau lòng nhức óc chốc đã mười mấy năm trời, nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối; quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh... Những trằn trọc trong cơn mộng mị, chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi...

- Một đời ái quốc ưu dân canh cánh:

Đọc sách thời thông đòi nghĩa sách
Chăn dân mạ nữa mất lòng dân

(Bảo kính cảnh giới)

- Lòng luôn ngời sáng một niềm tự hào dân tộc:

* Tự hào lịch sử lâu đời hùng mạnh

Như nước Đại Việt từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Non sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triệu, Đinh, Lê, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập.
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có

(Bình Ngô đại cáo)

* Tự hào sức mạnh chí khí hào hùng:

Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay...
... Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận sạch không kình ngạc
Đánh hai trận tan tác chim muông.

(Bình Ngô đại cáo)

* Đề cao sức mạnh lòng dân:

Làm lật thuyền mới biết sức dân như nước.

(Đóng cửa biển)

III. Kết bài

- Khẳng định vấn đề đã chứng minh: "Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc".

- Cuộc đời và văn thơ của nhà đại thi hào Nguyễn Trãi mãi mãi là gương sáng cho mọi thế hệ.

Đề 3: **Qua một số bài thơ, bài văn cổ đã học và đọc thêm, em hãy chứng minh lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc của nhân dân ta.**

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu bài: Chứng minh một ý kiến hoàn toàn đúng đánh giá về văn thơ cổ.

2. Nội dung: Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc của nhân dân ta.

3. Tư liệu: Các bài: *Sông núi nước Nam, Hịch tướng sĩ văn, Cáo Bình Ngô,...* Nên chọn ra các câu, đoạn tiêu biểu có nội dung như trên để chứng minh.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Từ truyền thống yêu nước của lịch sử dân tộc ta dẫn vào vấn đề chứng minh.

II. Thân bài

1. Chứng minh lòng yêu nước trong văn học cổ.

a) Ý thức giữ nước, không chấp nhận giặc thù *"đi lại nghênh ngang", "bắt nạt tể phụ"*.

– Mài sắc lòng căm thù, quyết *"không đội trời chung"* với bọn chúng vững lòng chiến đấu và chiến thắng:

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù...

(*Hịch tướng sĩ văn* – Trần Quốc Tuấn)

Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ

– Quyết lòng chiến đấu và chiến thắng hào hùng:

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn
...
Cơn gió to trút sạch lá khô
Tổ kiến hổng sụt toang đê vỡ
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay...

Lòng yêu nước đã mài sắc ý chí, tạo nên sức mạnh để chiến thắng giặc thù. Chính truyền thống này đã giúp nhân dân ta chiến thắng ngoại xâm.

b) Lòng yêu nước còn bộc lộ thành tình yêu thiên nhiên, đất nước, yêu cuộc sống hòa bình no ấm, lòng tự hào non sông gấm vóc:

Chim hót véo von liễu nở đầy
Thềm hoa chiếu ánh bóng mây bay

(*Cảnh mùa xuân* – Trần Nhân Tông)

Cỏ xanh như khói bến xuân tươi
Lại có mưa xuân nước vỗ trời

(*Bến đò xuân đầu trại* – Nguyễn Trãi)

Trong tiếng cuốc kêu, xuân đã muộn
Đầy sân mưa bụi, nở hoa xoan

(*Cuối xuân tức sự* – Nguyễn Trãi)

2. Chứng minh lòng tự hào dân tộc:

Tự hào về bao chiến công hiển hách của ông cha ta trong từng trang lịch sử hào hùng của dân tộc:

Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu...
... Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có

Chính xuất phát từ lòng tự hào dân tộc mà Lí Thường Kiệt đã khẳng định *"Sơn hà cương vực"* của nước Nam, trong bài *"Sông núi nước Nam"* bất hủ:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời...
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

III. Kết bài

- Đúng là nội dung các tác phẩm văn học cổ phản ánh rõ nét lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc của nhân dân ta.

- Nhưng đâu chỉ văn học cổ, các tác phẩm văn học các thời kì khác và cả sau này nữa cũng vậy. Chủ đề yêu nước, tự hào dân tộc vẫn là nguồn cảm hứng vô tận của người cầm bút xưa nay.

Bài làm

Năm 938, với chiến thắng quân Nam Hán trên Bạch Đằng giang, Ngô Vương Quyền đã mở đầu một kỉ nguyên mới: kỉ nguyên Đại Việt tự chủ.

Cũng từ đó, văn học bằng chữ Hán, sau đó thêm chữ Nôm, cùng phát triển mạnh mẽ, xuất hiện nhiều tác phẩm xuất sắc phản ánh lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc của nhân dân ta. Có thể kể đến các áng văn thơ bất hủ như *Sông núi nước Nam* của Lí Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Bài Cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi và một số tác phẩm khác. Đọc các tác phẩm này ta thấy nội dung vừa nói in đậm trên từng dòng, từng trang.

Thật vậy, từ ngàn xưa, nhân dân ta vẫn luôn tự hào mình thuộc nòi giống Tiên Rồng cao quý, là một dân tộc có lòng yêu nước nồng nàn, mãnh liệt bộc phát từ trái tim của mỗi người công dân. Chính lòng yêu nước sâu sắc ấy đã khiến Trần Quốc Tuấn sục sôi căm hờn, mất ngủ quên ăn trước cảnh *"sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường", "uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình" "đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ"*. Vì vậy, ông đau lòng trước thói ăn chơi của tướng sĩ thuộc hạ mình, nên đem lời lẽ chân tình, thiết tha để khuyên bảo họ đâu là con đường sống vinh, đâu là con đường chết nhục. Vì yêu nước nồng nàn mãnh liệt nên ông tận tụy lo cho vận mệnh của nước nhà, mài sắc lòng căm thù quyết không đội trời chung với bọn chúng, vững lòng chiến đấu và chiến thắng: *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù...*

(*Hịch tướng sĩ* – Trần Quốc Tuấn)

Lòng căm tức và đau đớn dâng trào đến độ ông chỉ muốn phanh thây xé xác quân giặc. Đây chính là một biểu hiện lòng yêu nước nồng nàn và mãnh liệt của ông. Hơn một trăm năm sau, tinh thần này cũng đã được Nguyễn Trãi thể hiện trong áng *"thiên cổ hùng văn Bình Ngô đại cáo"* của mình:

Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống

Vì sao bậc ái quốc ưu dân như Nguyễn Trãi đã phải thốt lời dứt khoát *"há đội trời chung, thề không cùng sống"* với bọn giặc nước. Ấy là vì bọn chúng đã gieo rắc biết bao đau thương, tóc tang và thống khổ cho nhân dân ta. Chính bọn chúng đã:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ

Trước thực tế ấy, nhà văn đã ghi nhận:

... Độc ác thay, trúc Nam Sơn ghi không hết tội
Dơ bẩn thay, nước Nam Hải rửa không sạch mùi.

Cũng chính xuất phát từ lòng yêu nước, lòng căm thù giặc mãnh liệt và sâu sắc, mà nhân dân ta thời ấy, dưới ngọn cờ kháng chiến của Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã quyết lòng chiến đấu, anh dũng hi sinh không quản ngại gian lao, vất vả, thiếu thốn và đã đi đến chiến thắng hào hùng:

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn
...
Cơn gió to trút sạch lá khô
Tổ kiến hổng, sụt toang đê vỡ
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay...

Chính lòng yêu nước đã mài sắc ý chí, tạo nên sức mạnh giúp nhân dân ta bao lần chiến thắng giặc thù. Thực tế lịch sử đã chứng minh hùng hồn. Sau này nhân dân ta cũng đã phát huy truyền thống đó để chiến thắng một cách vô cùng oanh liệt đối với thực dân Pháp và đế quốc Mĩ trong hai cuộc kháng chiến anh dũng vừa qua.

Ngoài ra, lòng yêu nước của nhân dân ta còn được thể hiện ở tình yêu quê hương, yêu hòa bình và tự hào về đất nước giàu đẹp của mình. Bài *Cảnh mùa Xuân* của Trần Nhân Tông là một bức tranh quê hương đầy sức sống và rực rỡ:

Chim hót véo von liễu nở đầy
Thềm hoa chiếu ánh bóng mây bay

(*Cảnh mùa xuân* – Trần Nhân Tông)

Ánh chiều in bóng mây lên thềm. Tiếng chim hót vang trong rừng liễu đầy hoa lá cũng là tiếng ngợi ca quê hương ta thời ấy có một vẻ đẹp làm say lòng du khách nguôi quên cả chuyện nhân sự.

Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân sự
Chỉ tựa bao lơn đứng ngắm trời...

Cả trong thơ Nguyễn Trãi cũng thế, quê hương ta hiện lên đẹp như tranh vẽ: Từ một "bến đò xuân" với mưa phùn rơi sống động của buổi đầu xuân:

Cỏ xanh như khói, bến xuân tươi
Lại có mưa xuân nước vỗ trời...

(*Bến đò xuân đầu trại* – Nguyễn Trãi)

đến một bức tranh quê quen thuộc, đầy thi vị của buổi cuối xuân:

Trong tiếng cuốc kêu, xuân đã muộn
Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan

(*Cuối xuân tức sự* – Nguyễn Trãi)

Còn nhiều dòng thơ nữa khó tả hết... Tất cả không những biểu hiện lòng yêu nước mà còn là một nét đẹp của tâm hồn nghệ sĩ, tâm hồn của người Việt Nam giàu xúc động.

Ngoài lòng yêu nước nồng nàn như bên trên vừa chứng minh, nhân dân ta còn có tinh thần tự hào dân tộc sâu sắc. Thật vậy, nhân dân ta, từ nghìn xưa, đã luôn hãnh diện mình là một dân tộc *"con Rồng cháu Tiên"*, một dân tộc có

lòng yêu nước sâu sắc, lòng tự hào lớn lao về nền độc lập của đất nước mình như những dòng "thơ thần" của Lí Thường Kiệt còn mãi âm vang:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời.

(*Sông núi nước Nam* – Lí Thường Kiệt)

Song song với niềm tự hào độc lập dân tộc là niềm tự hào về văn hóa, phong tục của dân tộc ta. Nước ta tuy đất hẹp nhưng từ xưa vốn đã có một nền văn hóa riêng như trong *"Bình Ngô đại cáo"*, Nguyễn Trãi đã viết:

Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác...

Để duy trì nền văn hiến ấy, ông cha chúng ta biết đã bao lần phải xả thân chiến đấu, không ngại hi sinh gian khổ để ngày nay cháu con được tự hào về bao chiến công hiển hách của người xưa trong từng trang lịch sử hào hùng của dân tộc:

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

Ai cũng biết Toa Đô và Ô Mã là hai tướng giỏi của "thiên triều" nhà Minh, vậy mà đối diện với quân dân ta thời ấy, bọn chúng chỉ là những kẻ tầm thường bại trận, người bị *"giết tươi"*, kẻ bị *"bắt sống"*. Hào khí ấy là kế thừa và phát huy hào khí một thời của Ngô Vương Quyền, người đã ghi chiến công oanh liệt trên sông Bạch Đằng, đã chôn vùi bao đạo quân, bao chiến thuyền, khí giới của giặc xuống lòng sông, hay hào khí của Hưng Đạo Vương ba lần chiến thắng quân Mông Cổ đem lại cuộc sống thanh bình yên ấm cho muôn dân để nhà thơ đời sau còn hết lời ca ngợi:

Ngạc chặt, kình băm, non lởm chởm
Giáo chìm, gươm gãy, bãi dăng dăng
Quan hà hiểm trở trời kia dựng
Hào kiệt công danh đất ấy từng...

Những áng thơ văn cổ kể trên và bao áng thơ văn cổ chưa kể hết được ở đây đã ghi biết bao bức tranh quê hương tươi đẹp, biết bao chiến công vẻ vang, lừng lẫy của dân tộc ta với sợi chỉ đỏ xuyên suốt là *"lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc của nhân dân ta"*.

Nhưng đâu chỉ riêng văn học cổ, mà cả các tác phẩm văn học của thời cận đại và hiện đại nữa đều phản ánh rõ nét lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc của nhân dân ta. Đủ thấy chủ đề đó xưa nay vẫn là nguồn cảm hứng bất tuyệt của người cầm bút.

Đề 4: **Văn chương Việt Nam từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV đã xuất hiện nhiều tác phẩm khẳng định quyền tự chủ, tinh thần chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc. Bằng thơ văn đã học, em hãy chứng minh điều đó.**

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** Chứng minh một nhận định văn học.

2. **Nội dung:** Tinh thần yêu nước, tinh thần quật khởi chống xâm lược của nhân dân ta thể hiện trong văn học Việt Nam từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV.

3. **Tư liệu:** Chọn dẫn chứng trong những bài thơ bài văn đã học trong giai đoạn này.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Lịch sử dân tộc Việt Nam từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV là lịch sử chống ngoại xâm: Tống, Nguyên – Mông và Minh, với bao chiến công hiển hách.

Văn học giai đoạn này đã khẳng định quyền tự chủ, tinh thần chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc với nhiều tác phẩm nồng nàn lòng yêu nước thương dân.

II. Thân bài

– Khẳng định quyền tự chủ và quyết tâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

(*Sông núi nước Nam* – Lí Thường Kiệt)

– Tự hào là một đất nước có lãnh thổ, có nền văn hiến, có phong tục và lịch sử lâu đời:

Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có.

(*Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi)

– Ca ngợi lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc:

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng".

– Đề cao tinh thần đoàn kết một lòng nếm mật nằm gai chiến đấu của nhân dân ta:

Nhân dân bốn cõi một nhà,
dựng cần trúc ngọn cờ phất phới.
Tướng sĩ một lòng phụ tử,
hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.

Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến mọi thắng lợi của dân tộc ta.

– Khẳng định sức mạnh to lớn, khí thế chiến đấu và chiến thắng:

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận sạch không kình ngạc
Đánh hai trận tan tác chim muông.

– Tuyên bố nền hòa bình độc lập, khẳng định sơn hà xã tắc bền vững lâu dài:

Xã tắc từ đây bền vững
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt hối rồi lại minh
Nghìn năm vết nhục nhã sạch làu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc

(*Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi)

III. Kết bài

Khẳng định nội dung các tác phẩm văn học cổ từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV đã thể hiện rõ nét lòng yêu nước, khẳng định quyền tự chủ, niềm tự hào, tinh thần chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Mãi mãi tinh thần yêu nước ấy sẽ là sức mạnh cổ vũ, động viên nhiều thế hệ trẻ mai sau trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đề 5: Trong *Truyện Kiều,* Nguyễn Du có viết:

Trong tay đã sẵn đồng tiền
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì.

Hãy lấy dẫn chứng trong *Truyện Kiều* để chứng minh cho hiện tượng đó.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** Chứng minh

2. **Nội dung:** Sức mạnh đồng tiền trong xã hội *Truyện Kiều*

3. **Tư liệu:** *Truyện Kiều*

DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu "Truyện Kiều" để dẫn tới hai câu thơ và nêu hướng giải quyết vấn đề: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du gần hai trăm năm qua luôn luôn là tác phẩm có sức lôi cuốn người đọc. Thúy Kiều - nhân vật chính của tác phẩm này - là một con người tài sắc tuyệt vời đã bị đày đọa trong chốn thanh lâu trở thành một món hàng cho bọn buôn người vùi dập kiếm lời. Vì sao như thế? Một trong những nguyên nhân cốt lõi dẫn đến bi kịch ấy chính là do đồng tiền.

Vì vậy, trong *Truyện Kiều,* Nguyễn Du đã viết:

Trong tay đã sẵn đồng tiền
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì.

– Nêu hướng giải quyết vấn đề và chuyển mạch.

2. Thân bài

a. *Giải thích ý nghĩa hai câu thơ:*

Đồng tiền là tiền bạc nói chung.

Trắng và đen: hai màu tương phản nhau ý chỉ phải và trái.

Hai câu thơ này phản ánh một sự thật trong xã hội thời Kiều: Đồng tiền có sức mạnh to lớn có thể làm đảo ngược được công lí: phải thành trái, trái thành phải.

b. *Chứng minh bằng các dẫn chứng lấy từ "Truyện Kiều":*

– Chính đồng tiền đã khiến bọn sai nha lộng hành đánh đập cha và em Thúy Kiều, phá nát cuộc sống yên lành của gia đình nàng.

Một ngày lạ thói sai nha
Làm cho khốc hại, chẳng qua vì tiền.

– Cũng chính đồng tiền đã đẩy Kiều vào con đường bất hạnh, con người tài sắc tuyệt vời phải trở thành một món hàng không hơn không kém mặc cho thiên hạ bán mua.

– Muốn chuộc tội cha và em thì phải có tiền:

Tính bài lót đó luồn đây
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

– Để đạt được mục đích này, chỉ có cách duy nhất là con người tài hoa lương thiện phải biến thành món hàng giữa chợ mặc tình kẻ bán người mua vùi dập:

Mối rằng: "Đáng giá nghìn vàng
Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài"

Cò kè bớt một thêm hai
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.

Đủ thấy sức mạnh của đồng tiền đúng là vô cùng to lớn thừa sức *"đổi trắng thay đen"* cả cuộc đời Kiều. Từ giây phút này, cô gái có nhan sắc, có tài năng và có nhân cách đã bị đẩy vào con đường bất hạnh dập dồn sóng gió khổ đau.

– Chính đồng tiền cũng đã giày xéo tan nát cả những tình cảm thiêng liêng cao đẹp nhất của con người:

* Mối tình đầu tươi đẹp giữa đôi trai tài gái sắc phải tan vỡ:

– *Dẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha.*

– *Trăm nghìn gửi lạy tình quân*
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi

* Con người Sở Khanh cũng vì tiền mà đểu cáng tráo trở:

Có ba mươi lạng trao tay
Không dưng chi có chuyện này trò kia!

– Đồng tiền cũng đã biến Kiều từ một cô gái thanh lâu nhơ nhuốc trở nên *"hoàn lương"* trong khoảnh khắc:

Rõ ràng của dẫn tay trao
Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công.

– Hồ Tôn Hiến, quan tổng đốc trọng thần cũng hiểu rõ sức mạnh của đồng tiền nên đã dùng cách định bắt Kiều để thắng được Từ Hải, bậc anh hùng *"Dọc ngang nào biết trên đầu có ai"*.

Lại riêng một lễ với nàng
Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân.

3. Kết bài

Trong xã hội phong kiến suy tàn, mọt ruỗng nói chung và trong xã hội *Truyện Kiều* nói riêng, đồng tiền có sức mạnh vạn năng: *"Tiền lưng đã có việc gì chẳng xong"*.

Ai cũng thừa nhận đồng tiền là một chủ đề xuyên suốt tác phẩm bất hủ này.

Truyện Kiều là một tiếng nói phản kháng có giá trị tố cáo sâu sắc đối với hiện thực xã hội phong kiến thế kỉ XIX.

Ngày nay, ít nhiều sức mạnh của đồng tiền vẫn còn tàn dư rơi rớt trong các tệ nạn hối lộ, tham nhũng mà xã hội ta đang tích cực bài trừ. Chúng ta có trách nhiệm phải góp phần vào công cuộc bài trừ ấy.

Đề 6: Ca dao ta có câu:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Bằng thực tế cuộc sống, em hãy chứng minh rằng câu ca dao trên đã thể hiện đạo lí của con người Việt Nam.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu bài: Chứng minh

2. Nội dung: Phẩm chất thanh cao trong sáng, giữ trọn đạo lí làm người của con người Việt Nam.

3. Tư liệu: Thực tế cuộc sống.

DÀN BÀI

1. Mở bài

– Trong cuộc sống, xung quanh chúng ta không thiếu những người lao động tuy phải sống một cuộc sống nghèo khó, túng thiếu, ăn đói mặc rách, nhưng vẫn giữ tròn phẩm cách của mình nên rất được mọi người quý trọng. Đó là chuyện ngày nay. Còn thời xưa, sách sử đã ghi lại biết bao tấm gương ngời sáng của tiền nhân ta thể hiện khí tiết thanh cao vượt qua mọi cám dỗ của danh vọng, tiền tài, ăn chơi hưởng lạc.

Vẻ đẹp của những nhân cách ấy phải chăng đã được ông cha chúng ta so sánh với hoa sen và đã ngợi khen bằng bài ca dao sau đây:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

– Chuyển mạch.

2– Thân bài

a. *Ý nghĩa của câu ca dao:*

– *Nghĩa đen*: Tả hoa sen một loài đẹp và quý và tuy là phải sống trong đầm bùn mà vẫn ngát hương thơm.

– *Nghĩa bóng*: Tác giả dân gian dùng phép ẩn dụ mượn phẩm chất cao đẹp của hoa sen để đề cập đạo lí của con người

Đấy là một triết lí nhân sinh cao đẹp ca ngợi bản lĩnh của dân tộc: *Sống thanh bạch, sống thanh cao* giống như hoa sen: *"Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". "Bùn"* ở đây cũng phải được hiểu theo nghĩa bóng là chỉ mọi thứ bẩn nhơ cám dỗ con người khiến con người phải dao động và sa ngã như tiền bạc, danh vọng, địa vị cao sang...

– Tác giả dân gian với bài ca dao hoa sen đã ca ngợi con người Việt Nam luôn giữ khí tiết thanh cao của dân tộc, xem đó là một đạo lí không những trong cuộc sống thường nhật mà cả trong đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc tự do hạnh phúc cho đồng bào chủng tộc mình.

b. *Chứng minh bằng thực tế đời sống nét đẹp thanh cao của con người Việt Nam từ xưa đến nay:*

– Ngay từ buổi đầu dựng nước cha ông ta đã nêu cao khí tiết chết vinh hơn sống nhục.

* Trần Bình Trọng *"Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc".*

* Nguyễn Trãi bị địch giam lỏng ở Đông Quan vẫn kiên trinh một lòng, quyết không theo giặc.

* Nguyễn Khuyến vì khí tiết đã từ quan dù bị Hoàng Cao Khải ép làm gia sư nhưng vẫn giữ nét đẹp thanh cao.

* Nguyễn Đình Chiểu *"Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm. Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà". "Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây".* Giữ vững "đạo nhà" không bị thực dân Pháp mua chuộc.

* Nguyễn Trung Trực *"Bao giờ hết cỏ Tháp Mười. Nước Nam ta mới hết người đánh Tây".*

* Cụ Nguyễn Sinh Sắc thân sinh Bác Hồ, tuy đỗ phó bảng nhưng chỉ làm tri huyện một thời gian ngắn rồi treo ấn từ quan.

– Ngày nay, cháu con vẫn tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống nêu cao khí tiết.

* Nhiều cán bộ cách mạng làm điệp viên trong lòng địch vẫn khéo léo để giữ vững lòng trung thành đối với Đảng và phẩm chất thanh cao của mình.

* Nhiều cán bộ cách mạng trong tù tỏ rõ ý chí kiên cường bất khuất không bị danh lợi, tiền tài vật chất của địch mua chuộc, trong những điều kiện nghiệt ngã vẫn giữ được khí tiết cách mạng của mình.

* Đặc biệt hình ảnh Bác Hồ tấm gương sáng *"đạo đức HỒ CHÍ MINH"* nhiều năm sống trong xã hội tư bản vẫn không bị tiện nghi vật chất xa hoa quyến rũ mê hoặc, từng bị thực dân Pháp đe dọa; dụ dỗ nhưng vẫn giữ vững ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc, kiên trinh lí tưởng cao đẹp của đời mình.

3. Kết bài

– Hình ảnh hoa sen *"gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"* là hình ảnh cao đẹp của đạo lí dân tộc *"sống trong sạch sống thanh cao"* không bị mọi thứ bẩn nhơ cám dỗ: *"Bần tiện bất năng di, phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất"*.

– Ngày nay và cả mai sau, câu ca dao trên vẫn mãi mãi là lời tâm niệm của những ai tự trọng, có ý thức giữ gìn nét đẹp thanh cao của tâm hồn và cuộc sống của mình.

Đề 7: Hãy chứng minh rằng một trong những nội dung của ca dao là diễn tả tình yêu tha thiết đối với quê hương, đất nước của nhân dân ta.

Bài làm

Kho tàng ca dao xưa vô cùng to lớn. Nó diễn tả muôn vàn biểu hiện phong phú về tình cảm của nhân dân ta. Một trong những tình cảm trong sáng và đẹp đẽ mà ca dao luôn nói tới đó là tình yêu tha thiết đối với quê hương, đất nước.

Với lời lẽ mềm mại và trong sáng, ca dao đã phác lên một đất nước tuyệt đẹp trước mắt mọi trẻ thơ. Từ Lạng Sơn hùng vĩ có núi Thành Lạng, có sông Tam Cờ, đến Thủ đô Hà Nội được ca dao vẽ nên với những *"phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ"* luôn khiến lòng người ngẩn ngơ:

Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ
Bút hoa xin chép vần thơ lưu truyền.

Và ca dao còn đưa ta tới xứ Huế mộng mơ với giọng hò xa vọng:

Lờ đờ bóng ngả trăng chênh
Giọng hò xa vọng thắm tình nước non.

Chúng em thấy rõ trong ca dao một *"Nhà Bè nước chảy chia hai, Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về"*. Những câu ca dao ấy đầy sức truyền cảm, càng làm cho em thêm yêu đất nước Việt Nam.

Ca dao còn bồi đắp cho tuổi thơ chúng em tình cảm gắn bó thân thiết với quê hương làng xóm. Làng ta nhỏ bé, đơn sơ mà thấm đượm tình người. Với tình yêu xóm làng tha thiết, ca dao gợi lên trước ta một làng quê có *"phong cảnh hữu tình, dân cư giang khúc như hình con long"*. Tuy cuộc sống phải dãi nắng dầm mưa, nhưng niềm vui vẫn tăng lên gấp bội khi đồng lúa ngày một xanh tốt. Sự cần cù lao động dường như được ca dao biến thành một sự kì diệu của thiên nhiên cho đất nước:

Nhờ trời hạ kế sang đông
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi
Vụ năm cho tới vụ mười
Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.

Tình cảm của người dân như gắn chặt với làng quê. Công việc mệt mỏi nhưng thật vui: *"Trời ra gắng, trời lặn về, Ngày ngày tháng tháng nghiệp nghề truân chuyên"*.

Đồng lúa quê hương tuy bình dị, nhưng lại đẹp trong con mắt của những người yêu làng quê mình. Ca dao đã vẽ nên một cánh đồng lúa xanh mướt và tình cảm cũng dạt dào:

Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng,
mênh mông bát ngát
Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng,
cũng bát ngát mênh mông

Ca dao làm cho ta tưởng như thấy rõ từng cây lúa một trong cả cánh đồng lúa rộng mênh mông đó:

Thân em như chẽn lúa đòng đòng
Phất phơ giữa ngọn nắng hồng ban mai

Những cảnh làng quê bình dị, đơn sơ, đã gắn bó với ta bao nhiêu năm tháng chính là vì thế, dù đi xa ta vẫn luôn nhớ tới. Dù vật chất giản đơn nhưng tình cảm lại tràn đầy:

Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương

Đến cả những cô tát nước bên đường và những người phải dãi nắng dầm sương cũng không phai nhạt trong lòng chúng ta.

Những tình cảm đó đương nhiên không những được nêu rõ trong ca dao mà còn cả trong văn thơ ngày nay, nhưng trước hết là trong ca dao. Ngoài ra ca dao còn giúp ta nhớ về cội nguồn của dân tộc, qua đó càng tự hào về những trang lịch sử vẻ vang của nước nhà từ thời Bà Trưng, Bà Triệu đến Ngô Quyền và Lê Lợi. Những chiến công vẻ vang ấy ca dao đều ghi lại:

Sâu nhất là sông Bạch Đằng
Ba lần giặc đến ba lần giặc tan

Cao nhất là núi Lam Sơn
Có ông Lê Lợi trong ngàn tiến ra

Để có được ngày hôm nay, bao anh hùng đã ngã xuống. Các câu ca dao xưa cũng in sâu những nét đó.

Lạy trời cho cả gió lên,
Cờ vua Bình Định bay trên khung thành.

Với tấm lòng quý trọng, nhân dân xưa luôn mong ước có hòa bình trên đất nước. Họ mong muốn gió nổi thật to để cờ nghĩa quân của đức vua bay phần phật trên khắp mọi miền.

Đống Đa ghi để lại đây
Bên kia Thanh Miếu, bên này Bộc Am.

Chính ca dao đã giúp em thêm hiểu về cội nguồn lịch sử vẻ vang.

Ca dao xưa thực sự là một nguồn tình cảm vô cùng phong phú, nó bồi đắp cho mọi lứa tuổi, đặc biệt là tuổi thơ chúng em một tình cảm sâu sắc với quê hương đất nước và lòng tự hào về dân tộc.

Đề 8: Trong một bức thư gửi các cháu thiếu niên nhi đồng, Bác Hồ viết:

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh

Dựa vào những hiểu biết của mình về cuộc đời Bác và thơ văn của Người, em hãy làm sáng tỏ ý thơ trên.

Bài làm

Vào một ngày thu đầu tháng chín cách đây hai mươi lăm năm, cả dân tộc đã đau đớn tiễn đưa người Cha già kính yêu về cõi vĩnh hằng. Những giọt mưa, những dòng nước mắt nghẹn ngào. Nỗi đau ấy cũng nhói lên trong lòng thiếu niên nhi đồng Việt Nam và cả trên thế giới bởi cả đời Người đã dành cho trẻ em tình thương yêu sâu sắc, sự quan tâm chăm sóc đặc biệt:

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh

Câu nói của Bác, tấm lòng của Bác sẽ đọng lại mãi mãi trong lòng thiếu nhi chúng em.

Như chúng ta đã biết, cuộc đời Bác là cuộc đời tranh đấu hết mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Vậy mà, dù gánh trên vai trọng trách lớn lao ấy, Người chẳng lúc nào quên những tâm hồn con trẻ. Bác Hồ đã dành cho "chồi non" đất nước tình cảm xuất phát từ trái tim giàu yêu thương, nhân hậu của mình. Các bạn thiếu nhi ở khắp nơi, ở mọi miền thuộc nhiều dân tộc đều được đón nhận tình thương của Bác. Cảm động vô cùng, giữa bao bộn bề công

việc Bác vẫn không quên một lời hứa với một bạn nhỏ ở Cao Bằng. Ấy là lần Bác hứa sẽ tặng cho bạn ấy một chiếc vòng bạc. Thời gian trôi đi, một lần trở lại Bác đã tìm và trao lại chiếc vòng như đã hứa.

Chính vì lòng yêu thương nhi đồng, Bác đã đau xót nghẹn ngào khi nhìn thấy các bạn nhỏ gầy gò trong đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào tới chào mừng Ủy ban Dân tộc Giải phóng. Bác nói với các đại biểu: *"Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho các em bé có cơm ăn, có áo ấm, được đi học, không lam lũ mãi thế này"*. Phải chăng đó chính là ước mơ giản dị mà Người – lúc ấy – rất mong thực hiện được. Đau xót trước những khó khăn, vất vả thiếu thốn của thiếu nhi bao nhiêu thì Bác càng đặc biệt quan tâm tới việc học hành, đời sống của các cháu bấy nhiêu khi nước nhà giành được độc lập. Ngày khai trường đầu tiên – thu 1945, Bác đã viết thư gửi thiếu niên nhi đồng toàn quốc với lời dạy bảo ân cần trìu mến: *"Các em hãy siêng năng học tập, ngoan ngoãn nghe thầy, đua bạn. Trong công cuộc kiến thiết, nước nhà trông mong ở các em rất nhiều"*. Không chỉ thế Bác đã đặt niềm tin, hi vọng rất lớn vào thế hệ tương lai: *"Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*. Đó là lời dạy bảo sâu sắc, có ảnh hưởng lớn, đã ăn sâu vào tiềm thức biết bao thế hệ thiếu niên sau này khi bước chân vào mái trường. Bác luôn luôn quan tâm tới việc giáo dục và rèn luyện trẻ em. Năm điều Bác dạy ngắn gọn, súc tích và dễ nhớ giúp chúng em vươn lên, cố gắng. Những điều Bác dạy ấy rất đầy đủ thiết thực đối với thiếu nhi, những chủ nhân tương lai của đất nước. Khuyến khích sự vươn lên đó, Bác thường trao tặng phần thưởng và huy hiệu cho các bạn học giỏi, có nhiều thành tích. Tất cả những gì Bác đã làm mãi mãi là những kỉ niệm không bao giờ mờ phai.

Tình thương bao la của Bác không chỉ dành cho thiếu niên nhi đồng trong nước mà dù đi đâu, ở đâu khi có dịp Bác đều bộc lộ tình cảm ấy của mình. Người Pháp đã rất ngạc nhiên khi thấy Bác cầm một quả táo lúc rời khỏi cuộc họp, nhưng tuyệt vời hơn khi họ chứng kiến Bác tặng nó cho một em bé Pháp tới chúc mừng. Tình yêu thương của Bác là vậy đó, nên ở đâu Bác cũng được thiếu nhi yêu mến, kính trọng. Em bé được Bác tặng quả táo đã giữ mãi mà không muốn ăn. Em không muốn làm mất kỉ niệm về một tấm lòng ấm áp tình yêu thương. Hay khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, tiếng khóc của một cháu bé Trung Quốc cũng làm Bác day dứt nghĩ tới một cảnh đời, một gia đình:

Oa...! Oa...! Oa...!
Cha trốn không đi lính nước nhà
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi
Phải theo mẹ tới ở nhà pha

(Cháu bé trong nhà lao Tân Dương)

Không chỉ là thơ, không chỉ là tiếng khóc tự nhiên của cháu bé nữa, mà đó là tiếng nức nở, xót xa trong trái tim nhức nhối yêu thương của Bác.

Bác đã dành biết bao tình cảm cho thiếu niên nhi đồng, tình cảm ấy chứa chan trong những vần thơ Bác dành cho chúng em nhân dịp Tết Trung thu:

Trung thu trăng sáng như gương
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.

Dường như không giây phút nào Bác không dành cho trẻ em tình thương, nỗi nhớ. Trăng với Bác là người bạn tri âm, vậy mà ngắm trăng đẹp Bác càng thêm nhớ thương các cháu. Ở một bài thơ khác Bác cũng nói:

Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

Bác luôn nâng niu, luôn quan tâm chăm sóc từ đời sống đến việc học tập của thiếu nhi. Bác rất vĩ đại mà cũng thật gần gũi. Tình yêu thương của Bác dành cho thiếu nhi đã làm cho hàng triệu triệu trái tim rung động, khiến nhà thơ Tố Hữu không nén nổi xúc động, nghẹn ngào khi viết những dòng thơ:

Ôi vẫn còn đây của các em
Chồng thư mới mở Bác đang xem
Chắc Người thương lắm lòng con trẻ
Nên để bâng khuâng gió động rèm.

Trái tim tràn đầy tình yêu thương cùng với tất cả những gì Bác dành cho thiếu niên nhi đồng mãi mãi khắc ghi cùng năm tháng. Đó cũng là những gì đẹp đẽ nhất tô đậm thêm chân dung người Cha già của dân tộc. Và chúng em cũng sẽ mãi mãi cất tiếng ca: *"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng..."*.

Đề 9: Hãy chứng minh câu tục ngữ: *"Hợp quần gây sức mạnh"*.

Bài làm

Bà tôi thường chỉ đàn kiến ở hiên nhà mà bảo chúng tôi rằng: Con kiến bé nhỏ thế nhưng nó tồn tại được bởi vì nó có đàn, giống như ong sống theo bầy vậy "hợp quần làm nên sức mạnh" cháu ạ. Câu tục ngữ mà bà thường nhắc đi nhắc lại ấy, qua cuộc sống, qua lịch sử, qua văn học và cả khoa học chúng ta thấy càng thấm thía.

Dân gian xưa thích nói thành vần, thành vè ngắn gọn, cô đọng mà dễ nhớ. Do đó, câu tục ngữ *"hợp quần gây sức mạnh"*, thật sự không có gì rắc rối về mặt ngữ nghĩa. "Hợp quần" tức là hợp những cá thể thành một tập thể, thiểu số thành đa số để tạo nên sức mạnh vượt qua trở ngại chống lại những thế lực đối kháng. Đất nước Việt Nam vốn đã nhỏ bé, con người Việt Nam cũng nhỏ bé, dân tộc Việt Nam tồn tại được hàng nghìn năm, gây dựng được nền văn hiến và văn hóa chính nhờ ở sự đoàn kết "hợp quần". Yếu tố kết hợp, chung sức để cùng tồn tại của dân tộc Việt Nam trở thành một yếu tố quan trọng và cơ bản trong văn học cũng như trong thực tế.

Câu tục ngữ *"Hợp quần nên sức mạnh"* không tồn tại đơn lẻ với một ý nghĩa độc quyền mà là một bộ phận trong cả một mảng văn hóa dân gian nói về đoàn kết và được chứng minh hỗ trợ ý nghĩa bằng chính sức mạnh những bộ phận khác trong mảng văn hóa đó. Một học sinh lớp hai cũng đã quen thuộc với câu chuyện dân gian *"Bó đũa"*. Trong câu chuyện, người cha đã cho các con mình một bài học quý giá nhất đã làm hành trang cho cuộc đời, đó chính là sự đoàn kết, đồng lòng, yêu thương nhau để chống lại mọi khó khăn. Qua việc bảo từng người con bẻ từng cây đũa và bẻ cả bó đũa, người cha muốn khuyên các con: Một cá thể nhỏ nhoi không thể tồn tại, không thể chống chọi lại với muôn vàn khó khăn đa dạng của cuộc sống, chỉ có nương tựa vào nhau như đũa hợp thành bó, con người mới tồn tại được, phát triển được. Nếu cá thể chối bỏ sự liên kết với cộng đồng, cụ thể và nhỏ bé nhất là với gia đình tế bào của xã hội – sẽ bị bẻ gãy bởi gọng kìm của trở ngại trong cuộc sống như từng cây đũa mảnh mai đã bị bẻ gãy một cách dễ dàng. Đó cũng chính là lời khuyên của ông cha ta dành cho con cháu sau này vậy.

Không chỉ có trong các câu chuyện dân gian, ca dao tục ngữ Việt Nam cũng đề cập rất nhiều đến vấn đề này: có một câu ca dao mà hầu như người Việt Nam nào cũng thuộc nằm lòng:

"Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

Cách sắp xếp từ ngữ không có vẻ như một câu đối ở dạng lục bát, câu ca dao ấy lại giản dị như một lời nói. Từng cặp từ nối với nhau "một" "ba", "chẳng nên", "nên", "non", "hòn núi cao" càng nêu bật ưu thế ý nghĩa của câu bát. Vật thể trong câu lục mới lẻ loi, bất lực làm sao trong khi tả một khối thể ở câu bát vững chãi, chắc nịch và tạo nên một hình thể hùng vĩ của núi non. Chẳng qua đây là cách nói ẩn dụ để ông cha ta nhắn nhủ chính con người. Một con người như thể một cây đơn lẻ, không thể làm nên được những chuyện lớn, không có sức mạnh đáng kể.

"Ba" cũng là một cách nói tượng trưng, ẩn dụ để chỉ cả một cộng đồng, một lực lượng con người đồng lòng đồng sức, gắn bó chặt chẽ để làm nên nghiệp lớn. Ngoài ra, còn nhiều câu tục ngữ dưới dạng Hán Việt trúc trắc như *"đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết"*, và không chỉ có tục ngữ trong nước mà ngay cả trong văn học nước ngoài cũng lưu truyền những câu mang ý nghĩa tương tự: *"Một con én không làm nên mùa xuân"*, *"Tích nước đầy hồ"*... Như vậy, trong văn học câu tục ngữ *"hợp quần nên sức mạnh"* hoàn toàn được ủng hộ và làm sáng tỏ ý nghĩa.

Nói như thế, không phải là phủ nhận tính thực tiễn của câu tục ngữ ấy, mà ngược lại sự đúng đắn tính chân xác của nó còn bao trùm lên cuộc sống, lên lịch sử, trong hòa bình cũng như chiến tranh.

Từ ngàn xưa, các bô lão đã đồng lòng, đồng tâm với Trần Hưng Đạo trong hội nghị Diên Hồng nổi tiếng để chống lại quân Nguyên Mông. Hàng trăm, hàng ngàn thanh niên Đại Việt đã thích lên cánh tay lời thề "sát thát". Già, trẻ, lớn bé cùng sục sôi căm thù quân phương bắc bạo tàn thể hiện lòng yêu quê hương đất nước. Chính vì vậy, lịch sử Việt Nam đã có những trang vàng khắc sâu chiến thắng oanh liệt tất yếu của toàn dân.

Cho đến những năm kháng chiến chống Pháp, khi Hồ Chủ tịch đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chẳng phải người hiểu rõ: *"Hợp quần nên sức mạnh"* đó sao! Ngày thực dân xâm chiếm nước ta, từng phong trào riêng lẻ của các sĩ phu yêu nước Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám... nổi lên chống giặc không kể đến hướng đi sai lệch, chỉ nhìn vào lực lượng phân tán ủng hộ cho từng cuộc kháng chiến ấy đã hiểu rằng không thể thành công được. Đến khi Người tìm ra con đường cứu nước và nếu không có đồng lòng, đoàn kết của toàn dân Việt Nam, mọi lứa tuổi, mọi thành phần xã hội, Cách mạng Việt Nam đâu thể thành công? Lịch sử bao đời nay đã chứng minh rằng: Một người vĩ đại chỉ trở thành lãnh tụ khi có quần chúng ủng hộ, chỉ làm nên sức mạnh khi có sức mạnh toàn dân.

Trong cuộc sống hiện nay, trong từng đơn vị cấu trúc nhỏ của xã hội, trong từng mối quan hệ giữa người với người: gia đình, trường lớp, giai cấp, dân tộc.. Tình đoàn kết là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sức mạnh tinh thần - sức mạnh vô giá không có vật chất quý giá nào có thể đổi được. Dân tộc nào càng đoàn kết, dân tộc ấy càng vững mạnh và chắc chắn sẽ phát triển. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý đến mục đích của sự "hợp quần" để "tạo nên sức mạnh". Sử dụng "sức mạnh" ấy vào việc tốt hay xấu sẽ quyết định tính tích cực hay tiêu cực. Trong nhiều trường hợp, cũng cần nhấn mạnh thêm rằng "hợp quần" phải là tập hợp của những cá thể có cùng một lí tưởng cùng một mục đích, cùng một quyết tâm mới tạo nên được sức mạnh tuyệt đối để vượt qua mọi khó khăn.

Sau khi khảo sát cả văn học lẫn thực tế cuộc sống, không thể bác bỏ được tính chính xác của lời dạy dân gian: sống phải đoàn kết, đó là yếu tố căn bản cho sự tồn tại của con người nói riêng cũng như sinh vật nói chung.

Vừa giản dị, vừa sâu sắc, câu tục ngữ ấy quả thật là một châm ngôn cho mỗi con người, cho mỗi công dân, mỗi cộng đồng. Do đó, những người chủ của tương lai đất nước, những con người trẻ tuổi, đặc biệt là học sinh cần hiểu sâu sắc ý nghĩa của lời dạy này để thực hiện trong mỗi trường hợp nhất là ở gia đình trường lớp cho đến trong cộng đồng dân tộc, cộng đồng người. Thế giới đang tiến lên, các dân tộc đang cùng nhìn về một phía, vẫn cần những lời dạy dân gian như lời dạy trên *"hợp quần nên sức mạnh"*.

LƯƠNG GIANG QUỐC

Đề 10: Bộ mặt thật của bọn quan lại phong kiến, cường hào, địa chủ và tay sai được thể hiện khá sâu sắc trong các tác phẩm *"Sống chết mặc bay"*, *"Đồng hào có ma"* và *"Tắt đèn"*. Hãy chứng minh.

Bài làm

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 có ba khuynh hướng văn học chính là văn học cách mạng, văn học lãng mạn và văn học hiện thực. Cùng với hai khuynh hướng kia, văn học hiện thực phát triển mạnh mẽ, mà tiêu biểu là các tác giả Phạm Duy Tốn, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố. Ba tác phẩm *Sống chết mặc bay, Đồng hào có ma* và *Tắt đèn,* tuy ra đời ở ba thời điểm khác nhau, nhưng chúng đã dựng lên một bức tranh sinh động về những bộ mặt thật của bọn quan lại, cường hào, địa chủ và tay sai.

Trước hết, chúng ta hãy xem bản chất của bọn quan lại phong kiến thời bấy giờ là gì. Chúng trước tiên là những kẻ hay xu nịnh. Chúng ta thử hỏi xem những tên như quan phụ mẫu trong *Sống chết mặc bay,* tên huyện Hinh trong *Đồng hào có ma,* tên quan phủ Tư Ân trong *Tắt đèn,* liệu có phải vì chúng có tài đức gì nên mới được làm quan? Không, chúng chỉ là những tên dùng thủ đoạn đút lót quan trên để có những chiếc ghế đó, để nhiễu dân, vơ vét của dân. Khi đã được yên vị, chúng vẫn luôn bợ đỡ, nịnh nọt những ông Tây để leo cao hơn, cao hơn. Có thể nói, chúng chỉ là những kẻ dốt nát, nhờ xu nịnh mà được leo cao làm quan.

Bọn quan lại phong kiến cũng lại là những tên tàn ác vô lương tâm. Thì đấy "ông quan phụ mẫu" chính là như thế. Trong lúc nhân dân lo giữ đê để cứu làng, cứu mọi người, thì quan không lo làm trách nhiệm của quan là đốc thúc nhân dân, mà ung dung ngồi trong ngôi đình cao để chơi bài, ăn yến. Trong đó quan được kẻ dưới tâng bốc lên, rồi khi ù thì bọn kia (chỉ lũ hương lí, chân tay của quan) lại kêu lên: *"Ngài giỏi thật"*. Đến khi có người vào báo đê sắp vỡ, quan còn quát mắng kẻ đó phá niềm vui của "ngài" và đòi "cách cổ" hắn ta. Tệ hại hơn là quan còn thản nhiên, thậm chí vui vẻ, đúng vào lúc đê vỡ, khi *"người sống không chỗ ở, người chết không chỗ chôn"*, bởi khi ấy quan thắng ván bài. Cùng là người dân đất Việt, nhưng khi thấy đồng bào bị nạn, quan không mảy may xót thương, tấm lòng "phụ mẫu" đi đâu rồi? Như vậy chỉ bằng vài chi tiết đó, Phạm Duy Tốn đã đả kích mạnh mẽ cái sự vô lương tâm, cái tàn nhẫn đến mức không còn tính người của tên quan phụ mẫu và các loại người như hắn. Hắn mang danh là quan cha mẹ của dân, nhưng thực chất là sâu mọt chuyên đục khoét dân, còn tính mạng của dân thế nào thì quan thây kệ. Trong *Tắt đèn* chúng ta cũng thấy sự tàn nhẫn của bọn này. Mặc dù chúng không trực tiếp cầm roi, cầm gậy hành hạ dân, nhưng hành động của chúng còn độc ác hơn. Chúng đặt ra thuế khóa nặng nề, một phần để cung phụng quan Tây, quan trên, còn lại thì vơ vào túi.

Chính những thứ thuế đó đã phá tan bao gia đình như gia đình chị Dậu, làm cho bao kẻ sống dở chết dở như anh Dậu, và làm cho mẹ con li tán, như mẹ con chị Dậu. Bộ mặt người mà lòng lang dạ thú của chúng thật đáng bị đem ra vạch trần. Và các tác giả đã vẽ lên được bộ mặt thật của chúng thật sắc sảo, tài tình.

Không chỉ dừng ở thế, chúng còn là bọn "cướp ngày". Nhân dân ta có câu:

Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

quả là đúng. Chúng ta thử trông vào huyện Hinh mà xem, tại sao ông ta *"béo ơi là béo"*? Chính là vì ông ta ăn bẩn! Tác giả đã tài tình làm sao khi dùng từ *"ăn bẩn"*. Đó là hình ảnh ẩn dụ, hình ảnh đã bóc trần bộ mặt *"cướp ngày"* của hắn. Khi chị Nuôi đến công đường nhờ quan *"đèn trời soi xét"*, tìm cho ra kẻ ăn trộm, nhưng lạ thay, quan ngồi yên như phỗng, và đến khi chị Nuôi vì sợ mà đánh rơi tiền, quan bỗng cử động. Đó là cử động lấy chân giẫm lên đồng hào đôi của chị Nuôi. Thành ra chị không đủ một đồng lệ phí trình quan, đành ra về. Có thể chị biết "con ma" lấy tiền của chị đấy, nhưng dám làm gì? Bởi vậy, màn kịch câm cuối câu chuyện này là một màn kịch thật xuất sắc. Nó đã lột trần bộ mặt "cướp ngày" một cách hèn hạ, bẩn thỉu của bọn quan lại bấy giờ.

Và nét cuối cùng trong bộ mặt thật của bọn quan lại mà các tác giả vẽ lên chính là sự dâm ô của chúng. Trong tác phẩm *Tắt đèn,* chúng ta biết đâu có lúc chị Dậu bị bắt lên phủ vì tội "chống lại người nhà nước" là bọn tay sai của quan. Và trong lần đó, tên quan phủ Tư Ân đã lợi dụng cảnh ngộ của chị, bắt chị vào phòng hắn. Nhân lúc vợ vắng nhà, hắn định cưỡng hiếp chị. Mặc dù kết thúc cảnh đó là chị Dậu thoát được, nhưng bộ mặt dâm ô của hắn vẫn còn ghi rõ trong từng chữ của Ngô Tất Tố. Thế nhưng tránh lần này chị Dậu lại vấp phải lần khác. Đó là một đêm "tắt đèn", và cái dạo chị đi ở vú cho nhà quan tỉnh, quan cụ đã mò vào phòng chị và giở trò bỉ ổi.

Có thể nói rằng, thông qua những hình tượng quan lại điển hình đó, các tác giả văn học hiện thực đã vạch trần ra rằng: Bọn quan lại thời đó đều là hiện thân của bao cái xấu xa nhất trong xã hội bấy giờ – xu nịnh, độc ác, tàn bạo, bòn rút của dân không từ một cái gì và rất dâm ô.

Loại người thứ hai đáng lên án trong các tác phẩm này là bọn địa chủ cường hào. Về loại nhân vật này, không ai miêu tả tài tình bằng Ngô Tất Tố. Điển hình cho loại người này là vợ chồng Nghị Quế. Bọn này trước hết mang bản tính hách dịch. Chị Dậu vào nhà Nghị Quế để nói chuyện bán con, chúng cứ để cho lũ chó xông ra cắn chị. Thái độ thờ ơ như thế lại tiếp tục cho đến khi chị Dậu gặp mặt chúng. Chị quỳ ở cửa, còn bọn chúng thản nhiên lau mồm lau mép. Rồi đến khi vào việc trao đổi, Nghị Quế cậy quyền cậy thế, nói với chị nà như quát với súc vật. Chúng ta phải nói vậy vì từ lúc chị vào nhà

hắn, hắn đâu có coi chị là người. Một thái độ đáng ghét của bọn địa chủ như Nghị Quế đã được Ngô Tất Tố vạch trần. Và không chỉ có thế, chúng còn là loại người độc ác, tàn nhẫn. Chúng giàu nứt đố đổ vách mà chỉ có hơn hai đồng bạc chúng đã bắt chị Dậu đổi bằng chính đứa con của chị và cả một đàn chó mới đẻ. Rồi khi đã có được đứa ở mới là con chị Dậu, chúng bắt em phải bốc cơm của chó mà ăn ngay trước mặt mẹ em. Chúng nhẫn tâm hành hạ một đứa trẻ và một người mẹ đã phải dứt ruột bán con. Có lẽ, mỗi dòng chữ Ngô Tất Tố viết ra là một nỗi căm giận hòa cùng với nước mắt. Tóm lại, bọn địa chủ cường hào cũng lại là những kẻ điển hình cho loại người độc ác vô lương tâm và vô cùng hống hách.

Cuối cùng, loại người thứ ba mà các tác giả đã dựng lên trong bức tranh xã hội là bọn tay sai. Bọn tay sai này cũng gian ác không kém gì chủ của chúng. Trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, tội ác do chúng gây ra không phải là ít. Chúng vào từng nhà dân, quát tháo ầm ĩ để đốc thúc dân nộp thuế. Nhà nào không đủ thuế thì chúng bắt người đem về hành hạ. Anh Dậu cũng chỉ vì thiếu một suất sưu mà bị chúng đánh cho sống mà chỉ còn như một xác chết. Hành hạ một con người ốm đau đến như thế chỉ có bọn lang sói đội lốt người mới đang tâm làm. Đánh đập người ta đến khi moi được suất sưu rồi chúng vẫn chưa hài lòng. Chúng còn đòi anh phải đương đầu với một thảm họa tiếp: nộp sưu cho người em đã chết! Mặc dầu anh vừa mới tỉnh dậy sau những trận đòn trước, chúng vẫn sấn vào bắt trói anh, bỏ ngoài tai tất cả những lời van xin thảm thiết của vợ con người ta. Rồi chúng còn đánh cả một người phụ nữ thân cô thế cô. Chúng tát vào mặt chị Dậu, bịch mấy cái vào ngực chị. Hành động thô lỗ, cục cằn mà ác độc đó thử hỏi người thường có ai làm được, nếu không phải là loại cầm thú. Giống như quan thầy của chúng, bọn tay sai này cũng ăn "cướp ngày" như ranh. Chị Nuôi, người đàn bà nghèo xác, đến công đường, chúng cũng bắt đưa tiền, không đưa thì chắc chắn là ở ngoài cổng. Đưa rồi cũng chưa chắc được việc. Bằng chứng là chị Nuôi đưa tiền, nói khó với tên lính lệ vào bẩm quan giùm, nó nhận tiền rồi lỉnh mất! Bản chất tráo trở, lừa lọc của chúng, tuy chỉ được vẽ qua bằng vài nét như vậy, nhưng cũng đủ cho thấy chúng thật đáng nguyền rủa.

Tóm lại, qua ba tác phẩm truyện ngắn *Sống chết mặc bay, Đồng hào có ma* và *Tắt đèn,* ta thấy đây chính là một bức tranh tổng hợp. Nhưng không phải là một bức tranh đẹp, mà hiện lên trong tranh là những bộ mặt dã man, tàn bạo, toàn một bọn mình người mặt quỷ dữ. Đó là bọn quan lại, cường hào, địa chủ và tay sai, bọn người đã gây bao đau thương cho dân nghèo làng quê ta xưa kia. Với ba thiên truyện ngắn này, các tác giả đã vạch trần những bản chất độc ác vô lương tâm, bóc lột dân nghèo đến tận xương tủy, hạch sách dân chúng đủ điều. Và do đó chúng ta càng căm ghét chúng bao nhiêu thì chúng ta càng khâm phục các ông bấy nhiêu.

Nguyễn Đức Giang (Hà Nội)

Đề 11: Hồ Chủ tịch có nói: *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước"*.

Bằng thơ văn giai đoạn thế kỉ XI–XV, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài làm

Từ thời vua Hùng dựng nước, trải qua bốn ngàn năm lịch sử, đất nước ta, dân tộc ta đã có một truyền thống hào hùng: đó là lòng yêu nước vô bờ bến, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm. Tiếp nối những bậc anh hùng dân tộc bất tử như: Hai Bà Trưng, Mai Thúc Loan, Bà Triệu, thì đến giai đoạn thế kỉ mười một – mười lăm, đất nước ta lại nổi lên những vị anh hùng xả thân vì đất nước: Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Trần Quang Khải, Nguyễn Trãi,...

Truyền thống hào hùng đó được diễn tả một cách sâu sắc và lắng đọng trong câu nói của Bác: *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước."* Văn học là tấm gương phản ánh rõ nét quá trình phát triển của lịch sử và xã hội cho nên song song với thời đại của các anh hùng dân tộc thì những tác phẩm văn học bất hủ cũng ra đời. Bằng thơ văn thế kỉ XI – XV, chúng ta sẽ làm sáng tỏ nhận định trên của Bác để cùng hiểu thêm về truyền thống dân tộc Việt Nam.

Lòng yêu nước là một tình cảm thiêng liêng nhất, cao quí nhất của mỗi công dân đối với đất nước mình. Lòng yêu nước thể hiện ở rất nhiều mặt. Đó chính là lòng tự hào dân tộc, lòng yêu thiên nhiên, căm thù giặc, thương dân sâu sắc, tinh thần vượt khó khăn gian khổ trong cuộc sống chiến đấu cũng như lao động, niềm lạc quan tin tưởng vào sự thắng lợi của đất nước... Tất cả những điều đó chứa đựng hết trong danh từ thật thiêng liêng "lòng yêu nước".

"Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập. Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.

(Cáo bình Ngô).

Nguyễn Trãi, một tiêu biểu cho khí phách, tinh hoa của dân tộc đã viết lên những áng văn của lòng tự hào của một người dân nước Việt. Những áng văn đã khẳng định chỗ đứng của Việt Nam, khẳng định những truyền thống, những con người Việt Nam tài ba và hào kiệt. Những con người Việt Nam yêu nước đã viết được những áng văn đó từ thực tế của lòng yêu nước nồng cháy của nhân dân, lưu truyền đến tận ngày nay cho con cháu biết được truyền thống tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi phải có một khí phách như thế nào mới viết ra được những lời văn bất hủ đó.

Tự hào về dân tộc, về đất nước Việt Nam nên những con người Việt Nam kiên quyết bảo vệ nó. Trên sông Như Nguyệt, giọng nói hào hùng của Lí Thường Kiệt đã vang lên như sấm, bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của đất nước:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

Đất nước Việt tuy bé nhỏ nhưng nó là tất cả của người Việt Nam. Hàng vạn, hàng triệu con người Việt Nam đứng bên dòng Như Nguyệt thở cùng với từng lời văn, nhịp tim đập cùng với từng câu nói của bài thơ *"thần"*.

Lúc bài thơ kết thúc cũng là lúc hàng vạn, hàng triệu con người đó với lòng kiên quyết tột độ đã xông lên diệt giặc và lịch sử đã ghi nhận chiến tích hào hùng này. Đó chẳng phải là một chứng minh hùng hồn cho lòng yêu nước của dân tộc ta hay sao?

Sức mạnh nào đã cho dân ta lòng kiên quyết đánh đuổi quân xâm lược? Quân xâm lược nào mà chẳng tàn ác dã man. Chúng giày xéo, chà đạp những con người bị thống trị một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo. Với lòng yêu nước nồng nàn nhân dân ta sao khỏi đau xót trước cảnh mất nước! Nguyễn Trãi đã phải viết ra những lời văn rướm máu:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ

(Cáo bình Ngô)

Đó là tiếng rên xiết của những con người bị đầy đọa, đó cũng là lời cáo trạng đanh thép kết tội giặc Minh. Tuy khác thời với Nguyễn Trãi nhưng trước sự xâm lăng của giặc phương Bắc, Hưng Đạo Vương: *"Ta thường tới bữa quên ăn, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa"*. Lòng yêu nước không chỉ dừng ở những trằn trọc, những tình cảm xót thương mà biến thành ngọn lửa căm thù và đã bùng cháy thành hành động. Cả hai ông đều thét lên sự quyết tâm diệt giặc của mình:

Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần dân chịu được?

(Cáo bình Ngô)

Đây là tiếng thét của Nguyễn Trãi hòa cùng vạn con người Việt Nam.

Còn đây là sự quyết tâm sắt đá của Trần Quốc Tuấn cùng vạn binh lính:

Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài ngọn cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

(Hịch tướng sĩ)

Có phải, chỉ có lòng yêu nước vô hạn mới căm thù giặc sâu sắc như vậy?

Chính lòng yêu nước cộng thêm viên ngọc quí nhất của truyền thống dân tộc: đã hun đúc lên những vị anh hùng bất tử như Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi... Họ là tinh hoa của dân tộc, chắt lọc những tinh hoa từ bao đời thể hiện trong sự hi sinh to lớn trước vận mệnh đất nước:

Đau lòng nhức óc chốc đà mười mấy năm trời,
Nếm mật nằm gai há phải một hai sớm tối.

(Cáo Bình Ngô)

Lòng yêu nước được thể hiện ở Nguyễn Trãi rất rõ nét và tột đỉnh. Ông đã dành tất cả cho sự nghiệp đất nước, cho sự ấm no và hạnh phúc của nhân dân:

Bui một tấc lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều dâng

(*Tấc lòng ưu ái* – Nguyễn Trãi)

Ông sẵn sàng hi sinh tất cả, quên đi những vị kỉ cá nhân để lấy cái nhân nghĩa làm đầu. Cái nhân, cái nghĩa của ông chẳng phải xuất phát từ lòng yêu nhân dân, đất nước đó sao?

Chỉ có lòng yêu nước mới làm xuất hiện các chiến lược, chiến thuật thật kì diệu, những thông minh lạ kì của các vị lãnh tướng:

Thế trận xuất kì lấy yếu chống mạnh
Dùng quân mai phục lấy ít địch nhiều

(Cáo bình Ngô)

Bởi vì quyết tâm quét sạch quân thù, quyết giành lại đất nước nhỏ bé nhưng chói lọi những trang sử vàng mà nhân dân ta đã hai lần thắng nhà Tống, ba lần thắng quân Nguyên – Mông, mười năm kháng chiến anh dũng chống Minh.

Một đất nước thật hào hùng, một dân tộc nồng nàn yêu nước mới có thể có những người con bất tử như Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo,...

Không chỉ trong công cuộc chống ngoại xâm mà cả trong hòa bình, Phạm Ngũ Lão, một tướng tài của đời nhà Trần, với khí thế của ba lần chống Nguyên Mông vẫn chưa thật sự hài lòng với những gì mình đã làm cho đất nước:

Công danh trai trẻ còn vương nợ
Huống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu

(*Thuật hoài* – Phạm Ngũ Lão)

Và đây một Lê Thánh Tông luôn luôn mong ước một nền hòa bình thịnh trị, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc:

Nhà Nam nhà Bắc đều no mặc
Lừng lẫy cùng ca khúc thái bình.

(Vịnh năm canh)

Truyền thống yêu nước của dân tộc ta càng được nâng lên khi có ánh sáng của Đảng soi đường.

Như cha ông thuở trước, người Việt Nam không thể ngồi yên trước bọn giặc xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, những người

dân Việt Nam từ giã những gì thân thương, yêu quý nhất của mình để lên đường bảo vệ đất nước:

Ruộng nương anh để bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

(*Đồng chí* – Chính Hữu)

Lòng yêu nước đã thúc giục họ ra đi. Họ mang theo bao nỗi nhớ thương mà không hề chùn bước bởi vì tất cả đều có lí tưởng là quyết tâm tiêu diệt quân thù, giành lại nền độc lập tự do cho đất nước với một niềm tin tưởng tuyệt đối vào Đảng.

Văn học Việt Nam từ thế kỉ XI - XV đã khẳng định giá trị cao đẹp lời dạy của Bác đúc kết truyền thống quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay. Tự hào thay, Tổ quốc em là một đất nước giàu đẹp và anh hùng!

Truyền thống yêu nước của dân tộc ta ngày càng phát triển cao hơn, cao mãi, nhất là từ khi có Đảng lãnh đạo. Con người mới xã hội chủ nghĩa đã nối tiếp cha anh mình. Với lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần trách nhiệm cao, lạc quan, yêu đời,... chúng ta, lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng phải trau dồi cho mình những đức tính đó và phải nâng cao lòng yêu nước, yêu dân tộc. Nó là kim chỉ nam của mọi hoạt động của chúng ta. Riêng em, khi còn ngồi ở ghế nhà trường sẽ quyết tâm trau dồi không chỉ về trình độ văn hóa, khoa học kĩ thuật mà còn tự phấn đấu về đạo đức cách mạng để ghi nhớ lời dạy của Bác:

Các vua Hùng đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước.

Võ Thúy Anh

Đề 12: Hãy làm rõ bản chất xấu xa của bọn thực dân phong kiến dưới chế độ cũ (những năm đầu thế kỉ XX), qua hai văn bản: *Sống chết mặc bay* của Phạm Duy Tốn và *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Ngữ văn 7, tập hai).

Bài làm

Trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, biết bao tên xâm lược đã nhòm ngó, hi vọng chiếm được mảnh đất nhỏ bé, kiên cường của dân tộc Việt Nam ta. Bọn chúng đến đây, kéo theo bọn tay sai bợ đỡ, đua nhau làm khổ dân ta. Chúng ta hãy dừng lại ở những năm hai mươi đầu thế kỉ XX. Bộ mặt xấu xa tàn bạo của bọn thực dân, phong kiến đã được các nhà văn ghi lại bằng ngòi bút sắc sảo của mình. Hai văn bản *Sống chết mặc bay* và *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* đã phần nào thể hiện rõ vấn đề nêu trên.

Trước hết, chúng ta dừng lại ở phạm vi giai cấp phong kiến lúc bấy giờ. Dưới chế độ phong kiến, quan lại có trách nhiệm với các "con dân" như cha, mẹ của dân. Song, trong thực tế, dân gian đã có lời ca dao oán thán:

Con ơi! Nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

Nghe ca dao, có thể chúng ta chưa tin. Có lẽ, ta sẽ theo bước chân tác giả Phạm Duy Tốn đến với "làng X, thuộc phủ X" vì nước sông Nhị Hà đang lên to quá, mà khúc đê vỡ! Nhưng đã có Nhà nước lo. Nhà nước đã cử một ông quan phụ mẫu (cha mẹ của dân) đến làng X để giúp dân hộ đê rồi. Văn bản *Sống chết mặc bay* của Phạm Duy Tốn đã vẽ lại toàn bộ công cuộc đi giúp dân hộ đê của quan phụ mẫu đã xứng đáng với sự mong chờ mòn mỏi của dân chưa?

Quan đi hộ đê mà không cùng xuống chỗ đê xung yếu để hướng dẫn, chỉ huy dân, lại ở nơi cao ráo an toàn:

"... *Thế thời nào quan cha mẹ ở đâu?... Thưa rằng đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn, năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dẫu nước to thế nữa cũng không việc gì.*"

Quan đi giúp dân "hộ đê", mà chuẩn bị đồ dùng thức dựng, kẻ hầu người hạ như đi hội: đèn thắp sáng trưng, nha lệ lính tráng, kẻ hầu người hạ đi lại rộn ràng. Quan ngồi ở tư thế: Chân phải duỗi thẳng ra để cho tên người nhà quỳ dưới đất mà gãi. Tên nữa... chực hầu điếu đóm. Một tên lính lệ đứng bên cầm quạt, chốc lại phẩy. Chung quanh sập... thầy đề, thầy đội nhất, thầy thông nhì, chánh tổng... cùng ngồi hầu bài. Đồ dùng của quan cái gì cũng có: bát yến hấp đường phèn... khói bay nghi ngút, tráp đồi mồi, trong ngập đầy trầu vàng, cau đậu, rễ tía; ống thuốc bạc, đồng quản bút, tăm bông... trông mà thích mắt.

Quan đi giúp dân "hộ đê", mà lại ngồi ở trên đình cao, không quan tâm gì đến đê điều. Thật vô trách nhiệm! Hơn thế nữa, quan lại ngồi say mê chơi tổ tôm để ăn tiền. Cho nên *"ngoài kia, tuy mưa gió ầm ầm, dân phu rối rít"*, *"nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch, nghiêm trang lắm"*.

Nhưng đáng chú ý nhất, đáng phê phán nhất là thái độ vô trách nhiệm đến vô nhân đạo của quan phụ mẫu. Khi hai lần có người vào bẩm báo tình hình nguy cấp của khúc đê, quan không những thờ ơ, mà còn gắt, quát, dọa bỏ tù thằng nào vào bẩm báo. Lần một: *"Ngài cau mặt, gắt: mặc kệ"*. Lần thứ hai quan lớn đỏ mặt tía tai, quát, dọa *"ông cách cổ bỏ tù chúng mày"*. Và cuối cùng đê vỡ *"nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết; kẻ sống không có chỗ ở; kẻ chết không nơi chôn..."*.

Qua nhân vật quan phụ mẫu trong *Sống chết mặc bay* có thể hình dung toàn bộ hệ thống quan lại vô trách nhiệm đến vô nhân đạo, toàn bộ chế độ

phong kiến thời đó thật tồi tệ, tàn nhẫn. Đó là những bọn người làm tay sai, bợ đỡ thực dân, đi ngược lại quyền lợi của nhân dân.

Bọn quan lại phong kiến thì vô trách nhiệm với dân đến lạnh lùng, mất tính người như thế. Phía trên bọn quan lại ấy là lũ thực dân trơ tráo, bỉ ổi đi cướp nước người.

Với ngòi bút sắc sảo, với trí tưởng tượng phong phú, tác giả Nguyễn Ái Quốc đã cho ta thấy rõ bộ mặt thực dân giả dối của Va-ren – tên quan Toàn quyền Đông Dương trong vụ hắn rêu rao sang Việt Nam để đem tự do cho Phan Bội Châu, để lừa phỉnh dư luận.

Thực ra, muốn chăm sóc nhà cách mạng Phan Bội Châu thì chỉ cần một mệnh lệnh từ nước Đại Pháp sang Hà Nội là đủ. Nhưng tên Va-ren này đã vòng vo giả dối: Hắn xuống tàu từ Mác-xây (Pháp) đến Sài Gòn: đã bốn tuần lễ rồi. Lại từ Sài Gòn ra Huế; từ Huế ra Hà Nội: biết bao ngày nữa. Trong khi đó "Phan Bội Châu vẫn nằm tù". Thực ra, hắn có quan tâm gì đến cụ Phan? Hắn đi ngao du; hưởng lạc sang xứ Đông Dương – nơi hắn làm toàn quyền – để hưởng các vinh hạnh tiếp rước, đón mời... của dân bản xứ. Tóm lại, có lợi cho bản thân hắn.

Nhưng sâu sắc nhất là khi Nguyễn Ái Quốc miêu tả cuộc chạm trán giữa tên Va-ren và nhà cách mạng Phan Bội Châu khi hắn đến Hà Nội vào Hỏa Lò. Ta hãy lắng nghe tác giả bình luận. *"Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp,, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này đang đối mặt với Người kia"* (chỉ Phan Bội Châu).

Hắn ba hoa liên tục, trong lúc cụ Phan im lặng. Hắn nói những gì: hắn dụ dỗ, mua chuộc nhà cách mạng hãy đầu hàng cách mạng, đầu hàng nhân dân, phản bội Tổ quốc (như hắn)...

Kết quả ra sao? *"Nhưng lạ chưa! Những lời nói của Va-ren hình như lọt vào tai (Phan) chẳng khác gì "nước đổ lá khoai" và cái im lặng dửng dưng của Phan suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Va-ren sửng sốt cả người"*.

Để kết thúc tác phẩm của mình, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra hai nhân chứng: Anh lính dõng An Nam cứ quả quyết rằng: *"Có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi". "Một nhân chứng thứ hai (xin không nói tên) lại quả quyết rằng: Phan Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren..."*, chi tiết này là đòn nốc ao cuối cùng quyết định khiến cho tên Va-ren trơ trẽn kia đo ván, lủi khỏi Hỏa Lò.

Với hai bút pháp khác nhau: Ở tác giả Phạm Duy Tốn là tự sự xen biểu cảm, trữ tình. Ở tác giả Nguyễn Ái Quốc là tự sự châm biếm. Cả hai bút pháp đều thành công trong việc xây dựng hai bộ mặt điển hình xấu xa của thực

dân và phong kiến Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX. Hai tác phẩm giúp em hiểu biết thêm rất nhiều về một giai đoạn của đất nước Việt Nam, Tổ quốc của em

CAO BÍCH XUÂN

Đề 13: Qua hai văn bản: *"Một thứ quà của lúa non: Cốm"* của Thạch Lam và *"Mùa xuân của tôi"* của Vũ Bằng, hãy chứng minh rằng:

"Dù viết về một thứ quà bình di hay viết về kỉ niệm của một kẻ xa quê, thì chỗ hay nhất của những áng văn xuôi ấy là tâm tình sâu nặng thiết tha với quê hương, đất nước".

Bài làm

Tôi có đọc của nhà thơ Giang Nam, có đoạn tôi rất thích:

Thủa còn thơ ngày hai buổi đến trường.
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ
Ai bảo chăn trâu là khổ?
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao.
Có những ngày trốn học
Đuổi bướm cạnh cầu ao
Mẹ bắt được, chưa đánh roi nào đã khóc.

Đọc đoạn thơ tôi gặp tình yêu quê hương của Giang Nam và tôi đồng cảm về những kỉ niệm thời ấu thơ. Viết về tình yêu quê hương, mỗi người có một cách biểu hiện. Qua ngòi bút của Thạch Lam trong bài *Một thứ quà của lúa non: Cốm* và ngòi bút của Vũ Bằng trong bài *Mùa xuân của tôi* ta có thể nhận ra "... chỗ hay nhất của những áng văn xuôi ấy là tâm tình sâu nặng thiết tha với quê hương, đất nước".

Trước hết, "tâm tình sâu nặng thiết tha với quê hương đất nước" được Thạch Lam gửi gắm trong cảm giác nhẹ nhàng, tinh tế, trong lành về mùa cốm. Từ khứu giác thoáng đi qua đầm sen hay đồng lúa vàng, Thạch Lam đã nhớ cốm và cảm nhận bước chân mùa cốm đang trở về.

"Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết".

Có ai miêu tả được hay và đúng về lúa nếp non được chọn để làm cốm như Thạch Lam không?

"Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ... bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời".

Thạch Lam đã giới thiệu làng làm cốm nổi tiếng 36 phố phường qua *"Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kì"*, và hình ảnh về làng cốm và thức quà ấy được xuất hiện bằng hình ảnh *"cô hàng cốm xinh xinh... cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng"*.

Nhà văn – với lòng yêu đất Mẹ đằm thắm, đã khẳng định: *"Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang hương vị mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam."*

Thật đẹp làm sao, thức quà giản dị đã trở thành món nghi lễ quen thuộc trong đời sống người Việt, mang về một nét văn hóa đẹp khi *"cốm để làm quà sêu Tết"*, *"sự vương vít của tơ hồng"*, *"thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi"*.

Nét văn hóa của dân tộc biểu hiện trong thức quà cốm còn được Thạch Lam chỉ dẫn ở cách ẩm thực cụ thể:

"... ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ". Bởi vì không phải là "ăn cốm", mà là "thưởng thức cốm". Để khi ăn có thể cảm nhận *"mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại, ... cái chất ngọt của cốm, cái thanh đạm của loài thảo mộc..."*. Và từ cảm nhận ấy, không thể quên được cái tình của lúa, của quê, của quê hương đất nước.

Khi gần quê hương, hạnh phúc là được thưởng thức sản vật quê hương để tình quê hương thêm mặn nồng. Nhưng đối với người con xa quê được nhớ quê là một điều hạnh phúc. Ta hãy cảm động lắng nghe Vũ Bằng nhớ về mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân Hà Nội với tâm tình sâu nặng thiết tha khi ông hoạt động ở miền Nam, trong vòng kiểm soát của kẻ thù.

Đầu tiên, nhà văn nghĩ về cái tình yêu, nỗi nhớ tự nhiên, rất con người của mình vì *"Ai bảo... bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng"*. Bằng một loạt so sánh như thế để khẳng định nỗi nhớ, niềm yêu rất người của mình.

Chúng ta đọc văn của Vũ Bằng, ta cũng xúc động nao nao nhớ Hà Nội, như gặp một kỉ niệm nào trong bài viết của ông. Ôi cái *"mưa riêu riêu, gió lành lạnh, tiếng chim nhạn kêu... tiếng trống chèo... câu hát của cô gái..."* làm sao không rung động nỗi lòng.

Chân thật và thú vị biết bao cái nỗi nhớ kỉ niệm *"khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu, mở cửa đi ra ngoài... thấy cái thú giang hồ... không uống rượu mạnh mà lòng say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống"*.

Mùa xuân làm cho con người trẻ ra, yêu đời, ham hoạt động, ham sống nhiều hơn, thấy yêu thương con người nhiều hơn.

Xúc động nhất là chi tiết về nỗi nhớ không khí gia đình vào những ngày Tết "*Nhang trầm, đèn nến... bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm*" ai không xúc cảm. Xa quê vào giờ này, ai chẳng khóc như con trẻ. Tình yêu quê hương là thế đấy.

Nhà văn còn rất sâu sắc khi nhắc đến cảm giác của những ngày sau Tết, cuối xuân, sắp chuyển sang đầu hè. Con người Hà Nội thưởng thức "*bữa cơm giản dị có cá om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng*", để mà nhớ quê hương da diết.

Dù xuân đã hết, người xa quê yêu cả những ngày thường nhật, giản dị, êm đềm của quê hương.

Cảm ơn hai nhà văn Thạch Lam và Vũ Bằng. Chỉ bằng một thức quà quê bình dị, chỉ bằng những kỉ niệm chân thật, mộc mạc của một người con xa quê, các tác giả đã gửi cả tấm tình sâu nặng với quê hương đất nước Việt Nam của chúng ta. Đọc và hiểu hai văn bản trên, em thấy yêu gia đình, yêu quê hương, yêu mảnh đất này hơn bao giờ hết.

CAO BÍCH XUÂN

Đề 14: **Dựa vào các bài ca dao đã học ở *Ngữ văn 7* và thơ ca em biết (ít nhất năm dẫn chứng), hãy chứng minh:**

Thơ ca Việt Nam (nói chung) và ca dao (nói riêng) đã biểu hiện đa dạng tình yêu quê hương, đất nước của người Việt Nam.

Bài làm 1

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
...
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.

Nội dung lời hát sao mà hay vậy. Tình của lời hát sao mà đằm thắm. Đó chính là tình yêu quê hương, đất nước. Trong ca dao của người Việt Nam, tình yêu quê hương ấy cũng được thể hiện ở nhiều dáng vẻ, ở từng miền đất từ Bắc chí Nam. Các bài thơ và ca dao học ở lớp Bảy đã làm sáng tỏ điều ấy.

Đầu tiên, chúng ta hãy theo bước chân tác giả đến Thủ đô Hà Nội – niềm tự hào của cả nước với: cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Đài Nghiên, Tháp Bút:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa sờn
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?

Và nếu ta đi lên phía tây thành Hà Nội, ta sẽ còn được thưởng thức một cảnh ngoạn mục hơn: đó là Hồ Tây. Hãy đến Hồ Tây vào lúc gần sáng, lúc bình minh lên ta sẽ gặp cảnh thật thơ mộng:

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Âm thanh ấy, người Hà Nội đi xa sao mà quên được: đó là tiếng chuông chùa Trấn Võ (một ngôi chùa ở phía bắc thành Thăng Long xưa), tiếng gõ mõ cầm canh báo thời gian và nhịp chày giã giấy ở làng Yên Thái – còn gọi là làng Bưởi – nơi có nghề làm giấy dó – Và hình ảnh Tây Hồ như tấm gương khổng lồ lung linh trong sớm mai của Hà Nội.

Từ Hà Nội, xin các bạn hãy dừng chân ở vài địa danh phía bắc, trước khi đi về miền Trung thân yêu. Sông Lục Đầu – tên gọi gợi nhớ về chiến thắng Vạn Kiếp lẫy lừng của Trần Hưng Đạo chống quân Mông – Nguyên:

Thành Hà Nội năm cửa; chàng ơi!
Sông Lục Đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.

Sông Lục Đầu gồm sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Môn, sông Thái Bình gặp nhau tạo thành. Riêng sông Thương – con sông chảy qua thị xã Bắc Giang lại có cấu thành đặc biệt:

Nước sông Thương bên trong, bên đục
Núi Đức Thánh Tản thắt cổ bồng lại có Thánh sinh.

Đi với sông Thương, câu ca còn nhắc đến núi Tản Viên: theo truyền thuyết: Sơn Tinh hóa phép cho núi thắt cổ bồng để Thủy Tinh không dâng nước lên được.

Chúng ta hãy dừng chân ở Lạng Sơn và Thanh Hóa. Những nơi này không những có nét nổi bật về địa lí tự nhiên, mà còn nổi tiếng về cả văn hóa, lịch sử:

Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh
Ở trên đỉnh Lạng có thành tiên xây.

Đền Sòng ở huyện Hà Trung (Thanh Hóa) là nơi thờ Bà Chúa Liễu Hạnh. Thanh Hóa còn là đất của các vua. Và theo tương truyền ở Lạng Sơn có thành do các nàng tiên hiện về đêm đêm xây cất nên. Thật là hấp dẫn phải không các bạn?

Ta hãy cùng nhau đi về miền Trung – khúc ruột thân yêu của cả nước – và đến với xứ Huế mộng mơ:

Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ.

Cảnh đẹp có núi, có sông, thật hữu tình, như bức họa của người họa sĩ tài ba. Sông Hương, núi Ngự, cố đô Huế đã trở thành những di sản văn hóa thế giới – niềm tự hào của người Việt:

Sông Hương nước chảy trong luôn
Núi Ngự danh tiếng cả muôn dặm ngoài.

Càng đi dạo trên mỗi mảnh đất của Tổ quốc, mỗi người Việt không thể kìm nén được xúc động trước những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay. Mỗi cây lúa lẹp ngời lên dưới ánh ban mai như những cô gái đẹp, trẻ, tươi tắn.

Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông

Thân em như chẽn lúa đòng đòng
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai.

Dân gian đã gửi vào bài ca dao một tình yêu đắm say đồng nội, quê hương – Ta như nghe sóng lúa dạt dào, ta như thấy cả cánh đồng đang chạy tít tận chân trời, ta như nghe hương thơm của lúa ngọt ngào, vương vấn đâu đây,...

Qua đất miền Trung tình nghĩa, ta tới miền Nam tươi đẹp với những miệt vườn vựa lúa, với những con người mộc mạc, chân chất, mà anh hùng "Thành đồng Tổ quốc". Ta sẽ sung sướng đến bất ngờ vì sự giàu có của những miền đất Nam Bộ:

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

Đến với Nam Bộ, ở miền đất nào cũng vậy, nơi nào cũng giàu có, lòng người mến khách, phóng khoáng và chân thật. Những điều đó níu kéo lòng người ở lại:

Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó thì không muốn về.

Hạnh phúc biết bao khi được gặp những con người ấy, được sống ở vùng đất ấy!

Thơ ca Việt Nam – người đã thay người Việt bộc lộ niềm yêu mến tự hào về quê hương, về sông núi nước Việt. Cứ đi liền từ Bắc vào Nam, và rồi lại từ Nam ra Bắc, ta sẽ sung sướng chiêm ngưỡng bao cảnh đẹp, bao nơi giàu có và gặp gỡ anh em thân thiết trong đại gia đình lớn Việt Nam ở cả Bắc, Trung, Nam.

CAO BÍCH XUÂN

BÀI ĐỌC THÊM:

THAO TÁC CHỨNG MINH

Thao tác "chứng minh" đòi hỏi chúng ta phải làm sáng tỏ chân lí bằng các dẫn chứng và lí lẽ. Khi ta chấp nhận cái chân lí thể hiện trong một lời phát ngôn nào đó (tục ngữ, danh ngôn, một lời nhận định...) ta sẽ phải thuyết phục người khác cùng chấp nhận. Phương tiện của ta là *những dẫn chứng rút ra từ thực tế cuộc sống xưa và nay, từ lịch sử, từ văn học (nếu đề bài yêu cầu) và kèm theo dẫn chứng là những lí lẽ* dẫn dắt, phân tích tạo ra những lập luận vững chắc, mang đến niềm tin cho người đọc.

Đi sâu vào thao tác chứng minh, bước đầu tiên là tìm hiểu "điều cần phải chứng minh", không những bản thân mình hiểu mà còn phải làm cho người khác thống nhất với mình cách hiểu đúng nhất. Tiếp theo là việc tìm và lựa chọn dẫn chứng. Thực tế cuộc sống rộng lớn, tư liệu lịch sử và văn học rất phong phú, chúng ta phải tìm và lựa chọn từ trong đó những dẫn chứng nào xác đáng nhất, tiêu biểu và toàn diện nhất. Biết lựa chọn thì chỉ nêu lên vài ba dẫn chứng cũng đủ làm sáng tỏ điều cần chứng minh, không biết lựa chọn thì nêu hàng chục dẫn chứng vẫn chưa có sức thuyết phục. Dẫn chứng phải thật sát với điều chúng ta đang muốn làm sáng tỏ và kèm theo dẫn chứng bao giờ cũng phải có lí lẽ phân tích – chỉ ra những nét, những điểm ta đang cần làm nổi bật trong các dẫn chứng kia.

Bản thân dẫn chứng và lí lẽ phân tích chưa có sức thuyết phục cao, nếu như người viết không biết cách sắp xếp tạo thành một hệ thống mạch lạc và chặt chẽ. Có thể sắp xếp dẫn chứng theo trình tự thời gian, không gian, từ xưa đến nay, từ xa đến gần, từ ngoài vào trong hoặc ngược lại...

Đọc đoạn văn sau đây, chúng ta sẽ thấy thao tác chứng minh đạt hiệu quả cao khi người viết nắm chắc vấn đề cần chứng minh, biết lựa chọn, sắp xếp, phân tích các dẫn chứng:

"Hơn tám mươi năm nay, bọn thực Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng hẳn trái với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn". [1]

Trong đoạn văn trên, tác giả đã nêu lên những dẫn chứng cụ thể không thể chối cãi, lại khéo sắp xếp – đi từ chính trị đến kinh tế, từ tội ác đối với toàn dân đến tội ác đối với mỗi tầng lớp đồng bào... Tất cả tạo ra một lời tố cáo đanh thép, một lời buộc tội hùng hồn.

Điều không nên quên là nếu như trong việc giải thích, chúng ta không dừng lại ở cách hiểu vấn đề thì trong thao tác chứng minh chúng ta cũng không dừng lại sau khi đã sử dụng hàng loạt dẫn chứng và lí lẽ để khẳng định vấn đề. Bước kết thúc vẫn là bước vận dụng, đặt vấn đề vào giữa thực tiễn cuộc sống hôm nay để đề xuất phương hướng nỗ lực. Chân lí chỉ có giá trị khi nó soi rọi cho ta sống và làm việc tốt hơn, vấn đề là ta cần tránh công thức, rút ra những kết luận cho thỏa đáng, thích hợp với từng con người, hoàn cảnh, sự việc.

Có thể xác định các nội dung trong một bài nghị luận chứng minh:

- Làm rõ điều cần chứng minh trong luận đề được nêu lên.
- Lần lượt đưa ra các dẫn chứng và lí lẽ để làm sáng tỏ điều cần chứng minh.
- Rút ra kết luận về phương hướng nỗ lực.

(*Làm văn 10* – Trần Thanh Đạm chủ biên, NXB Giáo dục – 1993)

---

[1] Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh

LẬP DÀN BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Lập dàn bài là chọn lựa sắp xếp các ý phụ theo một trật tự hợp lí để làm sáng tỏ ý chính là luận điểm của bài văn.

1. LẬP DÀN BÀI CHO ĐỀ BÀI CÓ SẴN Ý PHỤ

Với loại đề này, ta tiếp tục công việc tìm hiểu đề, phân tách ý, chọn ý và sắp xếp thành một dàn bài tổng quát hay chi tiết. Ta chú ý đến mối quan hệ giữa các từ ngữ, thành phần câu và câu, để phân tách các đơn vị ngữ pháp này thành các loại ý phụ. Nếu hai đơn vị ngữ pháp có quan hệ đồng nhất về ý nghĩa, ta kết hợp thành một ý. Nếu hai đơn vị ngữ pháp có quan hệ đẳng lập về ý nghĩa, ta tách thành hai ý cùng cấp bậc. Nếu hai đơn vị ngữ pháp có quan hệ chính phụ về ý nghĩa, ta tách thành hai ý khác cấp bậc.

Ví dụ 1: Nói về tục ngữ, ca dao, dân ca, có ý kiến như sau: *"Tục ngữ, ca dao, dân ca là một kho mĩ từ pháp. Ta gặp ở đó những lối tương phản, trùng điệp, ẩn dụ, thậm xưng".*

Hãy chứng minh nhận định trên.

Ý kiến trích dẫn ở đề bài này có hai câu. Câu thứ nhất nói tổng quát về "kho mĩ từ pháp" của tục ngữ, ca dao, dân ca. Câu thứ hai cho biết "kho mĩ từ pháp" ấy gồm có những loại nào. Như vậy, hai câu này có quan hệ chính phụ. Dựa vào câu thứ nhất, câu diễn ý chính, ta xác định luận điểm của bài văn: Mĩ từ pháp trong tục ngữ, ca dao, dân ca. Căn cứ vào bốn từ Hán Việt có quan hệ đẳng lập ở câu thứ hai, câu diễn ý phụ, ta có tách được bốn ý phụ cùng cấp bậc và xây dựng dàn bài tổng quát dưới đây:

Dàn bài

1. Mĩ từ pháp tương phản trong tục ngữ, ca dao, dân ca.

2. Mĩ từ pháp trùng điệp trong tục ngữ, ca dao, dân ca.

3. Mĩ từ pháp ẩn dụ trong tục ngữ, cao dao, dân ca.

4. Mĩ từ pháp thậm xưng trong tục ngữ, ca dao, dân ca.

Ví dụ 2: Hãy giải thích mối quan hệ giữa nhân nghĩa và hòa bình. Từ đó lấy dẫn chứng lịch sử và văn học để chứng minh hòa bình và nhân nghĩa là lí tưởng chiến đấu của Nguyễn Trãi và nghĩa quân Lam Sơn.

Đề trên có hai câu, mỗi câu cho ta một ý phụ. Tìm thêm 1 phụ bậc 2, ta có dàn bài trước đây.

Dàn bài

1. *Giải thích mối quan hệ giữa nhân nghĩa và hòa bình.*

a. Thương người như thương mình là nhân. Quên mình để cứu giúp người là nghĩa.

b. Đánh giặc ngoại xâm, đem lại cảnh sống hòa bình trong độc lập tự do cho trăm họ là đại nhân, đại nghĩa.

2. *Chứng minh hòa bình và nhân nghĩa là lí tưởng chiến đấu của Nguyễn Trãi và nghĩa quân Lam Sơn.*

a. Mở đầu cuộc kháng chiến chống quân Minh, Lê Lợi đã giương cao ngọn cờ Bình Định Vương (nghĩa là vua của hòa bình) để tập hợp hào kiệt ở trong thiên hạ.

b. Kết thúc mười năm chiến đấu cực kì gian khổ mà rực rỡ chiến công, Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo* và khẳng định:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo".

2. LẬP DÀN BÀI CHO ĐỀ BÀI KHÔNG CÓ SẴN Ý PHỤ

Với đề bài này, ta có thể theo ý riêng để xây dựng một dàn bài tổng quát hay chi tiết. Trước hết, ta căn cứ vào luận đề hay luận điểm của bài văn đã xác định được khi tìm hiểu đề, để tìm ý phụ một cách chính xác. Sau đó, sắp xếp những ý phụ vừa tìm ra theo một trật tự thích hợp. Ta có thể sắp xếp ý theo trật tự diễn dịch (từ tổng quát đến chi tiết), trật tự quy nạp (từ chi tiết đến tổng quát), v.v... Có một trật tự thích hợp với làm văn trong nhà trường là trật tự từ cái đã biết đến cái chưa biết, từ chỗ biết còn nông cạn đến chỗ biết sâu sắc. Đó là trật tự tiệm tiến.

Ví dụ 1: Từ hình tượng hoa sen, hãy viết về một nét đẹp trong phẩm cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với sự chú ý về đặc trưng của hoa sen là sống ở chỗ đầm lầy mà vẫn đẹp sắc thơm hương, ta chọn ý và sắp xếp ý theo trật tự thời gian, đồng thời cũng là trật tự tiệm tiến, để xây dựng dàn bài dưới đây.

Dàn bài

1. Thời niên thiếu, sống trong bóng tối của chế độ quân chủ lỗi thời và chế độ thực dân tàn ác, nhà giáo Nguyễn Tất Thành – tên của Bác Hồ lúc ấy – vẫn có trí tuệ sáng suốt và phẩm cách cao quý của một thanh niên yêu nước, có tư tưởng tiến bộ, giàu nhiệt tình và lí tưởng.

2. Khi đã trưởng thành, sống giữa cảnh xa hoa, nhộn nhịp ở những thành phố lớn của các nước tư bản, nhà hoạt động chính trị Nguyễn Ái Quốc – tên của Bác Hồ lúc ấy – vẫn giữ được lí tưởng sống cao đẹp của nhà cách mạng, vẫn bảo tồn được bản sắc tinh hoa có tính truyền thống của con người Việt Nam.

3. Lúc làm Chủ tịch nước, dù ở địa vị tối cao có quyền lực rất lớn, lãnh tụ Hồ Chí Minh vẫn sống giản dị, trong sáng, hết lòng vì nước, gắn bó với dân, trở thành tinh hoa, khí phách của dân tộc và lương tâm của thời đại.

Ví dụ 2: Tục ngữ có câu: *"Trăm hay không bằng tay quen"*.

Em hiểu thế nào và có suy nghĩ gì về bài học ấy?

Muốn hiểu thì phải giải thích. Trình bày suy nghĩ của mình về một vấn đề nào đó là bình luận. Theo hai phần giải thích và bình luận ấy, ta tìm ý, chọn ý và xây dựng dàn bài trước đây.

Dàn bài

Giải thích

a. "Trăm" là từ cổ, có nghĩa là *nói*. Từ "trăm" được hiểu như vậy thì câu tục ngữ này có nghĩa: Nói hay không bằng làm giỏi.

b. "Trăm" cũng có thể hiểu là *nhiều*. "Hay" cũng có thể hiểu là *biết*. "Trăm" và "hay" được hiểu như thế thì câu tục ngữ trên lại có nghĩa: *Biết nhiều không bằng làm tốt*.

c. Hai cách hiểu có chỗ không hoàn toàn giống nhau. Nếu ta chọn cách hiểu thứ hai và khái quát thành luận điểm thì nội dung có thể là: Lí thuyết không bằng thực hành.

Đề 1: Giải thích câu tục ngữ: "*Uống nước nhớ nguồn*".

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu bài: Giải thích một vấn đề.

2. Nội dung: Phải nhớ ơn những người đã tạo nên thành quả cho mình được hưởng.

3. Tư liệu: Thực tế cuộc sống.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình, hơn thế nữa, đã tạo nên thành quả cho mình được hưởng, xưa nay vốn là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của nhân dân ta. Bởi vậy, tục ngữ có câu: *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng"*. Cũng cùng ý nghĩa trên, tục ngữ còn có câu *"Uống nước nhớ nguồn"*.

Ngay trong cuộc sống hôm nay, lời dạy đạo lí làm người này càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

II. Thân bài

1. Giải thích: *"Uống nước nhớ nguồn"*.

Uống nước: thừa hưởng hoặc sử dụng thành quả lao động, đấu tranh của các thế hệ trước.

Nguồn: chỗ xuất phát dòng nước. Nghĩa bóng: Nguyên nhân dẫn đến, con người hoặc tập thể làm ra thành quả đó.

Ý nghĩa: Lời nhắc nhở khuyên nhủ của ông cha ta đối với con cháu, những ai đã, đang và sẽ thừa hưởng thành quả công lao của người đi trước.

2. *Tại sao uống nước phải nhớ nguồn*:

- Trong thiên nhiên và xã hội, không có một sự vật, một thành quả nào mà không có nguồn gốc, không do công sức lao động tạo nên.

- Của cải vật chất các thứ do bàn tay người lao động làm ra. Đất nước giàu đẹp do cha ông gầy dựng, gìn giữ tiếp truyền. Con cái là do các bậc cha mẹ sinh thành dưỡng dục. Vì thế, *nhớ nguồn* là đạo lí tất yếu.

- Lòng biết ơn là tình cảm đẹp xuất phát từ lòng trân trọng công lao những người *"trồng cây"* phục vụ cho biết bao người *"ăn trái"*.

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Khi *bưng bát cơm đầy"*, ta phải biết trân trọng, nhớ ơn những ai đã *"một nắng hai sương"*, *"muôn phần cay đắng"* để làm nên *"dẻo thơm một hạt"*. Nói cách khác, được thừa hưởng cuộc sống tự do, thanh bình, no ấm ta phải khắc ghi công lao các anh hùng liệt sĩ.

... *Uống nước nhớ nguồn* là nền tảng vững chắc tạo nên một xã hội thân ái đoàn kết. Lòng vô ơn, bội bạc sẽ khiến con người ích kỉ, ăn bám gia đình, xã hội.

3. *Phải làm gì để "nhớ nguồn"*.

- Tự hào với lịch sử anh hùng và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc, ra sức bảo vệ và tích cực học tập, lao động góp phần xây dựng đất nước.

- Có ý thức gìn giữ bản sắc, tinh hoa của dân tộc Việt Nam mình, và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nước ngoài.

- Có ý thức tiết kiệm, chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của mọi người.

III. Kết bài

- Khẳng định giá trị của câu tục ngữ trong tình hình thực tế đời sống hiện nay.

- *Nhớ nguồn* trước hết là nhớ ơn cha mẹ, thầy cô những người đã sinh thành, dưỡng dục, dạy dỗ chúng ta thành người hữu dụng. Ngoài ra, còn phải nhớ ơn xã hội đã giúp đỡ ta.

- Phải sống sao xứng đáng trọn nghĩa trọn tình theo đúng truyền thống đạo lí tốt đẹp của cha ông.

Bài làm 1

Sống trong xã hội, con người cần có thái độ như thế nào đối với những người đã giúp đỡ mình. Trước mắt ta, không thiếu những kẻ trân tráo vô ơn làm nên những hiện tượng *"ăn cháo đá bát"* mà nhân dân ta ai cũng cực lực phê phán. Những kẻ ấy đã không hiểu được một đạo lí truyền thống của dân tộc ta đã được đúc kết từ thực tế, một mối quan hệ cần thiết trong đời sống con người đó là: *"Uống nước nhớ nguồn"*. Ta nên hiểu câu tục ngữ này ra sao? Trong cuộc sống hiện nay, ý nghĩa của câu trên càng trở nên sâu sắc hơn như thế nào?

Trước tiên, ta cần hiểu thế nào là *uống nước nhớ nguồn*. Câu tục ngữ đã bắt đầu bằng một hình ảnh cụ thể, dễ thấy và dễ hiểu đó là *uống nước*. *Uống nước* là thừa hưởng hoặc sử dụng thành quả lao động hay thành quả đấu tranh cách mạng của các thế hệ trước đã qua rồi còn để lại. *Nguồn* là nơi xuất phát dòng nước. Nói rộng hơn, là nguyên nhân dẫn đến, là con người: Cá nhân hay tập thể đã đổ tâm huyết và công sức làm ra thành quả đó.

Đủ hiểu *"Uống nước nhớ nguồn"* là lời khuyên nhủ, nhắc nhở của ông cha chúng ta đối với lớp người đi sau, đối với tất cả những ai, đang và sẽ thừa hưởng thành quả được tạo nên do công lao của bao thế hệ người đi trước.

Có điều là vì sao *uống nước phải nhớ nguồn* cũng như *ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây?* Điều này thật là dễ hiểu! Bởi vì trong thiên nhiên cũng như trong xã hội, không có bất cứ một sự vật nào, một thành quả nào mà không có nguồn gốc, không do công sức lao động làm nên cả. Giống như hoa thơm trái ngọt phải có người trồng cây đổ biết bao mồ hôi công sức đôi khi cả xương máu nữa để cây xanh non tươi tốt mới có được. Của cải vật chất trong xã hội các thứ cũng vậy, cũng đều cần đến bàn tay khối óc cần lao của người lao động khổ công nhọc trí làm ra.

Ai cũng biết rằng dải đất nước giàu đẹp của chúng ta hiện nay cũng chính là thành quả của biết bao thế hệ cha ông đã đổ máu xương công sức ra gây dựng tiếp truyền cho. Trong phạm vi hạn hẹp hơn là gia đình, thì con cái là "thành quả" do các bậc cha mẹ đã sinh thành dưỡng dục. Người thừa hưởng sử dụng các thành quả đó phải biết đến công lao của những người tạo ra chúng. Vì thế *"nhớ nguồn"* là đạo lí tất yếu. Ân nghĩa, thủy chung, không quên công lao của tổ tiên từ đó đã là một trong những phẩm chất tốt đẹp đã trở thành truyền thống cao quý của con người Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm ấy trong ca dao, tiếng nói tâm tình của dân tộc ta:

Ai ơi! bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Khi *"bưng bát cơm đầy"* ta phải biết trân trọng, nhớ ơn những ai đã *"một nắng hai sương"*, *"muôn phần cay đắng"* để làm nên *"dẻo thơm một hạt"*. Nói cách khác, được thừa hưởng cuộc sống thanh bình, no ấm hiện nay nhất thiết

ta phải khắc ghi công lao của các vị anh hùng liệt sĩ đi trước đã hi sinh biết bao xương máu mồ hôi và nước mắt.

Do đó, *"Uống nước nhớ nguồn"* chính là nền tảng vững chắc tạo nên một xã hội thân ái đoàn kết đầy đạo lí làm người. Ai chẳng biết là lòng vô ơn, bội bạc, thái độ *ăn cháo đá bát* sẽ làm con người trở nên nhỏ nhen ích kỉ ăn bám gia đình và xã hội.

Thế nhưng để *"nhớ nguồn"* chúng ta phải làm gì? Là người Việt Nam, tự hào với lịch sử anh hùng, và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc, chúng ta phải ra sức góp phần bảo vệ đất nước, tích cực học tập và lao động để góp phần xây dựng đất nước trở nên giàu đẹp hơn.

Không những chỉ có ý thức giữ gìn bản sắc, tinh hoa của dân tộc Việt Nam mình mà chúng ta chớ không phải ai khác – phải ý thức tiếp thu một cách chọn lọc tinh hoa nhân loại để làm giàu thêm nền văn hóa nước nhà.

Ngoài ra, để *"nhớ nguồn"* chúng ta còn phải có ý thức tiết kiệm chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của mọi người. Có như thế mới sống xứng đáng trọn nghĩa trọn tình đúng với truyền thống đạo lí *"Uống nước nhớ nguồn"* tốt đẹp của cha ông.

Tóm lại, câu tục ngữ trên là lời khuyên, lời nhắc nhở ngắn gọn, súc tích, hình tượng rõ ràng đơn giản dễ hiểu mà ý nghĩa thật sâu sắc. Từ bao đời nay, cha ông chúng ta vẫn lấy câu tục ngữ này để giáo dục chúng ta đạo lí làm người Việt Nam.

Là học sinh, hơn ai hết, chúng ta phải khắc ghi trong lòng công ơn sinh thành nuôi nấng của cha mẹ và công lao tận tâm dạy dỗ của thầy cô giáo. Phải biết bảo vệ những thành quả vật chất lẫn tinh thần của bao thế hệ cha ông để lại, và đồng thời cũng biết kế thừa phát huy và giữ gìn giá trị vật chất, tinh thần của những thành quả đó.

Bài làm 2

Từ ngàn xưa đến nay đã có rất nhiều kẻ phản bội, vong ơn, bội nghĩa và hành động *"Ăn cháo đá bát"* đã dẫn đến hậu quả vô cùng tai hại. Nhân dân ta vốn căm ghét những kẻ đó vì đấy là hành động trái với truyền thống của dân tộc, một truyền thống cao đẹp của đất nước, đó là lòng biết ơn, sự tôn trọng người đã làm ra các sản phẩm cho đời sau. Để cho con cháu và người đời sau không đi con đường xấu đó và tiếp tục duy trì, phát triển một đạo lí, một truyền thống cao đẹp của dân tộc, ông bà xưa đã có câu: *"Uống nước nhớ nguồn"*.

Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về câu tục ngữ trên để có được những hành động đúng theo lời dạy của ông bà.

"Uống nước" là gì? Đó là một hành động thường xảy ra trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Việc làm ấy sẽ giúp con người thoát qua những cơn khát, những sự mệt nhọc. Hay nói rộng ra đó chính là con người đang sử

dụng những thành quả lao động của kẻ khác, của những người làm việc cực nhọc suốt ngày đêm. Còn *"nguồn"*? *"Nguồn"* là nơi xuất phát ra dòng nước, từ nơi đó dòng nước bắt đầu chảy, chảy mãi cho đến hạ lưu và từ đó đưa nước đến các gia đình. *"Nguồn"* là người đã làm việc để tạo ra thành quả, là người tạo ra sản phẩm bằng công sức của mình để phục vụ cho xã hội, đất nước và những người khác để rồi những con người đó tiếp tục làm việc để trở thành *"nguồn"* tạo nên các sản phẩm mới cho thế hệ mai sau đang tiến tới.

"Uống nước nhớ nguồn" là lời dạy của người xưa để cho các thế hệ sau phải luôn biết ơn đến những người đi trước, những người đã cống hiến cho xã hội và những người đã làm nên sản phẩm cho chúng ta sử dụng, sống một cuộc sống tiện nghi, thoải mái hơn. Kẻ *"uống nước"* phải luôn nhớ đến *"nguồn"* nước nơi đã cho họ dòng nước tươi mát, ngọt ngào. Đó là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc, một hành động mà con người Việt Nam phải có.

Thế tại sao chúng ta phải *"uống nước nhớ nguồn"*?

Trước nhất, không có một sản phẩm nào tự nhiên mà có, tự nhiên xuất hiện hay từ trên trời rơi xuống. Tất cả từ một vật lớn đến một vật nhỏ, từ một thành quả bé đến thành quả to đều cần có người làm ra. Các sản phẩm là kết quả của sự làm việc khó nhọc, của sự lao động quên mình của người tạo ra nó. Đã có những sản phẩm được tạo thành phải trải qua một thời gian rất dài và đôi khi người đầu tiên làm ra nó phải trả giá rất đắt, có khi bằng sinh mạng của mình để chúng ta ngày nay có thể sử dụng được. Những viên thuốc chúng ta dùng khi bệnh, ngọn đèn cháy sáng giúp chúng ta học, hay cái áo, chiếc lược đều là công sức của những người làm ra nó: vị bác sĩ, một nhà khoa học hay người công nhân. Họ là những người lao động vất vả để có sản phẩm cho ta dùng. Ta phải kính trọng họ dù cho họ giữ địa vị cao hay thấp trong xã hội.

Không những vậy, con người cũng chính là một sản phẩm của xã hội, nhà trường, cha mẹ đã tạo ra những con người có ích cho đất nước, cho thế giới. Những nhà khoa học nổi tiếng như Pha-ra-đây, Niu-tơn, Am-pe đã phát minh ra những sản phẩm mà người đời sau như chúng ta đã sử dụng chúng và sản phẩm đó đã giúp ích cho cả thế giới chứ không chỉ riêng một nước. Xã hội Việt Nam ta đã tạo ra những con người anh hùng đã dũng cảm đấu tranh bảo vệ đất nước thân yêu, nền độc lập lâu đời của dân tộc. Những Phạm Ngũ Lão, người con trai thời Trần trong ba lần chống quân Nguyên Mông; Lí Thường Kiệt cùng ba quân chống giặc Tống và một Nguyễn Trãi, Lê Lợi cùng quân dân đánh đuổi giặc Minh khỏi đất nước sau hai mươi năm xâm lược Việt Nam hay những người bộ đội Cụ Hồ đã hi sinh bao xương máu cho quê hương để ngày nay chúng ta có thể vui bước đến trường. Tất cả đều là những người mà ta cần ghi nhớ. Nhưng họ lại là sản phẩm của xã hội, của nhà trường, các bậc cha mẹ. Ta phải biết ơn xã hội vì đã tạo ra những sản phẩm tốt, những thành quả có ích cho quê hương, cho đất nước.

Cuối cùng, hành động nhớ ơn còn là một truyền thống, một đạo lí tốt đẹp có từ ngàn xưa. Đã là một thành phần của xã hội, đất nước, một sản phẩm của xã hội, chúng ta phải có lòng nhớ ơn, phải học theo hành động *"Uống nước nhớ nguồn"* chứ không thể là một kẻ *"Ăn cháo đá bát"* đem lại sự nguy hiểm cho đất nước. Một con người Việt Nam thì không thể thiếu được lòng nhớ ơn, biết kính trọng các sản phẩm của người khác. Ông bà ta còn có câu: *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"*. Đã là người thì phải biết nhớ đến công sức của kẻ tạo ra, của người đã lao động tạo nên sản phẩm vì nếu không có họ chúng ta sẽ không thể nào thừa hưởng, sử dụng các thành quả đó.

Để báo đáp công lao của người đi trước, của kẻ đã tạo ra sản phẩm, thành quả, chúng ta, những người đi sau, những kẻ thừa hưởng phải có hành động đúng. Chúng ta phải biết sử dụng một cách tiết kiệm, có hiệu quả với các thành phẩm đó. Chúng ta không chỉ có sử dụng mà còn phải bảo vệ và tiếp tục tạo nên các thành quả, sản phẩm khác giúp cho đất nước phát triển và để lại cho các thế hệ mai sau.

Chúng ta phải có hành động cụ thể chứ không chỉ nói suông. Chỉ có hành động mới thể hiện được tấm lòng thật. Hiện nay, các cơ quan nhà nước và những xí nghiệp đang thi đua để xây dựng nhà tình nghĩa giúp đỡ cho các gia đình có công với cách mạng. Đó cũng là một hình thức đền ơn đáp nghĩa của nhà nước đối với người đã hi sinh vì Tổ quốc. Hay chính chúng ta vào ngày 20-11 hàng năm, lại đến thăm các thầy cô cũ và mới để thể hiện một tấm lòng kính trọng thầy cô, sự biết ơn của chúng ta, của cha mẹ chúng ta đối với thầy cô, những người đã lao động cực nhọc trên bục giảng để cho chúng ta kiến thức.

"Uống nước nhớ nguồn" là một lời dạy rất có giá trị. Tuy ra đời từ rất lâu, nhưng cho đến nay và mai sau nữa lời dạy đó luôn có giá trị, không mai một theo thời gian. Lời dạy đó sẽ giúp cho chúng ta, những người học sinh và mai sau sẽ là người chủ của đất nước có thêm những hành trang vững chắc để bước vào đời, xây dựng đất nước. Chúng ta là người thừa hưởng đạo lí tốt đẹp đó phải tiếp tục phát triển và duy trì truyền thống này để không phụ lòng người đi trước và các thế hệ sau có thể thừa hưởng được những đức tính tốt đẹp.

Câu tục ngữ cho em một bài học tốt. Không chỉ riêng em mà còn rất nhiều người học sinh khác, đó chính là sự biết ơn đối với những người đã làm ra sản phẩm cho chúng ta sử dụng, thừa hưởng. Bản thân em còn là một học sinh đang còn ngồi trên ghế nhà trường, chưa thể làm việc để tự tạo ra sản phẩm cho xã hội, cho thế hệ sau. Hiện nay, em chỉ là kẻ thừa hưởng những sản phẩm của cha mẹ, thầy cô, đó là những kiến thức, sự giáo dục. Do đó, em phải chăm ngoan học hành, nghe lời dạy bảo để đáp lại phần nào công lao to lớn ấy. Những lời dạy đó sẽ giúp em đứng vững trước những trở ngại trong cuộc sống sau này.

Nguyễn Thị Long Giang

Đề 2: **Tục ngữ Việt Nam có câu: *"Không thầy đố mày làm nên"*, nhưng lại có câu khác: *"Học thầy không tày học bạn"*. Hãy giải thích rõ ý nghĩa và mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ nói trên.**

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu bài: Giải thích một vấn đề.

2. Nội dung: Làm rõ về sự cùng có mặt của hai câu tục ngữ tưởng như mâu thuẫn với nhau về mối quan hệ giữa học thầy và học bạn.

3. Tư liệu: Thực tế xã hội và kinh nghiệm bản thân trong đời sống, trong học tập.

DÀN BÀI

1. Mở bài

– Nhân dân ta vốn có truyền thống tôn sư trọng đạo và đặc biệt là rất hiếu học, rất đề cao việc học.

– Tục ngữ – túi khôn muôn đời của dân gian. Có nhiều câu đã không những khẳng định vai trò tác dụng của người thầy mà còn nêu lên những kinh nghiệm đáng quý về việc học.

– Dẫn hai câu tục ngữ.

– Chúng ta hiểu như thế nào về ý nghĩa và mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ nói trên (mối quan hệ giữa học thầy và học bạn).

2. Thân bài

a. Hiểu *"Không thầy đố mày làm nên"* là như thế nào?

• Người thầy có vai trò quyết định trong việc dạy học.

– Truyền thụ kiến thức khoa học hay nói một cách khác là dạy chữ.

– Dạy dỗ bảo ban những điều hay lẽ phải đạo lí ở đời hay nói một cách khác là dạy người.

• Học sinh nỗ lực chủ động bản thân trong quá trình học tập.

– Cố gắng vươn lên lĩnh hội tri thức khoa học.

– Tự giác rèn luyện bản thân tu dưỡng đạo đức của mình.

Hạn chế: câu tục ngữ này chưa chú ý đến vai trò năng động tác dụng đáng kể của việc học bạn.

b. Hiểu *"Học thầy không tày học bạn"* là như thế nào?

• Trong quá trình học tập của người học sinh sự hỗ trợ của bạn bè là rất quan trọng.

– Bạn bè là những người gần gũi dễ thông cảm với ta. Do đó, ta có thể học hỏi ở họ bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu.

- Ở một mặt nào đó, bạn bè cũng có thể được xem là "thầy" ta, chỉ bảo giảng giải rõ ràng, cặn kẽ những điều mà họ đã thấu hiểu một cách tường tận và sâu sắc hơn ta.

c. Mối quan hệ giữa "học thầy" và "học bạn":

- Học thầy là chủ yếu phải được coi trọng nhưng cũng không thể không chú ý đến việc học hỏi ở bạn bè.

- Người học sinh phải vừa học ở trên lớp vừa học ở nhà. Trên lớp, ta cần học thầy. Về nhà, ta cần học bạn.

- Biết ơn thầy, ta phải kính trọng và vâng lời thầy nhưng cũng phải biết khiêm tốn thương mến, tôn trọng và học hỏi ở bạn mình.

3. Kết bài

- Hai câu tục ngữ không hề mâu thuẫn nhau và không bác bỏ lẫn nhau mà trái lại đã bổ sung cho nhau: Muốn học tập tốt, ta phải vừa học thầy vừa học bạn một cách chân thành và nghiêm chỉnh nhất.

- Tự xác định thái độ của mình: Phải kính trọng thầy, biết ơn thầy vì *"Không thầy đố mày làm nên"*. Còn đối với bạn, ta phải khiêm tốn học hỏi và chân thành giúp đỡ mỗi khi bạn cần đến.

Đề 3: **Trong bài nói chuyện tại buổi lễ Khai mạc Trường Đại học Nhân dân ngày 19-5-1955, Bác Hồ dạy:**

"Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ".

Em hiểu lời dạy trên đây của Bác Hồ như thế nào?

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Kiểu đề: Giải thích

2. Nội dung: Lời khuyên về thái độ, hành động đúng đắn của con người trước mọi điều phải trái trong cuộc sống: Điều phải, dù nhỏ vẫn cố làm cho kì được. Điều trái, dù nhỏ vẫn phải hết sức tránh.

3. Tư liệu: Dẫn chứng thực tế đời sống.

DÀN BÀI

1. Mở bài

- Bác Hồ rất quan tâm đến thanh thiếu niên chúng ta. Người luôn luôn ân cần chỉ bảo từ những điều lớn lao đến những điều nhỏ bé.

- Dẫn lời dạy của Bác.

2. Thân bài

a. *Thế nào là điều phải, điều trái? Thế nào là điều phải nhỏ, điều trái nhỏ?*

– Điều phải là điều đúng với lẽ phải, điều tốt, điều đúng. Có điều phải lớn lao, có điều phải nhỏ bé.

– Điều trái là điều không đúng với lẽ phải, điều xấu, điều sai. Có điều trái lớn lao, có điều trái nhỏ bé.

b. *Tại sao đối với điều phải thì cố làm cho kì được, đối với điều trái thì hết sức tránh?*

– Phải làm điều phải, dù là việc nhỏ. Nhiều việc nhỏ góp lại sẽ thành việc lớn. Ý thức đạo đức khiến ta không thể từ chối việc làm ấy.

– Phải hết sức tránh làm điều trái, điều có hại cho người, cho ta, dù là điều trái nhỏ. Nhiều điều trái nhỏ tích lũy lại sẽ thành điều trái lớn. Làm điều trái dù lớn dù nhỏ cũng đều vi phạm đạo đức xã hội.

c. *Vâng lời Bác Hồ dạy, ta phải làm gì?*

– Không được xem thường cái nhỏ nhặt dù là cái phải hay cái trái.

– Cẩn thận trọng, tự kiểm soát suy nghĩ và hành động của bản thân mình một cách thường xuyên.

– Cố gắng làm nhiều việc tốt, bỏ dần điều xấu.

3. Kết bài.

Bài làm

Là một tấm gương tuyệt vời về đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", Bác Hồ không những đặt ra yêu cầu rất cao đối với việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho chính mình mà Bác còn đặt ra yêu cầu cao đối với tất cả những cán bộ cách mạng, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên Việt Nam.

Tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân ngày 19-1-1955, Bác Hồ đã dạy:

"Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ."

Chúng ta phải hiểu câu nói trên ra sao và tuân theo lời dạy quý báu của Bác như thế nào?

Trước hết, điều phải là gì? Điều phải nhỏ là những điều gì? Điều phải là những điều đúng, điều tốt, đúng với lẽ phải, với quy luật, thuận với đạo lí, phù hợp với mọi người, có ích cho xã hội. Điều phải lớn như hi sinh xả thân vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, vì lí tưởng. Điều phải nhỏ là những việc xảy ra hàng ngày trong sinh hoạt của mọi người. Đó là những việc đúng, việc tốt, đúng với lẽ phải, hợp lí vừa lòng đối với mọi người chung quanh ta. Chẳng hạn như việc nhặt được của rơi đem trả lại cho người mất hay như giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, không xả rác bừa bãi chẳng hạn.

Còn điều trái là gì? Điều trái là những điều sai, sai với lẽ phải, với sự thật, làm hại kẻ khác, không có lợi cho mọi người. Điều trái lớn như phản bội lại quyền lợi dân tộc, nhân dân, tổ quốc làm tổn hại tới cuộc sống của

cộng đồng. Điều trái nhỏ là những việc sai, không đúng, tuy là nhỏ nhặt nhưng cũng có tổn hại ít nhiều đến người khác. Đối với học sinh chúng ta, chẳng hạn như việc nói chuyện trong lớp tuy lỗi không lớn nhưng cũng là vi phạm nội quy lớp học và gây ảnh hưởng không tốt đến trật tự, có ảnh hưởng nhất định đến việc học tập của người khác.

Bác Hồ đã dạy rõ: Đối với điều phải, đã cho là đúng, là phải và cần thiết làm thì dù việc đó có nhỏ thì chúng ta cũng quyết tâm thực hiện cho kì được quyết không trốn tránh hay bỏ cuộc nửa chừng. Trên phương diện đạo đức, người ta đánh giá việc làm phải của mỗi người là ở tinh thần và mục đích của việc làm ấy chứ không phải là ở tầm cỡ hay kết quả của nó. Hơn thế nữa, nhiều điều phải nhỏ góp lại sẽ thành điều phải lớn. Không phải lớn không phải lúc nào cũng xảy ra và ai làm cũng được. Do đó, chúng ta nên "tùy theo sức của mình" mà làm những việc phải nhỏ thường xuyên có mặt trong cuộc sống của mình.

Còn đối với điều trái, đã cho là không đúng thì phải hết sức tránh, dù là điều trái nhỏ. Nghĩa là chúng ta bằng mọi cách phải từ chối, không tham gia, phải tự chiến thắng bản thân mình, chiến thắng những cám dỗ vật chất. Bác Hồ căn dặn chúng ta không được coi thường điều trái nhỏ, phải hết sức tránh nghĩa là không nên làm, tuyệt đối không được làm. Tại sao vậy? Bởi vì đã là điều trái thì tất nhiên là có hại cho chính bản thân mình và cho người khác. Về mặt đạo đức, đặc biệt cách mạng không cho phép con người nhúng tay vào điều trái dù là điều trái nhỏ. Hơn thế nữa, nhiều điều trái nhỏ góp lại sẽ thành điều trái lớn. Nhiều lần làm điều trái sẽ dẫn chúng ta tới thói quen "ăn cắp quen tay, ngủ ngày quen mắt". Không tránh làm điều trái nhỏ là ta đã vi phạm vào đạo đức xã hội.

Câu nói trên là một lời khuyên dạy ngắn gọn về mặt hình thức rõ ràng dễ hiểu về mặt nội dung.

Bác Hồ nhắc nhở, giáo dục mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ một phương châm sống và hành động là hãy làm theo lẽ phải, bảo vệ chân lí, nhất quyết không làm điều trái có hại cho người khác.

Lời khuyên dạy của Bác thật vô cùng quý giá và sâu sắc. Qua đấy, chúng ta thấy Người luôn luôn quan tâm đến mọi người nhất là đến thanh thiếu niên chúng ta.

Để thực hiện được lời khuyên dạy trên, trước hết chúng ta không được khinh suất coi thường những điều nhỏ nhặt kể cả những điều phải lẫn điều trái. Hàng ngày nên cố tập làm những việc tốt dù đó là việc tốt nhỏ và quyết tâm từ bỏ, tuyệt đối không làm việc trái dù đó là việc trái nhỏ. Là học sinh, chúng ta nên phấn đấu làm theo *Năm điều Bác Hồ dạy* vì trong đó đã chứa đựng đầy đủ tất cả những việc chúng ta cần phải làm, phải phấn đấu.

Đề 4: **Trong thư gửi cho học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, Bác Hồ viết:**

"Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai cùng các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em."

Em hiểu lời dạy đó như thế nào? Theo em, phải làm gì để thực hiện lời dạy đó của Bác Hồ.

Bài làm

Dù Bác Hồ đã đi xa, nhưng trong trí nhớ mỗi người học sinh Việt Nam chúng ta vẫn luôn khắc sâu những lời dặn dò bao yêu thương trìu mến của Người trong ngày khai trường đầu tiên: *"Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai cùng các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*. Lời dạy bảo sâu sắc thúc đẩy chúng ta thực hiện, nhưng trước hết, để làm tốt, học sinh chúng ta phải hiểu đúng và rõ lời dạy đó.

Hiểu được thế nào là một đất nước vẻ vang thật khó, và để đưa đất nước lên vị trí vẻ vang trên thế giới càng chẳng dễ chút nào. Một đất nước được coi là vẻ vang với bè bạn năm châu là đất nước đạt được một số thành tựu cao, nổi tiếng với thế giới trong một vài lĩnh vực nào đó, có thể là kinh tế, văn hóa, hay chính trị... Ai Cập có một nền văn hóa lâu đời và nổi tiếng, thu hút nhiều khách du lịch, đó là một nước vẻ vang về văn hóa. Dân tộc Việt Nam ta trong lịch sử đã đánh thắng nhiều nước ngoại xâm, ngày nay đã hai lần kháng chiến thành công, đánh đuổi "hai đế quốc to" (như có lần Bác Hồ đã nói) là Pháp và Mĩ, đó chẳng phải là đáng vẻ vang về quân sự hay sao? Nhưng sự vẻ vang đó không chỉ đem vinh quang lại cho một cá nhân, mà còn mang đến niềm tự hào chính đáng cho cả một dân tộc.

Việt Nam đã là một nước vẻ vang trên một mặt nào đó, nhưng Bác chưa hề muốn dừng lại ở đây. Bác còn kêu gọi chúng ta nâng cao hơn vị trí của Việt Nam trên thế giới, làm sao để Việt Nam phát triển được thành một cường quốc. Như vậy, ý nghĩa của "cường quốc" mang tính chất toàn diện hơn ý nghĩa của từ "vẻ vang" rất nhiều. Một cường quốc phải là một đất nước phát triển khá toàn diện và phát huy được một số thế mạnh của đất nước đó về kinh tế, chính trị, văn hóa hay quân sự... Thế mạnh đó phải được nâng cao hơn để có thể sánh vai với toàn thế giới. Như vậy, Bác không muốn chúng ta dừng lại, tự hào mãi với chiến thắng của mình, mà Bác còn hi vọng xây dựng, phát triển đất nước ta mạnh hơn, khá hơn về mọi mặt. Đó mới thực sự là mục đích phấn đấu của chúng ta. Chính vì không thỏa mãn quá đáng với thắng lợi của dân tộc nên ngay sau khi đất nước độc lập, Bác lại lập tức kêu gọi chúng ta bước vào một cuộc chiến đấu mới. Lời kêu gọi của Bác đem đến

cho chúng ta nghị lực phấn đấu không mệt mỏi, không chùn bước để phát huy tiềm năng đã có sẵn như tài nguyên thiên nhiên, vị trí hoàn toàn độc lập trên thế giới. Ngoài ra, nếu không chủ tâm xây dựng đất nước từ ngay lúc này, thì biết đâu ngày mai, chúng ta sẽ lại phải gò lưng dưới ách nô lệ của một đế quốc mới. Để địch nổi chúng, tồn tại ngang hàng với chúng thì không còn cách nào khác là phải đưa đất nước đi lên.

Suy nghĩ của Bác thật đúng đắn và sáng suốt. Và lại càng đáng quý hơn khi Bác đặt vấn đề lớn lao đó với học sinh, những người chủ mai sau của đất nước. Hơn nữa, theo Bác, việc học tập của học sinh hôm nay còn đóng góp một phần lớn cho Tổ quốc mai sau. Suy nghĩ đó của Bác thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới thế hệ trẻ, sự đánh giá cao vị trí của lớp măng non trong tương lai của đất nước. Qua đó, Bác khẳng định nhiệm vụ học tập của thế hệ trẻ hôm nay và mai sau là vô cùng quan trọng, vì nó sẽ đóng góp nhiều trong việc xây dựng đất nước. Tác dụng của việc học tập đối với xây dựng đất nước chúng ta có thể thấy rất rõ qua những môn học ở nhà trường. Ví dụ, một cường quốc phát triển chính là ở các thành tựu khoa học kĩ thuật, mà để phát huy được những thành tựu ấy thì phải có kiến thức chuyên sâu về toán học, vật lí và hóa học. Vậy nên nếu không học tốt những môn đó từ bây giờ thì mai sau liệu chúng ta có thể làm được gì có ích không. Ngoài ra, việc giao lưu văn hóa khoa học kĩ thuật, kinh tế, buôn bán trao đổi với các nước trên thế giới là vô cùng cần thiết trong công cuộc phát triển đất nước, vì chúng ta phải học tập những kinh nghiệm tốt của họ, phải làm ăn với họ. Nhưng muốn thế chúng ta phải thạo ngoại ngữ, do đó phải học tập, nghiên cứu từ bây giờ. Còn biết bao các lĩnh vực khác, mà lĩnh vực nào cũng phải có kiến thức mới làm tốt được. Bởi thế, việc học tập là vô cùng cần thiết nếu muốn phát triển đất nước thành một cường quốc trên thế giới.

Thế nhưng học tập thế nào cho tốt thì cũng không hề dễ dàng. Trước hết việc học phải có mục tiêu trước mắt và mục đích trong tương lai, có ước mơ hoài bão lớn lao. Điều đó sẽ là động lực thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên không ngừng trong học tập. Mỗi người có một ước mơ riêng nó thường gắn với một số bộ môn nào đó, thì đương nhiên những bộ môn đó chúng ta cần học sâu hơn. Nhưng cũng không thể chỉ học những môn đó vì xã hội cần những con người có tài năng toàn diện, không thể học cái này mà sao nhãng cái khác. Nếu đối với bất kì vấn đề gì chúng ta cũng có một vốn hiểu biết thì có thể tự lực làm được nhiều việc có ích cho xã hội. Tuy nhiên, mỗi người đều có một sở trường riêng, phải biết phát huy nó. Khi đã phát hiện được thế mạnh của mình, tại sao chúng ta không đào sâu nghiên cứu để phát triển mặt đó mà lại để nó mai một đi? Ngoài ra nếu chỉ nhét vào đầu những kiến thức suông trong sách vở mà không biết vận dụng ngoài thực tế thì cũng chẳng giúp gì được cho đất nước. Vì vậy, Bác Hồ cũng đã căn dặn chúng ta phải "học đi đôi với hành". Có như vậy, kiến thức mới có thể trở thành phương tiện tốt cho ta

bước vào đời, vì một khi không biến nó thành những hoạt động có ích ngoài cuộc sống thì nó mãi mãi là vô dụng mà thôi. Qua lời dạy của Bác, chúng ta có thể hiểu được phần nào tầm quan trọng của việc học tập đối với đất nước và sẽ cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ vinh quang ấy.

Lê-nin từng dạy thanh niên *"Học, học nữa, học mãi"*. Bác Hồ lại dạy *"Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không... chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*, những người học sinh tâm huyết với Tổ quốc đều không thể quên nhiệm vụ quan trọng là học tập, bởi mai sau mới có thể đủ năng lực cống hiến nhiều trong việc phát triển đất nước. Lời dạy của Bác chúng cháu sẽ không bao giờ quên.

Hồ Thương Giang (Hà Nội)

Đề 5: Em hiểu như thế nào về lời khuyên của nhân dân thể hiện trong câu ca dao:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Bài làm

Người Việt Nam ta có một truyền thống rất quý báu, đó là tinh thần tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách", tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau "thương người như thể thương thân". Truyền thống ấy đã trở thành đạo lí của dân tộc, được thể hiện trong tục ngữ, ca dao. Câu ca dao giàu hình ảnh dưới đây bắt đầu từ nguồn mạch ấy:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Nói đến lòng yêu thương lẫn nhau, đoàn kết với nhau, câu ca dao trên đã đưa ra hai hình ảnh so sánh giàu sức biểu cảm: "bầu" và "bí". Bầu và bí tuy là giống khác nhau nhưng được trồng chung trên một mảnh đất, bắc chung một giàn tre. Chúng thường có chung môi trường, điều kiện sống. Chính vì vậy chúng càng gần gũi, thân thiết với nhau. Bầu thân mềm, bí cũng thân mềm. Bầu phải tựa vào giàn mới phát triển được. Bí cũng như thế. Chung một giàn còn có nghĩa là bầu và bí tựa vào nhau, tựa vào giàn. Giàn đổ thì bầu gặp tai vạ, bí cũng gặp tai vạ. Bầu và bí cùng chung một phận. Vì thế bầu chớ chê bí xấu, bí cũng không nên chê bầu hoa trắng không được duyên rồi ghét bỏ, xa cách nhau. Vì sao bầu bí khác giống nhau mà vẫn phải thương yêu nhau? Nhân dân đưa ra lí do "chung một giàn". Chung một giàn là chung nhau địa điểm, chung nhau không gian. Bầu và bí cùng chịu mưa, chịu nắng, cùng sống chung bằng những tấc đất bạc màu hay trù phú, cùng được tưới những dòng nước mát hay cùng chịu những ngày hạn hán. Như vậy cảnh ngộ của chúng

không khác gì nhau. Lẽ nào một mình bầu tươi xanh khi bí thì khô héo? Bầu thương bí cũng chính là thương mình. Bí có sống thì bầu mới sống. Nếu bí cỗi cằn thì bầu cũng chẳng tươi xanh.

Câu ca dao nói về bầu và bí nhưng dân gian không chỉ nói chuyện cỏ cây. Hình ảnh bầu bí là hình ảnh ẩn dụ để khuyên nhủ người đời. Con người cũng như cây bầu, cây bí, tuy khác giống (không phải là anh em "Cùng chung bác mẹ một nhà càng thân") nhưng lại sống chung trong một làng, một xã. Hình ảnh cái giàn của bầu và bí chung nhau gợi cho người ta liên tưởng đến một đất nước, một tỉnh, một huyện, một vùng quê, một xã, một làng. Cũng có thể đó là một trường, một lớp học hay một xưởng máy, một cửa hàng. Bầu hãy thương lấy bí hay là những người gần gũi trong một đơn vị tổ, nhóm hãy đoàn kết gắn bó và yêu thương nhau.

Không ai có thể sống đơn lẻ một mình không có mối liên hệ nào với những người khác. Ai cũng có quê hương nghĩa là có những người đồng hương chung làng, chung xóm. Ai cũng phải làm việc nên cũng có những người đồng nghiệp. Khi còn bé đi học, bạn bè cùng lứa tuổi cùng chung trường lớp, thầy cô. Chính những nét chung nhất ấy của họ đã giúp họ gắn bó với nhau hơn. Nhờ đó họ càng hiểu nhau, cảm thông cho nhau và giúp đỡ nhau, nhường nhịn nhau. Nhất định cuộc sống sẽ đẹp hơn nếu mọi người đều quan tâm, yêu quý nhau. Vì vậy lòng yêu thương, tinh thần đoàn kết, chia sẻ, nhường nhịn nhau là đức tính, phẩm chất quý báu cần có ở mỗi người.

Lời khuyên nhủ, kêu gọi yêu thương đoàn kết không chỉ được nhắc một lần qua câu ca dao trên. Chúng ta còn bắt gặp trong những câu ca dao khác:

– *Nhiễu điều phủ lấy giá gương*
Người trong một nước phải thương nhau cùng

– *Khôn ngoan đối đáp người ngoài*
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau

Thực tế đã chứng minh sự đoàn kết gắn bó của nhân dân ta mỗi khi có giặc ngoại xâm. Trong những trận chiến đấu ấy, tình thương yêu, đoàn kết đã làm cho dân tộc ta có sức mạnh chiến thắng. Từ miền ngược tới miền xuôi, từ Bắc chí Nam, từ cụ già đến trẻ em, ai ai cũng đồng lòng giết giặc cứu nước. Bởi vì họ đều là dân của đất nước Việt Nam, cùng chịu chung nỗi khổ mất nước, chịu chung ách nô lệ. Chính vì vậy mà nhân dân ta đã đoàn kết, yêu thương nhau, cùng nhau chiến thắng kẻ thù.

Hiện nay đất nước ta đã thống nhất nhưng không phải mọi miền đều giàu có như nhau. Cuộc sống của mọi người cũng khác biệt. Có những người quanh năm làm lụng vất vả nhưng không sao đủ cái ăn, cái mặc. Lại có những người rất giàu sang, đầy đủ. Theo truyền thống yêu thương của dân tộc, cần phải giúp đỡ người nghèo xóa đói giảm nghèo. Những người giàu có giúp người nghèo vay vốn làm ăn, góp tiền ủng hộ quỹ từ thiện chính là thể hiện tình

thần "lá lành đùm lá rách", truyền thống nhân ái "nhường cơm sẻ áo" của cha ông. Nếu không giúp đỡ, nương tựa vào nhau như vậy làm sao con người có thể đồng đều vươn lên trong cuộc sống?

Đọc lại câu ca dao kêu gọi lòng yêu thương đùm bọc, ta càng thấy ý nghĩa to lớn của tình thương và sự sáng suốt của người xưa. Tình thương làm cho người ta sống nhân hậu, thân ái với mọi người. Tình thương làm cho con người vượt qua được khó khăn, hoạn nạn. Yêu thương, quan tâm giúp đỡ những người xung quanh, những người hàng xóm, bạn bè là một phẩm chất cần có của mỗi người chúng ta. Người Việt Nam sẽ truyền cho thế hệ mai sau đạo lí tốt đẹp đó để làm cho cuộc đời này thêm đẹp, thêm ý nghĩa hơn.

Tạ Nguyễn Phương Lan (Hà Nội)

Đề 6: Thủ đô Hà Nội chúng ta đang xây dựng những nếp sống đẹp. Bởi vậy, mọi người thường hay nhắc đến câu ca dao xưa:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Theo em, ý nghĩ của câu ca dao đó là như thế nào? Người Thủ đô ngày nay nên suy nghĩ gì về ý nghĩa đó?

Bài làm

Đất nước ta nay đang trong thời kì mở cửa, những đổi mới do sự giao lưu văn hóa rộng rãi đã đem lại bao không khí mới cho cuộc sống. Song mở cửa ắt gió lùa. Không ít những nếp sống vốn là nét đẹp riêng của dân tộc đang lung lay trước những cơn gió lùa của thời mở cửa. Không ít người sa vào con đường tội ác, họ quên đi gốc rễ, đánh mất bản thân. Muốn tìm lại được thì phải trả bằng không ít đớn đau. Đáng trách hơn có kẻ lại còn cho rằng nền nếp văn hóa lâu đời là cổ hủ phong kiến. Hà Nội mến yêu của ta, Thủ đô mến yêu của ta cũng không nằm ngoại lệ. Vậy câu:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An

có còn chỗ đứng nữa không? Làm sáng tỏ điều đó không chỉ là trách nhiệm của riêng bạn, hay riêng tôi mà là của tất cả chúng ta.

Đọc câu ca dao mà không ít người ngơ ngác: Sao bảo đó là câu ca nói về người Thủ đô Thăng Long – Hà Nội ta? Chắc họ nghĩ đến cái tên Tràng An. Vâng, Tràng An vốn xưa kia là tên kinh đô của Trung Quốc, là đất đế đô của nhiều thế kỉ, nhiều triều đại phong kiến nhất, nên tập trung nhiều nét đặc sắc của văn minh Trung Hoa. Người kinh đô Tràng An có những nét văn minh mà những nơi khác không có hoặc có nhưng không đậm nét bằng. Lâu dần "Tràng An" trở thành tên chung tượng trưng cho những vùng đất kinh

đô và nói "người Tràng An" là chỉ chung những người sống ở kinh kì của một nước, không cứ là kinh kì của nước Trung Hoa. Bởi thế ca dao cổ Việt Nam cũng gọi người kinh đô của mình là "người Tràng An".

Nói "không" ("không thơm", "không thanh lịch") cũng là nói quá lên vậy thôi, chính là nhằm để khẳng định, để ca tụng: hoa nhài có hương thơm đặc biệt, hoa khác không dễ gì có; cũng như người Hà Nội có nếp thanh lịch đặc biệt, nơi khác không dễ gì sánh được. Và vì nó có vẻ riêng biệt nên nói "không", hay đúng hơn, nói "ít" cũng là so với cái hương thơm, cái thanh lịch không giống cái hương thơm và nét thanh lịch của nó đó thôi.

Có người lại cho rằng, người Hà Nội thường là xinh đẹp, là trai thanh gái tú. Họ không chấp nhận người lao động lam lũ là thanh lịch, và không hề băn khoăn khi vội vàng khẳng định một chàng trai đẹp, mũi dọc dừa, mắt sáng là một con người thanh lịch. Sai hết, sai cơ bản vì thanh lịch là tính cách con người. Câu ca dao ấy nói rằng người Tràng An là người thanh lịch, vì vậy không thơm nồng nàn đắm đuối như hoa hồng mà nhẹ nhàng ngát hương như hoa nhài, dẫu thế nào cũng được tiếng thơm là người Thăng Long – Hà Nội.

Vậy thế nào là người thanh lịch? Người thanh lịch là con người trong sáng (thanh) và lịch sự (lịch). Con người biết nói hai từ "xin lỗi" và "cảm ơn" đúng lúc, không nhỏ nhen tầm thường và ứng xử tốt.

Tại sao người Hà Nội lại được tiếng là thanh lịch? Vì nước Đại Việt ta từ nghìn năm trước, nơi đâu có trường học lớn nhất nước? Thăng Long. Nơi đâu tổ chức các khoa thi, tụ tập anh tài từ bốn phương tám hướng? Thăng Long. Nơi đâu như có ánh sáng, có khí thiêng-sông núi kết tinh như Bắc Đẩu rạng rỡ chiếu khắp giang sơn đất nước? Thăng Long. Chính vì thế mà nhắc tới Thăng Long – Hà Nội, nhắc tới người Hà Nội, mọi người như nhắc tới một nơi đẹp đẽ cao cả, nhắc tới người thông minh, thanh lịch.

Thật diễm phúc cho ai được sinh ra và lớn lên trên đất Hà Nội, để trở thành người Hà Nội. Nhưng Hà Nội ngày hôm nay khác với Hà Nội ngày xưa. Chưa nói tới Hà Nội xa xưa của thời câu ca dao ra đời, chỉ xin so với Hà Nội những năm khói lửa chống Mĩ thôi, đã thấy Hà Nội nay mất đi không ít những nét đáng quý của con người Hà Nội. Người Hà Nội thuở ấy không sợ đạn bom, liều thân mình vì người khác. Đối xử với nhau tốt đẹp, họ có tấm lòng mộc mạc thôi nhưng sao mà ấm áp, sao mà chỉ gặp một lần cũng nhớ mãi. Và giữa một thời bom dội, họ luôn đứng thẳng, từ trong sâu thẳm nơi trái tim tràn ngập một niềm tin: "Chân ta bước lòng ung dung tự hào, kìa nòng pháo vẫn vươn lên trời cao!". Nên "Hà Nội đó niềm tin yêu hi vọng của núi sông hôm nay và mai sau". Người Hà Nội ngày nay khá phức tạp. Có những người sống vì bạo lực và cũng vì bạo lực mà bỏ mạng uổng phí. Có kẻ suốt ngày trong ánh đèn mờ ảo của những vũ trường. Song cũng rất may là

còn có những người hiền lành, tử tế, chăm chỉ. Nhờ họ mà đất Hà Nội, nếp sống người Hà Nội vẫn đẹp.

Không thể có một đất nước hạnh phúc khi không có cuộc sống an ninh ổn định trên đất nước ấy. Mà cơ sở làm nên sự an ninh ấy là cuộc sống có văn hóa. Cuộc sống văn hóa mới không thể cắt lìa với cội nguồn. Có lẽ vì thế mà những năm gần đây, nhà trường và xã hội đều quan tâm giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hóa dân tộc. Thủ đô ta cũng trong trào lưu đó. Một trong những nội dung đó là chúng ta quan tâm giữ gìn và phát huy nếp sống thanh lịch của người Thủ đô. Bởi thế chúng ta thường được nghe nhắc nhiều đến câu ca dao xưa, vốn là niềm tự hào của Thủ đô ta:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Tô Hữu Đức (Hà Nội)

Đề 7: **Hãy giải thích câu tục ngữ: *"Tốt gỗ hơn tốt nước sơn"*.**

Bài làm

Từ xưa tới nay, tục ngữ vẫn luôn là hành trang, túi khôn của con người. Tục ngữ cho ta biết bao lời khuyên, biết bao kinh nghiệm quý giá. Một trong số vô vàn các câu tục ngữ là: *"Tốt gỗ hơn tốt nước sơn"*. Câu tục ngữ này đã nói lên quan hệ giữa nội dung bên trong và hình thức bên ngoài, nội dung bao giờ cũng tốt hơn, có giá trị hơn hình thức, đồng thời khuyên chúng ta đừng quá coi trọng hình thức mà bỏ qua nội dung. Để hiểu rõ hơn, chúng ta sẽ cùng nhau giải thích câu tục ngữ này.

Trước tiên, chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa câu tục ngữ *"Tốt gỗ hơn tốt nước sơn"*. Nghệ sĩ dân gian đã đưa ra hai hình ảnh cụ thể là *gỗ* và *nước sơn*. Giữa gỗ và nước sơn có từ so sánh "hơn" để làm nổi bật ý nghĩa rằng: gỗ bao giờ cũng tốt hơn, bền hơn nước sơn. Cũng chính vì vậy mà khi đi mua tủ, mua bàn ghế bằng gỗ, người khôn ngoan không bao giờ nhìn nước sơn đẹp hay xấu, nhìn hình thức bóng bẩy bề ngoài mà họ thường quan tâm đến loại gỗ làm ra vật đó, gỗ lim, gỗ trắc hay loại gỗ gì? Bởi vì: nước sơn tuy đẹp thật nhưng theo năm tháng sẽ dần dần phai nhạt đi, mờ đi, còn gỗ thì vẫn bền lâu. Từ việc "gỗ" và "nước sơn", ta suy nghĩ đến con người. Con người cũng cần ở cái nết, phẩm chất chứ con người không phải chỉ cần có cái đẹp bên ngoài. Ông cha ta từng nói "cái nết đánh chết cái đẹp" mà. Khi chọn vợ, chọn chồng cho con, cha mẹ ít khi cho rằng: người vợ, người chồng của con phải thật đẹp, mà họ thường để ý xem người đó phẩm chất, nhân cách thế nào? Bởi vì, con người ta làm sao mà trẻ đẹp mãi được, con người sẽ dần già đi, sắc đẹp sẽ dần tàn phai, ai mà giữ mãi được tuổi thanh xuân của mình. Tuy

sắc đẹp của con người tàn phai, nhưng phẩm chất, nhân cách của con người vẫn còn đó, không bị mất đi.

Chúng ta đã hiểu được câu tục ngữ nhưng vì sao ta lại nói như vậy? Vì đây là lời khuyên của ông cha ta, nó đã tồn tại rất nhiều năm, được mọi người chấp nhận, làm theo, và nó đã được truyền từ đời này sang đời khác. Hơn nữa, ta hiểu được vì thực tế hàng ngày diễn ra trước mắt ta. Cạnh nhà tôi có một chị tên là Phương, chị rất xinh đẹp, nhà giàu, lúc nào cũng ăn mặc sang trọng, vòng vàng, nhẫn vàng, hoa tai vàng, nhưng chị chẳng biết làm gì cả, suốt ngày chỉ mắng chị Lan, làm thuê trong nhà. Có hôm chị Lan về quê, mẹ chị đi vắng, bố chị bảo chị nấu cơm, nhưng khi về thì nồi cơm điện không ấn nút cắm điện, nên gạo hoàn gạo, thịt kho cháy, rau thì sống sượng chẳng ăn được gì. Bố chị lại phải đưa chị đi ăn ngoài hàng. Cả xóm tôi đều cười chê chị. Chị thi đại học ba, bốn năm nay mà chẳng năm nào đỗ cả. Thử hỏi, người như chị rời bố mẹ thì làm ăn được gì, sắc đẹp đâu có làm ra cơm, gạo, thức ăn, làm ra tiền cho chị? Muốn có kiến thức thì phải học, phải lao động. Ngược lại với chị Phương, chị Vân là con nhà nông dân chân lấm tay bùn, nhà chị chẳng giàu có gì lại có tới ba chị em gái; chị là cả phải vừa giúp bố mẹ làm việc đồng áng, vừa nội trợ, vừa trông em, vừa học, thế mà năm nào chị cũng đạt học sinh xuất sắc, chị đã giành được bao nhiêu giải của quận, của thành phố trong suốt 12 năm học. Chị lại rất ngoan ngoãn, chăm chỉ, đảm đang và hiếu thảo, nên được mọi người yêu mến, chị thi một lúc đỗ cả ba trường đại học, mẹ tôi thường bảo tôi học tập chị. Đó là những tấm gương rất rõ để tôi hiểu được câu tục ngữ "tốt gỗ hơn tốt nước sơn" này. Người nào nết na, đảm đang, ngoan ngoãn luôn được mọi người yêu quý, kính trọng dù họ xấu hay đẹp. Đó, nội dung bên trong bao giờ cũng có giá trị hơn, quan trọng hơn là hình thức bề ngoài. Hiểu như vậy, tôi và các bạn, chúng ta phải làm gì nào? Chúng ta phải chăm chỉ học tập để trở thành con ngoan, trò giỏi. Ngoài việc học ta phải tham gia các hoạt động thể thao cho cơ thể khỏe mạnh, ta phải giúp đỡ bố mẹ mọi công việc nhà như nấu cơm, rửa bát, rửa ấm chén, quét dọn nhà cửa sạch sẽ. Ta phải tu dưỡng đạo đức tốt, chứ đừng bỏ ra quá nhiều thời gian để ngắm vuốt trước gương, trang điểm son phấn. Câu tục ngữ "tốt gỗ hơn tốt nước sơn" ngày nay vẫn đúng, nhưng ở năm 2003 này, khi đời sống vật chất đầy đủ và sinh hoạt tinh thần phong phú, con người càng cần tu dưỡng đạo đức, tuy để khỏi bị gọi là lạc hậu, hiệu quả giao tiếp trong cuộc sống cao hơn thì mọi người cũng cần chọn cho mình quần áo đẹp, lịch sự, hợp với bản thân.

Như vậy, câu tục ngữ của ông cha ta ngày nay vẫn đúng là "tốt gỗ hơn tốt nước sơn". Dân tộc ta hiện nay đã có điều kiện để làm cho hình thức cuộc sống bên ngoài đẹp lên, song chúng ta cũng không nên nhầm lẫn, không lóa mắt vì hình thức. Ta vẫn coi trọng nội dung bên trong – phẩm chất tốt đẹp của mỗi con người. Các bạn hãy phấn đấu để đạt mục tiêu thế nhé!

Đề 8: **Thế nào là một người bạn tốt.**

Bài làm

Theo em, người bạn tốt trước hết là người dễ gần gũi, có thể hòa nhập với các bạn cùng lớp. Nếu biết hòa nhập với các bạn khác thì riêng bản thân bạn đó đã có nhiều bạn, và chúng ta dễ dàng tìm thấy ở đó một người bạn tốt.

Hai là người bạn tốt phải là người có lòng tốt, biết yêu thương bạn bè. Đối với bạn, phải thực lòng, không dối trá, thì mới có thể là bạn tốt được. Nếu thấy bạn bè gặp phải chuyện buồn thì người bạn phải biết cách an ủi, yêu thương bạn bè là biết cảm thông với bạn, tìm cách giúp đỡ bạn khi cần thiết. Tuy nhiên, tùy từng trường hợp mà giúp đỡ bạn sao cho bạn vui lên, hết buồn, nhưng về việc học tập thì chỉ giúp đỡ khi bạn thực sự cần mình để bạn và mình đều có kết quả tốt nhất trong việc học hành. Không nên yêu bạn mà làm hộ bài cho bạn, làm cho bạn ỷ lại.

Thêm nữa một người bạn tốt phải là người cần cù, chăm chỉ. Bất cứ một người nào cũng cần có đức tính đó, một người bạn mà có đức tính đó thì người chơi với người ấy chắc chắn cũng sẽ học tập được một phần nào ở bạn mình. Cần cù, chăm chỉ không chỉ giúp chính bản thân mình, tạo điều kiện cho mình được hoàn thiện hơn mà còn làm người bạn cảm thấy họ có được người bạn như vậy và họ sẽ phải cố gắng để được như mình.

Một người dễ gần gũi, biết hòa nhập, biết yêu thương bạn bè và chăm chỉ thì chắc sẽ là một người chẳng những có sức học khá mà còn hơn thế nữa, học rất giỏi. Vậy một người bạn tốt có thể là một người học giỏi nhưng chửa chắc người bạn tốt nào cũng đều học giỏi. Không có, nếu không muốn nói rằng rất hiếm thấy một người nào có thể toàn thiện toàn mĩ. Một người bạn tốt, nói chung, dưới con mắt của những người bạn khác, là một người tốt.

Tất nhiên ý kiến của những người bạn xấu đối với bạn đó thì chẳng nói làm gì.

Cuối cùng, người bạn tốt nào cũng cần có tính thẳng thắn, đứng đắn. Trong mọi trường hợp bạn ấy phải tỏ rõ đức tính đó của mình. Đó là không bao che khuyết điểm của bạn, cho dù đó là bạn thân hay bạn nào khác mà mọi người ngại "đụng tới". Thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá những thói hư tật xấu. Nếu mình có lỗi hay khuyết điểm thì phải sẵn sàng nhận. Càng không được tham gia vào những hoạt động không lành mạnh.

Mặt khác người bạn tốt ấy cũng phải có tính bao dung, rộng lượng. Nếu bạn nào có lỗi với mình mà đã hối hận, xin lỗi mình thì mình nên tha lỗi cho bạn, mà không nên chấp nê, để bụng v.v... Có như vậy mọi người mới cảm thấy ở ta một con người tốt bụng và do đó, chúng ta sẽ có được nhiều bạn bè hơn.

Em chắc chắn rằng một người tốt có đầy đủ phẩm chất như thế thì ở gia đình bạn ấy cũng sẽ là một người con ngoan của cha mẹ, được mọi người yêu mến, kính trọng.

Theo em nghĩ, tóm lại, người bạn tốt cần có các đức tính: đoàn kết, hòa nhập, yêu thương bạn bè, thẳng thắn, đứng đắn và biết bao dung, rộng lượng. Nhưng trong thực tế có lẽ rất ít ai có được đầy đủ các phẩm chất như thế. Ai cũng có mặt tốt, mặt chưa tốt, nên các đức tính nêu trên cũng chỉ là lí tưởng mà con người ta mơ ước đối với người bạn của mình. Muốn có bạn tốt mỗi người chúng ta phải góp phần xây dựng cho bạn đó, giúp bạn tránh xa cái xấu, và trở thành tốt hơn. Nếu chúng ta có được nhiều bạn tốt thì cuộc sống chúng ta cũng sẽ được nhiều hạnh phúc. Riêng em, em mong mình có nhiều bạn tốt và mình cũng là một người bạn tốt của các bạn.

Lê Thu Thủy (Hà Nội)

Đề 9: **Hãy giải thích câu tục ngữ: "*Thì giờ là vàng bạc*".**

Bài làm

Ông cha ta từ xưa vẫn khuyên dạy con cháu phải biết quý trọng thời gian. Thời gian đã trôi qua, không bao giờ trở lại, vì thời gian cũng là mảnh đời của mỗi con người chúng ta. Vậy thời gian quan trọng và quý giá như thế nào mà ông cha ta lại nói trong câu tục ngữ: *"Thì giờ là vàng bạc"*. Chúng ta cùng trao đổi về vấn đề này.

Trước hết, ta phải hiểu vấn đề nêu ra trong câu tục ngữ như thế nào? "Thì giờ" là một cách nói về thời gian. Thời gian không phải là một vật cụ thể mà ta có thể trông thấy, cầm lấy được. Thời gian là một khái niệm vô hình. Vậy mà vế bên kia của câu tục ngữ, dân gian lại lấy "vàng, bạc" là những vật cụ thể, hữu hình để so sánh với thời gian. Cho nên cách so sánh này sẽ cụ thể hóa giá trị của thời gian để con người thấy tầm quan trọng của nó. "Vàng bạc" là những kim loại quý, có giá trị cao trong cuộc sống xã hội loài người. Xưa nay, người đời chẳng hay nói "đắt như vàng" đó sao? Vàng có giá trị, cho nên trong cuộc sống, khi con người đã đủ ăn, đủ mặc, của cải dư thừa, người ta thường hay mua vàng để dành phòng lúc đau ốm, tuổi già hoặc có việc quan trọng trong nhà cần dùng đến. Vàng, bạc còn dùng làm đồ trang sức tô điểm vẻ đẹp cho con người. Muốn có vàng, người lao động phải làm việc chăm và giỏi để dành dụm, tiết kiệm. Vàng bạc đâu có dễ dàng đến với con người. Vậy, dân gian lại dùng lối so sánh khẳng định "Thì giờ là vàng bạc" không những để ca ngợi thời gian quý như vàng bạc, hơn thế nữa "thời gian" chính là "vàng bạc" đấy. Nếu bàn cho kĩ nữa thì thời gian còn quý hơn cả vàng bạc, vì vàng bạc có thể làm ra được (nếu hết); nhưng thời gian "hôm nay" đã qua,

không thể làm lại thời gian hôm nay được – không bao giờ cái đã qua trở lại được.

Vì sao thời gian (thì giờ) lại quý giá như vậy? Thời gian được tính bằng giây, bằng phút, bằng giờ, bằng tháng, bằng năm. Đó là từ khi con người biết đo bóng nắng đoán giờ, biết tính ngày tháng theo trăng tròn, trăng khuyết... Trước khi con người biết tính thời gian, thì thời gian vẫn cứ vô tình trôi đi, chẳng bao giờ dừng lại. Thời gian gắn liền với tuổi đời và cả cuộc đời con người. Mỗi một chặng thời gian, con người sống có ích, con người sẽ tích lũy được vốn kiến thức, hiểu biết; con người sẽ đem lại cho cộng đồng của mình, cho chính mình những sự nghiệp tốt đẹp. Tuổi học sinh, tuổi niên thiếu của chúng ta thật vô tư, nhưng đừng vô tư đến mức lãng phí, lãng quên thời gian. Bạn hãy học hết mình, và khi chơi, thư giãn bạn cũng hết mình thì hiệu quả cuộc sống của bạn sẽ ra đáp số "thì giờ là vàng bạc" đấy. Ví dụ: bạn định ngồi học và làm bài tập liền trong hai giờ đồng hồ. Bạn hãy tập trung cao để học và làm bài đi. Sau đó bạn có thể đi dạo 15 phút, hoặc chơi đàn ghi-ta 15 phút, hát vài bài ca mà bạn thích, cũng có thể xuống sân chơi bóng một lát... bạn lại trở về phòng làm việc tập trung suy nghĩ. Chắc chắn như thế là không lãng phí thời gian. Có nhiều bạn đi chơi suốt ngày, đến giờ đi học là cầm cặp chạy. Chắc chắn bạn đó sẽ không có thì giờ vàng bạc rồi. Còn đối với các nhà khoa học, những người say mê với sự nghiệp thì họ có ăn ngủ đúng giờ như mọi người đâu. Niềm say mê và nghị lực tuyệt vời đã khiến họ không có lịch ăn, ngủ cố định. Đó là mầm mống của Thiên tài. Những Thiên tài thường có nghị lực đặc biệt và cách làm việc đặc biệt. Thời gian, thời gian đối với họ quý giá hơn cả vàng bạc, các bạn ạ!

Thời gian quý giá như thế, ta nên có một kế hoạch để tận dụng thời gian. Hàng ngày, nên có thời gian biểu hợp lí, để bảo đảm việc học, việc giải trí, vui chơi cho hợp với hoàn cảnh mỗi gia đình và sức khỏe của cá nhân chúng ta và còn tranh thủ giúp đỡ bố mẹ những việc vừa sức mình nữa chứ. Ngoài việc chơi, việc học hàng ngày, ta nên có thời gian dành cho việc đọc sách, báo, một khoảng thời gian thích đáng cho công việc mà mình yêu thích, say mê, ... Tôi biết có bạn vẫn tranh thủ viết truyện, làm thơ. Tôi biết có bạn thích tập cắt may quần áo và sưu tập thời trang. Tôi biết có bạn rất thích nghiên cứu về kinh tế và ước mơ trở thành một nhà doanh nghiệp lớn... Tất cả những điều đó nên bố trí trong thời gian tuổi còn trẻ để học và làm. Tất cả những ước mơ, những dự định đều có thể xảy ra, nếu bạn yêu quý, tận dụng và biết sắp xếp thời gian.

Quả thật là "Thì giờ là vàng bạc", phải không các bạn? Đọc xong bài nghị luận giải thích này, dù ít hay nhiều các bạn hãy nhìn lại lịch học tập, làm việc, vui chơi của mình đi nhé! Đừng để "vàng, bạc" thời gian quý giá đang ở trong tay ta, lại rơi vãi một cách phí hoài, phải không các bạn?

CAO BÍCH XUÂN

Đề 10: Bước qua cổng trường, hàng ngày em nhìn thấy một hàng chữ lớn: "Tiên học lễ, hậu học văn". Em hiểu như thế nào về hàng chữ ấy?

DÀN BÀI THAM KHẢO

I. Đặt vấn đề

– Nhân dân ta từ bao đời nay vốn coi trọng đạo lí. Ngay trong lĩnh vực học tập cũng thế.

– Hiện nay, ở hầu hết trường học, mỗi ngày bước qua cổng trường là người học sinh nhìn thấy ngay một hàng chữ lớn: *"Tiên học lễ, hậu học văn"*.

– Câu này có ý nghĩa gì?

II. Gải quyết vấn đề

Giải thích câu tục ngữ: *"Tiên học lễ, hậu học văn."*

– Học lễ trước, học văn sau.

– *Lễ* là cách cư xử, trên tinh thần tôn trọng con người, kính trên nhường dưới trong các mối quan hệ xã hội. *Lễ* là tính cách là đạo đức của con người trong xã hội.

– *Văn* là văn chương, hiểu biết, kiến thức, kĩ năng giúp người ta có học vấn ngày xưa là để đỗ đạt làm quan phò vua giúp nước. Ngày nay, "*Văn*" là kiến thức văn hóa, khoa học kĩ thuật, kĩ năng cần thiết được giảng dạy trong nhà trường.

– *Học lễ trước, học văn sau* có ý nghĩa gì?

– Đạo đức, hạnh kiểm là yếu tố cần được đặt ra trước để dạy dỗ và rèn luyện.

– Cái đức của người học sinh là điều cần yếu nhất không thể thiếu, là cơ bản của con người là nền tảng để tiếp thu kiến thức.

– Vì sao *"Tiên học lễ, hậu học văn"?*

– Đạo đức, hạnh kiểm của người học trò quyết định tinh thần, thái độ học tập và cũng quyết định luôn hiệu quả của việc học tập của người ấy.

– Cũng chính yếu tố này quyết định việc sử dụng năng lực của con người vào cuộc sống thường ngày.

– Có "*văn*", không có "*lễ*", có "*tài*" không có "*đức*" thì tác hại đối với xã hội sẽ vô cùng to lớn.

– Thực hiện tinh thần "Tiên học lễ, hậu học văn", chúng ta phải làm gì?

– Đặt việc rèn luyện đạo đức tác phong lên hàng đầu, trên cơ sở đó phát huy học tập nâng cao kiến thức văn hóa, trình độ kĩ thuật và kĩ năng thực hành. Tuy nhên, nói học lễ trước, học văn sau là nói theo cách nói của người xưa, nhằm nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc học lễ, việc rèn luyện đức hạnh của con người. Ngày nay, chúng ta không tách ra mà tiến hành song song việc rèn luyện đạo đức với việc học tập văn học, sử học và kiến thức khoa học

khác. Ngày nay, việc học lễ được lồng vào việc học văn, trong học văn có học lễ để bồi dưỡng con người toàn diện.

III. Kết thúc vấn đề

– Phải chú ý công việc học tập vì đây là điều kiện giúp ta trở thành người công dân hữu ích cho xã hội mai này.

– Phẩm chất con người bao giờ cũng tồn tại "đức" và "tài", "lễ" và "văn", do đó không thể thiếu được mặt nào cả.

Đề 11: Tục ngữ Việt Nam có câu: *"Đói cho sạch, rách cho thơm"*. Em hãy giải thích câu tục ngữ trên.

DÀN BÀI

I. Đặt vấn đề

– Có nhiều người trong cuộc sống hàng ngày tuy nghèo khó, túng thiếu nhưng vẫn được mọi người xung quanh hết lòng kính trọng. Đủ thấy đời sống vật chất là quan trọng nhưng đời sống tinh thần cũng quan trọng không kém.

– Dẫn câu tục ngữ.

– Câu ấy có ý nghĩa ra sao? Do đâu có thể nói được như vậy.

II. Giải quyết vấn đề

1. *Giải thích câu tục ngữ.*

Đói, rách ý chỉ những khó khăn, thiếu thốn về mặt vật chất, điều kiện sống.

Sạch, thơm ý chỉ phẩm chất tốt đẹp, danh dự của người.

Dù trong hoàn cảnh nào khó khăn và thiếu thốn đến đâu chúng ta cũng không được vịn vào đó để buông thả, làm càn, đánh mất lòng tự trọng, bôi nhọ danh dự, làm trái với lương tâm đạo đức con người.

2. *Tại sao lại nói: Đói cho sạch, rách cho thơm:*

– Thói thường: *"Đói ăn vụng, túng làm liều"*, *"bần cùng sinh đạo tặc"*, đói khó sạch, rách khó thơm. Khi đói rách người ta ít nghĩ tới phẩm chất mà chỉ nghĩ đến việc làm sao để có thể sống được.

– Câu tục ngữ là lời nhân dân ta nhắc nhở động viên nhau dù đời sống có khó khăn đến đâu cũng không thể vì thế mà bán rẻ phẩm chất của mình.

– Có bảo toàn được lòng tự trọng và danh dự con người trong hoàn cảnh cùng túng ấy, mới giữ gìn được phẩm chất cần yếu nhất.

III. Kết thúc vấn đề

– Không những chỉ trong hoàn cảnh *đói rách* mà ở bất cứ hoàn cảnh nào, con người vẫn phải sống sạch, thơm nghĩa là giữ vững được đạo đức và phẩm chất của mình.

– Vì vậy mà câu tục ngữ trên vẫn là phương châm sống có ý nghĩa rất sâu xa truyền lưu đến muôn đời.

Đề 12: **Hãy giải thích câu tục ngữ: *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"*.**

Bài làm

Ông cha chúng ta từ xưa đến nay vẫn thường căn dặn con cháu phải biết nhớ ơn đến những người đã hi sinh mồ hôi, xương máu tạo nên đất nước Việt Nam độc lập, tự do như ngày hôm nay. Nhưng đó không phải chỉ là những anh bộ đội, các cô gái thanh niên xung phong, mà còn là biết bao con người đã hi sinh công sức xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, tươi đẹp này. Chúng ta – thế hệ con cháu – phải biết nhớ ơn, phát huy những thành quả tốt đẹp đó. Đây cũng chính là lời khuyên mà câu tục ngữ: *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"* muốn gửi đến chúng ta.

Được hưởng một nền độc lập, tự do như ngày hôm nay nhiều bạn học sinh đã quên mất một điều: cuộc sống không tự ban cho chúng ta cái đó, mà nó là thành quả hi sinh xương máu của bao lớp người đi trước. Câu tục ngữ như một lời khuyên đối với chúng ta: *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"*. Trước tiên, nghĩa chính của câu tục ngữ trên là muốn khuyên nhủ chúng ta: khi ăn một quả thơm ngon thì ta phải nhớ tới những người đã trồng ra cây đó, làm nên quả ngọt với bao nhiêu vất vả, mồ hôi, mưa nắng. Nhưng ý nghĩa sâu xa của câu tục ngữ lại muốn khuyên chúng ta khi được hưởng một thành quả nào đó thì phải nhớ ơn những người đã tạo nên thành quả. *"Ăn quả"* ở đây là hình ảnh nói về những người hưởng thành quả, còn *"trồng cây"* là hình ảnh nói về những người làm ra thành quả cho người hưởng thụ. Nếu ta hiểu cuộc sống no ấm, tốt đẹp ngày hôm nay là thành quả mà ta hưởng thụ. Vậy người làm ra thành quả là ai? Trước hết, đó là cha mẹ đã có công sinh thành nuôi dưỡng từ khi ta còn bé con đến lúc ta lớn khôn. Bố mẹ luôn là người dõi theo bước chân chúng ta, an ủi, dìu dắt chúng ta để trở thành những con người tốt xây dựng đất nước mai này. Đó là thầy, cô giáo luôn quan tâm, dạy dỗ, uốn nắn ta nên người và trao cho ta ánh sáng tri thức để mai sau chúng ta có thể hiên ngang sánh vai cùng các bạn học sinh trên toàn thế giới. Đó là những anh bộ đội, những cô gái thanh niên xung phong hi sinh tuổi thanh xuân của mình với bao xương máu để xây dựng đất nước độc lập, tự do như ngày hôm nay, để cho chúng ta tung tăng cắp sách tới trường. Đó còn là những nhà khoa học đã hết sức lao động trí óc để tạo nên những của cải, vật chất làm nên cuộc sống tốt đẹp mà ngày nay chúng ta được hưởng thụ. Những con người đó dù ở vị trí nào, công việc nào vẫn luôn cố gắng hết mình, phấn đấu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước mà những người đã làm nên thành quả đó...

Vậy vì sao *"ăn quả"* phải *"nhớ kẻ trồng cây"*? Vì tất cả những người trồng cây đã không tiếc mồ hôi, công sức, trí tuệ, thậm chí cả máu xương cuộc đời để đem lại cuộc sống, hạnh phúc cho chúng ta. Đã bao giờ ta tự hỏi: Tại sao ta lại có mặt trên đời này? Đó là công ơn của mẹ ta đã mang nặng đẻ đau ra chúng ta. Giờ phút ta cất tiếng khóc đầu tiên cũng là lúc lòng mẹ ngập tràn hạnh phúc. Rồi cha mẹ chăm bẵm, dạy dỗ ta khôn lớn thành người. Sung sướng biết bao khi em cất tiếng gọi: "cha, mẹ" và bước những bước đi chập chững đầu tiên. Cha mẹ luôn ở bên cạnh ta ngay cả những lúc ta buồn vui, san sẻ giúp chúng ta và nuôi dưỡng những ước mơ của chúng ta. Còn thầy, cô giáo là những người cha, người mẹ thứ hai luôn cặn kẽ, chỉ bảo, mở ra cho chúng ta những kho tàng kiến thức lớn của nhân loại, để rồi chắp cánh cho những ước mơ đó bay cao, bay xa hơn nữa. Bên cạnh đó, công ơn của các anh bộ đội, những cô gái thanh niên xung phong cũng rất to lớn. Không có họ, làm sao trẻ em chúng ta được hưởng sự bình yên, hạnh phúc như ngày hôm nay, được cắp sách đến trường, vui đùa bên bạn bè. Rồi những người công nhân, kĩ sư, bác sĩ đã không tiếc mồ hôi, công sức, trí tuệ lao động, xây dựng cuộc sống. Họ đều là những người dám hi sinh cuộc đời mình để cống hiến cho đất nước. Điều đó cũng rất phù hợp với tình người. Thứ nữa, ta phải nhớ ơn họ vì đây là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được truyền dạy lại qua nhiều thế hệ con cháu:

- *Uống nước nhớ nguồn*
- *Chim có tổ, người có tông.*

Các câu ca dao, tục ngữ trên chính là những lời khuyên mà ông cha chúng ta muốn truyền dạy lại cho con cháu – đó là những nét đẹp về văn hóa của dân tộc chúng ta mà thế hệ con cháu chúng ta dù sống trong hoàn cảnh nào cũng phải luôn nhớ tới.

Hiểu vấn đề như thế nhưng chúng ta phải hành động như thế nào? Cuộc sống của chúng ta phải có rất nhiều sự đền ơn, đáp nghĩa. Trong kháng chiến, chúng ta có phong trào Trần Quốc Toản giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ. Phong trào nhanh chóng được lan rộng ra khắp mọi nơi, các bạn nhỏ hàng ngày sau giờ học đều tỏa ra các lối xóm giúp đỡ những gia đình thương binh liệt sĩ neo đơn các công việc nấu cơm, quét nhà, cho lợn ăn... Những việc làm đó tuy nhỏ bé nhưng góp phần an ủi rất lớn đối với những gia đình thương binh liệt sĩ. Xã hội vẫn luôn nhớ đến công ơn mà người con, người cha, người chồng của họ đã hi sinh để bảo vệ Tổ quốc. Trong xã hội bây giờ, cuộc sống tuy có đổi khác nhưng Đảng, Nhà nước ta vẫn luôn nhớ đến công ơn của họ bằng cách xây dựng những ngôi nhà tình nghĩa, có chế độ riêng với những gia đình thương binh liệt sĩ. Đối với cha mẹ, cũng có những người con hết lòng thương yêu, kính trọng cha mẹ vì họ hiểu cha mẹ chính là người tạo ra cuộc sống cho họ ngày hôm nay. Đó là những người con hiếu thảo luôn ở bên chăm sóc cha mẹ lúc về già, khi đau ốm. Bên cạnh đó trong

xã hội chúng ta vẫn còn tồn tại những kẻ quên ơn sâu nặng đó. Họ luôn coi trọng đồng tiền, chạy theo danh vọng mà quên rằng: ai là người đã sinh ra họ, đã nuôi dưỡng và dạy dỗ họ nên người? Đối với cha mẹ, họ ỷ lại vào công việc mà không quan tâm, chăm sóc tới cha mẹ mình. Ỷ vào đồng tiền, họ bỏ mặc cha mẹ trong trại dưỡng lão, không thèm hỏi han, quan tâm tới cha mẹ của mình. Đối với loại người đó, xã hội chúng ta cần phải lên án, phê phán. Qua đó nâng tầm nhận thức để luôn nhớ ơn những người đã hi sinh xương máu cho đất nước.

Câu tục ngữ tuy mộc mạc, đơn giản nhưng đã dạy cho chúng ta những bài học rất quý giá: không có thành quả nào tự dưng mà có được, tất cả đều được tạo ra từ sức lao động, bằng mồ hôi, xương máu của lớp người đi trước để có được thành quả như ngày hôm nay. Chúng ta, những mầm non tương lai của đất nước sẽ chăm chỉ học tập để có thể xây dựng và bảo vệ, giữ gìn những thành quả mà ông cha đã tạo ra và luôn luôn nhắc nhở nhau "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây".

CAO BÍCH XUÂN

BÀI ĐỌC THÊM:

1. THAO TÁC GIẢI THÍCH

Thao tác giải thích trong nghị luận xã hội yêu cầu chúng ta đi sâu vào những lời phát ngôn thường rất súc tích để tìm hiểu và lí giải nội dung và ý nghĩa bên trong. Chúng ta hình dung có chi đó chưa hiểu những lời phát ngôn này, và chúng ta phải dẫn dắt họ từ chỗ chưa hiểu đến chỗ hiểu được: Lời kia nói gì? Tại sao lại nói như vậy? Để làm sáng tỏ, có khi chúng ta phải đi vào lí giải từ ngữ, điển tích, khái niệm, đi vào nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa hẹp, nghĩa rộng, đi vào những cách nói tế nhị, bóng bẩy để hiểu được đến nơi đến chốn điều *người ta muốn nói và cái lẽ khiến người ta đã nói như vậy*. Trong thao tác giải thích, ta vừa dùng lí lẽ để phân tích, lí giải, vừa dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề, xác định một cách hiểu đúng nhất, chống lại các cách hiểu sai, hiểu không đầy đủ, hiểu không hết ý.

Ví dụ: Cùng phê phán "thói lười biếng" mà mỗi người có một cách nói riêng:

Làm biếng ngồi ăn lở núi non.

(Nguyễn Trãi)

Sự buồn chán bước vào thế giới qua cửa lười biếng.

(La Bruy-e)

Lười biếng làm mòn rỉ trí tuệ và thân thể.

(B. Phran-klin)

Lười biếng là mẹ đẻ của thói ăn cắp và sự đói rét.

(V. Huy-gô)

Trên đường thành công không có vết chân của người lười biếng.

(Lỗ Tấn)

Trong xã hội ta không có nghề nào thấp kém, chỉ có những kẻ lười biếng, ỷ lại mới đáng xấu hổ.

(Hồ Chí Minh)

Từ những cách nói khác nhau, chúng ta hiểu ý chủ đạo trong những lời trên đều tập trung phê phán thói lười biếng – nó dẫn người ta đến bần cùng, nghèo đói, nó làm mòn rỉ trí tuệ và thân thể, nó dẫn đến cả thói ăn cắp, làm hư hỏng nhân cách của con người..., nhưng sau khi tìm hiểu ta còn phải trả lời được câu hỏi quan trọng nhất là vì sao thói lười biếng lại dẫn đến những cảnh đáng buồn kia?

Lấy ví dụ câu nói của Lỗ Tấn vừa trích: *"Trên đường thành công không có vết chân của người lười biếng"*.

Câu nói đã khẳng định bất cứ sự nghiệp thành công nào cũng cần có sự chăm chỉ, cần cù, kẻ lười biếng không bao giờ làm được việc gì to lớn. Vì sao?

– Đó chính là điều ta phải chỉ ra được, giải đáp được trong quá trình giải thích.

• *Bước chót của thao tác giải thích là rút ra điều chúng ta cần vận dụng khi đã tìm hiểu được chân lí.* Trong đề bài trên, trước những lời lên án thói lười biếng và nhận rõ sự lên án ấy là rất xác đáng thì kết luận của chúng ta là gì? Vận dụng những lời nói chí lí này vào cuộc sống hàng ngày – từ học tập, lao động đến các hoạt động khác, mỗi chúng ta phải như thế nào?

Thao tác giải thích đòi hỏi qua 3 bước:

– Làm sáng tỏ điều người ta muốn nói.

– Trả lời vì sao người ta đã nói như vậy?

– Từ chân lí được nói lên, rút ra bài học gì trong thực tiễn?

(*Làm văn 10* – Trần Thanh Đạm chủ biên, NXB Giáo dục - 1993)

2. QUY TRÌNH VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN

Đoạn văn chỉnh thể là đoạn văn có độ hoàn chỉnh cao nhất về cả ba mặt: hình thức, nội dung và cấu trúc. Đó là đơn vị cơ sở của văn bản, là dạng đoạn văn nghị luận điển hình. Nó đáp ứng được những yêu cầu của sự lựa chọn đơn vị để luyện tập viết (Trong rèn luyện viết, chủ yếu chúng ta tập dượt viết dạng đoạn văn này rồi trên cơ sở đó có thể biến hóa viết những biến thể khác như đoạn văn hợp thể, đoạn văn chuyển tiếp, đoạn văn ghép, đoạn văn dưới bậc v.v...).

Nếu phân tích một cách chi tiết, quy trình viết một đoạn văn sẽ gồm những bước (những thao tác chính) như sau:

1. Xác định vị trí của đoạn văn trong bài văn

Đoạn văn là một bộ phận nằm trong thành phần kết cấu của bài văn. Trước khi viết một đoạn văn X, cần phải xác định rõ đoạn X nằm ở vị trí nào trong bài. Cần ý thức rõ đoạn văn X (sắp xếp) nhằm triển khai bộ phận nội

dung nào của bài làm... Đây là khâu định hướng rất quan trọng để viết tốt đoạn văn.

2. Hình thành tiểu chủ đề

Sau khi chủ động nắm chắc vị trí của đoạn văn, chẳng hạn, nằm ở một chỗ nhất định trong phần thân bài, ta phải xác định rõ chủ đề nhỏ của đoạn văn là gì? Chủ đề này có phù hợp chủ đề chung (của cả bài) và có phục vụ chủ đề chung không? Tiểu chủ đề của đoạn văn có mối liên hệ với tiểu chủ đề của đoạn văn đứng trước và đoạn văn đứng sau như thế nào? Ví dụ, trong bài viết *Con người Việt Nam trong thơ Tố Hữu* (Chế Lan Viên) tiểu chủ đề của một đoạn văn trong phần thân bài là *"Phẩm chất trí tuệ của người Việt Nam"*. Tiểu chủ đề này hướng vào phục vụ chủ đề chung, đồng thời, có mối liên hệ với nội dung của các đoạn văn đứng trước và đứng sau nói về *"Phẩm chất anh hùng, (mà giản dị) của người Việt Nam"* và với nội dung của các đoạn đứng sau nói về *"Tinh thần tự lực, ý thức về vai trò lịch sử của người Việt Nam"*.

3. Lựa chọn cấu trúc của đoạn văn

Có tiểu chủ đề trong đầu, cần lựa chọn cấu trúc của đoạn tức là chọn mô hình (trình tự) lập luận thích hợp để thể hiện tiểu chủ đề: đoạn văn phát triển theo mô hình tổng – phân – hợp, diễn dịch, hay quy nạp? Cấu trúc của đoạn văn sẽ quy định hướng triển khai nội dung và vị trí của câu chủ đề cũng như những câu triển khai. Nếu đoạn văn có sơ đồ cấu trúc tổng – phân – hợp hoặc diễn dịch thì câu chủ đề sẽ có vị trí ở đầu đoạn, nếu là cấu trúc quy nạp, câu chủ đề sẽ nằm ở cuối đoạn.

4. Viết câu chủ đề ở trên

Ở trên đã nói, trong chuỗi câu phát ngôn hợp thành đoạn văn thường có một câu thể hiện sự quy tụ và khái quát hóa toàn bộ nội dung của đoạn văn, đó là câu chủ đề. Câu chủ đề thường chứa một lượng thông tin mới, được diễn đạt bằng những từ và cụm từ chưa xuất hiện trong các phát ngôn nằm ở các đoạn trước. Lượng thông tin đó là nét nghĩa chung, tinh thần chung sẽ nằm tiềm ẩn trong tất cả các phát ngôn trong đoạn. Như vậy, câu chủ đề mang gánh nặng ngữ nghĩa lớn nhất, là nhân tố tổ chức ý nghĩa, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, nó chi phối nội dung ý nghĩa của tất cả các phát ngôn khác trong nội bộ đoạn văn, đồng thời là đầu mối liên kết tất cả các câu xoay quanh cái trục chủ đề.

Câu chủ đề thường là câu tự nghĩa, về mặt nội dung nó có tính chất tương đối tự lập hơn cả. Nếu đứng ở đầu đoạn và làm nhiệm vụ mở đoạn, nó không bị ràng buộc bởi những câu khác trong đoạn. Trái lại, chính nội dung, hình thức kết cấu và vị trí của nó báo hiệu và quy định sự xuất hiện cũng như nội dung của các câu kế tiếp trong đoạn, tức quy định hướng phát triển của nội dung đoạn văn.

Về mặt ngữ pháp, câu chủ đề thường có đầy đủ thành phần nòng cốt (trừ trường hợp câu chủ đề đoạn văn dưới bậc bị khuyết thành phần). Đặc điểm này giúp cho câu chủ đề biểu đạt được rõ ràng, nổi bật được nội dung chính của toàn đoạn. Khuôn khổ của câu chủ đề thường ngắn gọn hoặc có độ dài trung bình để cho điều phán đoán, đánh giá khái quát được rõ và chắc. Khi đoạn văn sắp viết nằm ở vị trí giữa những đoạn văn khác và câu chủ đề làm nhiệm vụ mở đoạn thì người viết liên kết hướng ngoại để móc nối với đoạn văn trước đó hoặc sau đó.

Ví dụ:

(1) *Cho nên* chủ nghĩa nhân đạo là yếu tố đẹp đẽ nhất trong tập thơ của Nguyễn Du.

(2) Trong *Truyện Kiều*, tính chiến đấu chưa phải là tích cực và đúng với lập trường...

(Đặng Thai Mai, *Tinh thần nhân đạo trong "Truyện Kiều"*)

Câu (1) trong đoạn văn trên là câu chủ đề, đồng thời là câu mở đoạn, nó móc nối với đoạn văn trên nhờ sử dụng phép nối *Cho nên*.

Câu chủ đề có thể được diễn đạt dưới hình thức một câu hỏi để "đặt vấn đề" thường đứng ở đầu đoạn (có khi người viết qua hàng, tách câu này ra để nhấn mạnh).

Ví dụ:

(1) Vì sao của chúng ta còn lạc hậu so với hiện thực của xã hội?

(2) Có nguyên nhân khách quan và cũng có nguyên nhân chủ quan...

(Trường Chinh. *Về văn hóa và văn nghệ, tập 2*)

Khi phía trước câu chủ đề đã có 1 - 2 câu làm nhiệm vụ chuyển tiếp, móc nối với đoạn văn trên và mở ra đoạn sắp viết thì câu chủ đề không chứa những yếu tố ngôn ngữ làm nhiệm vụ liên kết hướng ngoại.

Trường hợp đoạn văn có cấu trúc quy nạp, câu chủ đề nằm ở cuối đoạn, vai trò và chức năng của nó vẫn không thay đổi. Lúc này nội dung của câu chủ đề là sự khái quát hóa nội dung thông tin của toàn bộ phát ngôn trong đoạn, là phán đoán mang tính chất kết luận. Về mặt hình thức, nó có thể chứa đựng phương tiện ngôn ngữ biểu hiện sự khái quát hóa để gắn nối với những phát ngôn đi trước (ví dụ: *Nói tóm lại, Nhìn chung, Rút lại là*...). Tuy nhiên, không nhất thiết phải sử dụng những phương tiện liên kết hình thức này vì bản thân vị trí cuối đoạn của câu chủ đề vốn đã có tác dụng liên kết về mặt lôgic – chuỗi phát ngôn đi trước: nó kết thúc một trình tự lập luận quy nạp.

Hiếm thấy trường hợp đoạn văn chỉnh thể có câu chủ đề nằm ở giữa đoạn (cấu trúc quy nạp – diễn dịch) và trường hợp đoạn văn không có câu chủ đề (câu chủ đề hàm ẩn, nội dung của tất cả các câu toát ra chủ đề của đoạn). Trường hợp đoạn văn có cấu trúc song hành đơn thuần (1 *tema* duy nhất) các phát âm có chức năng nghĩa ngang và không có câu chủ đề.

Trong giai đoạn còn phải rèn luyện ngòi bút, tốt hơn hết là không nên viết những đoạn văn có câu chủ đề ở giữa đoạn hoặc đoạn văn không có câu chủ đề (trừ trường hợp đoạn văn song hành đơn thuần). Viết những đoạn văn có câu chủ đề rõ ràng dễ đảm bảo sự duy trì và phát triển chủ đề một cách chắc chắn, sáng rõ và mạch lạc.

5. Viết những câu triển khai

Sau khi viết câu chủ đề, dựa vào mô hình cấu trúc của đoạn người viết tiếp tục viết chuỗi câu triển khai nhằm cụ thể hóa phát triển liên tục tiểu chủ đề của đoạn. Vì câu triển khai là những câu có nội dung chứng minh, minh họa, giải thích, nêu nguyên nhân v.v... của nội dung phán đoán chứa đựng trong câu chủ đề nên về khuôn khổ, câu triển khai thường dài, cấu trúc câu đồ sộ, nhiều tầng bậc, nhiều thành phần chêm xen, phụ chú với những từ hô – ứng và phụ thuộc (gồm câu đơn, câu ghép và ngữ phức tạp hóa). Cũng có thể xen kẽ những câu hợp nghĩa (câu có chứa đại từ, câu tỉnh lược...).

Để gắn các câu triển khai với câu chủ đề, tùy theo yêu cầu nội dung cụ thể, ta có thể chọn kiểu liên kết móc xích hay song hành hoặc phối hợp cả hai kiểu thành một dạng liên hợp.

6. Viết câu kết luận

Đối với những đoạn văn có cấu trúc tổng – phân – hợp và đoạn văn có cấu trúc quy nạp, cuối đoạn văn cần viết câu kết luận. Câu kết luận cũng là một câu khái quát, nội dung thâu tóm cô đúc tinh thần chung của việc giải quyết chủ đề nhỏ nêu ra trong đoạn văn hoặc mở ra một vấn đề mới. Sau câu kết luận, có thể viết câu chuyển tiếp để dẫn xuống đoạn văn dưới.

Qua sự trình bày sơ lược quy trình viết một đoạn văn chỉnh thể, có thể rút ra một điều là: trình tự các thao tác viết đoạn văn tùy thuộc vào việc lựa chọn cấu trúc của đoạn văn. Cấu trúc của đoạn quy định vị trí của câu chủ đề và các câu triển khai, minh họa, đồng thời quy định đoạn văn có phần kết và câu kết luận hay không. Dựa theo quy trình này có thể biến hóa khi viết các kiểu loại đoạn văn khác nhau.

(Trích Làm văn – Tập một. NXB Giáo dục)

Đề 1: Giải thích và chứng minh câu tục ngữ: *"Thất bại là mẹ thành công"*.

Bài làm

Ai chiến thắng mà không hề chiến bại?
Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần?

Tôi không nhớ câu thơ, lời hát do ai viết. Song, đúng là một triết lí tuyệt vời bởi nó nói đúng với chúng ta những điều đã, đang và sẽ xảy ra trong cuộc sống. Đời người là vô cùng rộng lớn và không phải lúc nào cũng bằng phẳng.

Kể cả những người thành đạt nhất cũng không tránh khỏi đôi lần thất bại. Có những thất bại đắng cay. Song, chính sự thất bại đã làm con người trưởng thành, giàu kinh nghiệm lên và vững vàng đi tới chiến thắng. Chính vì thế mà ông cha ta đã đúc kết thành câu tục ngữ để khuyên dạy cháu, con: *"Thất bại là mẹ thành công"*.

Trước hết, ta hiểu câu tục ngữ như thế nào? Câu tục ngữ có sáu tiếng nhưng trong đó có hai từ trái ngược nhau: *"thất bại"* và *"thành công"*. Đồng thời, chỉ trong có bốn từ đó thôi mà dân gian kết hợp vừa so sánh để khẳng định qua từ *"là"*, lại vừa kết hợp nghệ thuật ẩn dụ: coi thất bại là người mẹ (của "thành công"). Khi nói đến "mẹ" ai chẳng nghĩ đến sự dạy bảo chí tình, chí nghĩa; ai chẳng biết mẹ mong mỏi điều tốt cho các con, mẹ mong cho các con thành đạt. Vậy có gì vô lí khi "thất bại" của mỗi người chúng ta lại được ví như mẹ ta. Vì thất bại giúp ta nhìn ra sai sót, nhìn ra chỗ yếu của mình để bổ sung cho hoàn thiện, để thêm sức cho mạnh. Thất bại nhiều lần, ta sẽ rút kinh nghiệm được nhiều lần để đi đến chiến thắng. Thất bại lớn hay nhỏ, ít hay nhiều, nếu ta không nản lòng ngã chí, tất sẽ thành công. Trong cuộc sống con người ta không phải lúc nào cũng đẹp, cái gì cũng thành công. Song, điều quan trọng là phải có nghị lực nhìn vào thất bại ấy, mà rút kinh nghiệm, mà học hỏi, bổ sung cho hoàn thiện vốn hiểu biết của mình thì chắc chắn thành công sẽ đến.

Ta hiểu như thế vì cái lí, cái tình đều đúng. Ta hiểu như thế còn bởi tấm gương của các bậc tiền bối chính là kim chỉ nam cho ta theo. Ngày xưa, dân gian ta ca ngợi mãi con người *"có công mài sắt, có ngày nên kim"* như ông Đoàn Tử Quang – một con người có nghị lực phi thường. Sau nhiều lần đi thi không đỗ, ông vẫn tu dưỡng dùi mài kinh sử đèn sách, tiếp tục đi thi nhiều lần và đến năm 81 tuổi, ông đã đỗ Trạng nguyên. Thật là một tấm gương sáng để khẳng định giá trị câu tục ngữ *"Thất bại là mẹ thành công"*.

Ngày nay, cũng rất nhiều anh, chị học lớp 12 rất giỏi, song đi thi đại học không phải đỗ ngay. Có thể năm sau, năm sau nữa mới đỗ. Nhưng các anh, các chị cũng luôn luôn rèn luyện với tinh thần "Thất bại là mẹ thành công" để quyết chí học hành.

Lại nói chuyện xa hơn, trên thế giới, tấm gương của các thiên tài như, ông Ê-đi-xơn – nhà vật lí nổi tiếng thế giới – đã phải thất bại 1000 lần trong thí nghiệm, mới tìm ra được chất dùng làm dây tóc bóng đèn đấy. Nếu không có 1000 lần cố gắng của ông, thì không biết nhân loại bao giờ mới có dây tóc bóng đèn để phục vụ con người? Bao nhiêu lần thất bại để đổi lấy một thành công, nhưng là một thành công tuyệt vời – một thành công sinh ra từ một nghìn người mẹ thất bại. Thật đáng khâm phục!

Thật giản dị, các bạn ạ! Trong lớp các bạn có những học sinh học kém: có thể đã vài ba lần bị điểm yếu khi trả bài kiểm tra. Hãy nhắc bạn ấy rút kinh nghiệm ngay từ những người mẹ thất bại ấy. Thế nào bạn ấy sẽ học giỏi lên đấy!

Trường tôi có nhiều bạn đã thực hiện được phần nào ý nghĩa của câu tục ngữ. Cụ thể: bạn Trần Thị Thu Lan lớp tôi học yếu Văn. Do rút kinh nghiệm và say mê học hỏi nên lên lớp trên bạn đã là học sinh giỏi Văn của trường, đạt giải nhì cấp quận trong kì thi học sinh giỏi cách đây ba năm và giải ba Cuộc thi viết thư UPU Quốc tế lần thứ 30 của Hà Nội năm ấy. Bây giờ bạn đang học lớp 11 chuyên Văn trường THPT Chu Văn An. Bạn ấy đã viết thiếp mừng gửi về trường nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 (cùng với các học sinh giỏi Văn như: Lê Na, Phương Liên).

"Chúng con cảm ơn các thầy cô giáo đã giúp chúng con đạt thành công từ những thất bại ban đầu, để ngày hôm nay, chúng con yêu Văn đến thế..."

Hãy xem lại việc học của mình nhé và đừng nản lòng. Hãy xem kĩ lại "công trình học tập thất bại" để rút ra kinh nghiệm đi đến thành công. Đừng bao giờ nghĩ rằng: "Mãi mãi mình là người học kém, mãi mãi mình là người thất bại!". Hãy vững vàng bạn nhé vì bên tai câu tục ngữ của cha ông luôn nhắc nhở động viên ta: "Thất bại là mẹ thành công" đó, hỡi các bạn!

CAO BÍCH XUÂN

Đề 2: **Hãy giải thích và chứng minh lời dạy của Lê-nin:**
"Học, học nữa, học mãi !"

Bài làm

Đất nước của chúng ta đang tiến theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy rất cần có những người tài. Học sinh chúng ta cũng như tất cả những người dân Việt càng ngày phải có nhiều hiểu biết, trình độ cao để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Vì vậy học là điều rất cần thiết với chúng ta để nâng cao trình độ, kĩ năng đáp ứng cho cuộc sống sau này. Lê-nin có câu nói rất nổi tiếng: *"Học, học nữa, học mãi"*.

Vậy *học* là gì? Học là một quá trình tìm hiểu, thu nhận, tích lũy kiến thức và rèn luyện kĩ năng cho mình để tăng thêm hiểu biết, trình độ khoa học, kĩ thuật về mọi mặt, giúp chúng ta tăng thêm khả năng hiểu biết của mình. Học ở đây không phải chỉ đến trường mới học, mà ngay từ nhỏ, khi ta còn sống trong vòng tay chăm sóc của gia đình chưa được đến trường, cha mẹ đã dạy ta học nói, học đi, học ăn, học cư xử trong đời sống thông thường. Khi được đến trường, chúng ta được học kiến thức khoa học và xã hội, học một cách toàn diện cả tài cả đức theo chương trình của nhà trường dưới sự dạy dỗ tận tình của các thầy cô giáo. Ngoài ra, chúng ta còn có thể học hỏi thêm ở bạn nếu không hiểu, học những cái hay của bạn để bổ sung cho chỗ thiếu sót

của mình và học ở mọi lúc, mọi nơi. Chúng ta còn có thể học hỏi, ım hiểu thêm trên sách, báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, học những người lao động xung quanh mình, trong cộng đồng của mình. Bên cạh đó ta cần phải chú ý việc học toàn diện, không học lệch, học lí thuyết đi đôi với thực hành, vận dụng vào đời sống để nắm chắc bài học hơn. Còn "*họcnữa*" là học hết trình độ này lại đến trình độ khác, từ dễ đến khó. Những cn người ham học thì họ không bao giờ thỏa mãn với chính mình mà luôn căm chỉ học suốt cuộc đời của mình nhằm nâng cao trình độ hiểu biết. Cũng giống như hôm nay chúng ta học xong vấn đề này thì không nện dừng lại ıà ngày mai lại chuyển sang kiến thức khác mới hơn, hay hơn. Cũng giống ıhư học hết lớp 12, ta học tiếp lên đại học, cao học và hơn nữa... Mỗi lần nng một mức học như thế, con người sẽ trưởng thành và được trang bị đầy ủ, toàn diện đáp ứng mọi yêu cầu của xã hội, sau này sẽ tự nuôi sống được bn thân mình, giúp đỡ gia đình và đóng góp cho xã hội. Nhất là khi chúng taòn trẻ, có sức khỏe, trí nhớ tốt thì phải chăm chỉ học tập. Còn "*học mãi*" làıọc liên tục, không ngừng nghỉ suốt cuộc đời, luôn nâng cao vốn hiểu biết của ınh về mọi mặt. Đó là những người ham học, lúc nào cũng cảm thấy mình on chưa đủ hiểu biết, luôn đòi hỏi phải nâng cao trí tuệ, nâng cao hiệu suất lm việc. Tuy đã qua tuổi học, họ đã già, đầu óc không còn được minh mẫn nư trước nữa nhưng họ vẫn tiếp tục vừa tham gia công tác, vừa học, vừa làmviệc và rút ra những kinh nghiệm quý báu cũng là học. Như vậy, học là vô tậ, học ở mọi lúc, mọi nơi, mọi điều, nó giúp cho con người chúng ta hiểu biết âu rộng hơn, nâng cao năng suất công việc. Trong lời dạy của Lê-nin có bavế ngắt làm ba nhịp kết hợp với các từ "*nữa*", "*mãi*", điệp từ "*học*" được nhc lại ba lần. Lời nói của Lê-nin rất đúng với thực tế, chí nghĩa, chí tình. Nhng con người thực hiện đúng lời dạy của Lê-nin thường là những người tài ;iỏi, nổi tiếng, có sự nghiệp rạng rỡ và hết lòng cống hiến cho dân, cho nước.

Vậy vì sao chúng ta phải hiểu như vậy? Trước hết đó là vì chính bn thân chúng ta. Nếu không đi học chúng ta sẽ không có nhiều tri thức, hiểıbiết để vận dụng vào cuộc sống sau này. Kết quả công việc sẽ không tốt ẹp như mong đợi. Có học chúng ta mới có được việc làm tốt để nuôi sống bn thân mình, giúp đỡ gia đình, xây dựng đất nước giàu đẹp, hạnh phúc hơnBác Hồ đã từng dạy: "*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dântộc Việt Nam có được sánh vai với các cường quốc năm châu được hay khônghính là nhờ một phần công lao học tập của các cháu*". Đúng như vậy, nếu on cháu chúng ta chăm chỉ học tập, rèn luyện thì đó sẽ là những nhân tố tíchcực xây dựng đất nước giàu đẹp, văn minh, đất nước ta sẽ không thua kéı gì các nước khác trên thế giới. Một đất nước no ấm, hạnh phúc thì mỗi ga đình, bản thân chúng ta sẽ được sống đầy đủ, hạnh phúc hơn. Vả lại, kiếnhức của loài người là một kho tàng khổng lồ, thế giới càng ngày càng phát trển, mỗi ngày đều có thêm nhiều sáng tạo, tìm tòi, phát minh hơn. Xã hội nạy càng

phát triển, khoa học kĩ thuật càng tiến lên, sự đòi hỏi của xã hội ngày càng tăng, ta không học, không thể làm việc được, không theo kịp bước tiến của thời đại. Đến lúc đó, chúng ta sẽ trở thành những người lạc hậu trước xã hội, cộng đồng. Hơn thế nữa, hiếu học là một truyền thống tốt đẹp mà từ bao đời nay, ông cha chúng ta đã truyền lại cho con cháu. Không chăm chỉ học tập sẽ đi ngược với truyền thống, đạo lí tốt đẹp đó. Việc học trở thành một vấn đề rất cần thiết, cấp bách với chúng ta nên ta cần chăm chỉ học tập cho tốt.

Ngày xưa, ông cha ta rất coi trọng việc học nên thường răn dạy con cháu phải học tập cho tốt. Trong xã hội xưa có Mạc Đĩnh Chi là con nhà nghèo, đêm đến vì không có đèn học nên ông đã phải bắt đom đóm cho vào vỏ trứng để học. Hay là nhân vật Trạng Nồi cũng là một chàng thư sinh nghèo khó, không có tiền mua gạo nấu cơm, nên mỗi lần học xong, chàng thường sang bên hàng xóm mượn nồi cơm, vét những hột cơm còn sót lại để ăn. Sau này, trạng Nồi đã thi đỗ Trạng nguyên và vẫn không quên công ơn tốt bụng của người hàng xóm đó.

Trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mĩ có rất nhiều các bạn nhỏ phải lặn lội trong mưa bom bão đạn của giặc để đến trường. Cuộc sống tuy có khó khăn, gian khổ nhưng họ vẫn chăm chỉ học tập. Không ít những người trong họ đã trở thành những giáo sư, tiến sĩ góp phần xây dựng đất nước, xã hội ngày một giàu đẹp, văn minh và hiện đang nắm trọng trách quan trọng trong bộ máy nhà nước ta.

Trong thời đại ngày nay, xã hội ta cũng xuất hiện nhiều tấm gương sáng về lòng ham học. Những bạn nhỏ ở vùng sâu vùng xa phải trèo đèo, lội suối qua những quãng đường dài để đến học ở những lớp học nghèo nàn, đơn sơ dựng tạm. Ấy vậy mà trong số họ xuất hiện bao bạn nhỏ là học sinh giỏi vượt khó, không thua kém bất kì bạn học sinh nào. Hay như những bạn nhỏ vừa học vừa làm thêm để lấy tiền nuôi sống bản thân, chi phí cho việc học. Họ đều là những con người có hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, nhưng học tập vẫn chăm chỉ, cần mẫn, có những thành tích cao, tốt đẹp.

Trong văn học phải kể đến nhân vật Mã Lương ở truyện *Cây bút thần* – một tấm gương về lòng ham học và học thành tài. Vậy học tập góp phần rất quan trọng tới công việc, tương lai sau này của chúng ta nên cần phải học tập thật tốt.

Vậy muốn thực hiện lời dạy của Lê-nin ta phải làm gì? Chúng ta phải tự tìm lấy những cái thích thú, say mê trong học tập và phải luôn sáng tạo trong việc học của mình để học tốt hơn. Bên cạnh đó, để học tốt, chúng ta còn rất cần đến nghị lực, quyết tâm học tập. Trong giờ học, ta cần phải chăm chỉ lắng nghe lời giảng của thầy giáo, nắm chắc bài học, học thêm ở bạn bè, lắng nghe thông tin đại chúng, sách báo. Ngoài ra chúng ta cần học tập

trong cuộc sống, tìm tòi, sáng tạo thêm để học cho tốt. Học phải đi đôi với thực hành, học toàn diện.

Câu nói trên của Lê-nin đã khuyên chúng ta phải học tập thật nhiều, không được ngừng nghỉ để rồi sẽ phục vụ cho công việc sau này của mình. Học là rất quan trọng, vì nhờ có học, có kiến thức mới giúp chúng ta làm được việc, nuôi sống bản thân, gia đình và xây dựng đất nước. Bản thân ta sẽ luôn cố gắng để học tập thật tốt để góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp, văn minh. Hãy đừng bao giờ quên lời dạy của Lê-nin *"Học, học nữa, học mãi!"*.

CAO BÍCH XUÂN

Đề 3: **Giải thích câu tục ngữ sau đây: *"Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh"*. Em hãy lấy lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta để làm sáng tỏ câu tục ngữ trên.**

Bài làm

Văn học dân gian là kho tàng quý báu của dân tộc ta. Trải qua nhiều thế hệ nó vẫn là nền tảng của nền văn học Việt Nam, đã ghi lại những kinh nghiệm sản xuất, đấu tranh, những trang sử vẻ vang, ca ngợi truyền thống tốt đẹp của cha ông chúng ta. Những câu ca dao, tục ngữ này mãi mã là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Một trong số các câu tục ngữ cho ta thấy tinh thần đấu tranh của dân tộc Việt Nam:

Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.

Để hiểu rõ được truyền thống đấu tranh anh dũng của dân tộc và tự hào hơn nữa về Tổ quốc mình, chúng ta cùng đi vào phần giải thích và chứng minh câu tục ngữ trên.

Ý nghĩa từ "giặc" ở đây được nhân dân ta sử dụng rất thông thường để ám chỉ kẻ nào đã phá hoại cuộc sống yên lành của người dân.

"Giặc" là một đạo quân hùng hổ xâm lược một nước để cướp quyền cai trị, vơ vét tài sản của nhân dân, tài nguyên thiên nhiên của nước đó. Tên "giặc" này thẳng tay giết hại nhân dân và những kẻ chống đối lại "hắn".

"Nhà" là nơi trú ẩn, nơi sinh sống của những gia đình hay nói cách khác nó là nơi đem lại nguồn hạnh phúc cho con người. Trong câu tục ngữ trên nhân dân ta có ý nói "nhà" thay cho một quốc gia, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng. "Căn nhà" của hàng vạn "ngôi nhà" nhỏ bé chứa hàng triệu dân chúng đang sống yên lành.

"Giặc đến nhà", tên "giặc" này tượng trưng cho một quốc gia hùng mạnh đến xâm lược một quốc gia nhỏ bé gieo bao nhiêu tang tóc cho nhân dân.

Từ nghìn xưa, người phụ nữ Việt Nam với những nét dịu dàng của Á Đông và thuần túy của Á Đông, quanh năm chỉ biết quanh quẩn nơi xó bếp, đảm

đang chăm sóc hạnh phúc cho chồng, cho con. Với cái nhìn của xã hội phong kiến, người phụ nữ với mọi quyền lợi thiết thực đều bị tước đoạt, là một hạng người mà bị xã hội coi rẻ khinh miệt. Thế nhưng, khi ngoại xâm đe dọa nền độc lập của đất nước, phụ nữ Việt Nam với một ý chí khá vững vàng với một lòng yêu nước nồng nàn đã đứng lên góp phần cùng nam giới để chống lại và chiến thắng bọn xâm lược, làm rạng danh tên tuổi người phụ nữ Việt Nam.

Họ đứng lên chống lại tên giặc vào "nhà". Họ sẵn sàng đánh trả, đem công sức nhỏ bé của mình ra bảo vệ đất nước.

Truyền thống đó không bao giờ phai mờ qua lịch sử đấu tranh của dân tộc.

Chúng ta còn nhớ chiến công oanh liệt của Hai Bà Trưng khi Tô Định đem quân xâm lược đất Giao Chỉ, một vùng đất giàu có, Trưng Trắc đã đánh tan giặc ngoại xâm "đền nợ nước, trả thù nhà". Biến căm thù thành hành động, Trưng Trắc đem hết sức lực quyết tâm phá thành, đem chiến thắng về cho đất nước. Tuy mới làm chủ đất nước được ba năm nhưng Bà đã làm nức lòng dân chúng. Chứng tỏ khả năng của người phụ nữ vẫn có thể đảm đương việc lớn. Không thiếu người phụ nữ tiếp tục truyền thống đó. Một Triệu Thị Trinh, một Lê Chân đã làm rạng danh người phụ nữ đất Việt.

Khi đất nước rơi vào tay thực dân Pháp, nối tiếp truyền thống của dân tộc và niềm tin ở Đảng, những người con gái Việt Nam lại dũng cảm đi vào cuộc chiến đấu.

Võ Thị Sáu người con gái anh hùng của miền Đất Đỏ, 16 tuổi đầu đã làm giặc khiếp sợ. Lúc chết, chị vẫn bình tĩnh, hiên ngang, nhặt lấy bông hoa lê-ki-ma cài lên mái tóc, khắc đậm thêm hình ảnh của người con gái Việt Nam.

Qua nhiều cuộc đấu tranh gian khổ trong những ngày chống Mĩ lại có những bà mẹ vừa đảm đang việc nhà, lại giỏi việc nước.

Chị Út Tịch là hình ảnh của một bà mẹ sáu con quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ. Trong cả những ngày mang thai chị cũng không chịu bỏ qua một trận đánh nào, bởi vì chị không muốn cho cả những đứa con của chị cũng chịu cực khổ như cuộc đời chị. Chính lòng thương yêu lo lắng cho tương lai thế hệ trẻ nói chung và những đứa con của chị nói riêng đã đưa chị đến quyết tâm trong chiến đấu.

Chị Ràng (Sứ) người con gái của Hòn Đất kiên cường đã từng bảo vệ đồng chí của mình để họ tiếp tục đánh tan quân xâm lược.

Còn nhiều, còn nhiều nữa, những tấm gương hi sinh cao cả của người phụ nữ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã chứng minh hùng hồn cho câu tục ngữ đầy ý nghĩa về truyền thống đấu tranh của phụ nữ Việt Nam, xứng đáng với danh hiệu mà Bác Hồ phong tặng "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang."

Truyền thống cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam từ trong chiến đấu đã phát huy mạnh mẽ trong thời bình, khi đất nước đi vào công cuộc xây dựng. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới của đất nước, người phụ nữ không những "đảm việc nhà" mà còn "giỏi cả việc nước". Kĩ sư, bác sĩ... là phụ nữ xuất hiện ngày càng nhiều. Họ xung phong đến với những vùng đất xa xôi để "chiến đấu" với bọn giặc lạc hậu, góp phần cùng nhân dân đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa mau đến thành công.

Tóm lại, câu tục ngữ trên đã để lại cho chúng ta một tấm gương rõ nét nhất, phản ánh sâu xa tinh thần chống giặc quả cảm của dân tộc trong đó có sự đóng góp của những người phụ nữ Việt Nam, để lại cho lịch sử đấu tranh của dân tộc ta những chiến tích lẫy lừng chấn động địa cầu và góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc, mang lại nền độc lập tự do cho chúng ta. Người phụ nữ Việt Nam thật đáng biểu dương với câu mà Bác đã tặng "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang".

Tự hào với lịch sử đấu tranh của dân tộc, còn ngồi dưới mái trường xã hội chủ nghĩa này, em nguyện cố công ra sức học tập và phát huy mạnh mẽ những truyền thống quí báu của dân tộc. Sẵn sàng dấn thân vào những gian khổ nhất mỗi khi Tổ quốc cần đến:

Nếu được chọn hạt giống để mùa sau
Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn làm người lính đi đầu
Trong đêm tối tim ta làm điểm tựa.

(Tố Hữu – *Bài ca Xuân 61*)

Nguyễn Hữu Đông HS PTTH Lê Hồng Phong.

Đề 4: Sinh thời Bác Hồ thường nhắc nhở nhân dân ta:

Mùa xuân là Tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Em hiểu câu đó như thế nào? Hãy lấy thực tế trên đất nước, quê hương và trường em để chứng minh rằng, dù Bác đã đi xa lâu rồi, dân ta vẫn luôn thực hiện lời Bác dạy.

Bài làm

Cứ mỗi độ xuân về, muôn hoa đua nở, mọi người lại nô nức chuẩn bị cho Tết trồng cây. Từ trường học, công sở cho đến các đường phố, đâu đâu cũng có kế hoạch trồng cây xanh. Trong những ngày này, chúng ta lại tưởng nhớ đến lời khuyên răn dạy bảo của Bác Hồ:

Mùa xuân là Tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Mùa xuân là mùa muôn hoa đua nở, cây cối xanh tươi. Bởi vậy mùa xuân là mùa thích hợp cho cây trồng phát triển. Bác Hồ rất quan tâm đến vấn đề môi trường trong tương lai, vì vậy Bác đã nhắc nhở mọi người phải trồng cây để cải tạo môi trường. Cây trồng giúp con người có bầu không khí trong lành để sống khỏe mạnh; cây xanh làm đẹp con người, làm đẹp đất nước. Bác khuyên mọi người phải trồng cây vào mùa xuân không chỉ để cho cây tươi xanh và nhanh chóng phát triển mà còn là vì mùa xuân là mùa bắt đầu một năm mới, sau một năm làm việc mệt nhọc, con người ta cũng nên trồng một cây xanh để tô điểm cho cuộc sống, kéo thiên nhiên đến gần với ta hơn, làm dịu đi những căng thẳng của những ngày làm việc miệt mài.

Bác nói: "Mùa xuân là Tết trồng cây", theo em nghĩ không chỉ là trồng cây trong mấy ngày Tết, mà cả mùa xuân là Tết của việc trồng cây. Chữ "Tết" cũng gợi lên một không khí sôi động, vui vẻ khi làm công việc này, (người ta thường nói "vui như Tết" mà!). Bác Hồ đã biến một công việc vốn đã có ý nghĩa, lại càng có ý nghĩa khi gắn cho nó không khí của một Hội xuân – Hội trồng cây. Và từ những năm sáu mươi của thế kỉ này, Tết trồng cây đã trở thành một phong tục mới của ngày xuân dân tộc.

Và Bác Hồ nói rõ mục đích của Tết trồng cây là "làm cho đất nước càng ngày càng xuân". Từ "xuân" ở câu sau không giống như ở câu đầu, nó không chỉ mang ý nghĩa là một mùa trong năm, mà nó còn có ý nghĩa là sự tươi trẻ, là sức sống của đất nước. Nhắc đến mùa xuân, người ta thường nghĩ tới một màu xanh. Chữ "xuân" trong câu sau tuy không mang nghĩa là mùa xuân, nhưng cái xanh, cái đẹp của mùa xuân đều chứa đựng trong đó. Trồng cây, làm cho cây xanh tươi và nơi nào cũng có cây xanh tươi, thì đất nước sẽ xanh tươi, khắp nơi sẽ tràn đầy sự sống chứ không tàn lụi vì thiếu màu xanh.

Chúng ta đã biết thế nào là *đất nước xuân*. Vậy thì tại sao trồng cây lại làm cho *đất nước xuân?* Trước hết là vì cây sẽ làm cho môi trường trong sạch. Ngày ngày chúng ta thở ra khí các-bon-nic, hít khí ô-xi còn cây xanh thì lại hút khí các-bon-nic, nhả khí ô-xi, nhờ vậy mà con người cùng các loại động vật mới có thể tồn tại và phát triển. Cây còn như những cái máy hút bụi khổng lồ, làm việc âm ỉ, thầm lặng. Hàng ngày các nhà máy, các phương tiện giao thông thải ra biết bao là bụi bặm. Cây giúp ta thanh lọc phần nào những phế thải đó, lấy lại sự trong lành cho không khí quanh ta. Vào mùa mưa lũ, bão giông, nếu không có những cây chắn gió, chắn nước lũ, thì biết bao nhiêu nhà cửa ruộng vườn sẽ bị cuốn trôi, đánh sập. Những hàng cây như những bức tường vững chắc chắn gió bão, lụt lội, những thảm họa khôn lường cho loài người.

Chính vì thế, nếu không có cây xanh quanh ta thì chúng ta khó có thể tồn tại một cách yên ổn và khỏe mạnh được. Chúng ta sẽ thiếu ô-xi để thở, không khí bị ô nhiễm sẽ bao trùm chúng ta, sóng bão sẽ nhấn chìm và hủy diệt sự sống. Vì vậy, ngày nay vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên

rất cấp thiết đối với toàn nhân loại. Ba bốn chục năm trước Bác Hồ đã chăm lo đến điều này bằng việc hô hào toàn dân thực hiện Tết trồng cây, Bác quả là người có tầm nhìn rất xa, rất sáng suốt.

Muốn thực hiện được lời Bác Hồ dạy, chúng ta phải biết nỗ lực thực hiện tốt những luật lệ bảo vệ môi trường. Pháp luật phải đưa ra những bộ luật về bảo vệ môi trường và những hình phạt nghiêm khắc với những kẻ cố tình hủy hoại môi trường nhằm kiếm lời cho bản thân. Từ học sinh đến những người lớn tuổi phải biết kết hợp chăm sóc và bảo vệ cây xanh; quy định những nơi trồng cây, tạo thêm nhiều rừng mới ở vùng trung du, vùng núi; tạo thêm nhiều công viên cây xanh ở vùng đô thị. Học sinh thì phải tự tạo ra vườn hoa, chậu cảnh ở nhà và ở trường. Đồng thời, tự giác và nhắc nhở các bạn tôn trọng và tuân theo những quy định về bảo vệ cây xanh. Mỗi người đều phải đóng góp nào việc phủ xanh đất nước, tùy theo sức của mình. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể có được cuộc sống "xanh – sạch – đẹp".

Bác ơi! Lời dạy của Bác đã đi sâu vào tâm trí của chúng cháu. Cùng với tất cả nhân dân Việt Nam, chúng cháu đã cố gắng thường xuyên tổ chức Tết trồng cây vào mùa xuân và chăm sóc cây suốt các ngày trong năm. Việc bảo vệ môi trường được đưa lên các phương tiện truyền thông như báo, đài. Điều đó đã giúp mọi người hiểu được ý nghĩa to lớn của việc trồng cây.

Mùa xuân này cũng như bao mùa xuân trước, khắp nơi trên đất nước ta đã nhớ lời dạy của Bác rầm rộ tổ chức Tết trồng cây. Trên các cao nguyên, núi cao, nhà nước khuyến khích giao đất, giao rừng cho dân, nên ai cũng nỗ lực chăm sóc, bảo vệ cây và trồng thêm cây mới. Ngoại vi các thành phố thì phát triển vườn cây ăn quả. Khắp các đường phố Thủ đô Hà Nội, các hàng cây xanh luôn được chăm sóc không những bởi bàn tay các cô chú công nhân, mà còn bởi bàn tay các người dân nữa. Vì những cây nào ở trước nhà ai thì nhà đó đều thực hiện đúng cam kết với phố phường, không để con em mình vin cây bẻ lá.

Chính phủ ta cũng rất lưu ý đến việc bảo vệ rừng. Chính phủ có nhiều biện pháp để ngăn chặn việc chặt phá cây bừa bãi trong rừng, cố gắng gìn giữ, chăm sóc những rừng nguyên sinh còn tồn tại.

Các trường đều tổ chức rất nhiều hình thức tham gia Tết trồng cây cho học sinh. Nào là đi cổ động cho thành phố luôn xanh – sạch – đẹp, nào là phong trào "Em chăm hàng cây đường phố trường em". Bây giờ không còn hiện tượng trèo cây, đu cây, bẻ cành, ngắt hoa nữa. Mọi học sinh đều có ý thức giữ gìn, vì thế vườn trường luôn xanh tươi, rực rỡ với nhiều loại hoa đẹp, cây xanh sân trường tỏa bóng mát.

Tuy nhiên vẫn còn một số người đi ngược lại với lợi ích chung. Họ chỉ biết cái lợi trước mắt mà không cần biết đến cái hại lâu dài. Tóm lại, câu nói của Bác đã thức tỉnh chúng ta, cho chúng ta thấy được ý nghĩa quan trọng của việc trồng cây, và càng ngày ý nghĩa của nó lại càng tăng cao hơn. Mỗi

trường càng bị hủy hoại, rừng cây bị phá, bị đốt thì vấn đề thực hiện lời Bác Hồ nói hơn ba mươi năm trước đây lại càng cấp thiết. Là học sinh, chúng ta cũng cần có trách nhiệm về việc này.

Vũ Việt Thắng (Hà Nội)

Đề 5: **Các Mác từng nói: *"Trong khoa học, không làm gì có đường cái rộng, và chỉ có người nào không sợ gian nan, cố lần mò trên những con đường gập ghềnh, lởm chởm của nó thì người ấy mới đạt đến được những đỉnh cao chói lọi"*. Hãy giải thích và chứng minh câu nói trên.**

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** Nghị luận hỗn hợp (giải thích và chứng minh một vấn đề).

2. **Nội dung:** Sự nghiệp khoa học là một sự nghiệp hết sức gian khổ, khó khăn. Vì vậy, người làm khoa học cần có lòng kiên trì.

3. **Tư liệu:** Thực tế dũng cảm hoạt động khoa học xưa nay.

DÀN BÀI

1. Mở bài

– Nói đến hoạt động khoa học là nói đến một hoạt động đòi hỏi bản thân mình phải hi sinh, phấn đấu, bỏ nhiều công sức, ngày đêm phải kiên trì miệt mài tìm kiếm mới mong có kết quả.

– Các Mác từng nói: *"Trong khoa học, không làm gì có con đường cái rộng, và chỉ người nào không sợ gian nan, cố lần mò trên những con đường gập ghềnh, lởm chởm của nó thì người ấy mới đạt được những đỉnh cao chói lọi"*.

2. Thân bài

a. *Giải thích:*

– *Con đường gập ghềnh, lởm chởm* (đối lập với *con đường cái rộng*) cho thấy con đường khoa học là một con đường vô vàn khó khăn, gian khổ.

– Vì sao con đường khoa học lại là một con đường vô vàn khó khăn, gian khổ?

– Lao động khoa học là một loại hình lao động trí tuệ đòi hỏi phải có tài năng.

– Lao động khoa học không phải là một lao động đơn giản hoàn thành nhanh chóng và dễ dàng. Do đó đòi hỏi bản thân người lao động khoa học phải hết sức kiên tâm trì chí một lòng với công việc của mình.

– Lĩnh vực khoa học lại mênh mông vô tận, bản thân người lao động khoa học dù cố gắng đến đâu cũng chưa đủ được.

– Lao động khoa học thất bại nhiều hơn thành công, thậm chí đòi hỏi người lao động khoa học phải có dũng khí để đương đầu với những lề thói cũ, nhận thức cũ.

Tóm lại con đường khoa học là con đường vô vàn khó khăn gian khổ cả về vật chất lẫn tinh thần.

Những ai muốn dấn thân vào con đường này phải đủ nghị lực và niềm tin giữ vững cho mình một tinh thần dũng cảm không sợ gian nguy hiểm họa, phải kiên trì vượt khó đúng như lời của Các Mác đã nói: *Chỉ có người nào không sợ gian nan, cố lần mò trên những con đường gập ghềnh, lởm chởm của nó thì người ấy mới đạt đến được những đỉnh cao chói lọi.*

b. *Chứng minh:*

– Việc phát kiến ra châu Mĩ như C.Côlông.

– Việc chứng minh quả đất quay chung quanh mặt trời như Galilê.

– Bao nhà thơ khoa học như L.Paxtơ (Pháp), R.Rốc (Đức), Phạm Ngọc Thạch, Tôn Thất Tùng... (Việt Nam)... Có nhà khoa học đã chết vì thành tựu của mình như Brunô...

(Có thể đan xen vừa giải thích vừa chứng minh).

3. Kết bài

– Lời nói của Các Mác là một chân lí: Sự nghiệp khoa học là một sự nghiệp hết sức gian khổ, khó khăn. Do vậy mà người làm khoa học cần phải có lòng kiên trì dũng cảm không ngại khó ngại khổ mới mong đạt được thành tựu.

– Thế hệ trẻ ngày nay yêu khoa học, mong muốn đạt được những đỉnh cao chói lọi trong lĩnh vực này phải tự trang bị cho mình một tinh thần dũng cảm của một người chiến sĩ sẵn sàng vượt khó, vượt khổ để cố lần mò trên những con đường gập ghềnh lởm chởm của khoa học.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại : (04) 3971 4896; (04) 3972 4770 - Fax : (04) 3971 4899

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc : **PHÙNG QUỐC BẢO**

Tổng biên tập : **PHẠM THỊ TRÂM**

Biên tập : Hà Anh

Trình bày : Diệu Tâm

Bìa : Công ty Sách Hoa Hồng

Đối tác liên kết xuất bản : Công ty Sách Hoa Hồng

NHỮNG BÀI VĂN MẪU 8

Mã số : 2L-194ĐH2009

In 3000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ty In Hoa Mai.

Số xuất bản: 466-2009/CXB/16-68/ĐHQGHN ngày 28/05/2009.

Quyết định xuất bản số : 194 LK-TN/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2009.